NĂM THỨ CHÍN • # 103 • NOVEMBER 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

CHUYỆN NƯỚC NON

NGUYỄN MINH CẦN

HƯƠNG BIỂN

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

HỌC ĐỌC Ở BƯỚC ĐẦU TIÊN

ĐOÀN XUÂN KIÊN

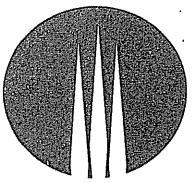

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

Một Thiên Tài Âm Nhạc Việt Nam Đang Lâm Trọng Bệnh (Giải Phẫu Tim)

Nhạc Sĩ HOÀNG THI THƠ

Để vinh danh người nhạc sĩ tài hoa suốt đời làm vẻ vang nền Tân Nhạc Việt Nam trước và sau 1975, Trung Tâm Thúy Nga thật hân hạnh ghi lại những tác phẩm để đời của Hoàng Thi Thơ như một tài liệu quý giá, đóng góp lớn cho kho tàng âm nhạc Việt Nam hiện đại và mai sau.

PARIS BY NIGHT 41

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC NHẠC SĨ HOÀNG THI THƠ

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Hãy Trả cho HOÀNG THI THƠ những gì của HOÀNG THI THƠ

- Ai đã từng đại diện cho Đoàn Văn Nghệ Việt Nam trước 1975 đi trình diễn khắp nơi trên thế giới?
- Ai đã nói lên những lời thơ, ý nhạc cho hằng triệu con tim yêu đương tha thiết muốn diễn tả tình yêu tuyệt đối của mình: **Tạ Tình, Ai Buồn Hơn Ai, Túp Lều Lý Tưởng...?**
- Ai đã đem nếp sinh hoạt làng quê Việt Nam vào những ca khúc tình tự dân tộc: **Gạo Trắng Trăng Thanh, Duyên Quê, Đám Cưới Trên Đường Quê, Đường Xưa Lối Cũ...?**
- Ai đã ca ngợi người chiến sĩ anh hùng Miền Nam Việt Nam qua những ca khúc: **Tôi Đi Tìm Anh, Tôi Viết Tên Anh Trên Lá Trên Hoa...?**
- Ai đã huyền thoại hóa những mối tình nhân gian tuyệt đẹp như **Chuyện Tình Lộng Ngọc, Chuyện Tình Người Trinh Nữ Tên Thi...?**

Tất cả những sáng tác trứ danh của **HOÀNG THI THƠ** được diễn tả một cách huy hoàng và xúc động bởi ***Ái Vân, Như Quỳnh, Ý Lan, Hương Lan, Họa Mi, Thanh Lan, Thanh Hà, Hoàng Lan, Lynda Trang Đài, Sơn Ca, Thiên Kim, Mỹ Huyền, Trúc Lam, Trúc Linh, Thái Châu, Don Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Quang Bình, Tommy Ngô, Hoài Nam. v.v...***

Giá **$28** 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30**

ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.**
Tel: (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail)	CANADA	□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / *1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
	Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / *1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

TÌM ĐỌC

ĐỊCH KINH ĐẠI TOÀN

(Trọn bộ ba cuốn, dày 1500 trang)

Tác giả NGUYỄN VĂN THỌ và HUYỀN LINH YẾN LÊ

* Bộ Kinh Dịch đầy đủ, dễ hiểu nhất từ xưa tới nay.
* Có ích cho mọi lứa tuổi, mọi gia đình, sách gồm hai phần:

1. **Hình Nhi Thượng** (tập I), đối chiếu với đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, giúp ta tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

2. **Hình Nhi Hạ** (tập II và tập III), giải thích và bình giảng các Quẻ, đặc biệt có phần **Áp dụng cho thời đại**, giúp ta giải quyết những khó khăn trong đời sống hàng ngày.

* Một **bộ sách Giáo dục** đầy nhân bản, các tủ sách gia đình không thể thiếu.
* Một **món quà quý** để tặng bạn bè, người thân, đặc biệt các dịp Đám cưới, Sinh nhật...

Giá toàn bộ ba cuốn (kể cả cước phí): Tại Hoa Kỳ 75 Mỹ Kim, các nơi khác 85 MK.

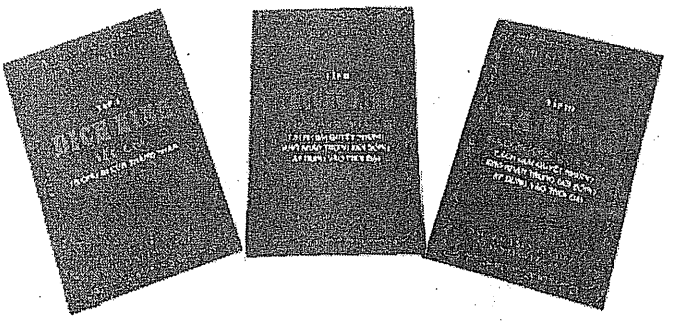

Đặt mua tại:

• Báo *Thế Kỷ 21*
11022 Acacia Parkway, # A,
Garden Grove, CA 92840, USA.
Tel: (714) 638-9510.

• *Nguyễn Quốc Bình*
9702/89 Bolsa Ave.
Wesminster, CA 92683, USA.
Tel: (714) 531-6531

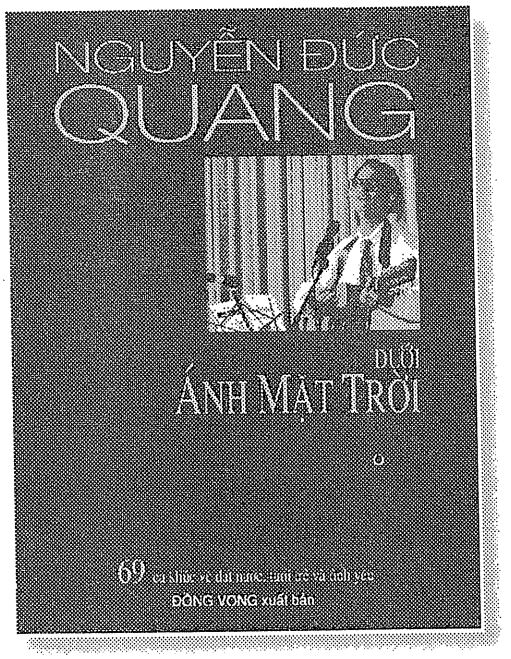

Đã in xong
tuyển tập những ca khúc
của Nguyễn Đức Quang
đầy đủ nhất từ trước tới nay:

DƯỚI ÁNH MẶT TRỜI

"Những ca khúc đã gắn liền với tuổi trẻ Việt Nam thập niên 60, 70."

"Những lời tiên tri về thân phận quê hương, thân phận dân tộc."

Xin hỏi tại các nhà sách địa phương
hoặc gửi check, money order về địa chỉ:

Nhà Xuất Bản **ĐỒNG VỌNG**

8285 Bolsa Ave., Midway City 92655 - Tel: 714-379-2851 - E-mail: VietShop@aol.com

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

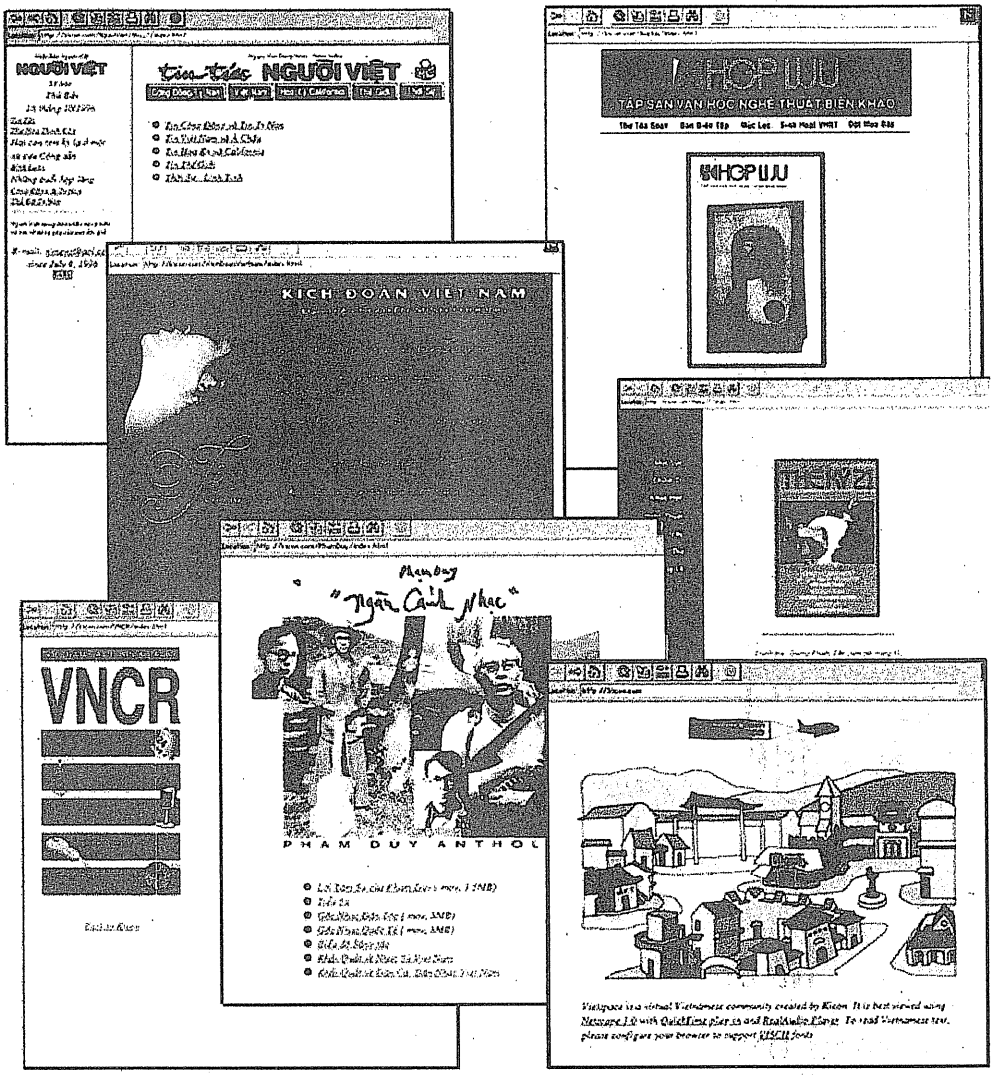

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

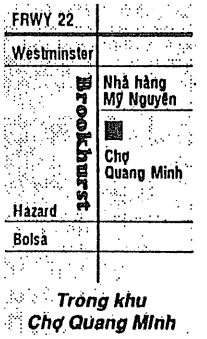

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

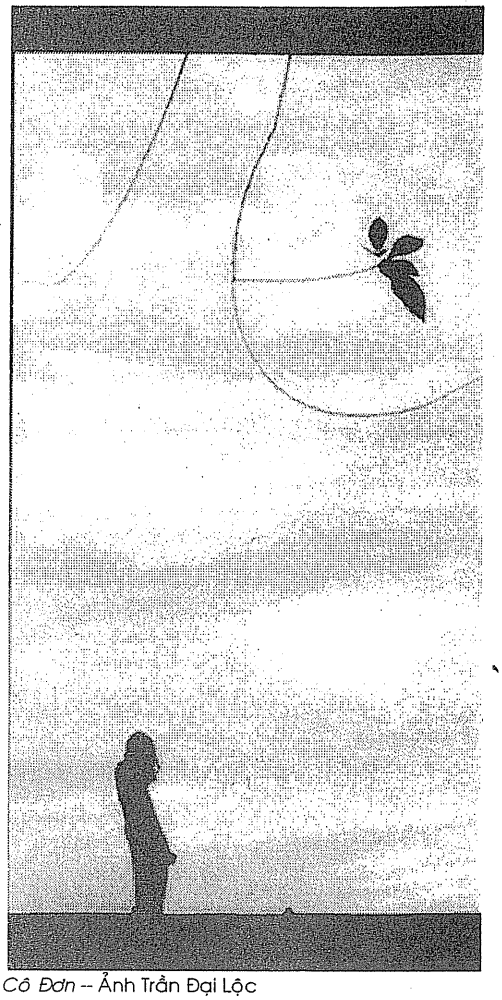

Cô Đơn -- Ảnh Trần Đại Lộc

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) dự trù in và phát hành một cuốn sách mỹ thuật: "TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH."

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh — sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon — anh còn soạn ca khúc, và cắm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu yểm trợ dự án in tập sách "TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH," bằng cách đặt mua trước, với giá 20 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 8 1/2 x 11 ins, giấy mịn, bìa màu, chừng 100 trang. Sách sẽ in xong vào cuối tháng Mười Hai 1997, và ra mắt vào dịp làm lễ bách nhật (100 ngày) của anh Lộc.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc." Nếu phiếu nhận được trước ngày 30 tháng Mười Một, nhà xuất bản sẽ in tên của quý vị trong danh sách ân nhân ở cuối sách.

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi khi sách in xong:..... cuốn với giá US$20.00 một cuốn.
Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....
Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi mua sau khi sách in xong, tôi sẽ phải trả US$25.00 một cuốn. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$7.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....

- Ở Pháp: 120FF -- gửi về Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$28.00 -- gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 34DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$28.00 -- gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: chi/lệnh phiếu USD gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92640.

Tranh bìa: **Cao Bá Minh**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Ba Bui**

MỤC LỤC

Số 103 . Tháng Mười Một 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - THỜI SỰ

13 Chuyện nước non - **Nguyễn Minh Cần**
20 Giải Nobel Kinh Tế 1997 - **Vương Hữu Bột**
31 Đại hội 15 Đảng Cộng Sản Trung Quốc (tiếp theo) - **Quang Võ**

NHÂN VẬT - NGÔN NGỮ

26 Những ngày cuối cùng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm - **Tôn Thất Thiện**
35 Học đọc ở bước đầu tiên - **Đoàn Xuân Kiên**
71 Phùng Cung (tiếp theo) - **Nguyễn Chí Thiện**

Y HỌC - ĐỜI SỐNG

42 Nên chiều ý bệnh nhân hay không? **Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh**
86 Chuyện sống chết - **Chân Huyền**

SINH HOẠT - TIẾNG VỌNG

54 'Đàm trường viễn kiến,' cánh cửa vào siêu xa lộ thông tin - **Lê Tam Ca**
96 Về bài hát "Chi chi chành chành" - **Nguyễn Doãn Vượng**
102 Đêm Họp Mặt Thế Kỷ 21 - **Hà Tường Cát**

VĂN

56 Hương biển - **Nguyễn Thị Thanh Bình**
62 Kibbutz (tiếp theo) - **Nguyễn Đức Tường**
78 Từ Chi Bích - **Phạm Xuân Hy dịch**
82 Nhận chiếc áo tang - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
90 Niềm hy vọng sau cùng - **Lê Minh Văn**
100 Đêm nghe tiếng thở dài - **Nguyễn Trung Dũng**

THƠ

58. Lá rơi - **Sương Mai.** 66. Ở rừng nhớ phố - **Trần Đại Lộc.** 73. Trầm tích - **Trần Thiện Hiệp.** 80. Sân đào lý - **Trần Hồng Châu.** 84. Niềm riêng, Thuyền nhân - **Lê Nguyễn.** 88. Chớm thu - **Thái Thụy Vi.** 93. Thu Cảm - **Cao Tiêu.** 105. Lòng hải lý - **Đỗ Quyên**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Nghe kể chuyện Sài Gòn - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
48 Sổ tay
106 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Công ty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840
Tel **(714) 638-9510**
Fax **(714) 638-1944**
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Miền Đông HK:
Nguyễn Văn Khanh
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2. *Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
3. *Trần Thị Diệu Tâm* 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
49 2371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Binh Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

NGHE KỂ CHUYỆN SÀI GÒN

VƯƠNG HỮU BỘT

Năm ngoái, một người bạn cũ của tôi từ Sài Gòn qua đây lo việc kinh doanh. Anh đi gặp những hãng vẫn bán hàng cho công ty nhập cảng mà anh là giám đốc. Trong lúc chuyện trò thân mật sau bữa ăn tối, có người nói đến tình trạng kinh tế đang hưng vượng ở Sài Gòn người bạn tôi cho biết cũng còn nhiều người sống khó khăn, và anh nói "Tuần trước, ba ngày trước khi tôi đi, có người chết đói ngay ở chợ Bến Thành." Tôi ngạc nhiên: "Tại sao lại chết đói?" Bạn tôi cũng ngạc nhiên về câu hỏi: "Chết đói vì không có gì để ăn!" Lạ thật, tôi không thấy đó là một câu trả lời.

Nếu không phải là lời một người bạn cũ, biết nhau nhiều, vốn có lòng và tánh thành thật, một người đang sống khá giả ở trong nước, có thể nói thuộc giai cấp được ưu đãi, thì chắc tôi không tin. Công ty của anh lại ở ngay gần Chợ Bến Thành. Mười năm trước, có lần anh đã kể cho tôi nghe một dịch vụ mới xuất hiện ở quanh Chợ Bến Thành: nghề cho thuê chậu thau và nước rửa mặt, khăn mặt. Lúc đó có quá nhiều người sống ở ngoài đường, trong đó lắm người vẫn giữ thói quen sáng dậy phải rửa mặt.

Một người chết đói, ở ngoài chợ, một người hoàn toàn vô danh. Anh bạn tôi không tò mò tìm biết tên tuổi người đã chết đói ấy. Thời còn trẻ anh vốn là người rất ham làm việc xã hội, anh không phải là người vô tình. Nhưng bây giờ anh rất bận rộn với chuyện kinh doanh. Vả lại, tôi thông cảm, tìm biết tên tuổi để làm gì? Tại sao bắt anh phải gánh trách nhiệm đó?

Nhưng, giữa người với người, nói chung tất cả mọi người với nhau, chắc chúng ta cảm thấy cùng chia sẻ ít nhiều trách nhiệm về số phận những đồng bào đáng thương đó, phải không?

Tôi nhớ lại câu chuyện người chết đói năm ngoái khi đọc báo *Thanh Niên* trong tháng qua. Tờ báo loan tin một thiếu phụ ở Sài Gòn đã giết hai con rồi tự tử. Chị ta còn đủ bình tĩnh viết lá thư để lại, giải thích vì không có cách nào để kiếm sống nên chọn cái chết. Năm Ất Dậu, hàng triệu người chết đói ở miền Bắc nước ta, năm đó tôi cũng bằng tuổi đứa con lớn của chị lúc cháu và đứa em bị mẹ thắt cổ - Báo *Thanh Niên* viết: thắt cổ. Và năm Ất Dậu ấy, mẹ tôi cũng dắt mấy đứa con mồ côi đi từ làng lên tỉnh, rồi lại về làng, buôn thúng bán bưng kiếm sống từng ngày. Tôi đã nhìn thấy nhiều người nằm bên đường, có người còn sống, có người đã chết. May mắn cho chúng tôi, mẹ tôi chưa có lúc nào quẫn trí như người thiếu phụ ở Sài Gòn. Vả lại lúc đó họ hàng, làng xóm đều nghèo khổ cả, không có ai lái xe Mercedes và ở khách sạn năm sao như ở Sài Gòn bây giờ, người ta cũng đỡ bị quẫn trí hơn. Trong cảnh khổ chung quá lớn mọi người vẫn còn nương tựa vào nhau.

Tôi không nhắc đến tên mẹ con chị ở đây, vì kính trọng hương linh người đàn bà. Chị hơn con gái tôi có vài tuổi mà sao số phận không may như thế! Nếu quí vị có đọc thấy tên chị trên báo, cũng xin thắp hương, niệm danh hiệu Phật A Di Đà, chúa Giê Su, cầu tổ tiên, ông bà, xin vong linh mẹ con chị tìm được an lạc ở một cõi nào ngoài thế gian.

Chắc mỗi người chúng ta không thể gánh trách nhiệm về hạnh phúc và an lạc của tất cả mọi người khác. Nhưng tất cả chúng ta, với tính cách một chủng loại, phải chia sẻ trách nhiệm khi còn những đồng bào khổ đau, cùng quẫn. Một xã hội văn minh phải thu xếp với nhau đừng để cho những cảnh cùng quẫn đó xảy ra mới phải.

Tôi ước mong các bạn trẻ, ở trong nước và ở ngoại quốc, để thời giờ suy nghĩ. Chúng ta không thể sống hạnh phúc khi chung quanh ta còn quá nhiều người đau khổ. Nhất là khi những đau khổ đó có thể tránh được, nhất là khi chúng ta biết loài người có khả năng làm vợi bớt những đau khổ đó. Ít nhất là ở các xứ mà người ta được sống tự do.□

Chỉ một vài thôi ư?

Nếu *"cầu Trường Tiền có sáu vài mười hai nhịp,"* thì tôi xin hỏi chiếc cầu lịch sử của đảng cộng sản Việt Nam có mấy vài? Ai đã trót đi trên chiếc cầu này đều không khỏi choáng váng vì phải rảo bước qua nhiều vài nhiều nhịp lắm! Thế mà trong bài giới thiệu tác phẩm "Cuộc Thách Đố Của Thế Kỷ" (Thế Kỷ 21, số 101, trang 106), người giới thiệu cuốn sách này chỉ thấy có "một vài" thôi! Tác giả xin thành thật cám ơn! Cái *vài* đó là việc biên nhầm năm HCM cải tên đảng Cộng Sản thành đảng Lao Động, viết là năm 1943 thay vì 1945. Song theo biên niên lịch sử thì lại càng khác nữa! Vào năm 1945 HCM giả vờ giải tán đảng Cộng Sản, thay thế vào đó là *Hội Nghiên Cứu Mác Xít*. Rồi đến ngày 11 tháng 2-1946 thì HCM lại thành lập *Tổ Chức Liên Hiệp Quốc Dân* thay thế *Hội Nghiên Cứu Mác Xít*, nhằm đánh lận con đen với các chánh đảng quốc gia thời ấy. Mãi đến ngày 3 tháng 3 năm 1951, sau Đại Hội II, HCM mới công bố danh xưng là *đảng Lao Động Việt Nam*. Danh xưng này tồn tại mãi cho đến đại hội IV, ngày 20 tháng 12 năm 1976 thì danh xưng *Việt Nam Cộng Sản đảng* được chính thức công bố. Như thế, trên chiếc cầu lịch sử đảng CSVN, tính từ năm 1945 đến nay, chỉ danh xưng đảng mà thôi cũng đã chiếm mất bốn *vài* rồi, tức là đã đổi bốn lần danh xưng Đảng, chứ không phải là *"không đổi danh xưng gì cả"* đâu! Còn về quốc hiệu thì danh xưng là "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" ra đời với Hiến Pháp 1946, lại được đổi lại là "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" 20 năm sau, vào ngày 2 tháng 7 năm 1976. Vậy quốc hiệu trong thời gian ấy cũng đã được đổi đến hai lần! Nói tóm lại, danh xưng đảng đổi bốn lần, quốc hiệu đổi hai lần tức là, cũng như cầu Trường Tiền của xứ Huế, có đến 6 vài 12 nhịp, trong 60 năm lịch sử của Đảng! Vì thế có lời than rằng:

Cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp; em qua không kịp tội lắm anh ôi!

Mấy hôm ni mang tiếng, chịu lời, chỉ vì anh không rõ nội tình như nứa thôi!

Vậy *một vài* lầm lẫn trên đây, chẳng qua vì muốn tránh rườm rà trong chi tiết, nếu còn có những *vài* nào khác nữa trong cuốn sách thì xin người điểm sách cứ tự nhiên kê nốt ra cho, chứ đừng nên *"trích một vài"* làm tác giả phải *mang tiếng, chịu lời* với độc giả! Nếu *nội tình chưa rõ* thì xin đừng gieo rắc sự ngờ vực như rứa! Có thì nói mà không có thì thôi, theo lời dân gian khuyên nhủ. Thành thật mà nói: tác giả, cũng như độc giả, ai cũng muốn được học hỏi thêm, nhờ những bài phê bình về cuốn sách, còn hơn là nhờ viết hay đọc cuốn sách đó nữa.

Bửu Sao *(Orlando, FL)*

Sở dĩ có bức thư trên đây là vì người điểm sách "Cuộc Thách Đố Của Thế Kỷ" của tác giả Bửu Sao trên Thế Kỷ 21 số 101 có nêu một vài điểm sai trong cuốn sách đó. Chúng tôi thành thật cám ơn tác giả Bửu Sao đã nói rõ lại cho đúng những điểm sai ấy, vì chúng tôi nghĩ điều ấy rất cần cho độc giả. Chắc mọi người đều đồng ý rằng những điều được in và phổ biến rộng rãi trong các dạng như sách, báo..., nhất là về tài liệu lịch sử, nếu sai thì sẽ rất tai hại, vì người đọc có thể tưởng điều đó là đúng, do đó sự sai lầm cứ như thế nhân thêm mãi. Khi giới thiệu sách cho độc giả của mình, báo Thế Kỷ 21 thấy có trách nhiệm *thông báo cho người đọc về tình hình thật của tác phẩm mà mình giới thiệu, dù khá sơ lược. Dĩ nhiên sự sai sót trong khi giới thiệu sách (cũng như khi thực hiện tờ báo nói chung) nhiều khi không thể tránh khỏi, nhưng tôn chỉ của chúng tôi là luôn luôn cố gắng trung thực,* nhằm đem lại lợi ích cho độc giả của mình là chính. *Cũng chính vì thế chúng tôi rất tri ân quý vị đã nêu lên những chỗ sai lầm của tờ báo, và công bố ngay những sai lầm ấy. Ai mà chẳng có lúc sai, vấn đề là tinh thần trách nhiệm đối với những sai lầm của mình. Chúng tôi rất trân trọng những điều giải thích lại rõ ràng những chỗ có thể gây hiểu lầm như trên đây của tác giả Bửu Sao.*

Chữ "một vài" mà chúng tôi dùng trong bài điểm sách là một chữ có cân nhắc, và chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nó. Vì khuôn khổ rất có hạn của mục Sách Báo Trong Tháng, mỗi cuốn sách chỉ có thể được giới thiệu một cách tổng quát, nêu lên một số nét điển hình, trong mấy chục dòng. Muốn nói kỹ về một cuốn sách

nào, cần phải có một bài riêng. Nhưng chỉ thỉnh thoảng mới có một trường hợp như thế, dành cho các tác phẩm có giá trị đặc biệt, nhất là đang gây sự chú ý của đông đảo dư luận. Còn thì tờ báo, vì lợi ích của độc giả, luôn luôn bị thúc bách bởi các vấn đề, các mục, các thể tài... khác, đòi hỏi thì giờ, sức lực cũng như trang báo dành cho nó.

Lời thâm tạ và "tân thỉnh cầu"

Trong tinh thần "nhất tự vi sư, bán tự vi sư" của truyền thống Á Đông, tôi xin gửi đến nhị vị tác giả Nguyễn Kết và Trần Chung Ngọc lời cảm tạ sâu xa thành khẩn nhất đã *điểm hóa* cho tôi (không phải là nữ phái như hai vị đã mẫn cảm và tinh tế nhận ra) nhiều điều hiểu biết quý báu và đáng ghi nhớ.

Thuyết Luân hồi của nhà Phật đã được kiện chứng.

Đây là đề tài gợi ý mà một lần nữa tôi lại mạo muội xin cầu viện tới tác giả Nguyễn Kết. Cách đây vài tháng tờ 'Views' của Book of the Month Club loan tin về một tác phẩm của một nhà vật lý. Vị này bằng những phương pháp thủ đắc được của khoa Vật Lý *đã chứng minh được thuyết Luân Hồi của nhà Phật là rất đúng.* Nếu có thể, trong tương lai xin tác giả Nguyễn Kết viết cho độc giả Thế Kỷ 21 một bài quanh chủ đề này kèm theo những kiến giải của ông thêm vào kiến giải của tác giả. Ví dụ, ông đánh giá những thành tựu này với một sự khả tín rất sác xuất nào đó; vì theo được biết ông đã sở đắc được tới mức viên mãn hay gần như vậy về các dữ kiện liên hệ, vậy đây là lãnh vực sở trường của ông.

Các phát kiến của tác giả vô cùng quan trọng, nó chứng minh cho các Phật tử, hoặc những người chưa biết để mà *theo*, ngoài nhận định của triết gia Kim Định: Phật giáo rất gần với khoa tâm lý các miền sâu (Psychology in depth) do Karl Jung đề xướng, mà nay lại còn được giới vật lý tán thưởng và hậu thuẫn (câu hỏi tôi nêu lên trước đấy trong thâm tâm tôi có hàm ý này vì dựa trên các chứng liệu kiểm chứng được và nhất là mức độ khả tín cao để thẩm định giá trị của một tông giáo, do uyên tâm học, vũ trụ học, vật lý học... đem lại).

Một lần nữa, xin cám ơn nhị vị tác giả và nguyệt san Thế Kỷ 21, một tạp chí Việt ngữ có diễn đàn lớn lao nhất về tầm ảnh hưởng với các đề tài sâu rộng của các tác giả uy tín. Tôi còn thâm tín rằng diễn đàn này với đông đảo tác giả và khối độc giả nặng ký hậu thuẫn thì sớm muộn gì cũng ảnh hưởng vào "Câu lạc bộ Ba Đình" (sic) trong một số quyết định của họ. Và kết quả là hải ngoại có được một 'Đàm Trường Viễn Kiến' với sự cộng tác của các vị đồng chủ trương: "Thiện chính dưỡng dân" của Khổng Tử ra đời.

Nguyễn-Thị Phi *(San Diego, CA)*

'Quãng Đường Mai' của quá khứ và của tương lai

Tôi ngồi im nhìn bài 'Thương Tiếc Nguyễn Hữu Ba' của Trần Văn Khê (TK 21 # 101), thấy lòng cũng dấy lên một nỗi thương tiếc, không chỉ nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba, mà còn quãng đời thơ ấu và niên thiếu của mình. Tôi chưa được gặp nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba lần nào, nhưng nhạc của ông đã góp phần làm nên tâm hồn tôi từ ngày tôi còn nhỏ.

Thời 1947, 48... theo gia đình tản cư trên một vùng núi, hồi đó tôi mới học lớp tư hay lớp ba gì đó. Mỗi buổi sáng theo mấy anh tôi đi học, đi theo con đường núi để đến trường cách xa hàng mấy cây số, trong làn sương lãng đãng, cả bọn hát to:

Sương trên ngành còn thắm sắc mai
Hoa đua chào chờ đón gió vui
Non nước bình minh
Uống nghìn muôn tia sáng
Chim líu lo cười vang trời
Tung cánh bay chuyền khắp nơi
Ong bướm say màu nắng tươi
Trên đường rộng xa khơi...

Điệu nhạc càng lúc càng lên cao, đến câu *Trên đường rộng xa khơi* thì mở rộng thênh thang như vỡ òa cùng với bầu trời đầy nắng sớm. Bọn tôi hát hả hê, đầy hứng thú, nhưng không ngờ những tình cảm trong sáng buổi ấy sẽ mãi mãi còn lưu giữ trong lòng mỗi người. Sau này lớn lên, ở thành phố, khi nhớ lại quãng đời tản cư thì anh em chúng tôi đều nhắc đến *quãng đường mai* của chúng tôi, tức đường đi học mỗi buổi sáng, như là một hình ảnh trong sáng tươi đẹp nhất đời của mình, khi mỗi người vừa dấn bước vừa gân cổ hát những câu hát đầy hào hứng mà nhạc điệu cứ mỗi lúc một lên cao...

Chính ca khúc của Nguyễn Hữu Ba đã xây đắp nên tình cảm ấy, mà hồi ấy chúng tôi nào biết Nguyễn Hữu Ba là ai! Ngay cả trong tuổi thanh thiếu niên đi đóng trại hát những câu: *Bạn cùng ta, nắm tay múa ca, cho đời tươi sáng...* bên ánh lửa trại bập bùng, phần đông đám chúng tôi cũng chưa biết Nguyễn Hữu Ba là tác giả.

Thì ra Nguyễn Hữu Ba là người đã góp phần tạo nên tâm hồn tươi sáng cho lớp trẻ của một thời. Chúng tôi đều chịu ơn ông, dù mãi đến khi đứng tuổi mới biết ông là tác giả những giây phút hào hứng buổi sáng đường rừng trong tuổi thơ của chúng tôi. Đó là 'Quãng đường mai' của lớp tuổi chúng tôi, nhưng tôi không thể không tự hỏi: Còn 'Quãng đường mai' của lớp con, cháu mình hiện nay là cái gì?...

Trần Hữu Thăng *(Montreal, Canada)*

Kính thưa các bác, các cô chú

Số báo tháng 9/97 có đăng lời khen của một độc giả ở Đan Mạch cho bài Mã Vương Đôi của cháu làm cháu phấn khởi, "nở mũi" rất nhiều. Quả thật cháu cố gắng học viết sao cho sáng sủa, ngắn gọn và lập luận sao cho hợp lý nên lời khen đó đánh đúng chờ đợi của cháu. Tuy nhiên có một ngộ nhận làm cháu cảm thấy ngượng: Người độc giả tưởng cháu là một chuyên gia! Cháu xin cải chính với các bác, các cô chú là cháu chỉ là một người đam mê lịch sử văn hóa, nhất là của Á Đông, và đặc biệt của Việt Nam, và nếu cháu bắt đầu gửi bài cho TK 21 thì đó là vì cháu muốn chia sẻ cùng một số bạn đọc, nếu được, những thú vị về những gì mình đã được đọc mà thôi.

Các bài về kinh tế trên TK 21 cháu thấy có nhiều giá trị, đặc biệt tất cả các bài trên số 9/97. Xin cho cháu gửi lời cổ võ và cám ơn các tác giả.

Có một điều cháu muốn hỏi TK 21: bây giờ cháu có một computer loại Mac Intosh nên cháu đánh bài được nhưng không gửi disket được như thấy nói trên báo (Sofware VNI...) Có người nói với cháu rằng với VNI mới có thể đánh trên Mac rồi gửi disket đi, máy PC cũng đọc được và sửa bài, soạn bài lại cũng được. Xin Tòa soạn cho biết ý kiến.

Nguyễn Đại Bằng *(Paris, Pháp Quốc)*

Bạn cứ gửi đĩa về đi, sẽ dùng được. Nhưng luôn luôn nhớ kèm theo một bản in bài trên giấy, phòng khi bài trong đĩa có bị biến dạng đi trong quá trình convert, tòa soạn còn biết đàng mà sửa chữa.

Thiếu một nét phẩy

Trong TK 21 số 102, tháng Mười 1997, bài "Nói về mùa thu" của Nhất Tâm, có một đoạn giải thích chữ "thu" (chữ Hán) không đúng. Tác giả bảo chữ "thu" 秋 gồm có chữ "mộc" 木 và chữ "hỏa" 火. Tác giả giải thích như sau: "...chữ mộc để chỉ cây trụi lá, xương xẩu đứng chờ đông tới. Chữ hỏa tượng trưng cho đám lá vàng, lá đỏ đã úa màu rơi rụng khắp nơi" (TK 21, 102, trang 62).

Thực ra, chữ "thu" 秋 gồm chữ "hòa" 禾 và chữ "hỏa" 火.

"Hòa" nghĩa là lúa, cây lúa. Hỏa là lửa, ở đây nói về cái nóng, nắng. Nhờ nắng, sức nóng (của mùa hè) mà lúa chín. Người Trung Hoa chỉ mùa lúa chín là mùa thu, vì mùa thu là mùa gặt vụ mùa chính trong năm. Tác giả đã lầm chữ "hòa" với chữ "mộc." Chữ "mộc" 木 chỉ có bốn nét, trong lúc chữ "hòa" 禾 có năm nét (tức là chữ "mộc" cộng thêm một nét phẩy phía trên đầu).

Trần Hữu Thục *(Worcester, MA)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Kính gửi quý văn hữu,

Tết năm Dần sắp tới sẽ vào ngày 28 tháng Giêng 1998. Vậy báo Xuân Thế Kỷ 21 cũng sẽ là số đầu năm 1998 (sớm hơn thường lệ hàng năm một tháng!). Trước mắt chỉ còn không đầy hai tháng để chuẩn bị cho số Xuân! Xin quý vị đóng góp bài vở cho số Xuân ngay từ bây giờ! Chỉ vì lịch bất ngờ đi sớm một chút mà chúng ta phải cùng nhắc nhau: *Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!* Xin cám ơn quý vị trước.

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Đỗ Quyên, Nguyễn Tiến Cảnh, Tô Sơn, Lý Phương Triều, Phạm Xuân Hy, Vương Trùng Dương, Bửu Sao, Babui, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Hiền, Nguyễn Đạt, Nguyễn Văn Cường, Tô Hồng, Trương Văn Thịnh, Lê Nguyễn, Ngô Minh Trí, Nguyễn Hữu Thống, Nguyễn Đại Bằng, Trần Nguơn Phiêu, Võ Hồng, Bùi Duy Thuyết, Nguyễn Gia Tiến, Nhuệ Hồng, Hoài Cẩm Lê Văn Hưng.

Vũ Quốc Liên *(San Diego, CA)*: Chúng tôi được biết hai vị mà ông hỏi trong thư không phải là anh em với nhau. Còn việc đăng "Thư cậy đăng" như ông đề nghị thì chúng tôi thấy không tiện chút nào. Báo chúng tôi thỉnh

thoảng cũng bị độc giả than phiền cùng một nguyên do như của ông, nhưng không dám 'lờ đi' mà trái lại 'sửa sai' ngay. Ông thử liên lạc lần nữa xem sao. Quá tam ba bận, biết đâu đấy...

Đỗ Quyên *(Downsview, Canada)*: Nhận được bài phỏng vấn, nhưng rất ngạc nhiên là người được phỏng vấn ngay cả tên họ cũng không được nêu đầy đủ, chưa nói đến những thông tin khác về người ấy cần được giới thiệu để độc giả biết qua trước khi đọc những gì người ấy trả lời. Chắc bạn có lý do riêng để làm như thế, nhưng về phương diện người làm báo cũng như người đọc báo thì như thế quả thật chưa đủ. Có thể nghĩ một cái gì đó về Xuân chưa, trong tiết trời càng lúc càng lạnh giá trên đó? Chúc vui.

Nguyễn Nam Giao *(Trois-Rivières, Canada)*: Disquette ông gửi từ tháng Tám mà đến giờ này chúng tôi vẫn chưa nhận được thì chắc là bị thất lạc rồi. Nếu ông vẫn có ý định gửi cho chúng tôi một lần nữa thì kèm theo đĩa xin ông cho luôn một bài đã in ra giấy để cho tiện công việc Tòa soạn. Kính.

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*: "Tiếng vọng" của anh vọng đến đây hơi trễ, khi mọi chuyện đã xong xuôi cho số này. Hẹn anh số tới. Cũng đã nhận được Tolerance, một tuyển tập đẹp và trang nhã về hình thức lẫn nội dung. Rất vui là có bài của một tác giả Việt Nam với một nét văn hóa Việt. Rất cám ơn anh.

Nguyễn Đình Tuyến *(Houston, TX)*: Chúng tôi vừa nhận được các sách ông gửi, lại thêm món quà cho Đêm Họp Mặt, rất cám ơn ông. Sách đến "cận ngày" quá, thôi thong thả để cho những số sau. Kính.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Hoàng Thi Thao (W Covina CA), T.N.P (Harrisburg PA), John Mung Le (Orange CA), Bùi Sự (Santa Ana CA), Lê Khắc Thuận (Panorama City CA), Lê Khắc Lý (Fullerton CA), Quỳnh Kiều (Santa Ana CA), Trương Văn Tùng (Cerritos CA) Nguyễn Ngọc Chấn (W Covina CA), Nguyễn Kim Liên (Eagan MN), Trần Thị Hằng (Garden Grove CA), Đỗ Như Lạc (GERMANY), Phạm Quang Vang (Fort Worth TX), Nghiêm Xuân Cường (Issaquah WA), Huỳnh Xuân (Salem OR), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Lê Thị Tường Loan (Houston TX), Thanh Nguyễn (Eagan MN), Nguyễn Văn Hiền (Goleta CA), Nguyễn Huy Xương (New Orleans LA), Nguyễn Sĩ Đẩu (Garland TX), Bùi Thạnh (Gaithersburg MD), Lê Văn Tinh (Oakland CA), Trần Minh Tứ (Seattle WA), Tân Văn Hồng (Santa Ana CA), Nguyễn Gia Khánh (JAPAN), Đỗ Anh Tài (Rancho Cucamonga CA), Annette Church (Sacramento CA), Phạm Minh Triết (Covington KY), Nguyễn Đình Nhạc (Portland OR), Hoàng Tổng (San Diego CA), Ngô Việt Dũng (GERMANY), Hoàng Thanh Tâm (GERMANY), Thùy Nguyễn (N Hollywood CA), Phiên Trần (Austin TX), Nguyễn Đức Lũy (Sparks NV), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Lê Văn Xe (JAPAN), Catherine Trần (Brea CA), Lê Khanh - Mai Khanh (Fountain Valley CA), Phạm Lê Hương (Modesto CA), Khanh Công Nguyễn (Des Moines WA), Nguyễn Tấn Phú (Orlando FL), Huỳnh Xuân (Salem OR), Sony Võ (San Diego CA), Vũ Thụy Hoàng (Springfield VA), Thạch Lê (San Diego CA), Đào Đức Kỳ (San Gabriel CA), Đoàn Xuân Kiên (London U.K), Dương Đoàn (San Jose CA), Trương Văn Thành (Elk Grove CA), Mai Đông Thành (Garden Grove CA), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Vũ Quốc Liên (San Diego CA), Trịnh Hoa (Houston TX), Nguyễn Quang Bình (Rosemead CA), Phạm Thị May (Sacramento CA), Milpitas Comm Lib (Milpitas CA), Lý Phương Triều (Buffalo NY), Lý Lê Trần (Upper Montclair NJ), Tô Thế Liệu (West Covina CA), Trần Lợi (Thousand Oaks CA), Nguyễn Văn Dũng (CANADA), Lan Nguyễn (Santa Clara CA), Nguyễn Trung Dũng (JAPAN), SBS Radio Sysney (AUSTRALIA), Rev Đồng Văn (AUSTRALIA), Lê Quang Vinh (AUSTRALIA), Nguyễn Hoàng Thanh Tâm (AUSTRALIA), Vũ Gia Ân (Stamford CT), Nguyễn Thu Hương Denise (Canoga Park CA), Nguyễn Hoàng Hùng (AUSTRALIA), Ngô Thanh Tùng (Alington VA), San Francisco Pub Lib (San Francisco CA), Lê Dũng Dân (Los Angeles CA), Culver City Lib (Culver City CA), Trần Văn Phú (Santa Ana CA).

CHUYỆN NƯỚC NON

NGUYỄN MINH CẦN

Đầu năm nay, tôi nhận được hai lá thư của hai anh bạn trẻ, một ở Canada và một ở Việt Nam gửi đến. Thư viết cùng vào dịp Tết và cùng nêu lên những vấn đề thật giống nhau. Vì thế, tôi muốn nhân hai lá thư ấy viết một bài trao đổi với các bạn về chuyện nước non.

Anh bạn H.V.T. ở Canada vừa mới về thăm quê nhà sau bao nhiêu năm tị nạn. Anh kể về sự mừng vui khi được gặp lại quê hương, bè bạn, đồng thời chia sẻ với tôi nỗi buồn mà anh gọi là "day dứt dữ dội" lòng anh. Theo lời anh, "... khi ở ngoài, đọc báo chí (nên hiểu: của người Việt ở hải ngoại) cứ tưởng chừng như chế độ của những người cộng sản sắp sập đến nơi rồi. Còn khi đã ở trong nước mới thấy là dân chúng tuy chẳng ưa thích gì chế độ (ý nói: "xã hội chủ nghĩa"), nhưng ai nấy đều im re, ai lo phận nấy, và nói chung, hầu như mọi người không ai muốn nghĩ đến số phận của đất nước nữa, ai cũng đầu tắt mặt tối lo chuyện kiếm tiền, ai cũng lo cho mình và gia đình mình mà thôi. Những người thân trong nhà thì thầm tỉ tê là các ông có thẻ đỏ đều cố tranh thủ chụp giựt dữ lắm, tham nhũng ghê lắm, thế thì mình cũng phải lo kiếm ăn cho mình, chớ đừng nên đụng đến họ làm gì cho thối việc ra. Gặp bạn bè thân ngày trước, tâm sự với nhau, ai cũng đều thấy rõ sự thối nát của bọn cường hào mới và chán ghét chúng lắm, nhưng hầu như ai cũng nói là thôi, bây giờ người ta nới ra cho một chút rồi thì mình cứ tranh thủ làm ăn cái đã..." Anh bạn kết luận rất bi quan: "Thế này thì bao giờ nó (ý nói: chế độ hiện tồn trong nước) mới sụp đổ được? Chẳng biết phải làm thế nào nữa? Lắm lúc chẳng còn muốn nghĩ chuyện nước non cho nó mệt óc... Chẳng hiểu bên Nga người ta làm ăn thế nào mà xô sập được cái chế độ cộng sản Xô Viết?"

Còn anh bạn Q.T. ở trong nước, vốn là một sinh viên lưu học ở Liên Xô, nhiệt tình cả trong học tập cũng như trong việc xã hội, đã từng chứng kiến những sự kiện sôi động ở Nga hồi những năm 1988-1991, đã được tận mắt thấy cuộc biểu tình khổng lồ khoảng một triệu người Moskva đi dưới lá cờ của *Phong trào nước Nga dân chủ* hồi tháng Giêng năm 1991 và đã theo dõi cuộc đấu tranh của dân Moskva hồi tháng Tám năm 1991 chống cuộc đảo chính phản động của bọn lãnh đạo bảo thủ nhất trong Đảng cộng sản Liên Xô. Sau khi tốt nghiệp, anh về nước đi làm cho một hãng tư, lâu lắm anh mới viết thư lần đầu cho tôi. Trong thư có những câu như thế này: "Chú (anh gọi tôi như thế) chắc là khó hình dung được cháu bây giờ như thế nào... Kể ra thì đi làm hãng tư thì cũng có tiền đấy, nhưng mà... cũng có lắm chuyện buồn, chẳng biết nói cùng ai... Khi ở bên đó (ý nói: Moskva), thấy bọn sinh viên Nga... chúng nó hừng hực khí thế đấu tranh... chỉ cần một thằng gọi lên một tiếng là hàng chục thằng ầm ầm kéo đi biểu tình, chính cháu cũng thấy phấn khởi lây... Sao người ta lo chuyện đất nước dữ thế... Còn khi cháu về đây thì... mọi sự im lìm, đúng là yên lặng như tờ, chú ạ. Cũng có vài thằng bạn thân tâm tình với nhau, may lắm thì nghe được câu: 'Thôi, đành chịu tiếng hèn, chứ biết làm sao!' hoặc 'Cậu không thấy à, bây giờ chẳng còn ai nghĩ đến đảng, chẳng còn ai coi đảng là cái đếch gì nữa, cứ để tự nhiên nó tan rã mà thôi, đụng sớm vào làm gì để mang vạ.' Còn số đông thì tránh né nói chuyện nước non, chuyện tương lai chung của dân tộc, của nòi giống. Người ta không muốn nghe... Chú ạ, có lẽ lòng yêu nước thương nòi mắc bệnh 'tê liệt' rồi hay sao đấy?!" Một đoạn khác: "Cháu nghe nói phong thanh mấy ông Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu... nói cái gì đấy ở phiên tòa, nhưng mà có ai được biết gì đâu, hồi trước ở

bên đó còn biết chút ít gì đó, chứ bây giờ ở bên này thì mù tịt. Báo chí thì một chiều và chán ngấy. Nhưng mà cháu nghĩ làm thân cái thằng trí thức mà cứ bị bưng tai bịt mắt mãi thì sống làm sao được, phải không chú? Cháu cảm thấy bí thở lắm... Cho nên gần đây cháu cũng cứ phải nghe các đài (nên hiểu: của nước ngoài)... Nhưng mà nghe thì cũng chỉ để mình biết thôi, chả có ai mà trao với đổi! Cháu cảm thấy trơ trọi quá! Chẳng biết nên làm gì?"

Cố nhiên, đầu năm mà đọc những bức thư như thế thì chẳng mấy vui, nhưng khách quan mà nói thì cũng không có gì đáng buồn cả, vì thực ra cả hai lá thư đều phản ánh một tấm lòng: cả hai người, trong nước cũng như ngoài nước, đều thiết tha nghĩ đến nước, đến dân, đều mong muốn thay đổi cái chế độ hiện tồn trong nước. Thế thì đáng buồn sao được! Chỉ mong sao có được nhiều người như vậy! Vấn đề đặt ra ở đây là phải nhận định thế nào cho đúng thực trạng của cuộc đấu tranh cho cuộc sống mới ở nước ta.

Xin đừng quá lạc quan, sốt ruột

Trước hết, tôi thấy chúng ta nên thống nhất với nhau điều này: cuộc đấu tranh để chuyển từ chế độ cực quyền toàn trị, chế độ độc tài, gọi là chuyên chính vô sản sang chế độ dân chủ thực sự và nhà nước pháp quyền, là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ. Vì sao? Vì giai cấp cầm quyền có trong tay lực lượng quân đội, công an, mật vụ, lực lượng chính trị, kinh tế, lại có nhiều kinh nghiệm đàn áp khủng bố, lừa dối rất độc ác và giảo quyệt, đang cố sống cố chết bám lấy quyền lực. Vả lại, giai cấp cầm quyền hiện nay thừa hưởng cái truyền thống độc ác của phong kiến Á Châu, lại hấp thụ thêm kinh nghiệm của cộng sản Trung Quốc trong việc đàn áp phong trào dân chủ, đặc biệt là trong vụ Thiên An Môn, nên nó có thể bộc lộ cao độ tính chất độc ác vốn có của nó. Hơn nữa, vị thế của nước ta nằm sát cạnh Trung Quốc cộng sản, dù cộng sản Trung Quốc chẳng ưa gì lắm cộng sản Việt Nam, nhưng cũng không muốn cộng sản Việt Nam sụp đổ, làm 'hở sườn' của họ. Vì thế không có một phong trào nhân dân thật mạnh mẽ thì không thể nào làm được việc chuyển biến đó, mà muốn có phong trào nhân dân thì phải nhẫn nại thức tỉnh thậm chí từng người dân, phải làm cho đại đa số dân chúng thấy rõ chế độ cực quyền là vật cản trên con đường tiến tới của đất nước và dân tộc, thấy rõ sự cần thiết phải thay đổi chế độ hiện tồn này đi. Việc làm này đòi hỏi những chiến sĩ dân chủ phải xác định rõ ràng để chuẩn bị tinh thần mà kiên trì đi vào dân chúng, làm việc không mệt mỏi, không chán nản... mới có thể hy vọng lôi cuốn dân chúng vào phong trào dân chủ được.

Có lẽ, nghe như thế nhiều bạn sẽ nói "biết rồi, nói mãi," nhưng mà khốn thay, cái "biết rồi" đó lại là chân lý sơ đẳng mà không phải ai cũng hiểu được, làm được!

Khổ một nỗi, hai anh bạn trẻ của tôi, anh H.V.T. thì về nước từ môi trường hải ngoại, tức là từ nơi vốn có tinh thần "lạc quan tếu," đặc biệt là sau khi chế độ cộng sản sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô, tưởng chừng như chế độ cộng sản ở Việt Nam sụp đến nơi rồi, còn anh Q.T. thì về nước từ Moskva vào những năm cao trào dân chủ ở Nga, ngay trước ngày lật đổ nền thống trị cộng sản tại Liên Xô, nên khi va chạm vào cái thực tế nước nhà không thể không có những cảm nghĩ bi quan, thất vọng.

Sự thật thì vào thời kỳ trước năm 1985, các lực lượng dân chủ ở Nga và nói chung ở Liên Xô, cũng không hơn gì nhiều lắm so với ở nước ta hiện nay đâu, và sức ỳ trong dân chúng, kể cả trong tầng lớp trí thức, sinh viên hồi đó cũng còn rất lớn. Vấn đề then chốt là các chiến sĩ dân chủ ở Nga có tinh thần dấn thân cao, kiên cường và nhẫn nại, biết đi sâu vào dân chúng, trước tiên là vào trí thức, sinh viên, vào công nhân, viên chức... để gây dựng những mầm mống của phe dân chủ đối lập từ thấp lên cao, lại biết dựa vào cuộc perestroika, từ đó mới dần dần đưa phong trào lên ngày càng rộng lớn và mạnh mẽ, đặc biệt là ở các thành phố lớn. Phong trào đó tác động lại vào đảng cộng sản làm nó vỡ ra thành nhiều 'mảnh,' trong đó đáng quý nhất là 'mảnh' cấp tiến dân chủ đứng đầu phong trào với những nhân vật khá xuất sắc. Nhờ thế mới đương đầu nổi với giai cấp cầm quyền cộng sản cáo già và độc ác.

Cũng chẳng có gì phải bi quan cả

Mọi sự phải diễn tiến theo quá trình lịch sử của chúng, được quy định bởi những điều kiện chủ quan và khách quan. Cuộc vận động dân chủ ở Việt Nam cũng thế, nó đang tiến triển theo dòng chảy tự nhiên của nó. Không có gì phải bi quan, sốt ruột cả! Vả lại, nếu khách quan nhìn vào tình hình nước ta trong vài năm gần đây, thì phải thấy rằng thật sự đã có nhiều dấu hiệu rất đáng mừng, những bước tiến mới về chất.

Điều đáng nói nhất là người dân bắt đầu bớt sợ kẻ cầm quyền. Nỗi sợ hãi là kẻ đồng minh khá mạnh của mọi chế độ cực quyền, khi người dân bớt sợ hãi kẻ cầm quyền thì chế độ đó mất dần đi một kẻ đồng minh lớn. Đúng như chiến sĩ dân chủ nổi tiếng, người nữ anh hùng của Myanmar (Miến Điện), Aung San Suu Kyi, được giải thưởng Hòa Bình Nobel năm 1991, đã nói: *"Không phải cái quyền hủy diệt con người mà chính là cái sợ!"* trong bài tham luận nổi tiếng của bà *"Giải thoát khỏi nỗi sợ hãi" (Freedom form Fear!)*, sự kiện người dân nước mình bớt sợ kẻ cầm quyền có ý nghĩa thật lớn.

Trong vài năm gần đây, ta thấy rõ, khi bị đụng chạm đến quyền lợi sống còn của mình, người dân đã sẵn sàng lao vào những cuộc biểu tình chống đối kẻ cầm quyền. Như hồi năm trước, vì không được sử dụng lại các gian hàng cũ sau khi chợ Đồng Xuân bị cháy đã xây lại, 200 chị em buôn bán ở chợ đó đã ùn ùn kéo đi biểu tình phản đối trước trụ sở Đảng cộng sản Việt Nam tại thành phố Hà Nội. Các gia đình bị chiếm đất ở Cầu Giấy đã không ngần ngại kéo đến Ủy ban nhân dân Hà Nội để phản đối. Và điều đáng chú ý là ngày 30 tháng 12 năm 1996, 500 nông dân thôn Thọ Đà, Kim Nỗ, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội đã xung đột với lực lượng công an, quân đội có đến chừng 600 người, họ đã đốt ba chiếc xe trong đó có một xe ủi đất. Họ đặt hàng rào và tổ chức cố thủ để giữ lấy đất đai, ruộng vườn, chống việc nhà nước lấy đất của dân làm bãi đánh golf (sân cù). Đó là những hiện tượng rất có ý nghĩa về lâu về dài, đáng để cho các chiến sĩ dân chủ suy ngẫm nhằm phát huy tinh thần ấy lên.

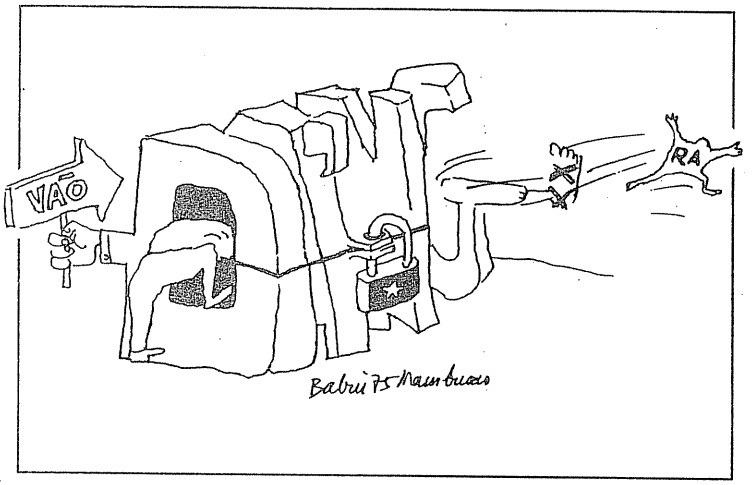

Gương sáng tranh đấu vì dân, vì nước của những nhà cách mạng lão thành, như các cụ Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn, La Văn Lâm, Lê Giản, Nguyễn Khoa Diệu Hồng, Nguyễn Khắc Viện, Trần Độ v.v..., của những nhà trí thức dân chủ như Nguyễn Kiến Giang, Lê Hồng Hà, Hà Sỹ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyên Phong Hồ Hiếu, Lữ Phương, Nguyễn Thanh Giang, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Hoàng Tiến, Hữu Loan, v.v... đang đi tiên phong trong cuộc vận động dân chủ ở Việt Nam, bắt đầu ảnh hưởng đến thái độ của dân chúng. Ngay việc nhiều người dân dám kéo nhau đến bên ngoài các phiên xử các Thầy trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (hồi tháng 8.95) và những người dân chủ đối lập khác (hồi tháng 11.95 và tháng 8.96), việc công khai tỏ thái độ không đồng tình, thậm chí phản đối án quyết của tòa án cộng sản, việc đón tiếp các tù nhân lương tâm, tù nhân chính trị ra tù, như việc đón ông Hà Sỹ Phu vừa qua, là những dấu hiệu tích cực đáng khích lệ, trước đây ít thấy.

Các vụ án chính trị mà giới đảng trị đưa ra xử trong hai năm qua lại một lần nữa tỏ rõ sự thất bại về mặt chính trị của kẻ cầm quyền. Chẳng hạn, phiên tòa hồi tháng 8.1995 xử Hòa Thượng Thích Quảng Độ và các tăng sĩ tham gia việc cứu trợ đồng bào bị bão lụt ở đồng bằng sông Cửu Long tự nó bóc trần bản chất độc tài và phản dân của chế độ hiện tồn, trên thực tế phiên tòa đã thất bại về tinh thần trước phong độ tự tin, đàng hoàng, vô úy của các bị cáo. Hoặc tại phiên tòa hồi tháng 11.1995 xử hai ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu thì khí phách hiên ngang, oai hùng của các bị cáo đã biến phiên tòa thành nơi tố cáo chế độ độc tài, hại dân, hại nước. Sau khi ra tù, ông Hoàng Minh Chính vẫn kiên cường tranh đấu. Hoặc phiên tòa hồi tháng 8.1996 xử ba ông Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang thì lòng tự tin vào chính nghĩa của mình và thái độ đĩnh đạc của các bị cáo lớn tiếng vạch trần sự vu khống của kẻ cầm quyền, cùng với lời biện hộ rất có sức thuyết phục của luật sư đã đặt kẻ cầm quyền độc tài độc đoán vào thế lố bịch, làm trò cười

cho thiên hạ. Ra tù, ông Hà Sĩ Phu vẫn nêu cao tấm gương hào hùng của một sĩ phu chân chính. Giới đảng trị tưởng rằng những vụ bắt bớ, xử án theo 'luật rừng' của họ có thể dung dọa và bịt mồm bịt miệng những người yêu chuộng dân chủ, nhưng trái lại, sau các vụ án đó, tiếng nói đòi dân chủ, đòi tự do vẫn tiếp tục vang lên mạnh mẽ.

Tiếp theo việc in ấn trong nước cuốn sách *Viết cho Mẹ và Quốc hội* của ông Nguyễn Văn Trấn thì việc tờ báo 'chui' *Người Sài Gòn* "tiếng nói của nhân dân thèm tự do ngôn luận," ra ở trong nước mà không cần xin phép từ đầu tháng 5 năm 1996 đến nay đã được trên ba mươi mấy số rồi, trước cơn nổi giận đùng đùng của tập đoàn đảng trị và sự lùng sục, truy bức gắt gao của công an mật vụ, là sự kiện mới mẻ "động trời" chưa từng thấy ở Việt Nam. Hành động vô cùng dũng cảm đó là sự thách đố quyết liệt đối với tập đoàn thống trị cộng sản. Không ai biết tờ báo đó còn có thể tồn tại được bao lâu nữa trong chế độ độc tài cực kỳ khắc nghiệt hiện nay, nhưng chỉ riêng việc nó xuất hiện và tồn tại một năm nay rồi cũng đã là một điều kỳ diệu có sức khích lệ lớn cho cuộc vận động dân chủ trong nước và nêu ra một tấm gương cho nhiều nơi noi theo.

Ngoài ra, một điều rất đáng mừng là việc phối hợp đấu tranh giữa trong và ngoài nước đã chặt chẽ hơn, "nhất hô bá ứng" hơn. Trong mấy năm qua, các chiến sĩ dân chủ trong nước đã bắt đầu cảm nhận mối liên hệ khắng khít hơn với cộng đồng người Việt hải ngoại và sự ủng hộ mạnh mẽ của đồng bào ở hải ngoại. Các tổ chức, các hội đoàn ở hải ngoại cũng đã biết tranh thủ sự đồng tình của các tổ chức quốc tế đấu tranh cho nhân quyền để trợ lực cho cuộc đấu tranh ở trong nước. Nhiều ủy ban ngoại quốc tranh đấu cho tự do dân chủ ở Việt Nam đã được thành lập tại Thụy Sĩ, Bỉ, Pháp, Đức, Canada, Hoa Kỳ... bao gồm những nhà trí thức, dân biểu, nghị sĩ nước ngoài có tiếng. Tại Hội nghị quốc tế kỳ 3 của những người lao động họp tại Paris, ngày 21.10.1996, tình trạng công nhân Việt Nam bị bóc lột, áp bức, lại không có quyền được thành lập các nghiệp đoàn tự do, độc lập để bênh vực quyền lợi cho mình cũng đã được báo cáo trước 400 đại biểu của các nghiệp đoàn, hiệp hội lao động đến từ 70 nước trên thế giới và đã gây được sự chú ý đặc biệt của Hội nghị. Nhờ sự hoạt động tích cực của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, mọi hành động đàn áp các tôn giáo ở Việt Nam, mọi hành động của kẻ cầm quyền trong nước vi phạm nhân quyền và dân quyền đã được kịp thời tố cáo trước dư luận quốc tế, và điều đặc biệt đáng nói là lần đầu tiên sau hơn 30 năm bị tập đoàn đảng trị Việt Nam che giấu trong tấm màn bí mật tuyệt đối "vụ án xét lại - chống Đảng" vừa qua đã bị phơi trần ra tại khóa họp lần thứ 52 của Ủy ban Nhân quyền Liên hiệp Quốc ngày 2 tháng Tư năm 1996, với một bản danh sách 47 nạn nhân. Đó cũng là một điều trước đây chưa từng có. Cũng trong vài năm gần đây lại có thêm một vài chiến sĩ dân chủ Việt Nam nữa đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận công lao bằng những giải thưởng quốc tế.

Tất cả những điều đó thật sự làm nức lòng những ai quan tâm đến sự nghiệp tranh đấu cho nền dân chủ nước nhà, vì chúng đánh dấu bước tiến mới của đất nước trên con đường dân chủ. Cho nên, nếu biết nhìn kỹ vào thực tế tình hình thì không có lý do gì để chúng ta phải bi quan cả.

Nhưng trước mắt khó khăn còn nhiều

Đó là lẽ dĩ nhiên. Mà có lẽ cái khó khăn đáng nói nhất là sức ỳ của con người, là thái độ thờ ơ của bộ phận đáng kể trong dân chúng đối với tương lai của đất nước và dân tộc, là sự giác ngộ về quyền tự do dân chủ trong số đông còn quá thấp. Cái tâm trạng chung là tạm gác việc dân, việc nước lại để lo cho việc mình, việc nhà trước hết, để đầu tắt mặt tối lao vào một 'cuộc kiếm tiền vĩ đại' là trở ngại cho cuộc vận động dân chủ. Cố nhiên, dù có cái thực tế đó đi nữa cũng không thể kết luận rằng "dân ta không có tinh thần yêu nước," như gần đây vài người đã khẳng định bừa trên báo. Theo tôi, hiện tượng này khó tránh khỏi trong giai đoạn đầu của mọi cuộc vận động dân chủ, khi các chiến sĩ tiên phong chỉ mới bắt đầu nhen nhóm phong trào.

Ngoài ra còn nhiều khó khăn khác do sự tổ chức, sự liên lạc, hoạt động... của các lực lượng dân chủ còn non yếu, trong lúc đó thì giai cấp cầm quyền ngày càng tăng cường hơn nữa chế độ cảnh sát độc tài và ra sức đàn áp, khủng bố quyết liệt mọi sự chống đối. Như mọi người đều biết, trong tháng Tư vừa qua, giới cầm quyền lại tung ra cái nghị định 31/CP cực kỳ phản dân chủ, cho phép chính quyền các cấp được quản chế những ai bị coi là "phần tử nguy hại cho an ninh xã hội" mà không cần có sự xét xử của tòa án. Đó là sự vi

m nghiêm trọng chính ngay Hiến Pháp
n hành. Vẫn chưa hết, giới cầm quyền còn
tiếp Nghị định 51/CP siết chặt hơn nữa chế
quản lý hộ khẩu. Tất cả những việc đó chủ
u nhằm đánh vào các lực lượng dân chủ đối
p đang hình thành. Đó là những khó khăn
n. Để đối trị chúng, cần có sự dũng cảm,
ên trì, khéo léo và nhẫn nại của các chiến sĩ
ân chủ mới có thể khắc phục được. Làm gì
ây?

Câu hỏi muôn thuở đó day dứt lòng nhiều người. Người Nga có một câu tục ngữ hay: ai cố tìm thì người đó sẽ tìm thấy. Vậy thì mọi người hãy cố tìm, chắc chắn sẽ thấy được lời giải đáp.

Dân chủ tự do thì không thể xin mà có. Phải tranh đấu mới giành được. Muốn giành được chế độ dân chủ thì phải có phong trào dân chủ, muốn có phong trào dân chủ thì phải biết khéo léo nhen nhóm nó lên. Cũng giống như khi nhen lửa, phải kiên nhẫn, bền bỉ tìm từng que củi một, thận trọng xếp đặt chúng, rồi châm lửa, cẩn thận che chắn gió, nhất là lúc ban đầu, việc nhen nhóm phong trào dân chủ, đòi hỏi các chiến sĩ dân chủ đi sâu vào dân chúng, kiên nhẫn tìm kiếm những hạt giống tốt để dần dần thức tỉnh dân chúng...

Thiết tưởng những điều sơ đẳng đó thì ai cũng biết. Cho nên tốt hơn xin phép dành thì giờ để nói chuyện nước Nga, như yêu cầu của bạn H.V.T nêu ra trong thư.

Con đường của Nga

Cố nhiên, hoàn cảnh của Nga khác nước ta, không thể máy móc áp dụng những điều không hợp với thực tế nước ta. Tuy nhiên, biết thêm kinh nghiệm của nước khác cũng là điều tốt, vì biết đâu đấy, có những điều có thể dùng được cho ta.

'Con đường của Nga' là một vấn đề rất lớn, có thể viết thành cả một cuốn sách được. Ở đây, chỉ xin nói sơ lược vài kinh nghiệm của cuộc vận động dân chủ ở Nga và của *Phong trào nước Nga dân chủ* ở Liên Xô mà tự tôi đã cảm nhận, khi có dịp tham gia phong trào này hồi cuối những năm 80 đầu những năm 90. Xin nói rõ, những điều nêu ra sau đây là những cảm nhận của cá nhân người viết bài này chứ chưa phải là một sự tổng kết của một tổ chức nào đó, nên có thể rất chủ quan, nhưng dẫu sao chăng nữa chúng cũng có thể là những gợi ý để suy ngẫm.

1. Mục tiêu chính trị của cuộc vận động dân chủ là xây dựng chế độ dân chủ. Nhưng đừng nên nghĩ là để thực hiện mục tiêu đó thì mọi việc bắt đầu chỉ bằng chính trị. Không nhất thiết. Rất nhiều khi phải biết bắt đầu từ những vấn đề kinh tế, xã hội, những điều thiết thân nhất trong đời sống của người dân. Vì thế chiến sĩ dân chủ phải biết đi sâu vào dân, sát cuộc sống người dân để nắm bắt được những vấn đề thiết thân của người dân. Một vụ tham nhũng, một vụ hà lạm, một sự áp chế, bóc lột, một cuộc vơ vét, tống tiền của bọn cường hào mới, những khó khăn trong cuộc sống của người dân... tất cả những thứ đó đều có thể là cơ hội để đánh thức, giác ngộ người dân về ý thức dân chủ tự do, thậm chí để khuấy động lên thành phong trào, để thổi bùng lên một cuộc đấu tranh. Trong phong trào dân chủ vừa qua ở Liên Xô đã có nhiều kinh nghiệm về điều này.

2. Các tổ chức thì không thể thiếu được, nhưng lúc đầu, không nên quá chú trọng hay chỉ chú trọng đến những hình thức tổ chức chính trị cao, dù là về sau chúng rất cần. Điều quan trọng trước mắt là biết tạo ra thật nhiều tổ chức rất đa dạng không có tính chất chính trị, những tổ chức được coi là 'thấp,' thậm chí những tổ chức mà không có hình thức rõ rệt thì lại càng tốt để quan tâm những việc về đời sống, về tín ngưỡng, văn hóa, thể thao, vui chơi, về từ thiện, về những điều hình như không quan trọng lắm nhưng lại hợp nhu cầu và sở thích của người dân. Những tổ chức loại này càng nhiều càng tốt, sẽ là trợ lực rất lớn cho các chiến sĩ dân chủ khi cần thiết.

3. Qua những tổ chức 'nhẹ nhàng' như thế, người dân hiểu dần về bộ mặt thật của chế độ cực quyền và cuốn hút những người hăng hái vào các tổ chức 'cao' hơn, đòi hỏi ý thức chính trị và sự hoạt động tích cực hơn. Dần dần hình thành các tổ chức chính trị, nhưng vẫn đừng quên các tổ chức hoàn toàn không có tính chất chính trị tùy tình hình thực tế mà liên kết các tổ chức lại thành phong trào. Các tổ chức lúc đầu không có tính chất chính trị có khi lại đóng vai trò rất lớn trong việc thức tỉnh, giác ngộ đông đảo dân chúng, mà không có sự thức tỉnh, giác ngộ đó thì những người dân chủ không thể nào đương đầu nổi với chế độ cực quyền.

Tôi xin đưa ra một thí dụ để minh họa cho những điều vừa nói. Hồi tháng Hai năm 1956, sau khi Khrutchev vạch trần những tội ác của Stalin trong bản báo cáo mật tại Đại hội Đảng

cộng sản Liên Xô về tệ sùng bái cá nhân Stalin, Đại hội đã có nhiều quyết định quan trọng, trong đó có quyết định dựng một đài tưởng niệm các nạn nhân của các vụ đàn áp chính trị ở Nga và Liên Xô. Nhưng quyết định đó không được thi hành vì sau cuộc đảo chính cung đình của Brejnev hồi tháng 10 năm 1964, Trung ương đảng tìm cách âm thầm khôi phục lại chủ nghĩa Stalin và lờ đi nhiều quyết định của Đại hội 20. Đến thời perestroika dưới triều 'Gorbachev,' các chiến sĩ dân chủ lại đặt vấn đề lập đài tưởng niệm này ra, lúc đầu trên báo chí, sau trong các cuộc họp chính thức, thậm chí đưa ra tại kỳ họp Xô-Viết tối cao nữa, họ đòi hỏi phải thi hành quyết định đã đề ra năm xưa để khôi phục lại công lý, công bằng cho những người đã chết oan. Chẳng thể nào phản đối được điều chí lý này! Nhưng muốn lập đài kỷ niệm thì phải có tiền, muốn có tiền thì phải có tổ chức vận động, quyên góp, thực hiện ý định đó. Thế là một tổ chức ra đời gọi là *Memorial* (tiếng Nga: đài tưởng niệm). Chủ tịch tổ chức *Memorial* là viện sĩ hàn lâm Andrei Sakharov, người chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho dân chủ, được coi là "lương tâm của nước Nga" và được giải thưởng Hòa Bình Nobel năm 1975, ông đã từng bị giam cầm hoàn toàn phi pháp trong nhiều năm. Lúc đầu, tổ chức này chẳng có tính chất gì là chính trị cả, nó phát triển rất mạnh khắp cả nước để quyên tiền làm đài tưởng niệm. Nhưng muốn quyên tiền thì phải giải thích cho dân chúng hiểu ý nghĩa của việc đó. Thế là hàng trăm, hàng ngàn cuộc họp diễn ra, tại đấy người ta công khai diễn thuyết về tội ác của Stalin và nói chung của đảng cộng sản dưới thời Xô-Viết. Tiếp theo là hàng chục cuộc triển lãm rất lớn, gọi là "Triển lãm Tưởng niệm," với những bằng chứng hùng hồn về tù nhân chính trị, về các vụ tàn sát, về các vụ án phi pháp dưới thời Xô-Viết (các hình ảnh, hồ sơ, hiện vật, sơ đồ các trại tập trung trong cả nước Liên Xô v.v...) Vẫn chưa đủ! Người ta tổ chức "Những Ngày Tưởng Niệm," "Những Tuần Tưởng Niệm," trong dịp đó lại diễn thuyết, triển lãm, chiếu những bộ phim trước đây bị cấm, như *Sám hối* của Tenghiz Abuladze, diễn những vở kịch trước đây bị cấm, như vở *Trái tim chó* của Mikhail Bulgakov, vở *Con rồng* của Evgheny Shvarts, trình diễn ca nhạc chống đối như những ca khúc của Vladimir Vysotsky, xuất bản các tác phẩm văn học bị vùi dập của các nhà văn nổi tiếng, như *Dòng sông trôi chảy* của Vassily Grossman, *Trẻ con Arbat* của Anatoly Rybakov, *Quần đảo ngục tù GULAG* của Alexandre Sonjennitsyn v.v... Trong những đêm Tưởng niệm, các gia đình thắp nến để ra ngoài hiên để tưởng nhớ hương linh người bị chết oan... Tóm lại, cả một cuộc vận động có tính chất giáo dục vĩ đại dựa trên việc vạch trần tội ác của Stalin và đảng cộng sản. Khi cuộc vận động lên mạnh thì Trung ương đảng cộng sản Liên Xô, KGB ra sức đánh phá, nhưng không thể phá nổi: tổ chức *"Memorial"* quá lớn, quá rộng lại được lòng dân, không thể trắng trợn đụng đến được nữa. Sau đó, *"Memorial"* trở thành một trong những tổ chức nòng cốt của *Phong trào nước Nga dân chủ*, tức là tổ chức góp phần quyết định nhất đánh đổ chế độ cực quyền cộng sản ở Liên Xô.

4. Luôn luôn chú ý bảo toàn lực lượng, không được khinh suất, đặc biệt là trong bước đầu. Những nhà trí thức nổi bật, lộ liễu, có tiếng tăm, công khai, mạnh dạn lên tiếng, tấn công liên tục chế độ cực quyền, thì đồng thời phong trào quần chúng đông đảo phải luôn luôn ủng hộ họ. Xảy ra bất cứ một vụ bắt bớ, giam cầm nào đều là một dịp kêu gọi dân chúng đấu tranh đông đảo, làm áp lực. Đồng thời không ngừng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông ngoài nước hình thành một cuộc đấu tranh rộng lớn, đôi khi có tính chất thế giới làm cho giai cấp cầm quyền chùn bước. Các đài phát thanh, như BBC, Âu Châu tự do, RFI, Đức, VOA, Vatican, cũng như các tờ báo lớn trên thế giới đã giúp đỡ rất nhiều cho việc phối hợp đấu tranh này nhờ họ đưa tin nhanh nhạy, kịp thời và xác thực.

5. Không ngừng khai thác khả năng "gậy ông đập lưng ông," nắm lấy những điều hứa hẹn có tính chất mị dân, những văn bản luật pháp, như Hiến pháp v.v... những nghị quyết của đảng vì bịp bợm mà đưa ra, để khuếch trương hoạt động, mạnh dạn lấn dần từng bước mà không chờ đợi được "phép," được hợp thức hóa.

Sau đây là vài thí dụ. Khi Gorbachev và đảng cộng sản quyết định tiến hành perestroika (cải tổ), thực tâm thì họ không muốn perestroika triệt để, họ chỉ muốn dựa vào đó để thoát khỏi thế bí mà vẫn duy trì sự thống trị của đảng cộng sản và của họ. Nhưng những người dân chủ khéo dùng sức ép, mạnh dạn lất lướt, "xé rào"... để đạt được những đòi hỏi dân chủ của mình. Chẳng hạn, rất lâu

trước khi Đại hội dân biểu Liên Xô (cơ quan lập pháp, giống như Quốc hội) thông qua luật về báo chí và xuất bản, các cá nhân cũng như hội đoàn dân chủ cứ tự ý cho ra những ấn phẩm của mình, gọi là "Samizdat" (tiếng Nga: tự xuất bản), v.v... Cố nhiên, những người đi đầu là dũng cảm nhất, dù lúc đầu chỉ là những tờ báo hai trang cỡ nhỏ, những tập "Tiếu lâm," những bài riêng lẻ của một vài nhà văn. Từ đó, dần dần đưa lên thành báo cỡ nhỏ nhiều trang, rồi báo cỡ lớn, các loại sách, v.v... Khi mới có vài tờ thì nhà nước còn có thể đối phó được, nhưng khi đã thành "đại trà" rồi thì chịu. Trong lúc đó các dân biểu dân chủ trong các kỳ Đại hội dân biểu Liên Xô đấu tranh càng ngày càng mạnh, cuối cùng cơ quan lập pháp này cũng phải thông qua đạo luật khá tiến bộ về báo chí và xuất bản, trong đó thừa nhận quyền ra báo, quyền xuất bản của tư nhân và nhà nước buộc phải bỏ chế độ kiểm duyệt. Sau đó, có khi các lực lượng dân chủ trong một số ban biên tập các báo của đảng và nhà nước dựa vào đạo luật này để nắm trọn một số tờ báo và biến chúng thành cơ quan ngôn luận độc lập, thật sự dân chủ. Chẳng hạn tờ *Izvestia* (Tin tức) vốn là cơ quan ngôn luận của Xô Viết tối cao Liên Xô (thực tế là của Trung ương đảng) đã trở thành tờ báo độc lập, là trường hợp tiêu biểu nhất. Trong các đài phát thanh và truyền hình cũng thế, lực lượng dân chủ trong các ban biên tập đã hoạt động tích cực để có những chương trình rất hay thu hút hằng chục triệu người theo dõi, như chương trình truyền hình hằng tuần mang tên *Vzglyad* (tiếng Nga: cái nhìn, quan điểm) của một số nhà báo truyền hình trẻ tuổi có tài, rất xông xáo lao vào những vấn đề nóng bỏng nhất, hợp lòng dân nhất để đưa ra sự thật không che đậy cùng với những quan điểm rất mạnh dạn. Chẳng những các đài và báo ở trung ương, mà cả ở các địa phương cũng đã có nhiều sáng kiến thật hay.

Hay một thí dụ khác: cuộc đấu tranh để thực hiện glasnost (công khai) trong việc công khai hóa mọi cuộc thảo luận tại Đại hội dân biểu Liên Xô. Các lãnh tụ cộng sản tuy mồm nói glasnost nhưng thực tâm họ không bao giờ muốn cho công bố toàn bộ cuộc thảo luận tại Đại hội dân biểu cả. Thế nhưng, các báo chí, đài phát thanh, truyền hình đều 'xới' vấn đề lên, gây thành dư luận xã hội lớn ủng hộ cho đề nghị của các dân biểu dân chủ là cần phải truyền hình, truyền thanh tại chỗ và đăng tải toàn bộ biên bản tốc ký các cuộc thảo luận tại Đại hội dân biểu cho toàn thể cử tri trong toàn Liên bang được biết. Cuộc đấu tranh đó cực kỳ gay go, cuối cùng một nghị quyết của Đại hội dân biểu đã được thông qua bằng đa số phiếu cho phép việc truyền hình, truyền thanh tại chỗ, cũng như đăng tải toàn văn biên bản tốc ký của Đại hội dân biểu trên báo. Những buổi truyền hình đó thu hút hằng chục triệu người xem, người ta thấy rõ lập trường của các phe phái ra sao về từng vấn đề, thái độ của các dân biểu trong cuộc tranh luận ra sao, ai tán thành, ai chống, ai bỏ phiếu trắng, ai trốn không bỏ phiếu... Các báo lớn dành nhiều trang để đăng nguyên văn các biên bản tốc ký của Đại hội dân biểu. Tất cả đều rõ ràng, minh bạch. Cử tri đánh điện biểu thị thái độ với dân biểu của mình, hoặc khuyên dân biểu của mình nên giữ lập trường nào về mỗi vấn đề, hoặc hoan nghênh, hoặc phản đối dân biểu sau mỗi lần bỏ phiếu về những vấn đề mà họ quan tâm nhất. Sự kiểm tra của cử tri đối với hoạt động của dân biểu mình tại Đại hội thật rõ rệt. Nhờ sự công khai hóa các Đại hội dân biểu nên đã tạo thêm một sức ép nữa ngoài sức ép của dư luận xã hội, là sức ép của cử tri đối với các dân biểu, cũng như đối với ban lãnh đạo cộng sản. Những sinh hoạt dân chủ như thế quả là một trường dạy chính trị rất lớn cho dân chúng đồng thời tạo điều kiện cho các lực lượng dân chủ giành được những thắng lợi rất căn bản: thông qua được ba đạo luật dân chủ, tiến bộ dưới thời Xô-Viết, là đạo luật về báo chí, về tín ngưỡng và về các tổ chức xã hội.

Về mặt tổ chức cũng vậy, khi đã có phong trào dân chủ thì phải luôn luôn mạnh dạn bước từng lúc, mạnh dạn "xé rào." Chẳng hạn, không đợi Đại hội dân biểu ra đạo luật về các tổ chức xã hội, các chiến sĩ dân chủ cứ lập dần, ở đây tổ chức này, ở kia hội đoàn khác, hết sức đa dạng, đủ loại, nào là giải trí, du lịch, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, từ thiện... cho đến chính trị. Tiếng Nga gọi những tổ chức này là "neformal," (có nghĩa: tổ chức không hợp thức). Khi cao trào thì những "neformal" này lên tới khoảng bốn ngàn trong cả Liên Xô. Đến lúc này thì cả cái bộ máy to lớn của KGB cũng chịu bó tay. Cuối cùng, do sự đấu tranh mạnh mẽ của các dân biểu dân chủ, Đại hội dân biểu Liên Xô đã phải ra đạo luật khá dân chủ về các tổ chức xã hội, như đã nói trên.

(Còn tiếp)

GIẢI NOBEL KINH TẾ 1997

Robert Merton và Myron Scholes
VƯƠNG HỮU BỘT

Định giá các Chứng phiếu trong thị trường

Chứng phiếu là những tờ giấy. Giá trị tờ giấy tùy thuộc nó hứa hẹn những gì, và được bao phần chắc chắn. Các nhà kinh tế gọi là "lợi suất kỳ vọng," và "rủi ro" (expected return & risk) mà trong thị trường ai cũng phải chấp nhận là muốn được cái nọ thì phải hy sinh về cái kia. Việc định giá các chứng phiếu quy lại ở một điểm là với mức rủi ro (ước tính) này thì nhà đầu tư muốn hưởng một lợi suất (kỳ vọng) là bao nhiêu, do đó, sẵn lòng trả giá bao nhiêu cho tờ giấy hứa hẹn đó.

Mỗi doanh nhân đều tính toán giá trị của những chứng phiếu, và hàng ngày họ mua đi bán lại với nhau. Những người khôn hơn hoặc/và may mắn hơn sẽ lợi, ngược lại thì bị thiệt. Công việc của các nhà kinh tế tài chánh (financial economist) là nghiên cứu các giao dịch trên thị trường để coi thật sự đám đông tính toán như thế nào. Đóng vai nghiên cứu khoa học, họ phải quan sát thị trường như một nhà khoa học quan sát các hạt nhân (particle) chuyển động trong một dung dịch, hoặc quan sát cách những lá cây phân bố trên cành. Thí dụ thứ hai do Milton Friedman nêu ra. Nhà khoa học không quả quyết rằng các lá cây biết và tuân theo có một định luật phân bố, nhưng họ vẫn có thể kết luận rằng các lá cây được phân bố "như thể" - as if - chúng tìm cách làm sao cho có nhiều lá nhất được hứng số ánh nắng mặt trời nhiều nhất, tối ưu hóa.

Trong việc nghiên cứu vấn đề Định giá các Chứng phiếu, người ta phải giải quyết hai vấn đề. Thứ nhất là tìm ra một cách nào đó để đo lường "mức rủi ro." Thứ hai là quan sát các giao dịch trong thị trường, giống như quan sát các hạt nhân chuyển động trong một dung dịch, để xem "thị trường" đòi lợi suất kỳ vọng thêm bao nhiêu nếu sẵn lòng chịu một mức rủi ro cao hơn. Và dữ kiện duy nhất có thể quan sát là giá các chứng phiếu. Phương pháp nghiên cứu khoa học đó mới bắt đầu gần nửa thế kỷ nay, mà đóng góp của Merton, Black và Scholes là một thành tựu tuyệt diệu, cả về lý thuyết lẫn tính thực dụng.

Những chứng phiếu ra đời

Từ một thủa nào đó, có người viết trên giấy rằng: "Tôi là Y, đã nhận 10$ của bà X và hứa sẽ trả lại bà X 10$ vào ngày.., với các điều kiện là ..." Đó là hình thức sớm nhất của giấy nợ - tức *trái phiếu.* Khi bạn bè, thân thuộc vay mượn lẫn nhau thì không cần viết tờ giấy đó. Nhưng nếu việc vay nợ chỉ giới hạn trong vòng bạn bè thân thuộc thì, các nhà kinh tế nói, rất khó "huy động vốn," sau cùng sẽ khiến mọi người đều bị thiệt. Người có tiền để dành chỉ có thể đem ra đếm và ngắm nghía, cũng phí đi, còn người có cơ hội làm ăn mà thiếu vốn liếng thì đành chịu. Khi người có dự án làm ăn thiếu vốn thì không tạo được công việc cho những người khác, mà có thể cả xã hội cũng mất cơ hội có thêm một món hàng hay dịch vụ mới rất tốt đẹp.

Trái phiếu có một điều tiện là, nếu cần, người làm chủ trái phiếu đó có thể đem gán nợ dễ dàng. "Đây, bà Y nợ tôi 10$, tôi đang cần tiền gấp, xin bán lại cho anh Z giấy nợ này với giá 9$ thôi, sang năm anh đi đòi bà Y lấy đủ 10$." Tờ giấy tự nhiên có giá trị, bà Y có thể đem bán cho anh Z nào đó cũng được. Nhưng nếu trên tờ giấy viết rằng "... tôi hứa sẽ trả lại bà X số tiền..." thì khi anh Z đến đòi tiền, bà Y có thể cãi bướng, không trả, "Tôi chỉ hứa trả bà X thôi! Mời bà X đến đây nói chuyện!" Thế là có người nghĩ ra rằng tại sao chúng ta không viết một cái giấy nợ không đề rõ tên ai hết, mà chỉ viết "... bà Y hứa trả 10$ với tiền lời... cho người chủ tờ giấy nợ này..."

Hình thức trái phiếu đó rất dễ đem bán lại, vì làm tăng "tính lưu hoạt" (liquidity) của tờ giấy. Khi có nhiều người muốn bán hay mua giấy nợ, loại "trái phiếu không ký danh" như thế, thì chắc họ sẽ tìm nhau, ở quán cà phê đầu đường, ở góc chợ, dần dần tạo nên một thứ gọi là thị trường các chứng phiếu.

Những tờ giấy thuộc loại thứ hai ra đời trễ hơn, là *cổ phiếu*. Những người chung vốn có thể ký hợp đồng ghi đích danh ai góp bao nhiêu phần, cùng lời ăn lỗ chịu. Nhưng ghi đích danh như vậy, muốn sang nhượng phần hùn cũng rắc rối. Vì nhu cầu chuyển nhượng, người ta tự nhiên bày ra cổ phiếu, muốn đem bán cho ai cũng được, tha hồ mua đi bán lại. Và các thị trường cổ phiếu ra đời. Khi các chứng phiếu mới phát hành, các công ty bán qua trung gian cho các người muốn đầu tư, gọi là *thị trường sơ đẳng*. Khi các chứng phiếu đã phát hành rồi, được mua đi bán lại, người ta gọi là *thị trường nhị đẳng*.

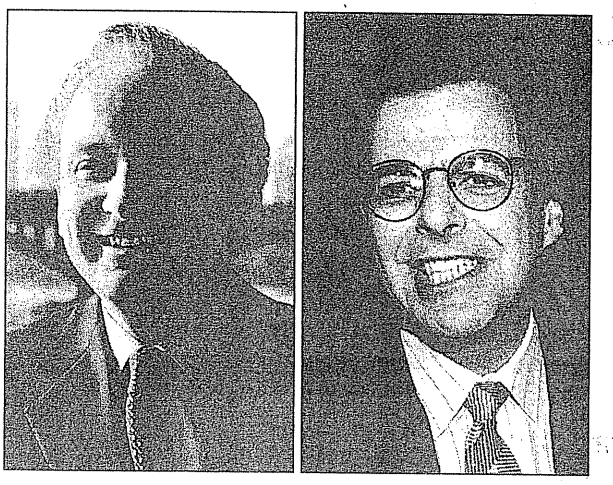

Merton và Scholes

Những thị trường nhị đẳng dần dần được tổ chức với các qui củ rõ ràng minh bạch. Một điều ít người để ý là các Thị trường Chứng khoán thường là những câu lạc bộ tư, không phải cơ quan nhà nước. Họ họp nhau lại lo chuyện mua bán chứng phiếu, ai muốn mua bán thì đến tìm họ, các công ty muốn cổ phiếu của mình được mua đi bán lại ở chợ nào thì đăng ký tại chợ đó. Nhà nước đóng vai trò ấn định luật lệ bảo đảm sự lương thiện và công bằng, và giám sát việc thi hành luật lệ.

Những thị trường để mua đi bán lại có ích lợi gì cho nền kinh tế chăng? Chúng ta trở lại với mục tiêu nêu ở trên, tự hỏi các thị trường gọi là "nhị đẳng" này có giúp "dễ huy động vốn" hơn hay không. Có. Khi biết một chứng phiếu có thể dễ bán lại thì ngay từ lúc mới phát hành (trên thị trường sơ đẳng) người mua quyết định mua dễ dàng hơn, cũng vì "tính lưu hoạt" cao hơn. Nhờ các thị trường nhị đẳng, các công ty dễ gây vốn trên thị trường sơ đẳng hơn, kinh tế cũng phát triển nhanh hơn.

Cổ phiếu khác với trái phiếu, mà điểm khác biệt lớn nhất là mức độ rủi ro. Cho vay cũng có rủi ro, lỡ người đi vay phá sản rồi lăn ra chết là chủ nợ mất tiền. Nhưng thường luật lệ các nước bắt người đi vay phải trả nợ trước khi lấy tiền lời tiêu sài, hoặc chia cho các chủ nhân công ty sài. Nghĩa là chủ nhân các cổ phiếu chịu nhiều rủi ro hơn chủ nhân các trái phiếu.

Từ khi có chuyện mua bán các chứng phiếu, người đầu tư tự hỏi làm cách nào định giá những trái phiếu và các cổ phiếu? Trái phiếu tương đối dễ. Giá trị một tờ giấy trong đó hứa hẹn sẽ trả 100$ mỗi năm, suốt mười năm, rồi vào năm chót sẽ trả 1,000$, đáng giá bao nhiêu? Nếu tôi nghĩ mình có cơ hội gửi ngân hàng 10% một năm, thì tôi sẽ bằng lòng trả 1,000$ cho tờ giấy nợ đó. Nếu tôi biết ngân hàng chỉ trả 8% thôi thì tôi sẽ chịu trả hơn 1000$ mua tờ giấy nợ, còn nếu lãi suất đang là 13% thì tôi chỉ bằng lòng mua nếu giá tờ giấy nợ thấp hơn 1,000$. Trên thị trường người ta tha hồ mặc cả nhau để định giá theo lối đó. Tất nhiên người nào cần tiền mà có cơ hội sử dụng số tiền vay vào các dự án sinh lời cao nhất thì sẽ tìm cách vay được tiền. Thị trường đã vô tình chọn lựa đem tiền bỏ vào các dự án sinh lời nhiều nhất.

Việc định giá cổ phiếu rắc rối hơn chính vì nó rủi ro hơn. Người chủ một cổ phần không biết chắc chắn liệu công ty có lời nhiều hay ít, được bao lâu, có đủ tiền chia cổ tức (dividend) hay không. Nếu một công ty có đầy triển vọng thì nhiều người muốn mua, giá sẽ tăng lên, nếu không thì ngược lại. Làm cách nào định giá những cổ phiếu đang bán trên thị trường, mỗi thứ có mức độ rủi ro khác nhau, đó là một đề tài đã được suy nghĩ từ khi có những thị trường chứng khoán. Nhưng phải chờ đến khi

các thị trường càng ngày càng lớn, và có qui củ, mới có thể đặt vấn đề đó một cách khoa học. Có quy củ nghĩa là các tay trung gian mua bán phải theo đúng luật bảo đảm sự lương thiện và công bằng, những công ty có cổ phần đăng ký bị bắt buộc phải đem thông báo tin tức cần thiết cho giới đầu tư biết, khi đó thị trường mới có cạnh tranh tự do, Một thị trường đủ lớn và cạnh tranh tự do thì sẽ gia tăng "hiệu năng hoạt động" (operational efficiency). Giống như cái máy xe có hiệu năng thì số nhiệt năng của xăng đốt được chuyển thành động năng của chiếc xe, nếu thị trường có hiệu năng cao thì tiền vốn được chuyển sang đầu tư vào các dự án, bớt phí phạm trong các việc trung gian. Gần đây, các nước Anh, Nhật đã cải tổ thị trường chứng khoán là cốt để gia tăng hiệu năng của bộ máy thị trường.

Vào các thập niên 1950 1960, ở Mỹ có những nhà kinh tế đặt vấn đề định giá một cách khoa học.

Giải Nobel năm 1990 đã tưởng thưởng ba nhà kinh tế mở đường cho việc nghiên cứu khoa học việc định giá cổ phần. Năm 1953 Harry Markowitz đã đem toán học giải thích tại sao khi đầu tư vào nhiều chứng phiếu khác nhau thì người ta giảm bớt rủi ro. Ông khai sinh lý thuyết đầu tư "Vốn phân tản" — tạm dịch chữ Porfolio Theory. Markowitz đã khám phá ra ảnh hưởng của số đo gọi là covariance của lợi suất các chứng phiếu đầu tư chung trong một portfolio. Từ 1958, Merton Miller đặt câu hỏi, khi một công ty thay đổi tỷ số nợ trên vốn thì ảnh hưởng trên giá trị cổ phần của công ty ra sao. Căn cứ trên Portfolio Theory, William Sharpe là một trong mấy cha đẻ của công thức nổi tiếng CAPM (Capital Asset Pricing Model - Mô hình định giá tài sản vốn.) Khám phá độc đáo của mô hình này là giá trị các cổ phần thấy trên thị trường không tùy thuộc vào mức rủi ro riêng của các công ty, mà tùy thuộc mối liên hệ giữa mức rủi ro của công ty với tất cả thị trường, khi nền kinh tế lên, xuống — một số số đo covariance khác. Mô hình CAPM sáng chế ra một số đo rủi ro mới, gọi là Beta - Beta risk. Từ khi nó được sinh ra, năm 1964, đến nay đã có cả một kỹ nghệ chuyên ước tính Beta của các công ty để bán cho giới đầu tư. Phải nói ít khi có những chuyện được các nhà kinh tế đem bàn lại trở thành thực dụng như vậy. Nhưng các đóng góp của Markowitz, Miller và Sharpe không giới hạn vào việc đề ra một mô hình, mà ngày nay vẫn còn bị nhiều người chê là thô sơ, chỉ phỏng đoán chứ chưa chính xác. Đóng góp lớn của các nhà tiền phong đó, cùng với von Neuman, Morgenstern và Modigliani, những giải Nobel về kinh tế khác, là họ đặt nền tảng cho việc nghiên thị trường tài chánh, thị trường vốn một cách khoa học, nghĩa là càng ngày càng gần với phương pháp khoa học tự nhiên hơn.

Các Hứa phiếu ra đời

Giải Nobel kinh tế năm nay được trao cho hai nhà tiền phong về định giá các hứa phiếu (options), Robert Merton và Myron Scholes. Ai cũng ngậm ngùi thương tiếc người thứ ba, Fisher Black, mới qua đời năm 1995. Vì đúng ra công trình là của cả ba người. Nhờ họ, người ta có Mô hình Định giá Hứa phiếu (Option Pricing Model OPM) mang tên Black & Scholes như sau:

$$C = S.N(d1) - e(exp\ rt).\ K.N(d2)$$

(Vì nhu liệu tôi dùng không tiện viết công thức toán học, xin giải thích sau.)

Nhưng hứa phiếu là gì? Tất nhiên, cũng là một tờ giấy. Hãy lấy thí dụ một loại hứa phiếu đơn giản nhất: Call Option, Hứa phiếu cho quyền mua một món gì. "Call" là một tờ giấy ghi đại ý rằng "Người chủ hứa phiếu này *có quyền mua* một món gì đó, thí dụ một cổ phần của công ty IBM, với giá định sẵn là K$, thí dụ 110$, trước hay trong ngày T, thí dụ ngày 20 tháng 12 năm 1997. Người viết hứa phiếu là Bà Y có bổn phận làm việc chuyển nhượng này nếu người chủ hứa phiếu muốn thi hành quyền đó." Hứa phiếu là một lời hứa cho người cầm giấy được quyền mua, tức là có quyền không mua cũng không sao, một vật, *với giá định trước không đổi, vào một thời hạn định trước không đổi*. Hứa phiếu khác với các Hợp đồng mua bán có kỳ hạn (forward contract) ở chỗ người chủ hứa phiếu có quyền mua hay không mua, theo tính toán lợi hại. Trong những hợp đồng có kỳ hạn, hai bên phải thanh toán việc mua bán, theo giá đã thỏa thuận, vào ngày giờ thỏa thuận trên hợp đồng.

Thí dụ trong hứa phiếu nói người chủ tờ giấy có quyền mua một cổ phần IBM vào ngày 20 Tháng 12 năm 1997 với giá ấn định là 110$, Nhưng vào ngày đó giá IBM trên thị trường chỉ là 105$ thôi thì tất nhiên không ai muốn thực hiện cái "quyền" đó. Người chủ hứa phiếu có quyền mua hay không mua, còn người viết hứa phiếu thì bắt buộc phải bán,

nếu bên kia muốn mua, không có quyền từ chối. Nhưng trên đời không ai dại, chịu thiệt thòi như vậy. Khi được một lời hứa hôn phải tặng nhẫn, khi nhận được hứa phiếu phải trả tiền là lẽ tự nhiên. Người viết hứa phiếu bán (Call writer) sẽ yêu cầu bên kia phải trả tí tiền bù lại, nghĩa là phải mua cái hứa phiếu. Giá của hứa phiếu, thường gọi là Premium, là giá mua cái ưu quyền trên.

Đã có hứa phiếu cho quyền mua (Call Option) thì cũng có hứa phiếu cho quyền bán (Put Option), trên thị trường hay gọi là Call hay Put. Put là lời cam kết cho người chủ hứa phiếu (Put) cái quyền bán, thí dụ bán một cổ phần IBM, trước hay vào một ngày nhất định, với một giá cố định thỏa thuận trước, mà người viết Put phải thỏa mãn. Người viết (Put writer) tất nhiên cũng chẳng dại gì cho không người ta cái quyền ưu tiên đó, cho nên muốn có Put cũng phải mua. Ngoài hai loại Put và Call còn trăm thứ hỗn hợp linh tinh khác.

Nhưng tại sao người ta bịa ra mấy thứ hứa phiếu để làm gì? Trước hết là vì nhu cầu giảm bớt rủi ro.

Thí dụ một người đang có 1,000 cổ phần IBM và tính rằng cần bán một nửa để lấy tiền làm đám cưới trong ba tháng nữa. Bán ngay thì sợ giá có thể còn lên, chờ đợi thì lại sợ lỡ giá sụt xuống thì sao! Trong trường hợp đó, mua một "Hứa phiếu Bán - Put" trong đó người cầm hứa phiếu có quyền bán 500 cổ phần IBM với giá định sẵn, trước hay trong một ngày định sẵn, và người viết hứa phiếu phải chịu. Mua Put là để giảm bớt rủi ro, vì nếu giá IBM lên, người chủ Put chỉ việc thôi, không thi hành quyền bán nữa. Ngược lại, nếu giá IBM xuống thì có quyền bán với giá đã thỏa thuận trước.

Thí dụ khác: một công ty Việt Nam mua thiết bị của Đức, hẹn trong ba tháng trả bằng Đức Mã (DM). Công ty chịu một thứ rủi ro là trong ba tháng giá DM có thể lên xuống không chừng. Nếu có người chịu "viết hứa phiếu Call" lấy đồng DM làm cơ bản, cho người chủ hứa phiếu quyền mua DM với giá định sẵn, thí dụ 21 ngàn Đồng một Đức Mã, trong ba tháng nữa, thì công ty Việt Nam này có thể mua hứa phiếu Put đó. Vào ngày hẹn, nếu giá DM lên cao trên giá 21 ngàn định sẵn thì người chủ hứa phiếu đem thi hành quyền mua của mình, chỉ phải trả 21 ngàn thôi. Ngược lại nếu giá DM lại xuống, thí dụ còn 20 ngàn, thì bỏ qua, khỏi thi hành quyền đó. Mua một hứa phiếu chính là để tránh bớt rủi ro. Nhưng tìm đâu ra người viết hứa phiếu? Trên thị trường tiền tệ quốc tế, nếu có người mua thì thường có người bán, chỉ còn tùy giá cả thôi. Hoạt động tránh rủi ro đó gói là "ngăn rủi" (hedging).

Vì nhu cầu giảm bớt rủi ro bao giờ cũng có trên thị trường, tự nhiên người ta chế biến ra các thứ hứa phiếu để giao dịch với nhau. Người mua hứa phiếu trả tiền để giảm bớt rủi ro, người viết hứa phiếu thì nhận tiền để tự mang thân ra hứng bớt chút rủi ro. Trân thị trường người ta không phải chỉ mua bán các "hứa hẹn về lợi nhuận" (expected returns) mà cũng mua, bán các rủi ro nữa. Định giá các chứng phiếu chính là định giá coi nếu chịu rủi ro đến mức nào thì đáng đòi bao nhiêu tiền để bù lại. Càng rủi ro thì hứa hẹn lợi nhuận càng phải cao cho xứng.

Trên thị trường chứng khoán ở New York, Chicago, London, người ta đã tự đặt ra các loại hứa phiếu và mua bán với nhau từ lâu, nhưng đến đầu năm 1973 thì mới thành lập một thị trường chính thức cho các hứa phiếu ở Chicago, chuyên về các hứa phiếu Put và Call dựa trên các cổ phần những công ty đã đăng ký. Thị trường hứa phiếu ở các tỉnh khác, ở các nước khác sau đó mọc lên, cũng vì nhu cầu của các nhà đầu tư. Thị trường càng hoạt động, càng đông người tham dự thì "hiệu năng" càng cao, cho nên có những người tham gia các thị trường đó thuần túy chỉ để mua bán sự rủi ro mà những người khác muốn tránh. Những người này đang bị ông thủ tướng Mã Lai lớn tiếng chỉ trích, nhưng chính họ giúp cho các thị trường hoạt động hữu hiệu hơn.

Trong nền kinh tế thị trường, các định chế được đặt ra vì nhu cầu, và sau khi có người mua kẻ bán rồi thì người ta mới giải quyết các vấn đề lý thuyết, với câu hỏi chính là "tại sao người ta mua, bán với giá đó?"

Các hứa phiếu tuy mới được mua bán một cách chính thức, có tổ chức từ 1973, nhưng không phải là chuyện mới lạ. Cố giáo sư Fisher Black, một cha đẻ của OPM có lần nhắc đến một câu chuyện trong Cựu ước. Ông chủ trại chăn nuôi Laban hứa với Jacob là nếu anh ta chịu khó làm lụng cho ông 7 năm thì đến lúc đó ông sẽ gả cô Rachel cho anh ta (Sáng Thế ký, 29-30.) Cái giá mua hứa phiếu này là bảy năm làm việc, thay vì một cổ phiếu của IBM thì đó là Rachel, giá mua chắc là đồ dẫn cưới. (Sau Laban bội ước nhưng Jacob buộc ông ta phải giữ lời.)

Mô hình Định giá Hứa phiếu

Muốn viết một công thức thức định giá chứng phiếu nào cũng vậy, người ta phải xác định các biến số, tức là yếu tố nào ảnh hưởng đến giá trị của chứng phiếu. Trong trường hợp trái phiếu (nợ), hay cổ phiếu (vốn), người ta biết giá trị nó tùy thuộc dòng lợi nhuận tương lai nó mang lại, thời gian của mỗi lần sinh ra lợi nhuận đó, những yếu tố này tương đối dễ ước tính. Và yếu tố sau cùng là người mua chứng phiếu nghĩ rằng suất lời nào là thỏa đáng đối với mức rủi ro cao hay thấp của dòng lợi nhuận đó. Trong thị trường có hàng triệu người tham dự, bá nhân bá tánh, nhưng khi các giao dịch, mua bán diễn ra trên thị trường, mọi người có thể quan sát giá cả những chứng phiếu, nên người ta có thể giả thiết một "suất lời kỳ vọng" đã được đa số các nhà đầu tư đòi hỏi, có tính cách khách quan, không tùy thuộc cá nhân nào. Làm sao ước tính được suất lời kỳ vọng này, đó là công việc các nhà nghiên cứu kinh tế đã theo đuổi.

Cống hiến lớn trong mô hình CAPM của Sharpe, Lintner, và Mossin là đưa ra một số đo mức rủi ro của các chứng phiếu, Beta risk, mà họ tin rằng thị trường dùng số đo rủi ro đó để tính mức lời cần thiết đền bù cho người chịu rủi ro khi mua chứng phiếu. Trong thực tế những người tham dự trong thị trường có thể không tính toán số Bêta này, cũng như các lá cây không biết gì về luật phân bố để tối đa hóa lượng ánh sáng. Mô hình CAPM đã được hàng chục ngàn người khác khai triển thêm, áp dụng, và thử nghiệm theo phương pháp khoa học. Cho đến khi một tác giả là William Sharpe được trao giải Nobel kinh tế năm 1990 thì mô hình CAPM đã hơi lỗi thời, tuy lâu lâu vẫn được đem ra áp dụng.

Việc định giá các hứa phiếu khó khăn hơn. Hứa phiếu mua (Call) chẳng hạn. Ngày Thứ Hai 20 tháng 10 năm 1997, giá một cổ phần của IBM là 97 1/2 Mỹ kim. Bữa đó có 24,800 Hứa phiếu mua (Call) được trao đổi trên thị trường cho phép người chủ quyền mua (và quyền bỏ, không mua) một cổ phần IBM với Giá thỏa thuận (Striking price) là 110 Mỹ kim (K= 110 trong mô hình OPM của Blach & Scholes), vào ngày 20 Tháng 12 năm 1997, tính ra còn 61 ngày nữa (t= 61, trong mô hình OPM). Người ta đã mua, bán hứa phiếu trên với giá 1 1/2 Mỹ kim (C= 1 1/2 trong OPM). Đến ngày 20-12-97 này, nếu giá IBM thấp hơn 110 Mỹ kim thì người chủ hứa phiếu sẽ chẳng thi hành quyền của mình làm gì. Nhưng nếu giá lên trên 110 thì người đó sẽ có lợi nếu thi hành (exercise) quyền của mình.

Câu hỏi là tại sao người ta đi đến cái giá 1 Mỹ kim rưỡi cho hứa phiếu Call đó. Để quí vị suy nghĩ thêm, xin ghi giá mấy Hứa phiếu khác cũng dựa trên cổ phần IBM. Ngày 20 tháng 10 vừa qua, một Call với K= 110, nhưng ngày đáo hạn là Tháng 11 thì chỉ có giá trị là 0.775 (7/8) Mỹ kim mà thôi. Cũng ngày đó, một Call trên IBM đáo hạn cũng vào Tháng 12, mà K= 100 được mua với giá 4 Mỹ kim 75. Rõ ràng là giá trị C thay đổi ngược chiều với Giá thỏa thuận, và với thời gian trước khi đáo hạn. Nhưng còn yếu tố nào khác?

Chắc chắn là giá trị của hứa phiếu Call tùy thuộc vào dự đoán của người ta về triển vọng của giá cổ phần IBM trong hai tháng tới. Cho nên muốn ước tính giá trị C người ta phải căn cứ vào dự đoán về tình trạng lên xuống của giá cổ phần IBM.

Từ lâu, người ta đã nhận thấy giá cổ phần trên thị trường chứng khoán (quan sát giá trên thị trường New York) thay đổi, và lợi suất cũng thay đổi theo một luật phân bố xác suất nào đó. Giả thiết được nhiều người đồng ý nhất là giá cổ phần chuyển động giống như một "random walk," lợi suất có phân bố Gauss theo hình cái chuông, mà hiện tượng này rất thông thường trong thiên nhiên. Mô hình CAPM đã giả thiết luật phân bố Gauss này.

Thiên tài của Black, Scholes, và Merton là sử dụng các mô hình vật lý khi phân tích giá trị của một hứa phiếu Call dựa trên một cổ phần khi giá cổ phần chuyển động theo luật Brown (Brownian Motion,) rồi áp dụng công thức "Chuyển nhiệt" (Heat Transfer) trong vật lý học để tìm ra công thức mà chúng ta có ngày nay.

Năm 1827 nhà sinh học Robert Brown người Tô Cách Lan đã quán sát chuyển động của các hạt nhân rất nhỏ trong các dung dịch và khám phá ra loại chuyển động này, trong khi nghiên cứu về một loài hoa mới. Năm 1900, nhà toán học Pháp Bachelier là người đầu tiên phân tích thị trường chứng khoán Paris (Bourse) như một chuyển động Brown, các phân tích của ông dẫn tới nhiều kết quả trong vật lý và toán học, rồi áp dụng trong các khoa học nhân văn.

Trong ba người tìm ra OPM Black là người có căn bản toán học cao nhất, chắc đã đóng

góp rất nhiều, rất tiếc ông đã qua đời vì bệnh ung thư 2 năm trước khi công trình mà ông góp cômg được vinh danh. Mô hình OPM có điều đẹp nhất là trong đó tất cả các biến số như S (giá cổ phần đang thấy, K (giá thỏa thuận), t (thời gian trước ngày đáo hạn), r (lãi xuất công khố phiếu không rủi ro), đều là những biến số có thể quan sát hàng ngày, hàng giờ. Hai số đo N(d1) và N(d2) là hai xác suất tính theo luật phân bố Gauss, trong đó chỉ có một biến số không thể quan sát được là chỉ số biến đổi (variance) của luật phân bố giá cổ phần.

Black và Scholes đề ra công thức OPM năm 1973, đồng thời Merton cũng viết một bài nghiên cứu đưa tới kết quả tương tự, năm đó năm thị trường Hứa phiếu Chicago bắt đầu hoạt động. Tính đơn giản của OPM do khiến cho công thức đó được các người đang hoạt động trong thị trường đem áp dụng ngay lập tức. Chỉ trong vòng một năm sau, nhiều máy tính bỏ túi đã cho công thức OPM vào, người ta chỉ cần bấm các con số về các dữ kiện quan sát được, và một số ước đoán về variance, là máy tính sẽ tính ra ngay một số ước đoán về giá trị hứa phiếu Call. Từ đó, suy ra các giá trị của Put và của đủ loại hỗn hợp khác.

Ít khi các công trình nghiên cứu kinh tế trường ốc lại đem tới kết quả thực tế sớm như vậy. Mươi năm sau Fisher Black đã bị Wall Street dụ dỗ, bỏ đại học để đi làm ở một công ty đầu tư và trung gian mua bán, với số lương và bổng hàng triệu Mỹ kim một năm. Scholes vẫn ở lại với trường ốc (nay ông dạy Standford ở Bắc California) và Merton cũng vẫn ở lại đại học Harvard. Nhưng sau cùng hai ông cũng hợp tác lập một quỹ đầu tư, lo quản lý giúp tiền của thiên hạ, kể từ ba năm nay. Nghe nói năm ngoái Quỹ của hai ông đã lời một tỷ Mỹ kim. Gần đây, hai ông đã hoàn lại các nhà đầu tư 6 tỷ Mỹ kim vì thấy không có cơ hội nào tốt để bỏ tiền vào. Chắc số tiền một triệu Mỹ kim của giải Nobel không đáng kể với họ, Scholes sẽ đem số tiền thưởng của mình lập một Quỹ nghiên cứu về tài chánh lấy tên Fisher Black.

Ảnh hưởng của Mô hình Black-Scholes-Merton

Mô hình OPM không phải chỉ được áp dụng để tính giá các hứa phiếu. Những loại "đê ri va ti" khác như futures cũng giống những hứa phiếu, có thể áp dụng OPM. Nhưng ngay trong bài viết đầu tiên năm 1973, Black và Scholes đã nêu lên một điểm quan trọng là các loại chứng phiếu khác trong thị trường vốn đều là các hứa phiếu cả. Cổ phần các công ty trách nhiệm hữu hạn là một thứ hứa phiếu bán. Các giao kèo bảo hiểm cũng là những thứ hứa phiếu. Hiện nay nhiều người đang áp dụng công thức OPM vào việc nghiên cứu đủ loại giao dịch trên thị trường tài chánh. Trong khi đó nhiều nhà chính trị học, xã hội học cũng có khuynh hướng nghiên cứu cơ cấu chính trị và xã hội dựa trên cách đặt vấn đề của kinh tế học. Ngay chuyện hôn nhân, như trong Cựu ước kể, cũng có khi được giàn xếp như một hứa phiếu. Trong Sáng thế ký, chủ trại Laban đã thất hứa, khi đến ngày hứa phiếu đáo hạn đánh tráo cô dâu Rachel bằng cô Leah, xấu xí hơn, nhưng Jacob đã tranh đấu bắt Laban phải giữ lời, sau khi trả thêm một "premium" bảy năm lao động nữa. Trong thị trường ngày nay không thể xảy ra chuyện đó. Tín nhiệm là căn bản để thị trường hoạt động. Những luật lệ và thủ tục của các thị trường chính là để bảo vệ tín nhiệm. Chưa thiết lập được các định chế pháp lý, chưa có hệ thống thi hành luật pháp nghiêm minh thì không nên mở các thị trường tài chánh vội.□

BLUESKY TRAVEL, INC.

9061 Bolsa Ave. Suite #201.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
Fax: (714) 891-7491

CHÚNG TÔI LO TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ VỀ DU LỊCH
Giá đặc biệt cho quý vị cao niên

* Tour Honolulu
* Tour Las Vegas

VÉ VÀ BOARDING PASS ĐI VIỆT NAM VÀ CÁC NƠI ĐỀU IN NGAY TẠI VĂN PHÒNG

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM "NGƯỜI YÊU NƯỚC ĐÁNG KÍNH HƠN BẤT CỨ NHÂN VẬT HIỆN ĐẠI NÀO" *

TÔN THẤT THIỆN

I.- Bối cảnh về tác phẩm

Ai đã có nghiên cứu nghiêm chỉnh về Việt Nam tất biết rằng trong hầu hết các thư viện lớn của thế giới sách viết về Việt Nam rất nhiều. Như giáo sư Phạm Văn Lưu, thuộc Đại Học Monash, Melbourne, Úc Châu nhận xét (1) chỉ riêng tại Văn Khố Đông Dương (Indochina Archives) thuộc Đại Học California có hơn 6000 cuốn sách, không kể các tạp chí và nhật báo, viết về Việt Nam đủ loại và bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Nhưng G.S Lưu ghi nhận (trong "Lời nói đầu" của tác phẩm đã dẫn), phần lớn những nguồn tài liệu này "không phản ảnh một cách khách quan và vô tư về thực tại đất nước và nguồn gốc của dân tộc Việt Nam." Theo G.S Lưu, đều đó cũng dễ hiểu: đa số sách này được viết từ hai khuynh hướng khác nhau: khuynh hướng Tây phương và khuynh hướng Cộng Sản.

Về phía Tây phương, đa số tác giả không hiểu tiếng Việt, không có những kiến thức về các vấn đề văn hóa, văn minh và lịch sử của Việt Nam. Họ đã nhìn và phân tích vấn đề Việt Nam qua lăng kính của nền học thuật, triết lý và văn minh Tây phương của họ. Do đó có những vấn đề thực tại Việt Nam được họ trình bày "đôi khi lệch lạc, phiến diện và lắm khi quá xa lạ với chúng ta, khiến tôi (Phạm Văn Lưu) phải ngỡ ngàng và không biết họ muốn gì."

Về phía cộng sản thì vì họ đặt đảng tính và yếu tố chính trị lên trên tất cả các yếu tố khoa học, khách quan và vô tư của sử học, và đa số các tác phẩm lịch sử phải viết theo Duy Vật Sử Quan, coi yếu tố kinh tế và đấu tranh giai cấp như yếu tố quyết định mọi động thái của con người, nên tác phẩm của họ "mất đi tính cách công bình và trung thực cần thiết và từ đó không phản ảnh được thực tại chính trị của đất nước Việt Nam nữa."

Ở đây có ba điều cần nói thêm.

Điều thứ nhất là: trong bối cảnh một đại học Tây phương, G.S. Lưu không thể nói lên một cách công khai được rằng phần đông, và có thể nói đại đa số những tác giả Tây phương — ký giả, học giả, chính khách — một phần thì hiểu rõ, hay không hiểu gì cả, về Việt Nam, nhất là về bối cảnh lịch sử và tâm lý người Việt Nam, một phần thì nặng óc thực dân, thực dân trắng trợn, hay "thực dân ngầm" (theo G.S Hoàng Khắc Thành, sẽ đề cập đến dưới đây), khi viết về Việt Nam thì bị chi phối bởi mặc cảm tự cao đối với dân tộc Việt Nam, hay tìm cách trút trách nhiệm cho người Việt đồng minh của mình trong sự thảm bại của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tiêu biểu cho xu hướng này là cựu Tổng trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert McNamara, trong hồi ký của ông (2), đã trắng trợn, nếu không nói là vô liêm sĩ, trút hết trách nhiệm về sự mất miền Nam cho dân tộc Việt Nam và Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuy rằng, như G.S Hoàng Ngọc Thành chứng minh (trong tác phẩm sẽ được trình bày đến dưới đây), nguyên do của sự thất bại là Hoa Kỳ muốn biến miền Nam Việt Nam thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.

Điều thứ hai là ngoài không biết bao sách

do người Tây phương viết về Việt Nam, trong đó tất nhiên có đề cập nhiều đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm, còn có rất nhiều tác phẩm, nhứt là hồi ký, tự truyện, lịch sử Việt Nam, của người Việt Nam viết. Nhưng, phần nhiều các tác phẩm này không theo tiêu chuẩn nghiêm khắc của sử học hay khoa học; tác giả không tôn trọng gì sự thật, thiếu tự chế, nếu không nói là thiếu lương thiện và tư cách, chỉ nhằm biện hộ cho mình và buộc tội, bôi lọ người khác, có khi dùng ngôn ngữ rất thô lỗ, chẳng giúp được gì cho những độc giả tìm hiểu sự thật về xứ sở của mình trong những giai đoạn cực kỳ rối ren, phức tạp. Những ngày cuối cùng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một trong những giai đoạn này. Nó là đề tài nghiên cứu của G.S sử gia Hoàng Ngọc Thành, với sự cộng tác của phu nhân là G.S Thân Thị Nhân Đức. Sau tác phẩm (đã dẫn) của G.S Phạm Văn Lưu, tác phẩm của họ là tác phẩm đứng đắn thứ hai mà tôi được đọc về vấn đề này.

Điều thứ ba là các GS Thành và Nhân Đức đã đứng về quan điểm quyền lợi dân tộc Việt Nam và công minh mà nghiên cứu và phán xét, và họ đã không nương tay đối với những người vi phạm quyền lợi này. Theo chỗ tôi biết, đây là tác phẩm đầu tiên về Việt Nam có một lập trường rõ ràng và dứt khoát như vậy. Do đó, nó có một tầm quan trọng rất lớn, đặc biệt là về phương diện sử học, và cần được để ý đúng mức.

II.- Mục tiêu của các tác giả

G.S Thân Thị Nhân Đức là cựu giáo sư các trường Đồng Khánh và Khải Định, Huế; Trưng Vương, Đồng Tiến, Saigon; và Defense Language Institute, Hoa Kỳ.

G.S Hoàng Ngọc Thành tốt nghiệp Cao học Giáo Dục Học (Phi Luật Tân) và Tiến sĩ Sử Học (Hoa Kỳ), là giáo sư sử học tại các đại học Vạn Hạnh, Đà Lạt, Tây Ninh, Long Xuyên, Chiến Tranh Chính Trị, Võ Bị Đà Lạt, Cao Đẳng Quốc Phòng, và tác giả nhiều tác phẩm về sử học và văn học.

Các G.S Thành và Nhân Đức vượt biên năm 1981, và hiện định cư tại San Jose, California, Hoa Kỳ.

Trong phần dẫn đầu, giải thích lý do thúc đẩy họ thực hiện cuộc điều tra về những dữ kiện dẫn đến sự lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm và mưu sát Tổng Thống và bào đệ ông là ông Cố vấn Ngô Đình Nhu, G.S Thành và Nhân Đức nhấn mạnh họ chỉ là những giáo chức chuyên về nghiên cứu sử; họ không vào các đảng phái nào trong thời ở quê nhà, và không hoạt động chính trị, nhưng họ bất bình thấy rằng trong vụ ám sát một tổng thống như Tổng Thống Kennedy ở Hoa Kỳ thì có điều tra chính thức, trong khi ở Việt Nam, về vụ ông Diệm và ông Nhu, không có điều tra chính thức hay sự tìm hiểu riêng tư nào để vạch ra những kẻ thủ phạm hay chịu trách nhiệm về "vụ ám sát chính trị này." Hai G.S cho rằng "đây là một điều bất công."

Hai vị giáo sư nhấn mạnh rằng là "vì sống bằng lý tưởng, tình yêu và công tâm trước lịch sử và dân tộc Việt Nam cũng như Hoa Kỳ," (3) mục đích của họ là "tìm ra sự thật lịch sử với thái độ hoàn toàn khách quan và công tâm" về sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam, và sự nghiệp đối ngoại của ông Ngô Đình Diệm trong việc dành lại chủ quyền của dân tộc miền Nam từ thực dân Pháp, rồi bảo vệ chủ quyền trong mối bang giao với chính quyền John F.Kennedy, trong khi phải chiến đấu chống chiến tranh khủng bố và phá hoại của Hà Nội.

Trong công trình trên đây, họ nhằm phân tích và cân nhắc "cả công lẫn tội, ưu điểm và sai lầm, để có một hình ảnh công bằng và trung thực" về Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong việc ông đương đầu chống lại "sự can thiệp có tính cách thực dân" của chính quyền Kennedy ở Việt Nam. Đồng thời, cũng để ghi ơn quân nhân, cán bộ hữu danh và vô danh "đã chiến đấu và hy sinh cho chủ quyền và quyền làm người của dân tộc;" quân dân, cán bộ các cấp tại miền Nam "đã chiến đấu và hy sinh từ 1954 đến nay;" các quân nhân "đã tuẫn tiết" không chấp nhận đầu hàng quân Cộng Sản, năm 1975. (4)

Hai Giáo sư Thành và Nhân Đức đã thành công rất mỹ mãn trong cuộc điều tra của họ. Trong cuộc điều tra này, họ đã sưu khảo rất nhiều tài liệu chính phủ, sách, báo, phỏng vấn rất nhiều nhân chứng, nhất là nhân chứng Việt Nam. Công trình trên đây là một công trình dài hơi. Nó kéo dài trong hơn 30 năm: khởi đầu từ năm 1963, nó tiếp tục trong trại tỵ nạn Pulau Bidong và Sungei Besi, ở Mã Lai Á năm 1981, rồi tiếp tục và kết thúc tại California trong những năm 1990 - 1994. Kết quả là một tác phẩm dày 637 trương.

Tác phẩm gồm 16 chương. Các chương 1-4 nhắc lại những dữ kiện chính từ 1945 đến

1960, lúc Hoa Kỳ "Từ đồng minh đến thực dân." Các chương 5-6 trình bày những bước dẫn Hoa Kỳ đến quyết định lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Các chương 7-15, căn cứ trên những tài liệu, công văn, công điện "mật" và "tối mật" của chính phủ Hoa Kỳ đã được công khai hóa, phui bày một cách rất chi tiết chính quyền Hoa Kỳ đã thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm thế nào. Chương 16 mang tít: "Chúng tôi không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ" (lời của Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói với Đại sứ Mỹ Frederick Nolting). Các tác giả kết thúc tác phẩm với một nhận định "Thay lời kết" đầy ý nghĩa.

Tác phẩm trên đây rất phong phú, và đề cập đến nhiều vấn đề và nhiều cá nhân, nhất là những người Mỹ và Việt can dự đến vụ lật đổ và ám sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu, với những phán xét rất nghiêm khắc và nặng nề về một số nhân vật chính trị và quân sự Việt Nam.

III.- Căn do sự đối đầu giữa T.T Diệm và Hoa Kỳ

Từ cuối năm 1960 Đại sứ Elbridge Durbrow đã điện về Bộ Ngoại Giao Mỹ đề nghị nên xét việc tìm người khác thay thế nếu ông Diệm không nghe theo lời Hoa Kỳ. Theo hai tác giả, cuối năm 1961, Tổng Thống Kennedy có những đòi hỏi biến miền Nam thành thực chất một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ. Hành động của chính quyền Kennedy cho thấy người Mỹ muốn cai trị miền Nam trực tiếp hay gián tiếp. Nhưng, các GS Thành và Nhân Đức viết:

"Tổng Thống Diệm đã bác bỏ ngay... Nếu Tổng Thống Ngô Đình Diệm mềm dẻo... nghĩa là để cho người Mỹ làm theo ý muốn họ, biến miền Nam thành một tiền đồn chống cộng sản tại Đông Nam Á để phục vụ cho quyền lợi của Hoa Kỳ là chính, và Việt Nam được xem như là một chư hầu hay xứ bảo hộ của Hoa Kỳ, người Mỹ sẽ để ông yên ở chức vụ của ông. Nếu không, họ sẽ lật đổ ông và thay thế bằng những kẻ sẵn lòng làm tay sai... Nhưng Tổng Thống Diệm là người có tinh thần độc lập và quốc gia quyết liệt... ông không thể chấp nhận bất cứ hình thức thực dân nào." (5)

Chính sách Kennedy là "một chính sách thực dân ngầm." (6) Kennedy đã lợi dụng vụ Phật Giáo để lật đổ ông Diệm. "Vấn đề chủ yếu trong mối bang giao Việt Mỹ không phải là vấn đề Phật Giáo." Tổng Thống Kennedy, đám trong Bộ Ngoại Giao Mỹ muốn lật đổ Tổng Thống Diệm và một số ký giả ghét ông Diệm, đã "la làng đàn áp Phật Giáo để che đậy trò cướp chính quyền." (7)

Người Mỹ đã không trực tiếp giết hai ông "nhưng họ đã tạo hoàn cảnh môi trường để vụ ám sát xảy ra, nhất là với những kẻ chủ mưu muốn giết hai ông để trừ hậu hoạn." (8)

Về phía Việt Nam,

"Các tài liệu của Ngũ Giác Đài, các công điện của Bộ Ngoại Giao Mỹ, của Bạch Cung, các biên bản họp của chính quyền Kennedy, của Hội Đồng An Ninh trong năm 1960-1963 cho thấy đầy đủ các tướng tá làm đảo chánh năm 1963 chỉ là những công cụ của Hoa Kỳ. Người Mỹ xử dụng được họ, vì theo Đại sứ Lodge viết, họ có "lust for office" xin tạm hiểu là "tham vọng về chức vụ" dù không có khả năng chính trị hay quân sự, và lâu nay chỉ quen cộng tác với ngoại bang. Tổng thống Kennedy chủ trương dùng họ để lật đổ một đồng minh bướng bỉnh là Tổng Thống Diệm để thành lập một chế độ độc tài quân sự làm theo ý muốn của Hoa Kỳ. Còn nếu bảo lợi dụng lẫn nhau, (thì) Hoa Kỳ lợi dụng các tướng chứ các tướng đâu có đủ sức lợi dụng Hoa Kỳ." (9)

IV.- Tiếc rằng không còn có ông Diệm khác

Người thế ông Diệm, tướng Dương Văn Minh, chỉ ngồi được hai tháng, chưa nhúc nhích gì đã bị tướng Nguyễn Khánh lật đổ. Dưới thời ông Khánh, 1964, "Việt Nam trở thành xứ bảo hộ của Hoa Kỳ... Tướng Nguyễn Khánh nhanh nhẩu làm những gì mà người Mỹ muốn và đã nói ra... thủ tướng Nguyễn Khánh đã dâng chủ quyền của dân tộc Việt Nam cho Hoa Kỳ. Sự mất chủ quyền này bắt đầu sau vụ đảo chánh 1-11-1963 nay hoàn tất với tướng Khánh." (10) Đến thời tướng Nguyễn Văn Thiệu, 1967, thì "chế độ hình thức là Đệ Nhị Cộng Hòa, nhưng thực chất là một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ" và "nhất nhất Thiệu đều làm theo ý muốn của Hoa Kỳ, nếu có khác chỉ lối câu giờ mà thôi. Nói cách khác, Thiệu là người thừa hành đắc lực nhất của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam." (11)

Hai tác giả Thành và Nhân Đức cũng phê phán không tốt đẹp các tướng tá khác liên hệ đến cuộc đảo chánh 1-11-1963. Theo hai vị này, Tổng Thống Ngô Đình Diệm có tự ái và tinh thần tự trọng cùng tư cách chính trị, những đức tính "mà những kẻ cầm quyền sau ông không bao giờ có được." (12) Có một "ranh giới giữa người yêu nước và tên tay sai,"

và ranh giới đó là "người yêu nước bảo vệ chủ quyền của dân tộc với cả kẻ thù và đồng minh, dù phải hy sinh tính mạng, còn kẻ làm tay sai chỉ cưỡng đến mức độ nào rồi nhượng bộ vì phú quý của cá nhân và gia đình." (13) Đó là ranh giới giữa ông Diệm và những người kế tiếp ông. "Dù có nhược điểm và sai lầm, một chính quyền Ngô Đình Diệm phục vụ quyền lợi của dân tộc Việt Nam cũng khá hơn nhiều, so với các chính quyền tay sai kế tiếp." (14)

Nhưng sự so sánh, muốn đầy đủ, phải gồm có khả năng trị quốc nữa. Sự vắng mặt của ông Diệm sau tháng 11/1963 đã làm nổi bật điểm này. Dưới sự lãnh đạo của ông, quân đội Việt Nam, với những phương tiện và quân số hạn chế, đã chống Cộng một cách khí phách và hữu hiệu hơn là quân đội đông đảo và trang bị đầy đủ dưới sự chỉ huy của Hoa Kỳ.

Thật vậy, sau đảo chánh 1/11/1963, dưới quyền chỉ huy thực sự và có thể nói là trực tiếp của Hoa Kỳ, kết quả, mà ai có chút kiến thức và trí tuệ cũng đoán được, là

"Chỉ vài tháng sau vụ đảo chánh, sự sai lầm lớn lao của chính quyền Mỹ hiện ra rõ ràng. Người Mỹ đã không biết rõ khả năng của họ, về đồng minh và kẻ thù. Họ tưởng lật đổ chế độ Diệm và nhập cảng các lãnh đạo của Hoa Kỳ là đúng, nhưng kết quả chỉ gây ra tình trạng vô chính phủ, hỗn loạn và cộng sản bành trướng." Sau chuyến thị sát Việt Nam tháng 12/1963, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert MacNamara phúc trình với Tổng Thống Johnson rằng "cộng sản đã làm được một sự tiến bộ lớn lao sau đảo chánh..." (15)

Với sự lật đổ và ám sát hai ông Diệm và Nhu "một trang sử đã lật qua một cách không may mắn cho miền Nam nói riêng và cho cả toàn quốc và dân tộc nói chung... rất tiếc không còn một Ngô Đình Diệm," nếu còn thì số kiếp dân tộc Việt Nam có thể khác, nhưng "cũng không đến nỗi tệ hại như thế trong giai đoạn ấy." (16)

V.- Đứng núi này trông núi nọ

Trong phần kết luận Giáo Sư Thành và Đức đã diễn tả những tư tưởng và những cảm xúc riêng của họ. Những tư tưởng và cảm xúc này nói lên sự tôn kính và mến phục của họ đối với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Những điều hai vị giáo sư viết dưới đây chắc làm cho một số người ngạc nhiên. Họ viết:

"Người ta thường đứng núi này trông núi nọ, được voi đòi tiên. Trong đời sống chính trị của một nước cũng vậy thôi. Khi sống dưới chế độ của Tổng Thống Diệm, một số người bất mãn và chỉ trích những nhược điểm và sai lầm của chính quyền; điều này cũng đúng thôi. Họ mong muốn một chính quyền hữu hiệu và tốt đẹp hơn. Nhưng sau khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ và bị ám sát đầu tháng 11-1963, xứ sở mất chủ quyền, các chính quyền kế tiếp bất lực, người ta mới thấy không có lãnh tụ hay chế độ nào hoàn hảo cả, Tổng Thống Diệm và chính quyền của ông cũng thế thôi, với các sai lầm và nhược điểm. Nhưng khá nhất so với các chính quyền khác tại miền Nam hay chế độ cộng sản tại miền Bắc trước 1975 và ngay cả chế độ cộng sản ngày nay, năm 1994, nữa. Ngay cả những người Mỹ trước kia đã chỉ trích và chủ trương lật đổ Tổng Thống Diệm cũng thay đổi nhận định về Tổng Thống Diệm và chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa.

Trước cảnh tượng các tướng cầm quyền chỉ làm tay sai cho ngoại bang, hết Pháp rồi đến Hoa Kỳ, với mặt trái của cộng sản Hà Nội và con người cá nhân ông Hồ Chí Minh được phơi bày, hình ảnh Tổng Thống Diệm là con người yêu nước, chống cả cộng sản và thực dân, dù Pháp hay Hoa Kỳ, hy sinh tất cả để bảo vệ chủ quyền, với nếp sống đạo đức cá nhân, đã trở nên đáng kính hơn bất cứ nhân vật hiện đại nào từ 1945 đến nay. Thời gian phán xét công bằng. Tổng Thống Ngô Đình Diệm có nhiều công hơn tội đối với dân tộc Việt Nam. Chỉ bảy năm sau khi ông bị ám sát, ngày 2-11-1970 Tổng Thống Diệm được chính thức truy điệu long trọng tại Sài Gòn và nhiều nơi khác trong nước. Dân tộc Việt Nam tưởng nhớ và ghi tạc sự đóng góp của ông trong sự nghiệp đấu tranh cho quyền tự chủ của dân tộc chống cả cộng sản và thực dân trong mọi hình thức, công khai hay âm thầm, cũng như chính trị hay kinh tế. Trong sự nghiệp chín năm phục vụ dân tộc Việt Nam của ông, nhiều thành tích về nội trị cũng đáng được tìm hiểu và trình bày, như vụ định cư năm 1954-55, hệ thống hành chánh, chính sách kinh tế, dinh điền v.v..." (17)

Thay vì ngạc nhiên, những phán xét trên đây đáng làm cho mọi người suy nghĩ, vì hai G.S Thành và Minh Đức là người hoàn toàn không làm chính trị, và không có liên hệ gì với ông Ngô Đình Diệm và gia quyến. Họ chỉ phát biểu quan điểm của những sử gia đứng đắn và có công tâm, sau khi đã nghiên cứu vấn đề một cách tường tận.

Hai Giáo Sư nói rằng họ đã ở lứa tuổi 65-70, không mong muốn gì hơn là hoàn thành

được ấn bản bằng Anh ngữ và Pháp ngữ. Nhưng đây cũng là lời mời gián tiếp những người Việt trẻ, nhứt là những sinh viên sử học và chính trị học, bắt tay vào công việc quan trọng soi sáng một giai đoạn lịch sử rối ren của xứ sở, lập lại sự thật, thay vì để cho người ngoại quốc tha hồ thao túng, xuyên tạc, bóp méo sự thật, lừa gạt dư luận, xúi dục người Việt chống đối, hận thù, giết chóc nhau, và gây ấn tượng xấu cho dân tộc Việt Nam.

Quyển *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm* là một quyển sách mà mỗi người Việt đều phải có trong thư viện tư của mình, nếu họ ưu tư về xứ sở, và thành tâm muốn tìm hiểu một cách khách quan, tường tận, chính xác và công bình những gì đã thực sự xảy ra trong giai đoạn 1945-1975, và các nhân vật đã được nhắc đến trong giai đoạn này thực sự là người thế nào.

Viết nhân dịp ngày 2/11
Ottawa, tháng 10,1997

* Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức, *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm*, Quang Vinh-Kim Liên-Quang Hiếu Publishers, San Jose, CA, 1994. US$ 25, CDN $30, FF 130.

(1) Phạm Văn Lưu, *Ngô Đình Diệm và Bang Giao Việt Mỹ 1954-1963*, Melbourne, 1994, Center for Vietnamese Studies, P.O.Box 1497, Collingwood, Vic 3066, Australia. US $20.

(2) Robert S.McNamara, *In Retrospect: The Tragedy and Lesson of Vietnamese*, Times Book, Random House, New York, 1995. US $27.50, CDN $34.95.

(3) tr.621

(4) Trong "Phần giới thiệu sách"

(5) tr 233 và 235

(6) tr.331

(7) tr 331 và 381

(8) tr 443 - 444

(9) tr. 558 - 590

(10) tr. 558-590

(11) tr. 601

(12) tr. 250-251

(13) Phần giải thích tại sao viết sách này

(14) tr. 386

(15) tr. 582-583

(16) tr 611

(17) tr.620

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Nguyên Trí cùng quý Tăng chúng và Phật tử chùa Bát Nhã
- Sư cô Chân Không, quý thầy Pháp Ấn, Pháp Dụng, Pháp Ứng và tăng ni Làng Mai, Pháp Quốc
- Linh Mục John Tuân, các thân hữu và Cộng đoàn Dân Chúa Westminster
- Quý Phật tử nhóm Tam Hòa và Nụ Hồng, California
- Các cơ quan truyền thông, các tổ chức, hội đoàn
- Bà con, anh chị em thân hữu xa gần

Đã cầu nguyện, tụng niệm, thăm hỏi, phúng điếu và tham dự tang lễ của:

G.S. TRẦN ĐẠI LỘC

Pháp danh MINH HIỂN

Từ trần ngày 30 tháng Chín 1997 tại Fountain Valley, California, Hoa Kỳ.
An táng ngày 5 tháng Mười 1997
tại Vườn Vĩnh Cửu, Westminster Memorial Park, California.
Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều gì sơ xuất, xin quý vị niệm tình tha thứ.
Tang gia đồng bái tạ.

TM Tang quyến
Vợ: Hoàng Thị Chu
Con: Trần Bích Hòa
Trần Đại Hiệp

ĐẠI HỘI KỲ 15 ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC, CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ VIỆTNAM

QUANG VÕ

(Tiếp theo)

Các bài học trong chính sách quản lý DNNN tại TQ

Trong thời kỳ bao cấp TQ đã xây dựng nhiều DNNN có kỹ thuật thấp cho nên ô nhiễm và khó cạnh tranh với bên ngoài khi kinh tế được mở ra phía ngoài. TQ nay cũng phải thay đổi chính sách công nghiệp và chính sách với DNNN.

1) TQ và ĐCSTQ đã tái khẳng định vai trò lãnh đạo của DNNN trong kinh tế không phải bằng trọng lượng trong kinh tế mà bằng tính cách chiến lược. TQ không đánh giá vai trò của DNNN bằng tỷ lệ trong GDP. Có nhiều cách làm chủ các DN và năng xuất là một yếu tố quan trọng;

2) TQ đã có một chính sách rõ ràng, táo bạo giảm đóng cửa và cổ phần hóa và không ngần ngại đóng cửa các donah nghiệp ô nhiễm;

3) Vì đã có thị trường chứng khoán cho nên TQ đã cổ phần hóa một số DNNN. Trên 700 DNNN đã được cổ phần hóa qua thị trường Thượng Hải và Thẩm Quyến và tại Hong Kong và New York. Số DNNN còn lại sẽ được họp thành các tổng công ty;

4) TQ đã tách trách nhiệm sản xuất ra khỏi trách nhiệm phúc lợi xã hội. Việc xây dựng một màng lưới xã hội cho 1.2 tỷ người sẽ đòi hỏi nhiều thời gian;

Trong nền kinh tế thị trường việc khẳng định một chính sách phát triển kinh tế/công nghiệp và chính sách đối với các DNNN là điều quan trọng. Ta có thể rút một số kinh nghiệm nhân ĐH kỳ 15 là:

1) Quyết tâm có một chính sách đứng đắn và hữu hiệu hóa DNNN;

2) Hiện đại hóa cơ chế sản xuất đặt trên các yếu tố khách quan;

Quyết tâm về DNNN

Việc làm ăn lỗ lã của DNNN thì ai cũng biết. Làm sao cải tổ khu vực này khi nó nuôi trên 100 triệu công nhân? Thực tế cho thấy là các DNNN làm ăn lỗ lã là một gánh nặng cho ngân sách và một đe dọa cho ngân hàng. Vì liên hệ chặt chẽ và không minh bạch giữa DNNN và đảng, các DNNN trở thành một cản trở cho việc thay đổi cơ chế và việc hiện đại hóa ngành công nghiệp TQ đã quyết tâm thay đổi hệ thống các DNNN dựa trên kỹ thuật và thực tiễn.

Thay đổi và hiện đại hóa cơ chế dựa trên yếu tố khách quan

Chính sách TQ đối với các DNNN sau ĐH là: (i) sắp xếp lại một số tổng công ty (1000 tổng công ty) để có thể cạnh tranh và; (ii) tiến hành "cổ phần hóa" các công ty cỡ trung và nhỏ để bớt gánh nặng. TQ phải ngày cạnh tranh trên thị trường quốc tế do đó sẽ phải giải tư để gỡ gánh nặng và tập trung vào một số mũi nhọn, chỉ giữ lại một số DNNN chủ chốt trong các lĩnh vực quốc phòng hay công nghiệp mũi nhọn.

Chính sách thu hẹp các DNNN đi từ chỗ đặt ưu tiên trong việc quản lý kinh tế của nhà nước và phương tiện ngày càng kém của ngân sách. Hệ thống DNNN tại TQ đã mang nhiều quyền lợi kinh tế cho nhiều quan chức trong guồng máy máy của đảng và nhà nước. ĐTB và

êquip thừa kế có quyền quyết tâm cải tiến kinh tế dựa trên các yếu tố khách quan: hiệu năng. Họ biết phải cải tiến kinh tế mới có khả năng quốc phóng và đưa TQ lên hàng cường quốc trong vùng (2).

Nói tóm lại trong các mục tiêu phát triển thì nay TQ đã chọn ưu tiên. Dưới sự lãnh đạo của ĐTB và ê kíp thừa kế họ đã lấy được quyết định khó khăn trong việc canh tân kinh tế bằng cách giải quyết khu vực quốc doanh để trở thành một cường quốc vào thế kỷ 21.

Những câu hỏi còn lại trong bài toán DNNN tại TQ

Mặc dù chính sách TQ đối với các DNNN có quyết tâm nhưng trên thực tế còn nhiều câu hỏi. Ví dụ một DNNN được cổ phần hóa thì người giám đốc [được Ủy ban nhân dân (UBND) và đảng ủy một tỉnh chọn] sẽ trực thuộc Hội đồng quản trị Doanh nghiệp nhưng nếu HĐQT muốn thay ông ta thì sao ? Nếu DN muốn sa thải công nhân thì sao ? ĐCS sẽ hành động ra sao ? Các quan chức tỉnh đã quen được các DNNN chiều chuộng sẽ hành động ra sao với các DN mới ? Làm sao "cổ phần hóa" trong khi các chi tiết về kế toán, sổ sách chưa rõ ràng và thói quen thời bao cấp vẫn ăn sâu trong tâm trí ?

Trên thực tiễn thì ai cũng biết các DNNN tài trợ một số ngân quỹ của đảng và các chi tiêu quốc phòng để tránh phía ngoài nhòm ngó. Khi cổ phần hóa các DN thì các cổ đông có chịu tiếp tục "chi" những mục này hay không? Chính sách thu hẹp các DNNN chưa có khung luật lệ rõ ràng làm sao trách các lạm dụng về việc các quan chức chuyển hay tẩu tán tài sản DNNN qua tư nhân ?

Tóm lại, nhiều câu hỏi chưa được trả lời và công cuộc cải cách các DNNN còn đòi hỏi nhiều thời gian. Nhưng giai đoạn quyết định về tư tưởng trong cuộc xây dựng kinh tế thị trường đã được vượt qua.

II. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM

Hiện trạng cải cách DNNN tại VN

Những con số mới nhất cho thấy những đóng góp của khu vực nhà nước là: khu vực này nhận 75% tài sản cố định và đóng góp vào 49% của GDP (3). Trong thời gian 1987-1995, hơn 100 luật lệ đã được thông qua trong nhiều lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chủ quyền đất, thương mại, dân sự, vv. Các luật này sẽ là căn bản cho một xã hội gọi là "nhà nước pháp quyền" dựa trên luật chứ không phải bạo lực cách mạng.

Guồng máy nhà nước đã được thu gọn, giảm bớt. Sau khi đổi mới, số DNNN giảm từ trên 12,000 xuống còn cỡ 6,300 và trong số 5,000 DN được giảm thì 2,000 được bán để trả nợ. Các DNNN tại VN cũng giống TQ nghĩa là các DNNN tại tỉnh làm "cloning" - bắt chước nhau làm bia, ciment, khách sạn, lò đường, vv. Các DNNN đua nhau đầu tư vào các ngành giống nhau có kỹ thuật thấp, lỗi thời, khó tranh trên thị trường. Ví dụ công ty liên doanh Việt-Trung Chen Long làm xe hơi giữa công ty chuyên chở của bộ Giao thông vận tải và công ty Luizhou TQ trong khi công ty này chỉ sản xuất có 30,000 xe/năm. Các tỉnh còn đua nhau đầu tư vào các nhà máy ciment với công xuất 60,000T/năm với kỹ thuật lỗi thời (1950) và ô nhiễm của TQ trong khi các kỹ thuật mới đòi hỏi công xuất 1 triệu tấn/năm. Họ còn đua nhau đầu tư vào bia, thuốc lá, khách sạn và nhiều xí nghiệp đã vỡ nợ. Đây là các ví dụ điển hình các liên doanh sẽ phá sản trong tương lai khi bị các công ty bia, xe, ciment vv. của Nhật và Nam Hàn cạnh tranh.

Một số biện pháp cải cách đã được đưa ra từ 1991-1996 để tái tổ chức khu vực DNNN qua việc: (i) tái đăng ký với bộ Kế hoạch; (ii) cổ phần hóa; (iii) tái tổ chức quản lý và (iv) bỏ cơ chế chủ quản. Theo nghị định 202/CT ngày 8/6/92 và quyết định 84/TT ngày 4/3/93, một số DNNN đã được chọn để cổ phần hóa nhưng đến nay sau ba năm, chỉ có trên dưới 20 công ty được cổ phần hóa.

Các công ty lớn thuộc công nghiệp nặng, chuyên chở, xây dựng, năng lượng, dầu khí, đều nằm trong khu vực quốc doanh. Công nghiệp quốc doanh nắm 71% ngành công nghiệp và đóng góp trung bình 15% vào GDP và ngành xây cất đóng góp 3.5% 10 công ty lớn nhất trong công nghiệp sản xuất 31%. 276 công ty lớn trong công nghiệp sản xuất 75% và thu 62% công nhân trong công nghiệp.

Một số tổng công ty đã được thiết lập theo kiểu các Chaebol Nam Hàn dựa trên các quyết định 91/TT ngày 7/3/94. Hiện nay có 16 tổng công ty theo quyết định 91TT và 47 công ty theo quyết định TT đã được thành lập phần nhiều theo các ngành: cao su, cafe, xây dựng, vv.. Việc này có thể gây nhiều độc quyền trong

một khu vực công nghiệp nhỏ bé tại VN.

Về lao động thì năm 1997 các DNNN chỉ thu dùng được 10% tổng số lao động cả nước. Mặc dù được trợ giúp nhiều về vốn, đất, thủ tục hay độc quyền, lực lượng lao động trong khu vực nhà nước không tăng mà còn giảm dần trong khi đó thì khu vực tư tăng nhiều. Các công ty quốc tế thường liên doanh với các DNNN và đã đầu tư trên US$ 6 tỷ nhưng chỉ gây dựng thêm được 90,000 nhân công. Các công ty ngoại quốc đầu tư 37% vào khu vực hàng xuất khẩu và hiện nay VN đã khuyến khích nhiều về việc đầu tư tại các khu chế xuất hay khu kỹ nghệ.

Chính sách công nghiệp và phát triển kinh tế còn ưu đãi khu vực quốc doanh. Ngoài ra các DNNN còn được độc quyền về thương mại quốc tế như việc xuất khẩu gạo. Đây là một chính sách kinh tế lỗi thời vì nó gián tiếp bảo vệ mậu dịch bằng cách bảo vệ hàng thay thế nhập khẩu. Chính sách này đã phá sản tại Châu Mỹ la tinh.

Theo thời báo kinh tế Saigon thì theo kiểm tra của ban chỉ đạo TƯ thì đa số các DNNN có tài sản càng ngày càng hao mòn và trang thiết bị công nghệ lạc hậu. Các DNNN có nợ chồng chất có khi lên đến 6 lần tài sản DN.

Nhưng không phải cái gì cũng xấu, VN có nhiều cải cách sớm hơn TQ trong các lĩnh vực màng lưới phúc lợi và y tế, và đặt việc này ngoài vòng kiểm soát của các DNNN.

Bài học Trung Quốc và Việt Nam

Hệ thống DNNN tại TQ đang bảo đảm quyền lợi kinh tế cho nhiều người trong guồng máy nhà nước và đảng. Dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Chu Đông Cơ, TQ có quyết tâm cải cách hệ thống DNNN mặc dù gặp nhiều trở ngại về lý luận và chủ thuyết. Đây là bước táo bạo và nay TQ đã "nhẩy qua sông Rubicon."

Tại VN thì kết quả Đại Hội 8 là sự bất phân thắng bại giữa nhiều phe. Tình trạng "quân bình bất ổn" này không thể kéo dài nhất là nay Quốc Hội họp để bầu ra những người lãnh đạo mới cho năm năm tới.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Giáo sư TRƯƠNG ÂN

Nguyên Hiệu trưởng trường
Trung học Cường Để Qui Nhơn
Nguyên Thanh tra Trung học
Bộ Giáo Dục VNCH

Đã thất lộc
ngày 6 tháng 10 năm 1997
tại Besancon, Pháp Quốc,
hưởng thọ 61 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng
chị Ngô Thị Hoa và các cháu,
và thành kính cầu nguyện cho
linh hồn Anh Trương Ân
được sớm về nước Chúa.

Ông Bà Trương Toàn, Ông Bà Nguyễn Hoàng Sanh, Ông Bà Võ Doãn Nhẫn, Ông Bà Nguyễn Thanh Tùng, Ông Bà Trần Quang Minh, Ông Bà Trần Ngọc Thái, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Nguyễn Văn Thái, Ông Bà Phan Bá Trác, Ông Bà Lê Văn Ba.

PHÂN ƯU

Được tin Nhạc Mẫu của
anh Hà Tường Cát

Bà Quả Phụ
NGUYỄN NGỌC CỪ
Nhũ danh TRỊNH THỊ KIU
Pháp danh DIỆU THÔNG

Đã từ trần
ngày 27 tháng Mười 1997,
nhằm ngày 26 tháng Chín, Đinh Sửu
tại Sydney, Australia
Hưởng thọ 92 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng
anh chị Hà Tường Cát
và Nguyễn Thị Kim Dung.
Cầu chúc hương hồn người quá cố
sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Báo THẾ KỶ 21

Các lãnh đạo VN phân vân trong các lựa chọn, không nhất trí trong việc thay đổi cơ cấu DNNN/xí nghiệp và tách quản lý nhà nước ra khỏi quản lý xí nghiệp. CSVN chưa nhất trí trong việc cải tổ DNNN.

Một số yếu tố nội bộ và kinh tế, tài chính quốc tế và môi trường phát triển tại vùng sẽ ảnh hưởng và bắt buộc CSVN thay đổi:

1) Có nhiều dấu hiệu cho thấy đầu tư ngoại quốc giảm, tăng trưởng kinh tế chậm lại (4). Lần đầu tiên một Phó chủ tịch Ngân hàng Thế giới, ông J.L. Severino đã lên tiếng khuyến cáo mạnh mẽ phía VN [được coi là con cưng của NHTG trong nhiều năm qua] thay đổi và nói sẽ xét lại chương trình viện trợ của họ;

2) Các cuộc nổi dậy của nông dân là những phát súng cảnh cáo lãnh đạo CSVN trong việc tiếp tục thay đổi kinh tế và chống tham nhũng;

3) Các DN Trung Quốc sẽ hiện đại hóa, có năng xuất cao và sẽ ảnh hưởng vào việc cạnh tranh với hàng VN. Hiện nay công nghiệp xe đạp VN gần như bị xe đạp TQ "giết chết";

4) TQ sẽ có thêm đầu tư nước ngoài và sẽ được đầu tư nước ngoài chiếu cố hơn vì có chính sách rõ ràng theo kiểu thị trường;

5) Khủng hoảng kinh tế tại các nước ASEAN sẽ bắt buộc các nước này thay đổi cơ cấu kinh tế [để giảm chi, tăng thâu, tăng xuất khẩu, vv.] để tranh đầu tư ngoại quốc. TQ đã dùng ngoại tệ để gây thêm ảnh hưởng với Thái Lan. Thái Lan, Mã Lai, Indonesia, sẽ tiếp tục cải tổ cơ cấu và sẽ cạnh tranh với hàng VN và nhất là sẽ cạnh tranh thu đầu tư ngoại quốc.

Bài học TQ là các lãnh đạo có tầm nhìn xa và có quyết tâm. Quyết tâm tách quản lý kinh tế và chính trị để có hiệu năng hơn. Theo họ thì DNNN chỉ gây thêm ảnh hưởng xấu và làm nguy cho ngành ngân hàng vì các món nợ của DNNN. Họ khách quan và chú ý nhiều về hiệu năng hơn là về 'giáo điều hay chủ thuyết.'

Tất cả các yếu tố khách quan sẽ bắt buộc các nhà lãnh đạo phải chú ý hơn trong việc cải cách thật sự guồng máy kinh tế. Trong những năm trước đây, VN chỉ thả lỏng cho dân chứ chưa có một chính sách kinh tế thích hợp cho môi trường kinh tế thị trường. Nay đến lúc phải thay đổi hay là bị tụt hậu.

KẾT LUẬN

Từ khi ĐTB và êquíp thừ kế nắm quyền tại TQ, kinh tế phát triển khá cao 9%/năm. Hiện nay TQ là nước nhận đầu tư tư nhân và viện trợ nhiều nhất trên thế giới.

Trong quá khứ cách suy nghĩ kiểu bao cấp-XHCN được đạt trên các yếu tố: Bình đẳng xã hội, chủ quyền toàn dân và kinh tế chỉ huy. TQ đã hái được một số thành quả nhất định nhưng TQ vẫn là một nước nghèo. TQ có trên 300,000 DNNN và việc này là một gánh nặn cho ngân sách vì các DNNN làm ăn lỗ lãi. Về chính trị, CSTQ vẫn dựa trên chuyến chính vô sản. Muốn thành một cường quốc chính trị và kinh tế vào thế kỷ 21, họ đã phải lấy quyết định giảu quyết cái nhọt DNNN.

ĐTB đã mở kinh tế TQ. Ê kíp Giang Trạch Dân và Chu Đông Cơ đã bước một bước tiến xa hơn, quyết tâm thay đổi các DNNN và tách rời quản lý kinh doanh và nhà nước. Sau nhiều năm phân vân trong sự lựa chọn, ĐCSTQ đã quyết định thay đổi, và chú trọng đến hiệu năng hơn là giáo điều.

TQ có một cái nhìn xa, có một chính sách kinh tế rất mềm và không nhất thiết "giáo điều" trong cách cư sử đối với DNNN. Về lâu về dài, TQ sẽ trở thành một cường quốc kinh tế và một công nghiệp tiên tiến dựa trên hiệu năng và hữu hiệu.

VN còn trong tình trạng phân vân về chính sách và tranh quyền giữa nhiều phe nhóm còn chưa ngã ngũ. Nhìn từ phía ngoài ta có cảm tưởng là con thuyền VN đang "không người lái" trong khi cơn khủng hoảng kinh tế tại ASEAN lan tràn, TQ đã thay đổi 360 độ và các nhà đầu tư như Lazard Fund, Chrysler đã bỏ VN.

Chậm thay đổi chừng nào thì giá phải trả sẽ đắt chừng đó. Bài học TQ là các lãnh đạo phải có tầm nhìn xa và bớt giáo điều. Liệu các người lãnh đạo VN được chọn ra trong tháng Chín này sẽ có đủ can đảm để "lột xác" như tại TQ không ?

Dù sao VN đã bỏ lỡ một cơ hội trong dịp ĐH 8 vừa qua trong năm 1996, nay sẽ mất nhiều năm nữa để có thể sửa đổi. Trước mắt là phải lo gánh hậu quả ấy.

Chú thích

1. P. Passell "Economic Scene:is China's latest move to capitalism real?
New York time, Sept. 17, 1997.

2. Nguyễn Xuân Nghĩa "Việt Nam và Trật Tự Trung Hoa," NXB Đainam, tháng 8, 1997.

3. Trần Văn Túc, "Vốn và tài sản DNNN," Hà Nội, Thời Báo Kinh Tế số 65, 28/9/1996

4. Quân Tử, "Cơn bão tiền tệ và VN," Người Việt ngày 21-22/9/1997.

HỌC ĐỌC Ở BƯỚC ĐẦU TIÊN

ĐOÀN XUÂN KIÊN

1. Học đọc ở giai đoạn đầu tiên là gì?

Một tri thức về ngôn ngữ

1.1 Học đọc ở giai đoạn đầu tiên là một cách nói khác về một sự học tập ngôn ngữ mà trong nghề dạy học ở Việt Nam vẫn thường gọi là "học đánh vần," "học vần quốc ngữ." Đấy là giai đoạn mà học viên được chỉ dạy cách nhận biết một từ qua một chữ viết tương ứng với từ mà người ấy có thể đã từng nghe biết. Nói cách khác, đây là giai đoạn mà học viên tập kết hợp hai hình ảnh khác nhau của một từ để trở thành một tri thức mới về ngôn ngữ. Nói thế là mặc nhiên thừa nhận rằng học viên đã có sẵn một vốn hiểu biết về ngôn ngữ qua việc nói năng thường ngày với người chung quanh. Hãy mượn lại một thí dụ trong giáo trình của Saussure (1972:97 sq.) về từ "cây": (Xem Hình 1.1a)

Kể từ khi đứa trẻ thơ bắt đầu bập bẹ học nói đến khi cháu vào trường mẫu giáo, có thể đã hơn một lần cháu bé đã nghe thấy từ cây rồi. Khi nghe nhắc đến tiếng cây, cháu hình dung ngay hình ảnh cái cây. Hiểu biết về từ "cây" là một tri thức có sẵn trong quá trình nói năng giao tiếp của một người trong xã hội. Nhưng nếu từ đây mà không tiến thêm một bước để học đọc thì tri thức của người đó vẫn chỉ là tri thức về khái niệm và những từ chỉ khái niệm hoàn toàn thuộc vào vốn từ ngữ qua âm thanh, người đó vẫn "mù chữ." Học đọc ở giai đoạn đầu tiên chính là một công trình đầu tiên để phá "mù chữ," để người học có thêm một tri thức mới về ngôn ngữ: (Xem hình 1.1b)

1.2 Học đọc ở giai đoạn đầu tiên thường bắt đầu ở tuổi thơ, khi đứa trẻ bắt đầu đến tuổi vào trường. Hệ thống đầu tiên của giáo dục bậc tiểu học, khi trẻ đã khoảng sáu tuổi. Tuy nhiên, có những trẻ khi vào lớp đầu tiên ở trường tiểu học đã có một số vốn nào đó về chữ cái, thậm chí còn có thể đọc được một số ít từ thông thường như chữ viết tên các cháu chẳng hạn. Nói thế nghĩa là các cháu bé trước tuổi vào trường tiểu học có thể đã có học đọc, nhưng chỉ là những vốn liếng rời rạc, chưa toàn bộ. Vì quy định sư phạm ở tại nhiều nước đã không đưa việc dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên vào chương trình huấn luyện đào tạo cô giáo mẫu giáo. Điều đó không cản trở một nhà giáo nổi tiếng thế giới là Maria Montessori khi bà chủ trương hạ tuổi vừa sức học đọc ở giai đoạn đầu tiên khi trẻ lên bốn. Cho nên, khi nói đến tuổi vừa sức học là nói đến một thứ quy ước xã hội hơn là khẳng định của tâm lí học phát triển trẻ em. Có một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập nói chung, và học đọc nói riêng- cuả trẻ là yếu tố hoàn cảnh gia đình-xã hội mà trẻ được sinh hoạt hằng ngày. Cơ hội học tập về thế giới chung quanh các cháu càng nhiều thì vốn tri thức tiền học đường của các cháu càng tăng; và tuổi vừa sức của các cháu có thể phát triển sớm hơn tuổi thật của các cháu.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh xã hội khó khăn, có thể nhiều người đã lớn tuổi mới bắt đầu học đọc. Ở Việt Nam chẳng hạn, vào khoảng cuối những năm 1930, Hội Truyền Bá Quốc Ngữ đã phát động phong trào chống mù chữ (quốc ngữ) cho người lớn tuổi; rồi tiếp đến là phong trào "bình dân học vụ" vào những năm kháng chiến chống Pháp và sau hiệp định Genève 1954. Về mặt giáo dục thì đấy chính là những đợt dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên cho người lớn.

Việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên cho trẻ

con và người lớn có những điểm giống nhau là ở chặng nhận ra mặt chữ; nhưng việc học đọc còn là để hiểu và áp dụng vào hoạt động ngôn ngữ của học viên. Ở điểm này thì việc học đọc của trẻ và của người lớn không còn như nhau nữa, vì nó đã hòa vào vốn tri thức tổng quát của học viên.

1.3 Khi nói học đọc một từ hay một bản văn, là ngụ ý học đọc và hiểu ý nghĩa của từ hay bản văn đó, rồi người học sẽ có một đáp ứng nào đó đối với từ hay bản văn; có thể là ngữ này chưa phải là học đọc, đó chỉ là tập phát âm những âm thanh vô nghĩa đối với anh.

Tóm lại, khi nói đến "học đọc ở giai đoạn đầu tiên" là nói đến:

1. học nhận ra một từ dưới dạng chữ viết (tức là những đường nét vẽ các chữ cái của từ). Những từ mà học viên học đọc là những từ có thể họ đã từng được nghe, biết qua ngã ngôn ngữ nói, hoặc là chưa nghe qua bao giờ nhưng có thể nhận biết ý nghĩa của chúng. Nói khác đi, học đọc chỉ là một giai đoạn nối tiếp

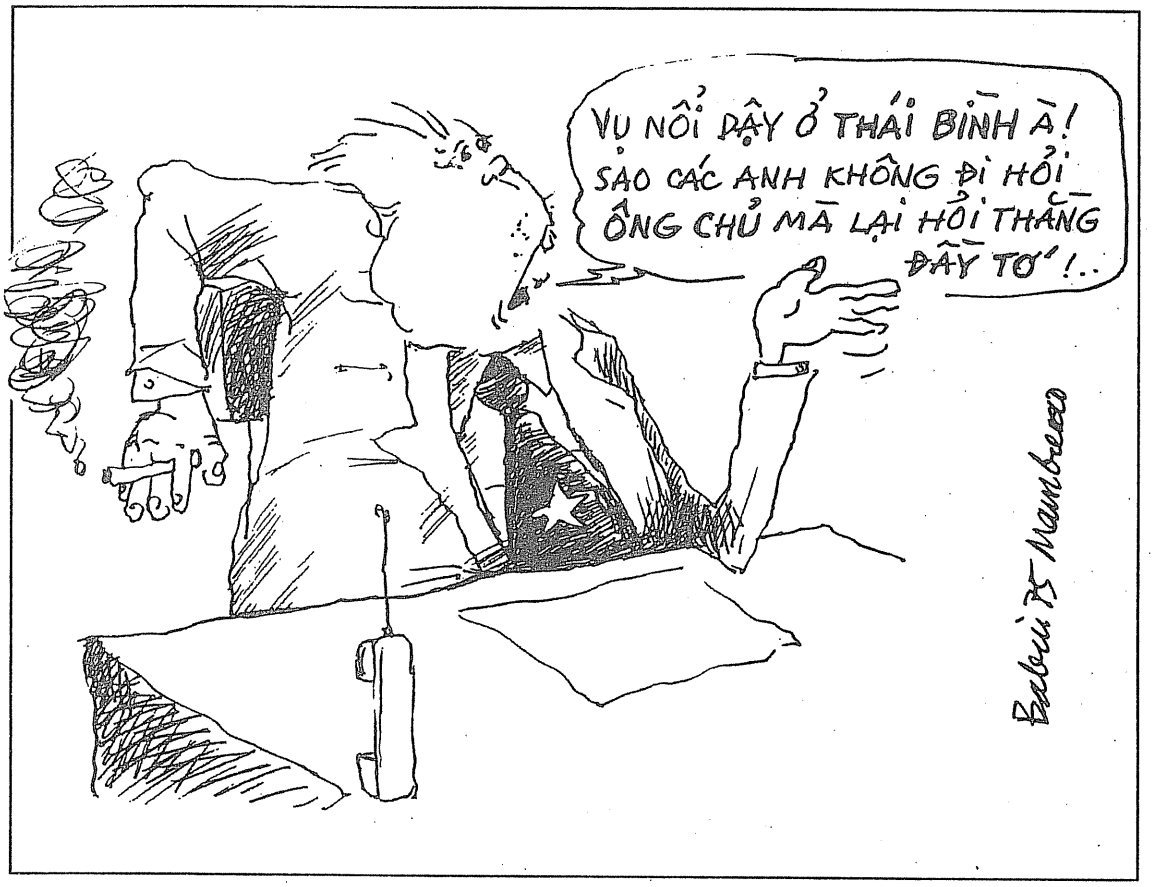

để mở rộng thêm một kiến thức cho mình, có thể là để gợi lên một thái độ, một cảm xúc nào đó đối với cái từ hay cái bản văn mình vừa đọc (và hiểu), cũng có thể là để phê phán nội dung ý nghĩa cuả từ hay bản văn đó. Học đọc không phải chỉ là tiếp nhận một cách thụ động một khối chữ cái vô hồn vô nghĩa. Học đọc — dù ở giai đoạn đầu tiên — phải là một hoạt động cuả tri giác để tiếp nhận một kiến thức nào đó. Nếu một học viên được trao cho một bản văn hay một từ của một ngôn ngữ mà anh ta chưa hề biết qua, thì việc đọc bản văn hay từ giai đoạn thu thập vốn từ có sẵn bằng âm thanh;

2. một quá trình học tập phức tạp của não bộ con người, trong đó tri giác thu nhận bằng mắt phối hợp với tri giác thu qua ngã khác hiện đã lưu trữ trong óc, để chuyển thành một tri thức mới.

Vốn từ có sẵn

1.4 Kết luận thứ nhất đã được kiểm nghiệm từ những thành quả nghiên cứu tâm lí ngôn ngữ học. Mỗi trẻ thơ từ khi bập bẹ tập nói đã hình thành một số khuôn mẫu ngữ âm mà các

cháu thường nghe những người chung quanh nói với nhau hoặc nói với các cháu. Ruth Weir nghiên cứu các kiểu bi bô của một cháu bé người Hoa khác nhiều với một cháu người Mĩ, người Nga và một cháu người Ả Rập lúc đang chơi đùa với mẹ các cháu. Các bà mẹ người Hoa nhận ra được ngay tiếng bi bô cuả cháu bé người Hoa, trong khi các bà mẹ cũng có thể nhận ra ngay giọng bi bô của con mình, nhưng không bà nào phân biệt được giọng bi bô của các cháu kia. Cháu bé người Hoa phát ra những âm đơn tiết, một đặc trưng của tiếng Hoa, trong khi cháu bé Mĩ bi bô những tiếng đa tiết, có cả dấu nhấn nữa. Điều đó cho thấy là trẻ thơ mặc dù chưa nói được tiếng nào có ý nghĩa, dường như đã tiếp nhận ngôn ngữ qua những âm thanh lời nói chúng quen nghe mỗi ngày (Aitchison, 1983). Đến tuổi vào lớp một, trung bình các cháu bé có thể nghe hiểu được khoảng từ hai ngàn (Chall, 1983) đến 10 ngàn từ (Jackendoff, 1993). Đấy là vốn từ có sẵn trước tuổi vào trường mà các cháu bé đều có được trong điều kiện sống bình thường. Và đây là một điều kiện cần có để giúp các cháu bé có thể bước vào học đọc.

1.5 Vấn đề đặt ra là: có phải vốn từ có sẵn là một điều kiện cần thiết? Nghiên cứu trường hợp những cháu bé bị biệt lập khỏi đời sống xã hội con người từ lúc sơ sinh đến tuổi thiếu niên như trường hợp Isabelle và Genie, có thể thấy là khi được phát hiện vào tuổi đã lớn (Isabelle lên sáu, Genie mười ba), một mặt việc học và hiểu ngôn ngữ của các cháu rất chậm chạp, khó khăn, nhất là Genie, một mặt vốn từ gần như không có gì, và trình độ phát triển tâm lí chỉ ở tuổi lên một. Sau bảy tháng điều trị, Genie chỉ nói được những câu một hai từ, và số vốn từ chỉ khoảng 200. Một trường hợp đáng chú ý khác là một phụ nữ tên là Chelsea bị điếc bẩm sinh nhưng chẩn trị là đần độn. Mặc dù được nuôi dạy trong một gia đình bình thường, Chelsea không được học ngôn ngữ một cách bình thường; mãi đến khi 31 tuổi, cô mới được đeo máy nghe. Sau chín năm học, Chelsea chỉ có được vốn từ là 2000. (Jackendoff, 1993: 120-122)

Những trường hợp vừa kể rất đáng chú ý phân tích nhiều mặt quan trọng khác, nhưng chỉ xét riêng về mặt học đọc thì số vốn từ quá ít ỏi, và sự phát triển tư duy ngôn ngữ không bình thường, đã khiến cho việc học ngôn ngữ nói chung ở những bước đầu hầu như không tiến bộ là bao.

Quay trở lại những trường hợp trẻ bình thường, như các cháu bé trong những gia đình di dân tại các nước, phải học tiếng mẹ đẻ trong điều kiện vốn từ tiếng mẹ đẻ nghèo nàn. Việc học đọc trở thành khó khăn, nếu không nói là không tiến bộ gì. Có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng trên. Một trong những nguyên nhân đó là vì hoàn cảnh chung của các gia đình di dân, các trẻ em không được nhiều điều kiện tốt để nghe và nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ trong gia đình và ngoài đường phố, vì thế mà các cháu thiếu quá nhiều vốn từ sẵn có trong đầu. Học tiếng mẹ đẻ trong tình cảnh thiếu thốn đó không mấy hứng thú cho lắm, nếu bị đưa ngay vào giai đoạn học đọc.

Tiến trình học đọc

1.6 Trẻ học đọc là bắt đầu một tiến trình học tập ngôn ngữ khác với những kiến thức ngôn ngữ cháu đã thu được từ trước. Lần đầu tiên tiếp xúc với những chữ cái xếp nối đuôi nhau, hoàn toàn mới lạ, trí óc cuả cháu bé phải vận dụng những thao tác trong một tiến trình nhận thức có thể phác lại như sau: (Xem hình 1.6a)

Đây là tiến trình cuả nhận thức thông thường, y hệt một quá trình xử lí dữ kiện thông tin của máy điện toán. Đứa trẻ nhận ra cái gì trước tiên — một toàn khối các con chữ, hay là những con chữ rời rạc ghép bên nhau? Các nhà tâm lý đưa ra hai giả thuyết về nhận thức ban đầu này, như sau: một thuyết thì cho rằng trẻ nhận ra cái toàn khối, cái khái quát trước, một cách giải thích thứ nhì cho rằng trẻ nhận ra những nét chi tiết và chúng đối chiếu với kho trí nhớ về những nhận thức có sẵn, theo mô hình nhận thức phức tạp nhiều chặng (Crowder, 1982: 46):

Tín hiệu truyền Phân tích Dữ kiện Nhận thức về vỏ não tín hiệu nhận thức định hình.(Xem hình 1.6b)

Vấn đề đặt ra ở đây là: những tín hiệu nào đưa vào từ bên ngoài sẽ là những dữ kiện cần cho việc học đọc? Một loạt thí nghiệm tâm lí giáo dục gần đây cho phép khẳng định là những tín hiệu về hình ảnh âm thanh và hình ảnh thị giác là những yếu tố đóng vai trò chính của việc đọc và viết của trẻ; trong khi đó thì không có chứng liệu rõ ràng cho phép khẳng định là những hiểu biết về vần và ghép vần, mà trẻ có thể được học từ khi lên hai ba tuổi, góp phần quan trọng trong việc học đọc (Goswami & Bryant, 1990: 112).

Những thực nghiệm tâm lí giáo dục cũng

cho phép khẳng định rằng trẻ học đọc ở giai đoạn đầu là đọc toàn khối chữ chứ không phải là lần từ những âm và chữ cái để nhận ra mặt chữ (Goswami & Bryant, 1990:46). Trẻ cũng nhận ra một toàn khối từ dễ dàng hơn những chữ cái ghép rời rã, và hiển nhiên là chúng nhận ra một từ có thực, có ý nghĩa dễ hơn là một khối chữ cái vô nghĩa lí.

Một điều quan trọng khác nữa cho thấy là việc đối chiếu với kho trí nhớ về ngôn ngữ (nói) có vai trò quan trọng đối với tiến trình học đọc của trẻ: trẻ có thể nhận ra một từ nào đó từ việc suy đoán để đi đến xác định nhận thức về chữ viết. Khi nhận ra mấy chữ "Bốn năm..." trong một ngữ cảnh nhất định, trẻ có thể nhận ra chữ tiếp là "...trước," nhờ khả năng đối chiếu qua lại trong vốn ngôn ngữ có sẵn.

Tất cả những giai đoạn nhận thức trên đây có thể ghi lại trong một mô hình khái quát như sau: (Xem hình 1.6c)

Như thế thì quá trình học đọc là một chặng nhiều thao tác cuả nhận thức ngôn ngữ, trong đó nổi lên rõ sự phối hợp hai khả năng phân tích và tổng hợp hình ảnh thị giác và hình ảnh thính giác của từ. Nhận mặt chữ chính là một cách nói đơn giản của cả một vận hành phức tạp của tâm lý ngôn ngữ.

Trên kia cũng có nhắc qua là học đọc nhắm mục tiêu sau cùng là hiểu một từ hay hay một bản văn."Hiểu" là kết quả của nhận thức dẫn đến những phản ứng đối với nội dung ý nghĩa của từ hay bản văn. Đây là sự nhận thức năng động mà giáo dục có thể góp phần xây dựng cho trẻ trong quá trình học tập nói chung, và học đọc nói riêng. Mục tiêu sau cùng này thường không được chú ý đầy đủ trong các giáo trình biên soạn cho việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên. Nếu dừng lại ở chặng nhận ra mặt chữ thì việc học đọc chưa hoàn tất, vì mới chỉ là một phần của học đọc, vì nhìn từ một khía cạnh phát triển qua thời gian, học đọc là một tiến trình học tập gồm ba giai đoạn: giai đoạn chuyển tiếp từ nhận thức từ ngữ nói sang nhận thức từ ngữ viết — giai đoạn sản sinh vốn từ, tức là khi trẻ đã có thể nhận mặt chữ và hiểu ý nghĩa một cách vô thức — giai đoạn tạo sinh, tức là khi mà phản ứng ngôn ngữ viết đã trở nên thành thạo, và đọc và viết đã trở nên một hoạt động có khả năng diễn đạt sinh động (Fries, 1962).

Tóm lại, học đọc ở giai đoạn đầu tiên đối với trẻ là một kinh nghiệm rất mới mẻ. Sự học tập này không phải là một tiến trình nhận thức đơn giản mà phức tạp, không phải thụ động mà là năng động và giúp phát triển tri thức của trẻ về mặt ngôn ngữ qua việc kết hợp những kiến thức về ngôn ngữ nói với hình thái ngôn ngữ viết. Trong quá trình học đọc, vốn từ sẵn có trước khi học đọc là điều kiện cần thiết, mà thiếu nó thì tiến trình học đọc sẽ trở nên khó khăn vất vả, và có nhiều phần thất bại. Chính vì quá trình học đọc là một quá trình phức tạp và tế nhị, chúng tôi đã hết sức tránh không tạo những định kiến dễ dãi khi cố tình không dùng những cách nói quen dùng như "học vần quốc ngữ" hoặc "học đánh vần." Đến bây giờ chúng ta có thể trở về nhìn lại mấy lối gọi tên này để thấy rằng chúng chỉ là một với những gì chúng ta đang bàn ở đây. Sở dĩ chúng tôi không muốn dùng lại ngay những tên gọi đã quen dùng, là cốt để có dịp trình bày cùng bạn đọc những khúc mắc của một vấn đề ngỡ là đơn giản.

2. Những phương pháp dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên

Những phương pháp dạy đọc thường dùng

2.1 Dưới đây là một số những phương pháp dạy đọc quen thuộc trong việc dạy đọc thường được áp dụng tại các nước phương tây, và dạy đọc chữ viết theo lối ghi âm:

1. Phương pháp A-B-C:

Đây là một phương pháp lâu đời nhất, bắt đầu bằng cách dạy cho trẻ gọi được tên của những chữ cái. Chẳng hạn như chữ **xê [c] cá**, chữ **bê [b] bò**, chữ **gờ [gh] ghe**... Bằng mọi sáng kiến, các nhà giáo dục tạo cơ hội cho trẻ nhận mặt các chữ cái (hộp chữ cái, bánh hình chữ cái, hình vẽ vui mắt về các chữ cái... Những tài liệu bên phương tây có những quyển sách giáo khoa rất lâu đời nay còn giữ được cho thấy cách trình bày bài vở hoàn toàn theo phương pháp này. Đặc biệt là vào thế kỉ XVIII, các sách học đã có hình ảnh minh họa, và những câu thí dụ để gây hứng thú và gợi ý áp dụng.

Ở Việt Nam, không có nhiều những tài liệu cũ để lại, nhưng một vài lời ngắn ngủi trong Lời Tiểu Dẫn sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư (1918) cho ta hình dung được là trước khi sách soạn ra, người Việt học đánh vần chữ "quốc ngữ" là theo phương pháp **a-b-c.**

2. Phương pháp dạy nguyên tiếng một:

Một quyển giáo khoa in từ thế kỉ XVII soạn theo lối này. Thầy giáo dạy các từ đặt trong

ngữ cảnh rõ rệt để cốt cho hiểu ý nghĩa cuả chúng mà không đếm xỉa gì đến a-b-c cuả chúng. Chẳng hạn, bài ở trang 75 quyển *Visible Words* (1657) dạy các từ liên quan đến việc cắt tóc (barber barbershop-hair-bear-sizzars...). Một tác giả đã cắt nghĩa quan điểm của ông như sau: "Có lẽ việc đứa trẻ cần phải biết các chữ cái không phải chuyện quan trọng trước khi nó được dạy đọc. Nó chỉ cần nhìn vào mặt chữ mà đọc lên theo giọng thầy đọc, rồi lại được cắt nghiã cho; sau đó nó muốn học phân tích chữ viết và gọi tên các chữ cái thì hãy làm" (*Worcester Primer,* 1828).

Phương pháp dạy tiếng một còn được hỗ trợ thêm với lí thuyết Gestalt rất thịnh hành vào những năm 1930. Thuyết Gestalt cho rằng con người nhận thức sự vật là ở cái tổng thể chứ không phải qua từng chi tiết. (Gestalt có nghiã là hình thể toàn diện).

Ở phương đông thủa xưa học chữ viết hình khối vuông chứ không theo mẫu tự latin, lối học ở giai đoạn đầu tiên là đọc thuộc lòng các sách Ấu học như Tam Tự Kinh, có thể xem là áp dụng phương pháp nhìn mặt chữ mà đọc theo cho thuộc, lối học "từng tiếng một."

3. Phương pháp dạy nguyên câu:

Phương pháp này cho rằng nên dạy trẻ từng câu trọn vẹn viết ra bảng, rồi đọc to lên. Rồi tiếp đến câu khác, cũng viết ra và đọc to. Khi trẻ nhận ra rằng có một mối liên hệ giữa chữ viết và giọng đọc chứ không phải là ngẫu nhiên, chúng sẽ dần dần học được cách liên hệ hai mặt này cho đúng và áp dụng vào những câu mới học về sau này.

Phương pháp dạy nguyên câu được đề xướng vào khoảng cuối thế kỉ XIX có lẽ chỉ là một lối phản ứng lại tính cách cực đoan của phương pháp dạy nguyên tiếng một mà thôi, nhưng cũng đã gây nổi chú ý một thời.

4. Phương pháp ngữ âm:

Phương pháp ngữ âm nói chung là những lối dạy cùng nhắm dạy trẻ âm của các chữ cái, chứ không chỉ đọc tên các chữ cái mà đủ; kế đó là kết hợp từng tiếng tương ứng với chữ viết của chúng. Điểm mấu chốt ngữ âm là sự chú trọng đến việc phân tích các từ được học. Có lẽ vì thế mà những người phê bình phương pháp này thường hay viện lẽ là nó "chú trọng đến phát âm," thật ra thì không phải chỉ là thế. Phương pháp ngữ âm hiểu một cách nghiêm chỉnh, là phương pháp dạy trẻ hệ thống ngữ âm và liên kết ngữ âm với hình thái chữ viết của chúng. Phương pháp ngữ âm rất quan tâm đến những yếu tố sau đây: một mặt, cần phải sắp xếp ngữ âm thật xác đáng để làm rõ tính hệ thống cuả nó; mặt khác, phải quan tâm đến vốn ngữ âm sẵn có nơi trẻ.

Những cuộc nghiên cứu sâu rộng đều ghi nhận rằng phương pháp ngữ âm đạt hiệu quả rất cao với các lớp nhỏ, ở giai đoạn đầu của dạy đọc (Chall, 1967). Đặc biệt là cuộc nghiên cứu lượng giá cuả Adams (1990) gần đây lại càng nồng nhiệt đối với phương pháp ngữ âm, và cũng xem xét lại toàn bộ các yếu tố để cho một phương pháp ngữ âm đúng nghĩa và có hiệu quả. Đó là: một hệ thống ngữ âm chặt chẽ bao gồm những đơn vị ngữ âm và những tiến trình kết hợp ngữ âm khác nhau, sự quan tâm đến tính vừa sức và khả năng ngôn ngữ sẵn có của học sinh, tiến trình dạy kết hợp hình ảnh ngữ âm và thị ảnh về chữ viết...

5. Phương pháp "ngữ học":

Trong thời gian thế chiến II, đương khi phương pháp dạy nguyên tiếng một đang thịnh, một phần vì lí thuyết Gestalt đang là món thời thượng, phần khác là giáo dục phương tây đang chuộng phong trào "tiến bộ," "sáng tạo." Bỗng xảy ra một biến cố lớn: một nhà báo tên là Rudolf Flesh xuất bản quyển sách *Why Johnny Can't Read* (1955), kết án nặng nề lối dạy trẻ đọc theo lối học từng tiếng một mà quên lối ngữ âm. Quyển sách đã dấy lên làn sóng phản đối việc dạy đọc bằng phương pháp dạy nguyên từng tiếng một để quay về với phương pháp "nhìn-và-đọc" kết hợp với phương pháp ngữ âm. Các nhà ngữ học miêu tả Mĩ tham gia biên soạn sách dạy học vần cho trẻ Mĩ. Một trang sách do Bloonfield soạn chẳng hạn, cho thấy một loạt các từ có cùng một mô hình ngữ âm giống nhau: *a rap - a gap - dad - had - a map. Pat had a bat....*(Bloomfield, & Barnhart, Let's Read, p.1. , 1963). Các tác giả chọn từ cho bài dạy theo ngữ âm cuả chúng, và cũng là những từ họ cho là thường gặp trong vốn từ của trẻ em Mĩ.

Không lâu sau đó, công chúng nhận ra vấn đề của phương pháp gọi là ngữ học này. Trước hết là nó tỏ ra lạc hậu với trào lưu ngữ học đương đại, sau nữa là phương pháp này không nắm đúng yêu cầu phát triển tâm lí cuả trẻ khi chọn lọc từ ngữ theo ngữ âm mà hi sinh những yếu tố khác, chẳng hạn ý nghĩa, và mức độ thông dụng cuả từ được chọn.

Hai chủ trương dạy: "nhìn-và-đọc" và "nghe-và-đọc"

2.2 Lịch sử của khoa giáo dục ngôn ngữ đã

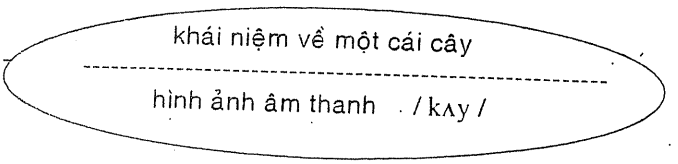

Hình 1.1a: tương quan giữa sự kiện và hình ảnh ngôn ngữ

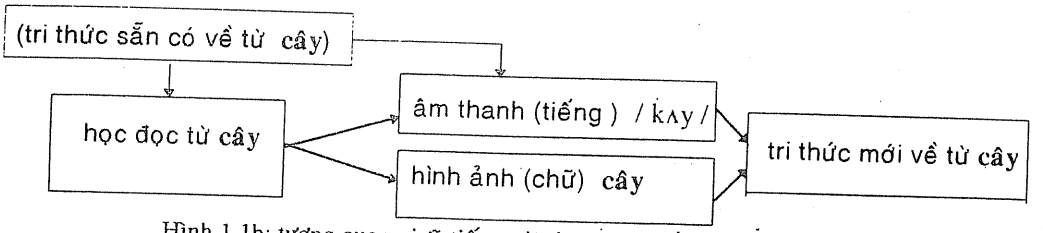

Hình 1.1b: tương quan giữa tiếng và chữ trong tiến trình học đọc

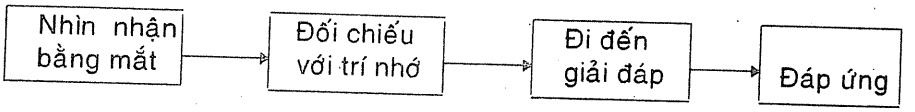

Hình 1.6a: Những chặng cuả tiến trình nhận thức

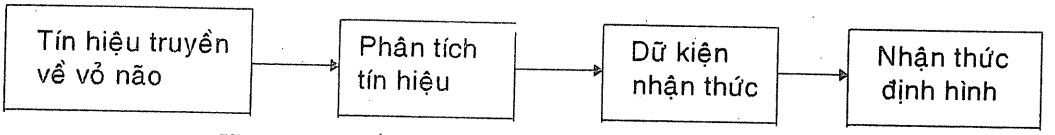

Hình 1.6b: Tiến trình nhận thức từ tín hiệu

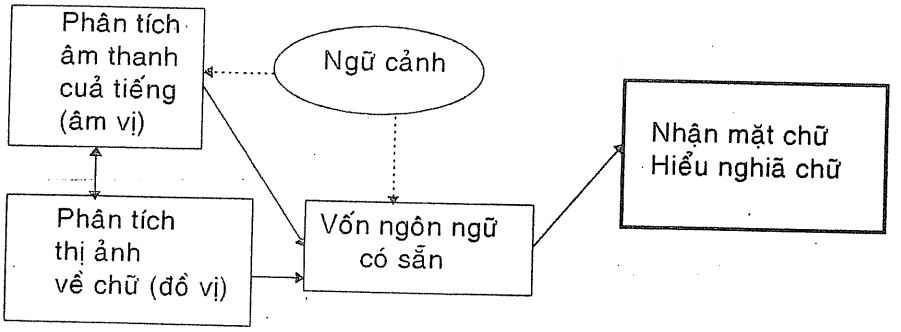

Hình 1.6c: Tiến trình nhận thức trong học đọc

kinh qua nhiều chặng phát triển, cả ở phương đông cũng như phương tây, mà chung quy lại là những tranh cãi bất tận giữa hai chủ trương chính: một là chủ trương dạy theo lối "nhìn-và-đọc," và một chủ trương khác là "nghe-và-đọc." Thật ra, cách gọi tên hai chủ trương dạy học này không thuần nhất ở các nơi. Tại lục địa châu Âu và Nam Mĩ, các nhà giáo dục gọi tên phương pháp "nghe-và-đọc" là phương pháp "tổng quát," và họ gọi phương pháp"nghe-và-đọc" là phương pháp"phân tích-tổng hợp." Có thể nói là cho đến nay vẫn chỉ có hai chủ trương lớn thay chân nhau. Điểm khác nhau chính yếu giữa hai chủ trương này là, như Chall (1967) đã phân tích, những phương pháp gộp chung vào chủ trương "nhìn-và-đọc" nhấn mạnh vào việc nhận biết nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ viết, còn những người theo chủ trương "nghe-và-đọc" thì chú trọng đến cơ chế giải mã ngôn ngữ viết tương ứng với ngôn ngữ nói.

Có quan niệm cho rằng phương pháp "nhìn-và-đọc" thích hợp với những ngôn ngữ như tiếng Anh, nghĩa là những ngôn ngữ phức tạp vì có nhiều sai biệt giữa nói và viết; còn phương pháp "nghe-và-đọc" thích hợp với những ngôn ngữ như tiếng Spanish, vì giữa tiếng nói và chữ viết có nhiều điểm tương ứng. Thật ra thì không phải cấu trúc ngôn ngữ là vấn đề, vì hầu như đâu đâu cũng có những tranh cãi không dứt giữa hai chủ trương vừa kể. Trong một bản nghiên cứu đối chiếu về việc dạy đọc tại 14 quốc gia khác nhau, Downing (1973) nhận thấy là những tranh luận giữa hai khuynh hướng dạy học này diễn ra ở cả những nước như Nhật và Trung Hoa, là những nước có cấu trúc ngôn ngữ khác hẳn của phương tây.

2.3 Trên đây là sơ lược những phương pháp dạy đọc ở giai đầu nối nhau tại các nước. Các phương pháp trên đây không đi ra ngoài hai xu hướng nêu ở đoạn 2.1 trên kia. Tất cả các phương pháp trên có thể đã thích hợp với một điều kiện hoàn cảnh này nhưng lại không thích hợp trong hoàn cảnh khác. Nhưng có một điểm đáng chú ý là tất cả các phương pháp đều như là những mảnh nhỏ của một tổng thể. Có lẽ một phương pháp có hiệu quả phải hội đủ những tính chất của các phương pháp trên đây: vừa chú ý đến ngữ âm vừa giúp trẻ tìm thấy tương quan giữa âm và chữ, vừa giúp trẻ nhận ra cái toàn thể (từ, câu) vừa giúp phân tích ra từng thành phần nhỏ, vừa giúp trẻ nhận ra hệ thống ngữ âm vừa giúp chúng hiểu ý nghĩa cuả bản văn (chữ viết). Đó là những luận điểm mà Adams (1990) đã muốn chuyển đạt khi đánh giá lại phương pháp ngữ âm mà bà cho là có khả năng cao nhất trong việc dạy đọc ở giai đoạn đầu tiên.

Tóm lại, học đọc ở bước đầu tiên là một quá trình tâm lý sư phạm và ngôn ngữ phức tạp. Phương pháp dạy học đọc ở giai đoạn đầu tiên sẽ có tác dụng lớn đối với trẻ trong suốt quá trình giáo dục ở nhà trường. Những tranh luận v phương pháp dạy học đọc ở bước đầu là những nỗ lực của nhà giáo dục về cả hai mặt: cải tiến phương pháp sư phạm và giúp đỡ hhọc viên phát triển tư duy ngôn ngữ viết ở mức độ cao nhất.

Tham khảo

Adams, Marilyn J. (1990) *Beginning Read. Thinking and Learning about Print.* Cambridge, Mass.: MIT Press.

Aitchison, Jean (1983) *The Articulate Mammals - An introduction to Psycholinguistics.* (2nd ed.) London: Hutchinson.

Chall, Jeanne S. (1967) *Learning To Read. The Great Debate.* New York: McGraw-Hill.

(1983) *Stages of Reading Development.* New York: McGraw-Hill

Crowder, Robert (1982) *The Psychology of Reading An Introduction.*Oxford: Oxford Uni. Press

Downing, John (1979) *Reading and Reasoning.* London: Chambers

Fries, Charles (1962) *Linguistics and Reading.* New York: Holt, Rinehart & Winston, Inc.

Goswami, Usha & Bryant, Peter (1990) *Phonological Skills and Learning To Read.* Hove: Lawrence Erlbaum Associates

Jackendoff, Jay (1993) *Patterns in the Mind-Language and Human Nature.* New York: Harvester Wheatsheaf

Romaine, Suzanne (1984) *The Language of Children and Adolescents - The Acquisition of Communicative Competence.* Oxford: Basil Blackwell.

Saussure, Ferdinance (1972) *Cours de Linguistique Générale.* (édition critique préparé par Turillo de Mauro). Paris: Payothèque.

Smith, Frank (1988) *Understanding Reading* (4th ed.). Hillsdale, New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates Publishers

Trần, Trọng Kim, et al. (1935) Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết) -Lớp Đồng Ấu (bản in thứ 18). Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp.

NÊN CHIỀU Ý BỆNH NHÂN HAY KHÔNG?

BS. NGUYỄN TIẾN CẢNH

Hồi cuối năm 1995 tại San Jose, California, có một bà mẹ Việt Nam trẻ đẹp, học thức đã thiệt mạng vì mất máu quá nhiều khi sinh một bé trai. Lý do vì bà là tín đồ đạo Chứng Nhân Jehovah nên theo luật tôn giáo, không nhận truyền máu. Câu chuyện đã gây xáo động, bàn tán, trách móc rất nhiều trong gia đình nạn nhân và cộng đồng Việt Nam hồi đó. Cách đây hai năm tại trung tâm đại học Georgetown, một trường hợp tương tự đã làm các bác sĩ, nhân viên y tế và nhà thương rất lúng túng khó xử.

Va chạm giữa niềm tin tôn giáo và khoa học

Nạn nhân là một cô gái 15 tuổi, có thai 5 tháng. Sau thánh lễ, trên đường về đã bị tai nạn xe hơi, gẫy và trật xương sống cổ và lưng làm liệt tứ chi, không nói được. May thay thai nhi không hề hấn gì. Cô gái được đưa vào trung tâm cấp cứu đại học y khoa Georgetown ở Washington D.C. Cô mới rửa tội theo đạo Chứng Nhân Jehovah một năm trước đây, trên người đeo tấm lắc: "Không nhận truyền máu kể cả trong trường hợp khẩn cấp." Biết vậy, bác sĩ đã cho bệnh nhân chất sinh máu erythropoietin để kích thích tủy xương cấu tạo hồng huyết cầu nhanh hơn.

Tưởng nên nhắc lại: theo đạo Chứng Nhân Jehovah, máu là một phần linh thiêng của cơ thể con người. Tín đồ không được phép cho máu và nhận máu, ngay cả máu của chính mình dù trong trường hợp cấp cứu. Trái lệnh là có tội, bị vạ tuyệt thông và cộng đoàn ruồng rẫy.

Bác sĩ, nhân viên y tế và nhà thương phải làm sao để vừa chiều theo ý bệnh nhân vừa có thể hành xử đúng nguyên tắc và lý tưởng y khoa chuyên môn và lương tâm chức nghiệp? Biết bao là vấn nại đã được đặt ra. Cứ tiến hành giải phẫu và sẵn sàng máu để truyền nếu cần? Xin lệnh tòa cho phép truyền máu? Giữ lời hứa với bệnh nhân không truyền máu và chấp nhận may rủi? Nhưng còn số phận của thai nhi thì sao?

Đây là vấn đề thuộc hai phạm vi luân lý đạo đức và khoa học. Nó cũng liên quan đến vấn đề tự do phá thai (Pro-choice), hay bảo vệ sự sống và thai nhi (Pro-life), và vấn đề nên trợ giúp bệnh nhân tự tử (Assisted suicide) hay không, nhưng vấn đề mà từ lâu được tranh luận sôi nổi trong mọi giai tầng xã hội, từ dân gian, y giới, tôn giáo đến quốc hội, tổng thống, tối cao pháp viện, mà vẫn chưa có giải quyết thỏa đáng.

Trong xã hội văn minh và tự do hiện nay, người y sĩ hàng ngày đã phải đối đầu với rất nhiều vấn đề nan giải giữa lương tâm chức nghiệp, luân lý đạo đức và tiền bạc cũng như những đòi hỏi của bệnh nhân đôi khi đi ngược lại lời thề Hippocrates, nghĩa vụ cao quí của người thầy thuốc là bảo vệ sức khỏe/đời sống bệnh nhân và con người. Khoa học kỹ thuật hiện đại ngày nay đã có thể làm được những điều vượt quá ước mơ của con người. Luân lý đạo đức và lương tâm là những kim chỉ nam giúp chúng ta giải quyết những vấn đề khó khăn. Nhưng con người có luôn luôn nghe theo tiếng gọi của lương tâm luân lý đạo đức hay không?

Câu truyện cô gái đạo Chứng Nhân Jehovah chỉ là một trường hợp điển hình nan giải giữa niềm tin tôn giáo, khoa học, kỹ thuật và y đạo. Nó đặt ra những vấn đề bất thường và khó khăn, nhưng cũng gợi cho chúng ta, nhất là y giới, một con đường sáng đi tới để giải quyết vấn đề. Những tia sáng đó phản ảnh một triết thuyết của y học như một nghệ thuật chữa lành con bệnh, đôi khi lại khác hẳn với những quyết định đơn độc chỉ dựa vào khoa học và những ước vọng phức tạp của bệnh nhân. Một trong những nhiệm vụ căn bản của nhà y đạo là giúp người y sĩ hiểu được giá trị của người bệnh để họ có thể đáp ứng đúng mức với những ước vọng của bệnh nhân. Khi mà bác sĩ và y tá cùng nhau phối hợp làm việc vì phúc lợi tối hậu của bệnh nhân, không vì y học tuyệt hảo thì tự nó đã biến y học trở thành tuyệt hảo rồi vậy.

Cô gái cần phải giải phẫu cấp kỳ, nhưng đã mấy ngày qua đi mà các bác sĩ không có hành động tích cực nào. Bà mẹ bệnh nhân vào gặp bác sĩ Henderson, giám đốc trung tâm bướu xương sống, chuyên viên giải phẫu thần kinh những trường hợp hắc búa. Dù là trường hợp đặc biệt, khó xử chưa bao giờ gặp, nhưng vì có lời yêu cầu của bà mẹ bệnh nhân, ông đã nhận lời giúp.

Khi nhận lời, ông biết ông sẽ là cái mốc cho mọi người xì xào, tranh cãi kéo theo cả luật sư của nhà thương. Bệnh nhân có quyền từ chối điều trị, từ chối truyền máu tức đã đứng trên bờ vực thẳm của tử thần. Việc này trái với truyền thống và mục đích của y khoa/y giới được huấn luyện để bảo vệ sự sống.

Một Cuộc Bàn Cãi

Tất cả mọi nhân vật, ban ngành, nòng cốt của trung tâm đều được hỏi ý kiến. Bác sĩ giải phẫu, bác sĩ thần kinh tâm trí, y tá, trợ tá xã hội, luật sư, chuyên viên y đạo. Cả nhà thương náo động vì trường hợp độc đáo chưa bao giờ gặp. Mọi người bàn tán: Truyền máu hay không truyền máu? Quyền sống của thai nhi ra sao?

Ý Kiến Của Y Tá:

Toán y tá của bác sĩ Henderson có 35 người. Họ là cộng tác viên trực tiếp nên họ cũng chịu trách nhiệm việc làm của ông. Do đó những thắc mắc của họ cũng phải được giải tỏa: Bệnh nhân có thực là tín đồ nồng nhiệt đạo Jehovah, cương quyết không nhận truyền máu hay là bị áp lực của cha mẹ? Bệnh nhân có thắc mắc, áy náy về cái bào thai trong bụng không? Bệnh nhân có tỉnh táo, sáng suốt đủ sau khi tai nạn và dưới ảnh hưởng của đủ loại thuốc chống đau khi quyết định không? Thai nhi có quyền quyết định gì trong vấn đề này không? Một số tỏ vẻ ái ngại nếu không truyền máu, thai nhi có thể nguy đến tính mạng. Một số đồng ý phải tôn trọng ước nguyện của bệnh nhân.

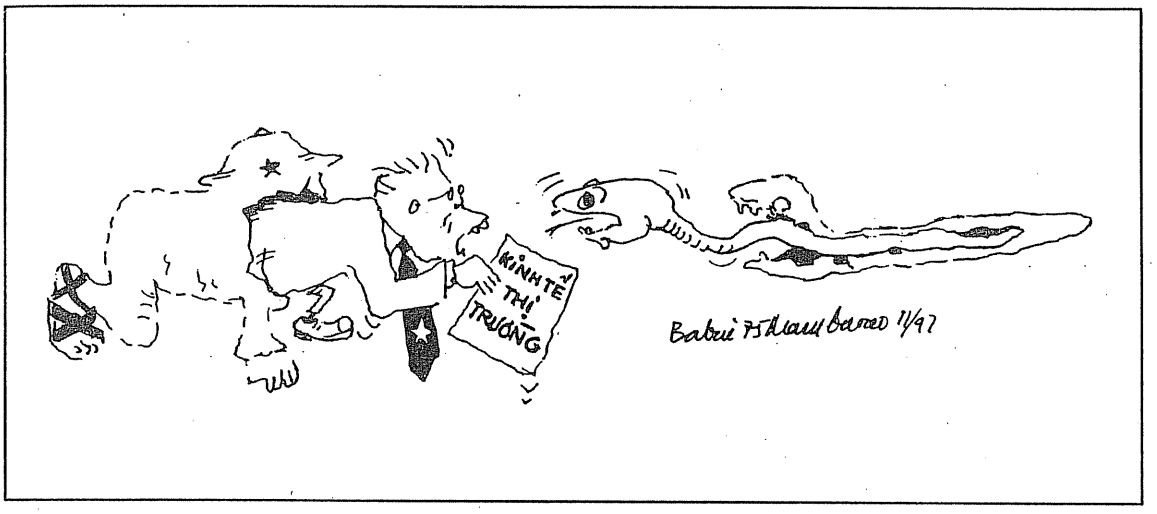

"Theo luật của D.C. — ý kiến trợ tá xã hội — nếu không chữa trị trẻ vị thành niên đúng mức vì lý do tôn giáo của cha mẹ, cha mẹ có thể bị kết tội sao lãng, bỏ bê con trẻ."

Bà y tá trưởng trình bày thắc mắc của mọi người lên bác sĩ Henderson và yêu cầu được tham khảo ý kiến luật sư và chuyên viên y đạo. Nhưng bác sĩ Henderson lại muốn bác sĩ thần

kinh tâm trí định giá tình trạng tâm thần của bệnh nhân trước.

Ý Kiến Của Bác Sĩ Giải Phẫu:

Bác sĩ Henderson tuyên bố:

"Tôi biết có một số y tá nêu lên vấn đề y đạo. Dĩ nhiên không ai muốn chấp nhận những ý kiến ba phải." Ông ám chỉ ông không còn lựa chọn nào khác ngoài việc giữ lời hứa làm theo ước nguyện của bệnh nhân.

"Tôi nghĩ trong trường hợp này — ông nói tiếp — nguyên tắc tôn giáo phải ưu tiên, không phải vì bệnh nhân đủ trí sáng suốt nhưng vì cô ta đã khẳng định rõ ràng: 'Tôi không nhận truyền máu.'"

Đối với ông thì hoặc là bệnh nhân hiểu rõ ràng mục đích, diễn biến và hậu quả của cuộc giải phẫu hoặc là bệnh nhân chết, kéo theo cả cái bào thai trong bụng. Bỏ vấn đề y đạo qua một bên, thực sự mà nói, cuộc giải phẫu sẽ có nhiều nguy hiểm rất có thể xảy ra. Ngoài việc xương sống gẫy, bị trật, còn hai mạch máu lớn dẫn máu lên óc đã bị tổn thương gần bể. Trong khi giải phẫu, chỉ cần sơ ý một tý hoặc không may bị bể, bệnh nhân có thể chảy máu xối xả và chết. Dĩ nhiên ông sẽ sửa lại những khúc xương sống bị gẫy và trật, nhưng không thể cứu được tình trạng liệt và cuộc giải phẫu đã đến lúc không còn chần chừ được nữa. Y đạo, ông tự nghĩ, rồi cũng chỉ làm cho vấn đề rối rắm thêm mà thôi. Nếu cứ ôm cứng lấy một mớ vừa luật pháp vừa y đạo vừa y học thì rồi không biết ông sẽ đứng ở vị thế nào.

Ý Kiến Của Luật Sư

Đối với luật sư thì ý nghĩ đầu tiên là xin lệnh tòa cho phép truyền máu.

Luật sư Zimmet, nguyên là y tá nhi khoa nên bà hiểu rằng nếu cứ cố bảo vệ thai nhi thì theo luật không được chỉnh vì thai phụ có quyền phá thai cho đến thai kỳ thứ ba. Trường hợp này thai nhi đang ở thời kỳ thứ hai. Do đó đối với bà bảo vệ người mẹ là ưu tiên. Luật đã rõ ràng là người lớn (thành niên) trong tình trạng tâm trí bình thường có quyền từ chối trị liệu không cần biết bác sĩ có đồng ý hay không. Nhưng trường hợp này bệnh nhân dưới 18 tuổi tức còn vị thành niên thì câu chuyện lại khác đi.

Luật pháp khẳng định không cho phép cha mẹ quyền bắt con cái phải chết tử vì đạo. Tòa cũng không cho phép cha mẹ buộc con cái thành niên từ chối trị liệu như họ từ chối. Đã có một trường hợp xảy ra, người cha (đạo Chứng Nhân Jehovah) bị tòa ra lệnh phải rời khỏi giường bệnh của đứa con sáu tuổi và bị tống giam vì đã ngăn cản con nhận truyền máu khẩn cấp. Do đó bà hiểu rằng nếu không truyền máu cho bệnh nhân khi cần sẽ bị buộc tội lơi là bỏ bê con trẻ và nhà thương cũng bị liên đới trách nhiệm. Bà cũng có lần đã nhận trát tòa cho phép bác sĩ truyền máu cho một đứa trẻ đạo Jehovah trong trường hợp nguy kịch.

Bác sĩ Henderson đưa vấn nạn:

"Nhưng tôi đã hứa với gia đình nạn nhân thì tôi phải giữ lời hứa. Lời hứa cũng quan trọng lắm chứ."

Ông lại đưa vấn đề tuổi trưởng thành Chín Chắn (Maturity) ra bàn hầu thuyết phục luật sư Zimmet.

"Cô gái này tỏ ra — ông nhấn mạnh — thông minh và chín chắn. Cô biết việc cô làm."

Thực vậy, một số ít trường hợp tòa đã coi bệnh nhân thanh niên như là vị thành niên "chín chắn" (mature minors), nghĩa là có khả năng quyết định trị liệu cho mình. Đối với luật sư Zimmet, trường hợp như vậy chưa thấy xảy ra ở D.C. Nhưng nếu thực sự cô gái đủ tỉnh táo và chín chắn để quyết định như bác sĩ Henderson nghĩ thì nhà thương có thể tự giải quyết trường hợp này theo quyết định của y đạo. Thế là chuyên viên y đạo, bác sĩ Sulmasy được hỏi ý kiến và hội đồng y đạo được triệu tập.

Ý Kiến Của Chuyên Viên Y Đạo

Chuyên viên y đạo là một bác sĩ chuyên về nội khoa. Ông trở thành linh mục dòng Phanxico năm 1983 khi đang theo học trường nội trú nội khoa năm thứ hai ở John Hopskin Hospital tại Baltimore. Ông đã nghiên cứu học hỏi về y đạo, triết học và sinh y đạo (bioethics) ở đại học Georgetown dưới sự hướng dẫn của giáo sư Gioan E. Pellegrino, nhân vật nổi tiếng và được coi là cha già của y đạo. Ông mới nhận chức giám đốc y đạo của trung tâm y khoa Georgetown từ tay giáo sư Pellegrino.

Ông nghĩ đây là một trường hợp hay vì nó đòi hỏi phải nhìn dưới cả hai khía cạnh nhân bản và luân lý đạo đức. Nhưng ông biết rằng đây là trường hợp tế nhị, dồn ông vào vị thế rất khó xử. Mặc dù đã có lần ông thuyết phục được một bệnh nhân đạo Jehovah chấp nhận truyền máu, nhưng chưa bao giờ ông gặp trường hợp vị thành niên như trường hợp này chứ đừng nói bệnh nhân lại mang thai nữa. Ông cũng chưa bao giờ thấy trong sách vở báo chí một trường hợp tương tự như vậy.

Nhiều người cho rằng tín đồ đạo Chứng Nhân Jehovah khùng. Họ không khùng đâu. Họ là những người chân thành, tin tưởng tuyệt đối vào niềm tin tôn giáo của họ.

Tuy nhiên, ông nhớ lại năm 1964 cũng tại nhà thương Georgetown, lệnh tòa đã cho phép bác sĩ truyền máu cho một bệnh nhân đạo Jehovah chảy máu quá nhiều vì bể bao tử. Lý do là bệnh nhân không được chết vì còn có trách nhiệm phải nuôi nấng đứa con còn nhỏ. Đây là nghĩa vụ xã hội của cha mẹ đối với con cái, giống như lời thề Hippocrates mà các bác sĩ khi ra trường đã phải tuyên thệ: Mọi việc người y sĩ làm phải vì phúc lợi của bệnh nhân, không bao giờ được làm hại bệnh nhân. Nhưng từ năm 1995 khung trời y đạo đã biến đổi khác hẳn. Bệnh nhân có quyền tham dự tích cực vào tiến trình trị liệu cho mình. Vì tự do hay quyền lợi?

Trường hợp cô gái đặt ra hai nguyên tắc có vẻ đối chọi nhau: Phúc lợi của bệnh nhân và quyền tự do của bệnh nhân. Đem hai vấn đề này lên bàn cân, cái nào sẽ nặng hơn?

Một nguyên tắc căn bản về đạo đức trong y học là mọi cố gắng của người y sĩ phải có chủ đích giúp đỡ người bệnh. Do đó tất cả mọi việc người y sĩ làm phải qui về phúc lợi của người bệnh. Quan niệm này đã được cha già y đạo Pellegrino và triết gia D.Thomasma giáo sư đại học Loyola chấp nhận vào thập niên 1980. Dĩ nhiên người y sĩ sẽ phải luôn luôn hành động cho lợi ích tốt nhất của người bệnh. Nhưng ngày nay hai tiếng "Tốt Nhất" đã trở nên mơ hồ phức tạp vì vấn đề đặt ra thế nào là lợi ích Tốt Nhất?

Đối với bác sĩ, về phương diện y khoa thì truyền máu là tốt nhất. Nhưng y khoa tốt mới chỉ là một trong nhiều cái tốt cho bệnh nhân. Cái tốt đối với bệnh nhân có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo quan niệm của mỗi người bệnh. Đối với tín đồ đạo Chứng Nhân Jehovah thì tôn thờ và giữ hiệp thông với đức Jehovah là điều tốt nhất. Họ sẵn sàng chết vì niềm tin. Do đó niềm tin của họ của họ chắc chắn phải vượt lên trên quan niệm về y khoa. Tuy nhiên ông muốn kiểm chứng lại xem bệnh nhân có thực sự hoàn toàn tự do sẵn sàng chết mà không nhận truyền máu không? Biết đâu cô muốn nhận máu nhưng vì sợ cha mẹ và các đồng đạo bu quanh mà không dám nói ra? Ông đã yêu cầu luật sư Zimmet cho phép truyền máu. Bà mẹ cô gái vui vẻ rời phòng để cho hai người được tự do nói chuyện với con gái bà.

Cuộc nói chuyện được diễn ra rất cẩn thận dưới dạng một số câu hỏi.

- Cô có nhận biết rằng cô đã bị liệt tứ chi và cần phải giải phẫu không?

- Cô có hiểu rằng tại sao phải cần truyền máu không?

- Cô có hiểu rằng rất có thể cô và đứa con trong bụng sẽ chết không?

Bệnh nhân đã được hỏi từng vấn đề một và yêu cầu cho biết thứ tự ưu tiên của từng ước nguyện. Kết quả cuộc đàm thoại như sau:

- Cô không muốn truyền máu. Đó là ước nguyện ưu tiên số một. Thứ đến là cứu tính mạng hài nhi trong bụng. Sau cùng mới chính là mạng sống của cô.

Chưa đủ, bác sĩ Sulmasy và luật sư Zimmet còn hỏi thêm một câu hỏi khác nữa.

- Nếu nhận truyền máu thì cô sẽ làm buồn lòng/thất vọng ai nhất? Jehovah hay cha mẹ cô?

- Jehovah, cô trả lời.

Như vậy cô gái đã hoàn toàn nhận biết và hiểu rõ tình trạng của cô và thực sự muốn nói lên ước nguyện của mình.

Sulmasy rời phòng bệnh nhân với nguyên ý nghĩ ban đầu, nhưng để chắc ăn ông cần phải lấy ý kiến của cả hội đồng y đạo. Mục đích không phải để từ chối ước nguyện của gia đình bệnh nhân, nhưng để cho toán y tá giải phẫu yên tâm khỏi thắc mắc về phương cách trị liệu sắp tới.

Cuộc Họp Của Hội Đồng Y Đạo

Cuộc họp diễn ra ngay trong phòng họp của ngành giải phẫu thần kinh. Thành phần tham dự gồm phía gia đình bệnh nhân và Trung Tâm Y Khoa Georgetown. Bên gia đình bệnh nhân có cha mẹ cô gái, luật sư và một số đồng đạo giáo hội Chứng Nhân Jehovah. Tất cả ngồi một bên của bàn họp. Phía bên kia bàn là nhân viên của nhà thương gồm có chuyên viên y đạo Sulmasy, cha già Pellegrino, bác sĩ Henderson, y tá trưởng Ella Date và luật sư Zimmet. Cuộc họp cũng có sự hiện diện của bác sĩ thần kinh tâm trí thanh niên/trẻ con, bác sĩ chuyên viên máu về trẻ con, nhân viên xã hội và bác sĩ trưởng khoa trẻ sơ sinh. Chuyên viên y đạo Sulmasy chủ tọa cuộc họp.

Mở đầu cuộc họp ông nói về nhiệm vụ của chuyên viên y đạo:

"Chúng tôi không phải là một toán chuyên viên của Chúa gửi đến để biểu quí vị làm điều

này điều nọ. Mục đích duy nhất của tôi và giáo sư tổ phụ Pellegrino là nêu lên những vấn đề luân lý đạo đức hầu giúp gia đình bệnh nhân và các chuyên viên y tế đạt được quyết định đúng."

Thực sự đối với ông có hai vấn đề quan trọng cần phải làm sáng tỏ là:

- Bác sĩ có trách nhiệm y đạo đối với thai nhi để phải truyền máu cho bệnh nhân không?

- Bệnh nhân có đủ tư cách và sáng suốt để tự mình quyết định không?

Với tư cách chủ tọa, ông để mọi người tự do bàn luận và phát biểu ý kiến. Cuộc họp có lúc rất sôi nổi, căng thẳng nhưng vẫn giữ vẻ tương kính.

Trước tiên bàn về những dữ kiện y khoa, từng vấn đề một. Bác sĩ chuyên môn huyết học cho rằng bệnh nhân và gia đình đã nhượng bộ hai chuyện là để bác sĩ cho bệnh nhân chất sinh huyết, một loại chất đạm chính của máu và dùng lại máu chảy từ vết thương giải phẫu truyền ngay trở lại cơ thể. Các đồng đạo Jehovah đã đọc một đoạn thánh kinh không cấm tín đồ dùng lại máu của mình khi máu chưa xa lìa cơ thể như trường hợp hút máu từ vết thương giải phẫu rồi chạy vòng tinh luyện đoạn truyền trở lại cơ thể. Đại diện đồng đạo Jehovah đã xác nhận với gia đình bệnh nhân là cô gái được phép chữa trị theo hai phương pháp nói trên.

Thứ đến bàn về thai nhi. Theo bác sĩ nhi khoa chuyên về trẻ sơ sinh thì hồng huyết cầu của người mẹ thấp không thực sự đe dọa sức khỏe của thai nhi. Áp huyết thấp mới thực sự nguy hiểm. Nếu bệnh nhân mất từ 500 phân khối máu trở lên lúc giải phẫu thì cả hai mẹ lẫn con đều có thể chết nếu không tiếp máu. Nhưng cả albumine và máu chảy từ vết thương giải phẫu truyền lại cơ thể đều có thể giữ áp huyết người bệnh không xuống thấp: Do đó cuộc giải phẫu tiến hành an toàn thì quyết định của bệnh nhân không nhận truyền máu chẳng hại gì thai nhi cả.

Tuy nhiên, có một trở ngại nhỏ nhưng lại rất nguy hiểm. Trong khi giải phẫu, bác sĩ Henderson có thể chẳng may làm bể một mạch máu lớn ở cổ thì máu sẽ chảy xối xả khiến cả mẹ lẫn thai nhi cùng chết cho dù có muốn truyền máu cũng không kịp. Do đó không còn lý do cần phải truyền máu cho người mẹ để cứu đứa con. Như vậy hội đồng không cần thắc mắc đặt vấn đề trách nhiệm y đạo đối với thai nhi nữa. Mục thai nhi coi như được giải quyết.

Vấn đề y đạo quan trọng nữa là:

- Trẻ vị thành niên có đủ khả năng, tư cách và tự do từ chối truyền máu không?

Bác sĩ chuyên viên thần kinh tâm trí đưa ý kiến:

- Cô gái thực sự có đủ khả năng và tự do quyết định, vì chính cô đã lặp đi lặp lại nhiều lần ước nguyện của cô là "không muốn truyền máu."

- Phải chăng cô bị áp lực của giáo hội Jehovah?

Sulmasy thừa biết cộng đồng Jehovah đã có lần trừng phạt cô gái vì tội mang thai rồi sau lại tha. Nhưng các đồng đạo đã trả lời câu thắc mắc, cho rằng niềm tin của cô bé chín chắn đủ. Bởi vì giáo hội chỉ rửa tội cho trẻ vị thành niên khi chúng chứng tỏ biết giao ước trưởng thành đối với đức Jehovah.

Sau cùng Sulmasy và cha già Pellegrino nêu lên một vài câu hỏi mẹo:

- Trong khi giải phẫu, nếu cô bé chảy máu nhiều quá rất có thể chết thì cha mẹ cô có muốn bác sĩ truyền máu cho cô bé không?

- Chắc chắn là không, cha mẹ cô bé trả lời.

- Nhưng trong trường hợp nguy kịch quá, toán chuyên viên y khoa thấy cần phải truyền máu và truyền máu cho cô bé thì bệnh nhân có bị nguyền phạt không?

- Không — đồng đạo Jehovah trả lời — Bởi vì không phải lỗi của bệnh nhân.

- Nhưng — một đồng đạo khác nói — truyền máu như vậy có thể coi như phạm tội cưỡng ức.

Trong cuộc bàn luận, mọi người đều hướng đến kết luận là cô gái có đầy đủ khả năng, tư cách và tự do của một người lớn khi quyết định không nhận truyền máu. Đến đây Sulmasy yêu cầu hội đồng quyết định cho ý kiến chung quyết. Nhà thương phải làm gì?

Tất cả hội đồng đồng thanh quyết định bác sĩ Henderson có thể tiến hành cuộc giải phẫu mà không cần truyền máu theo như ước nguyện của bệnh nhân.

Bác sĩ Henderson phát biểu:

"Thật không ai ngờ, một hội đồng gồm đủ mọi người ý kiến khác nhau mà đi đến được một kết luận đồng nhất như vậy."

Ông vui sướng tuyên bố hôm sau ông sẽ tiến hành cuộc giải phẫu.

Cả phòng thở phào nhẹ nhõm. Mọi người đều cảm thấy thoải mái cả thể xác lẫn tinh thần vì vấn đề đã được giải quyết. Bà y tá

trưởng như được giải tỏa khỏi mọi áp lực và toán y tá giờ đây có thể yên tâm trợ giúp cuộc giải phẫu một cách vui vẻ. Đối với luật sư Zimmet thì nhà thương đã giải quyết vấn đề đúng mức, về phương diện pháp lý cũng không có chỗ nào chê trách được. Gia đình nạn nhân tỏ lòng cám ơn chuyên viên y đạo Sulmasy đã đem vấn đề ra thảo luận và được mọi người yểm trợ.

Cuộc giải phẫu đã diễn tiến nhẹ nhàng và thành công mỹ mãn như ước mong của mọi người. Không có những trở ngại bất trắc như đã dự đoán. Cả bệnh nhân lẫn thai nhi an toàn. Mấy mạch máu lớn bị tổn thương đã được sửa lại thành công như ý. Cô bé dần dần đã cử động được cánh tay. Năm tháng sau cô sinh hạ một bé gái khỏe mạnh. Hiện nay cô đã sử dụng được xe lăn và trở lại nhà trường bình thường. Tay cô mạnh đủ để sử dụng máy điện toán và cho con ăn.

Kết Luận: Đôi Lời Bàn

Bác sĩ Henderson đã thực hiện được ý định ban đầu như đã hứa với bệnh nhân. Vậy thì ý kiến của hội đồng y đạo đâu có thay đổi gì?

Bề ngoài xem ra có vẻ như vậy. Nhưng để mọi người cùng tham gia vào câu truyện, lương tâm ông sẽ cảm thấy chắc ăn và an bình hơn. Bởi vì giả sử không có cuộc họp và ý kiến chung, nếu trong khi giải phẫu có điều gì bất trắc xảy ra thì ông sẽ ân hận suốt đời.

Về vấn đề y đạo, cho đến giờ đã hai năm rồi, ta vẫn phải nói rằng: Không ai có thể bảo đảm một cách tuyệt đối là các bác sĩ và y tá ở Georgetown đã hành xử đúng. Điều mà ta có thể nói được là tất cả các chuyên viên y đạo và mọi người trong phòng họp hôm đó đã đưa ra quyết định coi như một cuộc phỏng đoán tốt nhất cho bệnh nhân trước khi câu truyện cô gái thực sự kết thúc. Đó là đặc tính của y đạo. Trên thực tế, câu trả lời "Đúng" không phải luôn luôn là những tia sáng có thể làm tan đám mây mù hỗn độn, nhưng nó vẫn còn nằm đâu đó để chiếu rọi trong bóng dâm mờ ảo mà thôi. Giải quyết được vấn đề, nếu có, thường chỉ là những ý kiến góp nhặt như những gợi ý nhỏ cho toàn thể vấn đề. Sự chọn lựa đòi hỏi công trình nghiên cứu, học hỏi và hành động bền bỉ lâu dài. Theo Sulmasy, câu trả lời Đúng có lẽ chỉ đúng đối với từng cá nhân trong một không gian và thời gian nào đó, hay đó chỉ là một cách chơi chữ mà thôi. Nhưng có điều chắc chắn là không ai trong chúng ta là Chúa, là Thượng Đế cả, do đó chúng ta luôn luôn không biết đó là cái gì. Nhà y đạo thường không có đủ thì giờ để suy nghĩ vấn đề xảy ra đòi hỏi phải giải quyết ngay. Một khi đã giải quyết rồi thì phải sống chết với quyết định đó. Chúng ta cảm thấy thoải mái là khi chúng ta thực thi được một quyết định tuyệt hảo theo lương tâm đạo đức của mình, nắm lấy quyết định đó một cách tuyệt diệu với tất cả lương tâm trong sáng, lòng chân thật và nhiệt tình nồng cháy. Chúng ta có thể thỏa mãn với quyết định và hành động của chúng ta, nhưng chỉ có Chúa biết được quyết định và hành động của chúng ta đúng hay sai mà thôi...

Đó là vấn đề lương tâm đạo đức và y đạo. Về phạm vi luật pháp thì hình như quan tòa có thể làm bất cứ cái gì mà không ai có thể cãi hoặc kiện ngược lại ông vì trong quá khứ ông tòa đã có những quyết định khác nhau về vấn đề truyền máu này. Ngược lại bác sĩ thì luôn luôn là cái mốc cho bệnh nhân đè ra mà kiện. Truyền máu để cứu sống bệnh nhân cũng bị kiện. Không truyền máu cũng bị kiện. Lương tâm, đạo đức, y đạo và luật pháp không phải luôn luôn là bạn đồng hành.

Key Largo, Fl. 25-8-97

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

Tại sao phải bịt miệng nhà báo?

Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam lại ra lệnh các nhà báo trong nước phải trung thành với đảng, phải loan tin tốt, người tốt, việc tốt, và ra lệnh các "cơ quan chủ quản" phải đóng vai đội xếp canh chừng những người viết báo của mình.

Công an lập tức bắt giam một tổng biên tập. Tại sao ông ta bị bắt? Nguyễn Hoàng Linh bị bắt về tội "vi phạm luật pháp, làm lộ bí mật quốc gia." Những bí mật quốc gia nào mà ghê gớm như vậy? Theo tin tức từ Việt Nam thì ông Linh đã viết một bài trong tờ báo Doanh Nghiệp mà ông ta điều khiển, kể rõ các chi tiết trong một vụ tham nhũng tại hải quan, khi cơ quan này mua bốn cái thuyền tuần tiễu cũ của Nga. Bài báo in ra, Nguyễn Hoàng linh đã mất chức Tổng biên tập từ Tháng Chín, nay bị bắt.

Chỉ có câu chuyện bốn cái thuyền máy mà tạo nên một vụ án về bí mật quốc gia. Ở Việt Nam quả thật nhiều thứ bí mật quốc gia quá! Tháng trước, báo Kinh tế Viễn Đông đăng một bài về những trường tư ở Việt Nam, nói đến một viên chức Bộ Quốc phòng cho con học trường tư, mỗi tháng trả 300 ngàn đồng (bằng lợi tức sáu tháng của nông dân Thái Bình.) Tờ báo Hồng Kông nói bố mẹ thì rất mừng con có trường tốt học, nhưng cậu công tử không hài lòng. Vì trường ở gần nhà quá, cậu không có dịp ngồi xe Mercedes mỗi ngày đi học. Bây giờ nhà nước đang khuyến khích làm giầu. Thí dụ có nhà báo nào đó đi viết một phóng sự, tìm hiểu làm cách nào một viên chức Bộ Quốc phòng, vợ buôn bán, lại có tiền mua chiếc xe Mercedes. Chắc nhà báo đó cũng sẽ bị bắt về tội tiết lộ bí mật quốc gia!

Trong khi đó, mỗi buổi sáng hàng ngàn nông dân đi lên Hà Nội ngồi ở khu Chợ Cơ bắp Giảng Võ, chờ có người đến mướn lấy cơm ăn từng bữa. Ở Sài Gòn thì ngày 20 Tháng Mười, bà Thạch Thị Phúc ở Phường Tân Qui đã tự tử cùng hai con, 4 và 6 tuổi, để lại lá thư tuyệt mệnh nói vì nghèo đói quá, không thấy ngõ thoát nào nên chọn cái chết. Bà Phúc không gửi thư cho ông Đỗ Mười, không thuộc loại bí mật quốc gia, báo ở Sài Gòn được loan tin này. Nhưng khi bà mẹ 33 tuổi thắt cổ hai con đến chết rồi tự ải, thì bà cũng biết có nhiều đảng viên, tuy đảng không cho kinh doanh, mà vẫn đi xe Mercedes. Tại Việt Nam hiện nay có hàng trăm ngàn người đang làm giầu một cách đặc biệt và khó hiểu như vậy. Báo chí Sài Gòn cho biết lương một cán bộ cao cấp ở Trà Vinh cao gấp 50 lần lương tối thiểu của một người thợ — chưa kể đến bổng. Mà không phải người nông dân hay công nhân nào cũng được hưởng mức lương tối thiểu 144 ngàn đồng mỗi tháng.

Nguyễn Hoàng Linh có tội gì khi viết về các mánh khóe mua bốn chiếc thuyền cao tốc cũ để ăn cắp của công? Bới móc như vậy là làm xấu mặt chế độ và làm nhục nhã cho người dân phải cúi đầu chấp nhận sống dưới chế độ đó. Hơn nữa, kể rõ chi tiết về một vụ nhũng lạm tức là cũng phơi bày một số mánh khóe tinh vi trong ngàn thứ mánh khóe mà các quan chức cộng sản vẫn quen sử dụng khi thâm lạm công quỹ, ăn cướp tiền của nhân dân. Viết như vậy thì quả thật Nguyễn Hoàng Linh có "tiết lộ bí mật," rất nhiều bí mật. Nhưng có phải là "Bí mật quốc gia" hay không? Đối với người dân thì không. Bí mật của bọn mafia, của bọn buôn ma túy hay của bọn ăn cướp không phải là Bí mật quốc gia. Trừ khi chính là bọn ăn cướp, bọn mafia hay bọn buôn ma túy đang nắm quyền, "nhân danh quyền lợi quốc gia!"

Các nhà báo trong nước nhận xét rằng quyết định truy tố Nguyễn Hoàng Linh không phải vì cái tội của ông ta. Đó chính là một đòn phủ đầu đánh để đe dọa tất cả các nhà báo ở trong nước.

Trên nguyên tắc ở Việt Nam không có chế độ kiểm duyệt. Nhưng không tư nhân nào được phép xuất bản báo. Chỉ có các cơ quan, đoàn thể do nhà nước kiểm soát được phép làm báo. Những cơ quan này chỉ định Tổng biên tập, tức chủ bút các báo. Đảng kiểm soát các báo qua các cơ quan chủ quản.

Tuy nhiên hệ thống kiểm soát nào cũng có khe hở. Nhất là trong cảnh tranh tối tranh sáng, trên dưới không bảo được nhau, trong lúc từ trên xuống dưới đang ở tâm trạng "bỏ của chạy lấy người."

Khi nhà nước chuyên chính ở Việt Nam hô hoán chống tham nhũng, nhiều người làm báo cũng tưởng thật. Một tờ báo đăng tin điều tra của công an về các tội tham nhũng, những nhà báo khác cũng đua theo để bán báo. Và có khi họ hăng say quá, quên mất chỉ được phép tìm hiểu và phơi bày các vụ tham nhũng qua báo cáo của công an thôi! Bản điều tra của công an khác với những bài phóng sự! Nguyễn Hoàng Linh không biết thân phận nên đã vượt qua giới hạn.

Để đối phó với những người làm báo dại dột như Nguyễn Hoàng Linh, xưa nay đảng chỉ cần bảo nhỏ tất cả các tờ báo rằng: Thôi đi, chớ đi tìm hiểu tin tức chi tiết làm gì, đăng nguyên văn báo cáo của công an là đủ. Làm báo quá hăng say, lỡ dại đụng các ông lớn, chỉ thiệt thân. Từ nay hãy lấy vụ Kim Hạnh, Nguyễn Hoàng Linh mất chức làm gương.

Nhưng ra chỉ thị mật như vậy chưa đủ, nhà nước ở Việt Nam phải bắt giam, truy tố Nguyễn Hoàng Linh, điều này chứng tỏ họ đang có một mối lo lớn hơn nhiều. Họ lo rằng còn nhiều nhà báo khác có thể sẽ "cố ý lỡ dại hăng say" trong nhiệm vụ. Mà nếu cứ để cho bọn nhà báo lỡ dại thì nguy hiểm: Bao nhiêu "Bí mật quốc gia" có thể bị tiết lộ hết! Điều này cho thấy "quốc gia," đối với đảng Cộng Sản Việt Nam, là một tổ chức kinh tài của đảng, để nuôi dưỡng hệ thống tham nhũng! Ông Phan Văn Khải cũng mới thú nhận rằng nhiều đơn vị kinh tế của đảng, bộ đội, công an, còn đi buôn lậu nữa, trong đó có cả các quan chức phụ trách chống buôn lậu.

Nhưng tại sao đảng Cộng Sản lại sợ còn nhiều nhà báo bây giờ có thể cố ý dại dột? Chính vì họ biết rằng hệ thống kiểm soát của họ không hữu hiệu như xưa nữa. Trong nội bộ đã chia năm sẻ bảy: các phe sẽ dùng tờ báo của mình để đánh phe khác, một vũ khí để đánh là các vụ điều tra tham nhũng. Hơn nữa, trong cảnh chiếc tàu sắp đắm ai cũng muốn bỏ của chạy lấy người, Bộ Chính trị biết rằng khó lòng bắt tất cả tuân theo cùng một mệnh lệnh! Vì vậy phải mạnh tay bịt miệng các nhà báo.

Chúng ta lại thương tiếc Phùng Gia Lộc. Lúc còn sống, anh kể chuyện thân phụ anh hỏi rằng, "Bọn nhà văn, nhà báo chúng mày là cái con gì mà lúc thì người ta cởi trói, lúc người ta trói lại như vậy?" Phùng Gia Lộc, nếu linh hồn anh khôn thiêng, xin về thăm đồng bào ta ở Thái Bình. Họ sắp bắt nhiều lắm, bắt dấm dúi, bí mật đưa lên Cổng Trời biệt giam, không ai biết đến đâu.

Con người Pol Pot

Tại sao ông Pol Pot có thể biết rằng mình đã gây ra cái chết của hàng triệu đồng bào mà lòng ông không hề thấy hối hận?

Vì ông ta là một người cộng sản có lập trường vững chắc.

Những người cộng sản như Lê nin, Stalin, Mao Trạch Đông, v.v. vững tin rằng, để đưa tới sự thắng lợi cuối cùng, họ có thể làm bất cứ điều gì bất chấp mọi hậu quả. Tập thể hóa nông nghiệp ở Nga, Bước nhảy vọt ở Trung Hoa, cải cách ruộng đất ở Việt Nam, và những lò tra tấn giết người ở Phnom Penh đều chỉ là những "sai lầm" nhỏ, so với mục tiêu xa mà họ coi là lý tưởng: đoạt lấy quyền bính để thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Pol Pot đã được đào luyện trong cùng một khuôn mẫu như Stalin, Mao Trạch Đông, hay Hồ chí Minh. Họ coi thường những "tình cảm ủy mị" như những "căn bệnh tiểu tư sản."

Pol Pot cũng "vận dụng sáng tạo" Chủ nghĩa Yêu nước và Chủ nghĩa Cộng sản. Vì

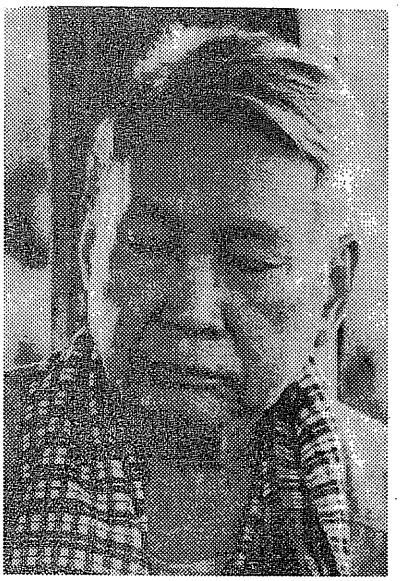

Pol Pot

không may nên thất bại, chứ nếu may mắn thì sự nghiệp bác Pol cũng "sống mãi" ở Cam Bốt. Trong bài phỏng vấn của báo Kinh tế Viễn Đông, Pol Pot cho thấy mối ám ảnh lớn nhất của ông ta là sợ Cộng Sản Việt Nam chiếm đất Cam Bốt để thiết lập chế độ đô hộ và đồng hóa.

Kinh nghiệm từ Liên xô đến Trung Quốc cho thấy các lãnh tụ cộng sản ở đâu cũng dùng chiêu bài chủ nghĩa để bành trướng lãnh thổ, CỐT đặt quyền hành lên trên càng nhiều mạng sống con người càng tốt. Stalin đã chiếm các xứ biển ven Baltique và đô hộ những nước Đông Âu, Mao đã chiếm đóng Tây Tạng và Nội Mông cổ, thì các lãnh tụ ở Hà Nội cũng có tham vọng không kém.

Mối lo sợ của Pol Pot không phải là thiếu căn cứ. Năm 1951, Hồ Chí Minh đã ca ngợi "dân tộc Việt Nam đại đoàn kết, dân tộc Campuchia đại đoàn kết, dân tộc Lào đại đoàn kết." và nói thêm, **Chúng ta nhất định đi đến Việt Nam - Campuchia - Lào đại đoàn kết."** Câu đó nghĩa là gì, chắc các đồng chí Pol Pot, Iang Sary đều hiểu. Trong hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, ông cũng nói về âm mưu của Lê Đức Thọ muốn nắm chức Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Đông Dương, bao trùm lên trên ba đảng cộng sản Việt Nam, Lào và Cam Bốt. Nếu những người ở ngoài đảng biết như vậy thì các đồng chí Khờ Me Đỏ chắc còn biết rõ hơn.

Pol Pot cho biết năm 1975 Hà Nội đã ra lệnh cho ông ta phải chờ cho Cộng Sản Việt Nam chiếm được Sài Gòn trước khi cho ông ta tấn công Nam Vang. Vì sợ rằng nếu tuân lệnh thì sẽ chậm chân, thủ đô Cam Bốt sẽ bị Việt cộng chiếm, nên Pol Pot mới tấn công, tiến vào Phnom Penh trước hai tuần. Chúng ta cũng biết rằng ngày 15 Tháng Tư năm 1975 Địa sứ Mỹ ở Phnom Penh đã tự ý cuốn cờ, ra sân bay, hai ngày trước khi quân Khờ Me Đỏ đến. Tập đoàn Lon Nol lục tục chạy theo. Chắc Mỹ và Bắc Kinh đã đồng ý để ngỏ thành phố.

Nhưng đảng Cộng Sản Khờ Me cũng như Cộng Sản Lào, ngay từ đầu đã do Cộng Sản Việt Nam lập ra, đem cán bộ về Việt Nam huấn luyện. Cho nên người dân Cam Bốt hiểu được tại sao Pol Pot nhìn đâu cũng thấy gián điệp của Hà Nội quanh mình.

Cơn sợ hãi hoảng loạn đó, Pol Pot đã nêu ra để giải thích tại sao đảng Cộng Sản Khờ Me đã bắt, tra tấn, và giết hại bao nhiêu đồng chí của họ. Việc Hun Sen đã trốn thoát, và đã chạy qua nương nhờ Cộng Sản Việt Nam, cho đến ngày được đưa về nước cầm quyền, càng tạo thêm bằng cớ cho mối lo sợ đó.

Chủ nghĩa Cộng Sản theo đường lối Lê nin là một thí nghiệm khủng khiếp của thế kỷ này. Nó bắt đầu với ước mơ giải phóng nhân loại, xây dựng một "thế giới đại đồng," tuy hão huyền nhưng rất cao đẹp; và nó kết thúc bằng những vụ tàn sát tập thể ở nhà tù Tuol Sleng ở Phnom Penh. Vì đâu loài người có thể đi từ lý tưởng xa vời đó tới những tội ác kinh hoàng như vậy?

Vì một điều cơ bản trong lò huấn luyện cộng sản, mà Pol Pot và các đồng chí đều được học, là cứu cánh biện minh cho phương tiện. Họ coi mục đích sau cùng của họ là chân lý tối hảo, tối thượng, có thể làm bất cứ điều gì để thực hiện mục đích đó. Rất nhiều thanh niên đầy máu nóng đã đi qua lò huấn luyện đó để thành những kẻ sát nhân - trong đó có người là những nhạc sĩ, thi sĩ từng ca ngợi tình yêu.

Nhưng cuối cùng, điều mà chúng ta học được sau cuộc thí nghiệm cộng sản ở thế kỷ vừa qua, là người ta không thể dùng phương tiện ác để đạt đến mục đích thiện. Chỉ có cái thiện nuôi dưỡng cái thiện.

Để xây dựng một thế giới trong đó loài người thương yêu nhau, sống an lành hòa thuận với nhau hơn, chúng ta chỉ có thể bắt đầu bằng cách thể hiện tình thương nơi chính hành động của mình. Phải tạo những duyên lành để những quả lành xuất hiện.

Một trong những duyên lành cần thiết trong thế giới bây giờ là thiết lập một hệ thống luật pháp cho mọi người cùng tập tuân thủ, là người cầm quyền phải tập tôn trọng những nguyên tắc của công lý, của xã hội pháp trị.

Ông Pol Pot cho đến nay vẫn chưa hiểu điều đó, mà nhiều người ở Việt Nam cũng chưa hiểu. Ông Pol Pot có thể dửng dưng thuật lại chuyện 200 ngàn người bị tra tấn đến chết chỉ vì "bị tình nghi" là tay sai của Việt Nam. Những người đó bị giết không khác gì hơn 200 người bị giết ở Mỹ Lai hay 3000 người bị giết ở Huế hồi Tết Mậu Thân 1968. Ông Pol Pot cũng thản nhiên nói lý do ông ra lệnh giết cả gia đình Son Sen chỉ vì "nghi tội phản bội." Mà bằng cớ ông nêu lên để buộc tội là người em của Son Sen cho con gái kết hôn với một người cộng tác với Hun Sen.

Đó là hệ thống hình pháp của Pol Pot, các xứ văn minh không ai làm như vậy nữa. Đó

cũng là hệ thống hình pháp trong đó hàng ngàn đồng bào chúng ta đã bị hy sinh trong cuộc Cải cách ruộng đất, mà cố luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã phê phán. Và hiện nay, đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đang lùng bắt những người đóng vai trò tác động nông dân Thái Bình khởi nghĩa từ Tháng Năm đến Tháng Bảy vừa qua. Trong số những người tổ chức phong trào phản kháng đó có cả các cấp ủy cộng sản. Chúng ta có thể đoán chắc rằng những người lãnh đạo nông dân Thái Bình khi bị bắt sẽ bị đối xử không khác gì các người đã chết oan khuất ở nhà tù Toul Sleng. Các tổ chức nhân quyền thế giới có biết như vậy không?

Trung Quốc và WTO

Khi ông Giang Trạch Dân gặp ông Clinton họ bàn chuyện mậu dịch, chuyện nhân quyền, về vụ Trung Quốc bán vũ khí chiến lược cho Iran và Iraq. Nhưng một câu chuyện gây nhiều sôi nổi chắc là chuyện Trung Hoa muốn gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) sớm hơn.

Việc Trung Quốc tham dự vào Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và Tổ chức Hợp tác Á châu - Thái Bình dương (Apec) đã giúp thúc đẩy Bắc Kinh cải tổ nền kinh tế nhanh hơn. Nếu bước thêm vào câu lạc bộ thương mại WTO thì Trung Quốc sẽ "hội nhập" vào nền kinh tế toàn cầu một cách chính thức, hy vọng nhờ thế họ sẽ phải mở rộng cửa hơn nữa.

WTO giống như một hội tư để các nước hội viên mua bán với nhau theo cùng những qui luật bảo đảm sự cạnh tranh công bằng, không nước nào được dùng cơ cấu kinh tế nội bộ để tạo lấy ưu thế riêng trên thị trường thế giới. Muốn gia nhập WTO thì phải theo những quy luật chung đó, thí dụ cùng giảm bớt hàng rào mậu dịch như thuế quan, giấy phép hoạt động; giảm bớt bao cấp cho các xí nghiệp trong nước; cùng tôn trọng quyền lợi của người lao động như nhau, cho các xí nghiệp trong nước khỏi chiếm ưu thế; và tôn trọng tác quyền - tài sản trí thức, v.v..

Điểm bất đồng về việc Trung Quốc vào WTO có tính cách hình thức hơn là nguyên tắc. Trung Quốc muốn gia nhập WTO với tính cách một nước "đang mở mang," nghĩa là được hưởng một thời gian miễn chấp, chưa phải theo đúng các qui luật chung kể trên. Nhưng Mỹ muốn Trung Quốc gia nhập với tư cách một nền kinh tế đã trưởng thành, thời gian gia hạn để điều chỉnh ngắn hơn nhiều.

Nhưng việc Trung Quốc được gia nhập WTO hay không có hậu quả cho tất cả nền kinh tế thế giới, không phải chuyện riêng với Mỹ mà thôi. Con đường Trung Quốc sẽ lựa chọn trong mậu dịch thế giới sẽ tạo áp lực cho toàn vùng Đông Á.

Trong mấy năm qua, số lượng hàng xuất cảng của Trung Quốc tăng nhanh gấp ba lần nhịp tăng của thế giới. Nếu Trung Quốc tiếp tục chính sách dồn nỗ lực cho xuất cảng như vậy, họ sẽ cạnh tranh ráo riết với các nước Mã Lai, Thái Lan, Indonesia và Phi Luật Tân trong thị trường xuất cảng các món hàng dựa vào lương công nhân rẻ. Chúng ta đã thấy hậu quả trong vụ khủng hoảng tiền tệ trong vùng Đông Nam Á vì, số xuất cảng xuống mà các nước đó không kịp thay đổi để đối phó. Ngân hàng Thế giới ước tính trong vòng 25 năm nữa Trung Quốc sẽ là nước xuất cảng nhiều thứ nhì trên thế giới, sau Hoa Kỳ. Và họ đang chuyển sang loại hàng hóa kỹ thuật cao có thể cạnh tranh với Đài Loan, Đại Hàn, rồi sẽ tới Nhật, Âu châu và Mỹ châu.

Trong cơn sốt phát triển đó, Trung Hoa cũng thu hút tiền vốn từ khắp thế giới. Trong sáu năm qua số vốn đầu tư vào Hoa lục đã tăng gấp 5 lần, năm 1996 tổng số là 42 tỷ Mỹ kim. Số đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc chiếm 40% tổng số đầu tư vào các nước đang mở mang. Họ cũng vay Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Á châu nhiều nhất, cũng như được viện trợ nhiều nhất. Mà trong những năm qua mới chỉ có các tỉnh duyên hải T.Q. thu hút đầu tư ngoại quốc, nay mai sẽ còn các vùng trong lục địa. Khi tiền vốn của thế giới đổ vào Hoa lục thì số đầu tư vào các vùng khác cũng giảm.

Nhưng khi Trung Quốc gia nhập WTO rồi, liệu họ có tôn trọng các "luật giao đấu" quốc tế hay không, nếu một chế độ độc tài vẫn ngự trị? Chính phủ Trung Quốc sẽ phải chứng tỏ rằng họ đáng được tín nhiệm để cho vào sân đá bóng. Thường thường, khi một nước vi phạm qui luật giao đấu, gây xung đột về mậu dịch thì bị các nước khác trả đũa, tạo những khó khăn cho nền kinh tế quốc gia. Ở những nước dân chủ, dân chúng sẽ phản đối chính quyền khi các khó khăn đó xảy ra. Nhưng ở những nước độc tài thì chính quyền quen bắt dân chịu đựng, dân không thể lên tiếng, cho nên chính quyền sẽ có khuynh hướng vi phạm

qui luật chung dễ dàng hơn. Do đó, cải tổ chính trị, dân chủ hóa, cũng trở thành một điều kiện để được gia nhập WTO.

Ví thử Trung Quốc gia nhập WTO rồi, và họ vi phạm qui luật chung, thí dụ tiếp tục ngăn cản hàng ngoại quốc, tiếp tục bao cấp các xí nghiệp quốc doanh, tiếp tục không cho công nhân lập nghiệp đoàn tự do, thì Mỹ và các nước khác phải làm gì?

Nếu các nước khác chỉ phản đối lấy lệ thì sẽ làm giảm uy tín của cơ quan WTO, một tổ chức còn non trẻ, sẽ khiến cơ quan đó thành vô hiệu. Nếu các nước phản đối, thì phải theo đúng thủ tục làm đơn thưa kiện với WTO. Không thể trả đũa đơn phương, vì làm như vậy cũng là vi phạm qui luật chung. Nếu Mỹ, Nhật và Âu châu cũng vi phạm các qui luật thì tổ chức WTO sẽ vô giá trị. Nhưng nếu đệ đơn kiện thì tổ chức này sẽ phải dành hết thời giờ xử các vụ kiện cáo đó, không còn năng lực làm các việc hữu ích hơn nữa. Mà WTO còn rất nhiều việc phải làm: bàn cãi và thỏa thuận các qui luật mậu dịch về tin học, về các dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chánh, ngân hàng, bảo hiểm, v.v.

Cho nên các nước sẽ phải nhìn trước hậu quả nếu nhận Trung Quốc vào WTO quá sớm, trước khi nền kinh tế của 1,300 triệu con người này được thị trường hóa thật sự. Nghĩa là phải đợi cho đến khi chương trình cải tổ triệt để của Đại hội 15 đảng Cộng Sản Trung Quốc được thực hiện và có kết quả. Các lãnh tụ Bắc Kinh sẽ kết án các nước Tây phương là cố áp đặt những qui luật của họ lên một nước có nền văn minh 5000 năm, nhưng thật khó đá bóng nếu các đội cầu không theo cùng một qui luật.

Năm 1622 Adam Schall đặt chân lên lãnh thổ Trung Quốc, với một thiện chí, là giúp giống dân này biết và theo tôn giáo đang thịnh hành ở Âu châu. Nhưng bây giờ không phải các người Tây phương đến Trung Quốc yêu cầu họ thay đổi nữa. Chính Trung Quốc muốn gia nhập một tổ chức thương mại tự do để được hưởng các lợi ích của mậu dịch quốc tế. Muốn vậy không có lý do gì để họ vừa muốn vào sân đá bóng, vừa giữ lối chơi bóng của mình.

Hồng Kông, Trung Quốc và Thế giới

Cuối Tháng Mười, có ngày Thị trường Chứng khoán Hồng Kông xuống, mất hơn 10% giá trị, và thị trường khắp thế giới xuống theo, từ Tokyo (3%) đến London (3.1%), Paris (3.2%), Frankfurt (4.7%) và New York (2.3%). Ngày hôm sau, Chỉ số Hằng Sinh lấy lại được hơn một nửa số đã mất, và các thị trường khác cũng lên. Đây là một dấu hiệu của nền kinh tế toàn cầu hóa.

Thị trường Hồng Kông lại xuống nhanh vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á, rồi lấy lại thăng bằng nhanh vì chính quyền nhất định bảo vệ đô la Hồng Kông, mà các nhà đầu tư tin rằng họ đủ sức bảo vệ.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ ngày 2 Tháng Bẩy, khi Thái Lan thả nổi giá đồng Baht. Sau đó tiền Mã Lai, Indonesia, Phi luật tân đều xuống, rồi đến lượt Đài Loan và Đại Hàn.

Khi mọi người đều lo ngại đô la Hồng Kông xuống, nhiều người muốn đánh cá sẽ đi mượn đô la Hồng Kông để mua Mỹ kim, để đó chờ khi đô la Hồng Kông xuống thật thì đổi Mỹ kim lại kiếm lời. Công việc này gọi là "Đầu cơ" hay "Ngăn ngừa rủi ro," tùy theo quan điểm của người nói. Đầu Tháng Chín đã có một đợt đầu cơ đánh vào thành trì đô la Hồng Kông như vậy. Nhưng nhà cầm quyền đã bỏ Mỹ kim ra mua hết đô la Hồng Kông cho những ai muốn đổi, họ tiêu vài tỷ Mỹ kim để giữ giá đồng bạc. Người ta biết Hồng Kông có đến 88 tỷ Mỹ kim dự trữ ngoại tệ, đứng hàng thứ ba trên thế giới sau Nhật và Trung Quốc, họ đủ sức chống đỡ. Lần đó, các tay đầu cơ thua trận. Họ không thể vay hàng tỷ đô la Hồng Kông, rồi đợi, tiếp tục trả tiền lãi, vẫn không thấy giá xuống để đổi lại. Vả lại, ngân hàng thưởng cho thời hạn các vụ vay sổi đó rất ngắn.

Để làm nản chí các người đầu cơ, các ngân hàng ở Hồng Kông đã tăng lãi suất, khiến cái giá phải trả cho việc đầu cơ thành quá đắt. Trong mấy ngày, có lúc lãi suất vay sổi (qua đêm) giữa các ngân hàng tăng lên đến 300% một năm, rồi xuống 150%. Lãi suất dài hạn cũng tăng 0.75%. Nhiều ngân hàng muốn bảo vệ đô la Hồng Kông vì chính họ phát hành tiền tệ, đóng vai các ngân hàng trung ương, nếu đô la bản xứ xuống thì tài sản của họ cũng xuống theo.

Nhưng khi lãi suất tăng thì làm cho thị trường chứng khoán xuống.

Vì rất nhiều công ty đăng ký ở Hồng Kông dựa vào bất động sản và dịch vụ tài chánh. Lãi suất tăng thì giá bất động sản xuống và các công ty tài chánh cũng khó cho vay được, tiền

lời sẽ giảm.

Thị trường bất động sản và tín dụng ở Hồng Kông đều cao một cách bất thường. Chính phủ Hồng Kông là chủ của phần lớn đất đai, và họ đã bán ra một cách nhỏ giọt, từ bao năm qua. Một áp (apartment) rộng gần 200 mét vuông bán với giá 7 triệu Mỹ kim, một chỗ đậu xe có khi bán với giá 300 ngàn Mỹ kim. Chính sách bán đất nhỏ giọt làm tăng giá nhà đất, giúp chính phủ Hồng Kông tăng thu cho ngân quĩ, nhờ thế một phần mà thuế má ở lãnh thổ này rất thấp.

Trong mấy năm qua tiền ở Hoa lục đổ sang Hồng Kông, một nửa số nhà đất mới bán là vốn từ trong lục địa ra mua. Tiền để dành tăng cũng tràn ngập các ngân hàng, họ phải đem cho vay. Số tín dụng ở Hồng Kông tăng 39% mỗi năm, tính bình quân mỗi người dân nhận được thêm 3000 Mỹ kim tiền cho vay! Hơn hai phần ba các món tiền cho vay là để mua bất động sản hay chứng khoán, càng làm giá tăng lên. Đến khi lãi suất tăng, vào mùa hè năm nay, cả hai lãnh vực đó bị ảnh hưởng, làm giá chứng khoán xuống.

Nhưng một lý do quan trọng hơn khiến thị trường Hồng Kông xuống giá lúc này là kỳ vọng vào nguồn vốn từ Hoa lục đã nguội dần. Trước và sau khi Trung Quốc tiếp thu Hồng Kông, người ta chờ đợ quá nhiều vào nguồn vốn này, một phần là tiền từ Hoa lục đổ ra, một phần là tiền ngoại quốc đầu tư vào các công ty của Trung Quốc đăng ký tại đây. Nhưng từ Tháng Mười Hai năm ngoái đến Tháng Tám năm nay, số ngoại tệ dự trữ ở khu vực tư vẫn đứng nguyên ở mức 69.6 tỷ Mỹ kim. Đáng lẽ tiền lãi mà số ngoại tệ trên sinh sôi phải làm nó tăng lên mới đúng, như vậy chứng tỏ là tiền không đổ vào mà đã đi ra khỏi Hồng Kông - trong lúc ai cũng đánh cá rằng tiền sẽ vô rất nhiều.

Chính sự thức tỉnh của thị trường về tình trạng "tiền đi ra chứ không đổ vào" đó đã khiến cho nhiều người tìm cách bán bớt cổ phần trong tháng qua. Chỉ số Hằng Sinh tăng 50% trong năm qua, phần lớn nhờ các công ty Hoa lục đang ký tại đó được nhiều khách đầu tư đua nhau mua, vì tin vào triển vọng phát triển trong lục địa. Từ Tháng Tám đến ngày sụt giá 10%, chỉ số Hằng Sinh đã mất 37% giá trị. Trong ngày đó, riêng chỉ số của các "Công ty Đỏ" của Hoa lục mất giá hơn 30%.

Thị trường Hồng Kông xuống cũng ảnh hưởng ngay đến kinh tế Hoa lục. Nhiều công ty Trung Quốc đang tính gọi vốn trong thị trường tài chánh quốc tế, nay sẽ gây được ít vốn hơn, vì giá cổ phần xuống. Công ty China Telecom đang rao bán cổ phần trong chiến dịch tư nhân hóa, tính thâu vào 4 tỷ Mỹ kim, nay giá bán sẽ thấp hơn, tụt từ giá chính thức 30.50 Mỹ kim xuống 27.625 Mỹ kim, trong một ngày mất gần 14%. Cho nên quyền lợi của Bắc Kinh khiến họ sẽ giúp bảo vệ thị trường Hồng Kông.

Không những chính phủ Bắc Kinh muốn bảo vệ thị trường và đồng đô la Hồng Kông mà các nước khác cũng vậy. Không ai muốn Trung Quốc thất bại trong việc tiếp thu Hồng Kông trong lúc chính quốc gia 1.3 tỷ người này cũng đang ở thời kỳ chuyển tiếp sang kinh tế thị trường. Cuộc thí nghiệm tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc mà Đại hội đảng Cộng Sản kỳ thứ 15 công bố cần phải thành công, không những vì nền hòa bình ở Á Đông, mà còn vì nền kinh tế toàn cầu bây giờ liên hệ chặt chẽ với nhau nữa. Trung Quốc hiện là nền kinh tế đứng thứ ba trên thế giới, nhưng cũng là nền kinh tế còn non trẻ, mà các nước đều có lợi nếu Trung Quốc trở thành kinh tế thị trường thật sự.

Nhưng các người có trách nhiệm về nền tài chánh thế giới học được một điều trong bốn tháng qua, đó là khi nền kinh tế quốc tế toàn cầu hóa, tất cả liên hệ với nhau, thì các thị trường đều ảnh hưởng lẫn nhau. Tiền đầu tư từ các nước đã phát triển đổ vào các nước đang mở mang, trong năm 1996 lên tới 336 tỷ Mỹ kim, gấp bốn lần con số sáu năm trước. Có trường hợp giây liên hệ mật thiết hơn, như Anh quốc với Hồng Kông. Trong ngày chỉ số ở Hồng Kông mất 10%, chỉ riêng hai ngân hàng và một công ty viễn thông ở Anh mất giá đã làm chỉ số FTSE ở London mất 52 điểm, trong khi cả thị trường London mất 157 điểm.

Liên hệ giữa các nền kinh tế khiến biên độ thăng trầm (volatility) của mọi thị trường cũng lớn hơn, như hiện tượng cộng hưởng. Ở các nước đã trưởng thành mức thăng trầm tăng, ở các nước đang mở mang còn lớn nhiều hơn nữa.

VNCR
Nghe chương trình phát thanh trên lưới
http://www.kicon.com/vncr

ĐÀM TRƯỜNG VIỄN KIẾN, HAY ẢNH ĐÀM, MỘT CÁNH CỬA MỞ VÀO SIÊU XA LỘ THÔNG TIN

LÊ TAM CA

Ngày Chủ Nhật, 12 tháng Mười 1997, tạp chí TK21 đã kỷ niệm năm thứ chín bằng những chương trình tưng bừng, rộn rã.

Buổi tiệc buổi tối, với hơn 500 khách tham dự, gồm cộng tác viên và độc giả xa gần, là một buổi họp mặt vui vẻ và cảm động.

Nhưng một sinh hoạt khác rất có ý nghĩa trong ngày kỷ niệm là cuộc hội luận về đề tài "truyền thông và dân chủ" trên mạng lưới điện toán toàn cầu Internet, kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ trong buổi sáng Chủ Nhật đẹp trời của mùa Thu California.

Ban tổ chức đặt cho phương tiện

Hình các trạm xuất hiện trên màn ảnh trong cuộc Đàm Trường Viễn Kiến:
- Trạm Moscwo (Nga): hai hình trêncùng. Bên trái là chị Inna
- Trạm VNCB (Canada): hàng thứ hai
- Hàng thứ ba, Trạm Người Việt, California, USA (bên phải, với các anh Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Thiện Cơ, Phạm Quốc Bảo), trạm Kicon với anh Nguyễn Chí Thiện, bên trái.
- Hàng thứ tư: Trạm Kicon (Cali) với chị Nguyễn Thị Thức tức bà Đoàn Viết Hoạt (bên trái), anh Nguyễn Hữu Chung (bên phải).
- Hàng thứ năm: Trạm Thế Kỷ 21, Cali (bên trái) từ trái sang: các anh Phan Thanh Tâm, Nguyễn Minh Cần.
Trạm Tuehoang, Cali (phải): từ trái sang: các anh Đinh Quang Anh Thái, Đỗ Quý Toàn.

truyền thông mới này cái tên văn vẻ là "Đàm Trường Viễn Kiến," hiểu theo nghĩa là một nơi hội họp thảo luận mà người tham dự nhìn thấy nhau dù ở rất xa nhau. Nếu muốn ngắn gọn, có thể gọi đó là *ảnh đàm*, để tạm dịch một thuật ngữ cũng rất mới trong tiếng Anh, là VIDEO CONFERENCE.

Có bảy trạm tham gia cuộc ảnh đàm, mỗi trạm có từ hai đến năm người vừa thao tác kỹ thuật vừa phát biểu.

Đúng 9 giờ sáng Chủ Nhật, các trạm đã sẵn sàng với màn ảnh máy điện toán hiện lên bảy khung hình nho nhỏ.

Từ Mạc Tư Khoa, các bạn Inna, Mai Linh và Hội, ngồi sau một bàn giấy, có máy điện toán, bên cạnh những chồng sách báo cao ngất, đôi khi máy thu hình quay theo một góc độ mà mặt người bị che mất một phần.

Từ Toronto, nhóm VNCB, tức một đài phát thanh Việt ngữ chỉ dùng Internet để phóng lên các tin tức, bài vở, đã có mặt anh Phạm Duy Tuệ, (cựu dân biểu VNCH), chị Kim Trần (Giám đốc Saigon TV) cùng các bạn thuộc VNCB: Lê Việt, Thanh Sơn, Quang Thuần, Nghi Tuệ, Gia Phú.

Tại Nam California, có năm trạm:

- Trạm Tuệ Hoàng với Hoàng Ngọc Tuệ và Đỗ Quý Toàn, sau thêm Bùi Duy Thuyết và Đinh Quang Anh Thái.
- Trạm Thế Kỷ 21 với Phạm Phú Minh, Nguyễn Minh Cần và Phan Thanh Tâm.
- Trạm Người Việt với Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Thiện Cơ và Phạm Quốc Bảo.
- Trạm Kí Con với Nguyễn Hữu Chung (cựu dân biểu VNCH), Trần Thị Thức (tức bà Đoàn Viết Hoạt), và Lê Cẩm Tường.
- Trạm VNCR với Lê Đình Điểu, Nguyễn Chí Thiện và Lê Cẩm Thanh.

Đây là lần đầu tiên, không những đối với nhóm hội luận này, mà đối với toàn bộ ngành truyền thông của người Việt Nam ở hải ngoại, có hình thái thảo luận qua Internet, mà các tham dự viên vừa nghe tiếng nói, vừa nhìn thấy hình ảnh động, vừa đọc chữ viết chạy trên màn ảnh.

Vì là lần đầu tiên, nên không thể tránh được những trở ngại kỹ thuật — khách quan như trạm phát sóng còn yếu, máy móc không đồng bộ; chủ quan như chưa nhuần nhuyễn trong thao tác kỹ thuật.

Có lúc tất cả các trạm được lệnh của trạm chủ lực là phải đông lạnh các hình, tức là không cho thấy cử động nữa, để tiết giảm số năng lượng chuyển tải trên đường điện thoại modem, để nghe tiếng nói cho rõ hơn.

Có lúc đường điện thoại modem của VNCR bị nhiễu, phải đóng trạm này, các tham dự viên dồn về chung với trạm Kí Con.

Nhưng kết quả sau cùng, sau bốn tiếng đồng hồ trao đổi, các tham dự viên đều đồng ý rằng *cuộc ảnh đàm đầu tiên của làng báo Việt Ngữ hải ngoại đã thành công.*

Một cánh cửa mới đã thực sự mở ra để chúng ta bước vào siêu xa lộ thông tin, thực sự chuẩn bị hành trang tiến tới thế kỷ 21, thế kỷ của điện toán toàn cầu và của thông minh nhân tạo.

Về nội dung, các tham dự viên đã trao đổi với nhau về đề tài "Truyền thông và dân chủ," với những đóng góp phong phú của những người như Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Chí Thiện, Trần Thị Thức, Nguyễn Hữu Chung, Lê Việt, Phạm Duy Tuệ, Mai Linh...

Một cách tổng quát, mọi người đồng ý với nhau một số điểm sau đây:

Thứ nhất, truyền thông chắc chắn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong tiến trình dân chủ hóa đất nước.

Thứ hai, để dân chủ hóa đất nước, với hơn 70 triệu con người bị bưng bít thông tin, người Việt ở hải ngoại phải tìm cách phá vỡ sự bưng bít do nhà cầm quyền cộng sản dựng nên, bằng cách đưa thật nhiều thông tin vào trong nước. Một số phương cách đưa tin từ ngoài vào đã được gợi ra, qua những kinh nghiệm bản thân của một số tham dự viên ảnh đàm.

Thứ ba, trước hết phải dân chủ hóa ngay bản thân những người có ước vọng dân chủ hóa đất nước.

Thứ tư, phải tận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới trong công tác truyền thông để phục vụ mục tiêu dân chủ hóa đất nước.

Nếu chúng ta vui mừng khi thấy người Việt ở hải ngoại được hưởng dụng nếp sống dân chủ và những tiến bộ kỹ thuật bao nhiêu, thì chúng ta lại càng lo lắng cho hơn 70 triệu người ở trong nước đang bị bưng bít thông tin bấy nhiêu.

Sự bưng bít thông tin đã làm thui chột mọi khả năng thích nghi của người dân trong đời sống của kỷ nguyên điện tử, và kéo nền văn minh Việt ngày càng lùi lại phía sau, trong khi cả nhân loại trên hành tinh này rầm rập bước vào thế kỷ 21 với những con tàu kiến thức làm thăng hoa đời sống trong tương lai.

HƯƠNG BIỂN

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Người đàn ông đó lâu lâu vẫn lai vãng trong những giấc mơ của tôi. Nơi một bãi biển hoang vắng, đôi chân trần của ông ta thường để lại trên cát ướt những câu thơ thật buồn mà hình như chỉ mình tôi đọc được. Những câu thơ ấy lắm khi bị sóng cuốn đi rất nhanh, như ông ta cũng lướt đi quá nhanh cùng với những ngày biển trở mình giông bão .

Đêm qua tôi lại mơ thấy ông ta lần nữa và sáng nay thức dậy tôi bỗng ngơ ngác như đang kiếm tìm một điều gì đó sắp sửa xảy ra. Một điều gì đó hết sức thần diệu rồi sẽ cuốn phăng tôi đi. Tôi sẽ ngủ thật ngon hiền trong vòng tay ôm của biển.

Trong những dự cảm mơ mơ màng màng ấy, hình như tôi thấy sự sống đang bắt đầu trở về trong tim. Hơn bao giờ hết, tôi muốn vất tất cả những lọ thuốc ra ngoài ô cửa. Ôi, sao nắng bỗng lung linh từng sợi nhỏ và đến cả từng hạt cát thảy thảy cũng đều lung linh. Có phải lúc này tôi chẳng cần một thứ gì nữa cả, những lọ thuốc hay những mũi chích đối với tôi giờ vô hiệu, ngoại trừ một chút nắng trong đôi mắt của người đàn ông ấy.

Buổi sáng tôi lang thang trên biển. Buổi chiều tôi cũng âm thầm ra biển, trung bình một ngày hai bận. Cả tuần lễ nay không ngày nào là tôi không ra thăm biển. Người đàn ông đã hứa sẽ mang về cho tôi những chiếc rương bí mật vớt từ lòng đại dương sâu thẳm. Tôi sẽ tiếp tục sống và chờ đợi ông ta, cho dù càng lúc tôi càng giật mình vì khuôn mặt xanh mướt của mình trong gương. Vị bác sĩ săn sóc sức khỏe vẫn làm tôi có cảm tưởng như sắp được giải thoát tới nơi. Tôi sẽ không còn phải chịu đựng những đớn đau hủy diệt của thể xác. Những ngày đi đổi gió và được sống gần biển, tôi như quên đi những ám ảnh về một giấc ngủ thiên thu nào đó. Căn phòng lấp lánh kính phản chiếu từng rặng phi lao xanh ngắt, lồng trong một mảnh trời biếc như ngọc thạch thênh thang mây trắng; trông giống cảnh vật của một động thiên thai nào bỏ ngõ. Chưa bao giờ tôi thấy say mê đất trời và ao ước được bay bổng cùng ai đó lên cao, lên cao mãi như thế. Nhưng ông ta ở đâu, hay suốt đời tôi chỉ có thể bắt gặp người đàn ông ấy trong giấc mơ?

Xung quanh chẳng ai chịu nổi những nắng mưa ủ dột thất thường của tôi. Tôi là đứa con gái cô độc, chưa bao giờ biết cảm tạ những ân sũng của tình yêu.

Hình như tôi không mấy được Thượng Đế cưng chìu. Người ta bảo tôi hệt như con búp bê vô cảm. Tôi chẳng hôn ai và được ai hôn.

Vẫn như thường lệ, vậy là sáng nay tôi lại ra biển độc thoại. Bao giờ một mình cũng buồn cả. Tôi đi lơ ngơ bỏ lại đằng sau những dấu chân cát lạnh hệt con nhỏ thất tình. Nhìn biển bất ngờ nổi cơn thịnh nộ, tôi mới hoàn hồn sực tỉnh. Mới sáng sớm hôm qua ra thăm biển lúc mặt trời thức dậy, trông biển hiền hòa và lóng lánh như ẩn chứa hàng ngàn con mắt lay động. Chiều hôm qua biển vẫn còn nắng ấm nồng nàn. Vậy mà trước mặt, biển đã biến hình. Nhắm mắt lại thấy biển, mở mắt ra cũng thấy biển nhưng biển bây giờ đã trở nên dữ dằn, hung hãn. Nghe nói có một cơn bão rớt sắp đi qua. Thảo nào nhìn vẻ đẹp cuồng nộ của biển, tôi mới nhận ra sự vắng lặng không ngờ của bãi biển hôm nay . Không còn ai dám quanh quẩn, kể cả chú "lifeguard" canh chừng cũng đã bỏ đi, nên tôi tha hồ được ngắm biển kỹ hơn . Chính những lúc này tôi mới chia sẻ được sự cô độc đồng cảm giữa mình và biển.

Biển vắng bóng thuyền, như tôi vắng vòng tay ôm bên cạnh. Sáng hôm đó tôi trở về phòng khóc một trận vô cớ. Tự nhủ tôi sẽ yêu biển cho đến chết. Ờ nhỉ, không phải mọi điều quan trọng trong đời tôi đều có biển làm chứng cả sao?

Chiều đến tôi lại vờ quên áo ấm để được co rút trên biển. Tôi vẫn không thể không ra thăm biển khi chiều vừa xuống. Những sợi tơ chiều màu tim tím khi được rụng bay cùng sóng biển trông ảo diệu làm sao! Những lúc ấy tôi có cảm tưởng như ngoài khơi kia, biển vẫn thích chọn thời khắc này để ghé sát rong rêu thầm thì. Và chừng như ở nơi bờ cách xa chân mình vài gang tay, tôi cố nghe nỗi xao động ấy của biển vọng lại để đập cùng tôi những ngọn sóng triều tâm tư. Tôi bắt đầu muốn viết cho biển những câu thơ, rồi bỗng nhớ vô cùng những con dã tràng tuổi nhỏ ở một bờ biển xa tắp quê nhà.

Sự xuất hiện của một giọng đàn ông rất trầm đối với tôi lúc đó tưởng như là một tai họa. Tôi không tin trên biển vào lúc này vẫn còn có một ai khác, ngoài mình. Tôi chỉ muốn được yêu biển và giữ lấy biển cho riêng mình. Nhưng tiếng nói ấy đã phát ra như ấp ủ từ một bờ ngực ấm:

"Chào cô nhỏ."

Tôi ngước lên, chợt hoa mắt khi vừa bắt gặp thứ đốm sáng quen thuộc trong đôi mắt của người đàn ông. Không thể cảm thấy có một ánh nhìn nào ấm áp như vậy, nếu tôi chưa từng được gặp ông ta lần nào. Điều này làm nỗi sợ hãi trong tôi bỗng biến mất, nhường lại cho nỗi thích thú không tên.

Có thật là ông ta đây không? Người đàn ông đã từng đi xuyên qua những giấc mơ của tôi. Thật tình tôi muốn hét, muốn kêu lên một điều gì đó nhưng môi tôi như cứng lại, tê dại trong những cảm xúc thật bàng hoàng và hỗn loạn.

Người đàn ông nhìn sửng vào mắt tôi. Một lần nữa tôi lại bị hai vũng nắng lung linh tuyệt vời ấy lan tỏa vào tim óc xao xuyến. Đôi mắt của ông ta. Những trao gởi bí mật trong những giấc mơ tảng sáng. Đôi mắt ấy bây giờ cũng chợt biết nói thứ ngôn ngữ không lời. Một bày tỏ óng ánh niềm vui:

"Thật là một điều kỳ dị. Sao tôi lại được gặp cô nhỏ ở đây trong một ngày biển vắng như thế này chứ."

Tôi đáp không một chút nghĩ ngợi, như một người vừa được vặn đúng tần số:

"Thật là một điều kỳ dị. Em cũng nghĩ như ông vậy. Sao lại có một người xuất hiện trong một ngày biển vắng như thế này nhỉ."

"Tôi nằm phục ở đây cả nửa hôm rồi, để chờ quay và chụp vài tấm hình của biển trong ngày bão rớt ấy mà. Tin khí tượng đôi khi chẳng đúng đâu, nhưng tòa soạn cần thì mình cứ phải chờ thôi."

"A, hóa ra ông là phóng viên nhiếp ảnh à?"

Tôi vừa thoáng để ý tới những thứ máy móc trang bị lỉnh kỉnh trên tay lẫn trên vai ông ta. Dáng người đàn ông to cao, cơ hồ như cả vòm trời muốn phủ xuống bao chở lấy tôi — một tôi lướt thướt và yếu mệnh như vệt nắng chiều tà .

Ông ta đó, nói nói cười cười như tôi vẫn thường mơ thấy . Chỉ khác một điều là ở ngoài giấc mơ, tròng mắt liếc nhìn đong đưa ấy được trời đất lúc này pha màu xanh lơ, như màu mắt biển vào ngày hè nắng đẹp:

"Vâng, một cái nghề không mấy thú vị cho một cái tổ ấm. Tôi phải nay đây mai đó khá nhiều."

"Ông nói như có vẻ than vãn một điều gì. Nhưng mà không phải đàn ông là người lúc nào cũng thích chờ đón những cái mới, những thay đổi bất ngờ cả sao?"

Ông ta nheo mắt, dịu dàng như chưa bao giờ:

"Có những thay đổi làm đảo lộn cả đời sống không phải của riêng ta, mà của cả những hệ lụy tới mình nữa cô nhỏ ạ. Ví dụ như những tình cờ ..."

Người đàn ông bỏ lửng câu nói, chỉ nhìn sâu vào mắt tôi. Một cái nhìn táo tợn, hớp hồn người đối diện. Hình như cả tôi và ông ta đều ngỡ ngàng. Tự nhiên tôi thấy mình bị quặn thắt ở ngực. Sao những điều quá đẹp vẫn hay làm tôi đau tim bất tử. Lẽ nào ông ta sẽ là của tôi? Không, người đàn ông có đôi mắt đẹp lạ lùng như thế này chỉ có thể gặp gỡ trong những giấc mơ. Diễm ảo và diễm ảo.

Không nhiên tôi hốt hoảng rủ rê những cơn ho trở về. Tôi vẫn thường bị nghẹn thở, điều này chẳng có gì lạ. Chỉ tội nghiệp là ông ta chưa hề được báo trước điều này. Càng lúc vẻ luống cuống lo âu của người đàn ông càng như xoáy thêm những cơn ho của tôi. Cơn bệnh lần này trở về không đúng lúc và nhất định không chịu cút đi.

Cuối cùng ông ta phải bế thốc tôi lên, như bế thốc một xác chết đi chôn. Xác chết của đứa con gái lần đầu được gần gũi thứ hơi thở

nồng ngái đàn ông, nhưng chỉ mơ hồ cảm nhận - Mùi hương của biển mà buồng phổi chết khát của tôi đã nốc đầy suốt buổi chiều hôm ấy - Đến mê man và đến phải chở vào bệnh viện cấp cứu.

Vậy là lần gặp gỡ đầu coi như tôi mắc nợ người đàn ông chút ơn "cứu tử." Dĩ nhiên là ông ta vẫn chưa hề được báo trước là dẫu chậm thế nào, tôi cũng phải "ra đi." Và điều này làm tôi đớn đau không thể tả khi chính ông ta là người đã phải chia tay tôi vào chuyến bay muộn màng của chiều hôm sau.

*

Ông ta đi rồi, tôi mới phát hiện ra mình cũng chẳng còn được dịp ở lại thành phố miền biển này bao lâu nữa. Tôi cần trở lại nơi có vị bác sĩ gia đình. Vẫn thường theo dõi bệnh tình của mình.

Cuộc đời có lắm điều phi lý, không lẽ tôi cứ vờ thơ ngây bám vào lời hứa sẽ trở lại nay mai của ông ta? Tôi và Michael gặp nhau chỉ hơn một buổi chiều ngắn ngủi. Cái tên Michael của ông ta lúc này đã được tôi đọc trại ra thành tên gọi cho riêng mình: Mai Khôi.

Có phải vì Mai Khôi là một người đàn ông quá đẹp và quá khỏe mạnh nên người rồi chẳng bao giờ trở lại để dạy cho một con bé yểu bệnh là tôi biết thế nào là tình yêu, thế nào là môi hôn diễm tuyệt, thế nào là những trao gởi rúng động của những kẻ yêu nhau. Lẽ nào tôi lại phải ra đi, lại phải từ bỏ cuộc đời, lại phải... chết trước khi Mai Khôi mang tặng cho mình những đóa hồng. Ồ mà không, tôi chỉ ao ước được thấy những chiếc rương bí mật ở dưới lòng biển cả mà thôi.

Hình như tôi đã chờ Mai Khôi đến ngày thứ ba. Mai Khôi bảo chỉ cần tối đa là hai ngày để thu xếp công việc, nhưng đó là lời hứa của một người đàn ông.

Quả thật Mai Khôi đã gây trong tôi một thứ ảo tưởng diệu kỳ. Đó là một người đàn ông mới bị vợ bỏ hay bỏ vợ cũng thế thôi; điều ngộ ngộ là vợ của Mai Khôi cũng là một phụ nữ Việt như tôi, và có lẽ vì hơi bực mình (chỉ hơi bực mình thôi sao?) vì sự việc rày đây mai đó của Mai Khôi nên họ bằng lòng nghỉ chơi nhau. Bà ấy "xóa bài làm lại" lần này với một người đàn ông tóc đen da vàng như mình. Họ lấy nhau những mười năm và theo như Mai Khôi cho biết thì dạo ấy họ vẫn còn quá trẻ. Mai Khôi than thở: "Đáng ra tôi không nên lập gia đình quá sớm. Tôi vẫn còn thèm khát sự tự do, và nàng thì cũng chẳng bao giờ tỏ ra thú vị đợi chờ chồng con như những người đàn bà Á Đông khác mà tôi được biết hoặc được đọc trong sách vở. Vậy mà tôi cứ tưởng ít ra thì ba đứa con cũng có thể tập cho nàng tánh kiên nhẫn chờ chồng chứ. Tôi đi đây đó cũng chỉ vì công ăn việc làm thôi mà."

Ba đứa con? Những tác phẩm lai Việt của Mai Khôi hẳn là xinh đẹp phải biết, nhưng dưới mắt vợ Mai Khôi thì đây là người đàn ông có nhiều khiếm khuyết. Điều này làm tôi

SƯƠNG MAI

LÁ RƠI

Chiếc lá rơi
chiếc lá rơi...
Ngày đi chầm chậm
cho người nhớ thương
Ai ngồi trên
bến sông Tương
Có nghe tiếng hát
u buồn xa xưa?
Nhặt dùm chiếc
lá thu mưa
Hình như một khoảng
đời vừa bỏ không?
Nhặt dùm ta
chiếc lá rừng
Hình như dòng nước
ngập ngừng... biếng trôi
Lá rơi, chiếc lá
vàng rơi...
Lòng ta thương quá
một người xa xôi
Lá buồn, rớt xuống
ngậm ngùi...

6/21/97

hy vọng Mai Khôi sẽ trở lại, vì tôi cũng là đứa con gái bệnh hoạn đến... khiếm khuyết. Thật ra không hẳn như thế. Tôi chỉ định nói rằng Mai Khôi không mấy yên tâm về cơn bệnh của tôi. Có thể là Mai Khôi vốn thương người, hay tội nghiệp hoặc vốn thích bảo bọc. Thế thôi nên chàng sẽ trở lại. Nhưng biết đâu Mai Khôi cũng sẽ có cả trăm ngàn lý do khác để yên lòng lãng quên tôi.

Mai Khôi nắm nhẹ tay tôi trước khi từ giã: "Tôi thích đôi mắt em. Đôi mắt có khi như đang nhìn tôi dại khờ, say mê nhưng dường như cũng thật mông lung, xa xăm như em đang trôi tuột vào một thế giới nào khác mà tôi không tài nào với tới được."

Buổi trưa sau chót Mai Khôi dìu tôi ra biển, trổ tài phó nhòm nguyên cả một cuộn phim. Mai Khôi bảo khuôn mặt tôi sao ủ dột não nùng quá, mặc dù tôi đã cố gắng mặc một chiếc áo thật sáng và giả vờ cười thật tươi mỗi khi nghe Mai Khôi nhắc lớn: "Anh bấm nhé. Cười đi nào."

Ờ nhỉ, làm sao Mai Khôi hiểu được tại sao tôi không thể vui trọn vẹn. Cũng như làm sao Mai Khôi biết được dáng vẻ kênh kên đãng tử của người đã hơn một lần xuất hiện trong giấc mơ của tôi, như từ tiền kiếp hai đứa là tình nhân của nhau.

Tôi đã không vui được, dĩ nhiên, vì những ám ảnh thường trực đó. Nỗi chết. Và lẽ sống. Tôi là người luôn luôn mệt mỏi, nhưng vẫn thiết tha vô cùng với đời sống.

Vị bác sĩ bảo rằng tôi sắp được giải thoát. Chết là khi tấm màn của đời sống được kéo xuống. Tất cả những vở kịch cũng được hạ màn. Người ta sẽ được nghỉ ngơi không còn phải diễn xuất, múa máy nữa. Phải vui chứ (?!)

Chết. Rồi tôi sẽ bay đi như mây vào một cõi nào không biết. Sự mệt mỏi sẽ chấm dứt và biết đâu tôi sẽ cảm thấy thong dong để bắt đầu một đời sống khác, ở một cõi đời mới. Ở đó tôi sẽ được khởi sự những cuộc vui chơi không bao giờ ngưng nghỉ. Tôi sẽ không phải đối diện với ngõ cụt của xác thân bệnh hoạn. Vòm trời nơi đó sẽ xanh bất tận và tôi sẽ không còn phải ngơ ngác dành dụm từng giọt nắng ủ ấp cho từng ngày mưa như ở trần gian. Nắng rồi sẽ bất tận, mãi mãi.

Khi đời sống đã tước đi của tôi chút hơi thở thì tôi sẽ đi đâu, về đâu nhỉ. Câu hỏi ấy bao giờ cũng vẫn cứ lẩn vẩn trong tôi, như không tài nào khuây khỏa nổi. Biết đâu khi hơi thở này bị dập tắt, tôi mới hoàn toàn được khoan khoái. Tôi sẽ tan biến, hòa nhập cùng hư không. Cái hư không mà tôi vẫn cố gắng nghe những lúc chơi vơi không ngủ được. Ôi, âm điệu ấy sao vắng lặng nhưng cơ hồ tấu lên cả ngàn khúc. Và rồi tôi sẽ lơ lửng, lơ lửng như đang bay đi, bay đi giữa bao la vô cùng. Trong ý nghĩ này, sự chết hiện ra thật thơ mộng và mê hoặc. Nó không còn là những đe dọa của thứ bóng tối rình rập bất ngờ, những bít bưng muôn đời là những ác mộng không lời giải đáp. Nó bí mật nên nó tha hồ múa may, trêu cợt tôi hoặc ai đó mỗi ngày. Nó là một tên trộm tinh ranh chỉ hiện về bất chợt, sẵn sàng cướp mất của bạn thứ hơi thở cần kíp trong đời. Tôi vốn bị nghẹn thở, hoặc thở rất ít nên sự sống lúc nào cũng chực chờ dứt lìa, đứt đoạn. Điều đáng tiếc đời sống dẫu thế nào vẫn là đời sống, một Đời để sống. Tôi không thể làm khác đi hay thay đổi những mầm mống định mệnh không may của riêng mình, nhưng tôi không hề khước từ đời sống nếu không phải chính nó đang chối từ tôi dần dần. Tôi phải thú thật điều này vì chắc bạn cũng thấy rằng ít người có thể khoan thai đứng dậy, nhún vai bước ra khỏi cuộc đời một cách kiêu hãnh như không hề nuối tiếc hay vướng bận một điều gì. Tôi cũng có thể nhếch môi cười khan như thể mình vốn dửng dưng với sự sống và cái chết tự bao giờ. "Tôi sẽ chết có nghĩa gì đâu" và xác thân vẫn là một cái gì không đáng kể, dù chúng ta vẫn luôn luôn bị lao đao hụt hơi vì phải kiếm cách làm vừa lòng nó. Điều tôi thắc mắc vẫn là chút siêu linh mà khi ra khỏi thân xác, nó chẳng cần một chỗ tựa nhưng vẫn quyện sống mãi trong không khí. Siêu linh? Thôi cũng bằng mọi cách và mọi giá, hồn tôi nhất định sẽ tìm về vất vưởng trên biển để báo cho Mai Khôi biết cái chết nó như thế nào, mang hình thù ra sao, hoặc thiên đường hay những ước vọng Satan cũng chỉ là một.

Trời ơi, phải chi Mai Khôi trở lại bây giờ để hà hơi vào thứ đời sống đang đến hồi kiệt sức của tôi. Tôi không sợ chết vì điều ấy hiển nhiên và không thể không có mặt . Có điều tôi muốn được chết hay nói cách khác là được yên nghỉ trong vòng tay ấm áp của Mai Khôi. Nếu Mai Khôi chưa trở lại từ đây cho đến cuối tuần thì tôi vẫn phải rời khỏi phố biển này, và biết đâu tôi cũng sẽ bực tức đến độ không tài nào nhắm mắt yên ngủ.

Mai Khôi sẽ trở lại. Tôi vẫn tin Mai Khôi

sẽ là người vuốt mắt tôi. Mọi sự vào những khoảnh khắc thiếu vắng này sẽ đọng lại. Để chờ được tan ra trong hơi thở của Mai Khôi. Người đàn ông với mùi hương nồng nồng ngai ngái của biển.

*

Hôm đó là ngày cuối tôi ra từ biệt biển. Mai Khôi vẫn dặn tôi nhớ mang theo áo ấm và không nên ra thăm biển một mình. Mai Khôi dọa: "Không phải ai cũng hiền như tôi đâu. Coi chừng người ta sẽ giả làm chó sói để ăn thịt cô bé choàng khăn đỏ cho mà xem."

Biển dạo này vào buổi chiều đã thoáng lạnh. Hình như nỗi buồn làm tôi cảm thấy đất trời cũng se lại. Ngày mai tôi phải trở về thành phố của mình, nơi những ngã tư đời vẫn có những rỡ ràng của thiên hạ và những tủi thân vẫn hiện hình như cũ của riêng mình. Trời lành lạnh, tôi lại hay mặc kệ những cơn gió không đâu ấy nên vẫn ôm thói quen lì lợm không mang thêm áo.

Biển vẫn mang dáng dấp quyến rũ - Cô đơn nhưng đầy quyền uy - Ra biển chiều nay tôi có cảm tưởng như mình đang bị biển thôi miên để đi theo, đi theo mãi từng đợt sóng xa biệt ngoài khơi. Biển sẽ cuốn tôi xuống, cùng với nỗi quạnh hiu này được nhận chìm với rong rêu . Xung quanh tôi hình như không tìm gặp một dáng núi nào cả, nên tôi cứ ngút mắt nhìn mà chỉ thấy một đường chân trời bao la. Ở đó một chút đỏ lừ và một chút xanh thẳm trong đôi mắt mặt trời đã rớt xuống trên biển những vầng lệ lóng lánh, buồn buồn. Cũng không tìm đâu ra bóng dáng của những cánh chim đại bàng nghênh nghênh soải dài, hay loài chim biển cũng đã tít tắp ở cuối chân mây tự bao giờ.

Mai Khôi là cánh chim biển đã hun hút. Người không trở lại và tôi đã hoàn toàn thất vọng. Giá tôi có thể đi, đi mãi không biết mệt từ chân trời này cho đến chân trời nọ. Đi và không mong gì tìm gặp một Mai Khôi tàn nhẫn như bão cát.

Nhưng rồi tôi bỗng muốn trở về khách sạn ngay lập tức. Tôi không thể chịu nổi những đợt sóng vỗ như mê loạn trên cát. Hình như cát cũng đang thoi thóp đau mà tôi nào hay biết. Tôi nhắm mắt lại và chợt nghĩ đến những dấu chân. Những dấu chân trên cát và lời thì thầm của những chú dã tràng, những chiếc vỏ ốc nằm cô đơn trên cạn và những con ngọc trai vùi sâu dưới đại dương. Tôi cố không nghĩ đến một điều gì nữa cả, chỉ cầu xin những an lành trả lại cho biển.

Đi ngơ ngác không giày không dép ra gần lộ chính, tôi mới giật mình vì tiếng còi xe và một loạt đèn pha chớp tắt, chớp tắt quẹt ngang người.

Chiếc xe dừng lại sát ngay trước mặt tôi. Người đàn ông bước ra khỏi xe hệt như bước ra từ một giấc mộng đẹp.

Tôi bị choáng váng thực sự. Những vệt nắng cuối cùng của buổi chiều bỗng vờn ra trước mặt chiếc cầu vồng diễm ảo. Người đàn ông dù đang quơ quơ cây gậy, vẫn dáng vẻ nghênh ngang như vừa mang về cho tôi thứ màu sắc bảy màu diễm ảo ấy.

Đó là Mai Khôi. Mai Khôi đó sao? Tôi vẫn chưa hoàn hồn, đứng chôn chân một chỗ, hệt như Mai Khôi cũng chợt bất động đến im sững.

Vài giây sau mà như cả triệu năm thiên thu, tôi mới nghe Mai Khôi mấp máy:

"Kìa Kim, anh đã tới..."

Vâng, đó là giọng nói mà tôi đã chờ đợi quá lâu để được nghe thấy.

Giọng nói của người yêu với người yêu. Không chần chờ gì nữa, tôi chạy nhanh tới bên Mai Khôi, bổ nhào vào người chàng muốn khuỵu xuống bất ngờ. Hình như cả Mai Khôi và tôi đều cảm thấy mình không còn đủ thời gian để câu nệ. Tôi gọi tên Mai Khôi tới tấp.

"Mai Khôi, Mai Khôi không sao chứ?"

Mai Khôi ghì siết tôi bằng một tay ôm. Ôi sức hút của thỏi nam châm tuyệt diệu. Rồi Mai Khôi dịu dàng nói:

"Đáng lẽ anh đã tới sớm hơn. Nhưng chính sự trễ nãi không định trước này đã làm anh nhận thêm ra một điều kỳ diệu. Anh thấy cần em, cần đời sống hơn bao giờ cả."

"Mai Khôi bị gì vậy hả?"

"Như đã hứa, anh định trở về đây đúng hẹn để gặp lại em. Anh đã cố lái xe thật nhanh vì cũng lo lắng cho cơn bệnh vừa rồi của em. Trong đêm lái xe, có thể vì chút xúc động nào đó hoặc quá buồn ngủ, xe anh đã lạng quạng vào xe của người khác. Nằm nhà thương anh chẳng muốn em lo âu, nên đã ráng gồng mình không liên lạc."

"Hóa ra Mai Khôi cũng đâu tệ với em. Vậy mà em cứ tưởng..."

"Em tưởng là anh... không thích em à? Em là cô gái dễ thương nhưng nhiều khi độc đoán."

"Anh để em chờ khá lâu."

"Chính tai nạn suýt chết vừa rồi làm anh cảm thấy ham mê những ngày mình đang sống gấp bội. Anh cũng vừa nhận ra anh cần tình yêu, cần em..."

"Nhưng anh đã biết gì về em mà đòi... yêu?"

"Có một sức hút nào đó giữa những va chạm của anh và em, em không nhận ra ngay từ phút giây đầu tiên sao? Vậy điều anh cần biết về em đâu có gì quan trọng, ngoài nỗi cuốn hút ấy."

"Và như thế anh gọi là... tình yêu?"

"Em phức tạp và rối rắm hơn anh tưởng. Có điều không phải là em cũng đã gọi anh trở lại đây sao?"

"Đó là tiếng gọi của những mỹ nhân ngư dưới biển hoặc những tiếng ú ớ trong mơ của sóng. Không phải của em. Một con nhỏ đang bệnh muốn chết mà còn dám gọi ai."

"Em nói nghe như thơ như văn, nhưng chính ra anh đã lỡ yêu vẻ ốm o, cần lệ thuộc vào một người nào đó của em tự hôm ấy."

"Em biết và em cũng linh cảm như thế. Em biết rằng Mai Khôi sẽ trở lại để... vuốt mắt em."

"Em nói gì vậy?" Mai Khôi hoảng hốt hét lớn.

"Ồ mà không... em chỉ định nói là Mai Khôi sẽ phải trở lại để gặp em và để yêu em."

"Em đừng đùa với anh nữa. Hồi nãy anh đã đoán đúng là em sẽ ra đây. Em chuyện trò gì với biển mà nói hoài không hết."

"Em yêu biển và em cũng phải cám ơn biển đã khiến em được gặp Mai Khôi, không phải thế sao."

Có lẽ lời tôi nói ra lúc ấy khẩn thiết lắm nên Mai Khôi chớp mắt. Tôi lại bắt gặp hai con người lóng lánh sao Hôm của Mai Khôi như vẫn rực sáng trong những giấc mơ. Đôi mắt vẫn làm tôi bàng hoàng, tê dại. Rồi Mai Khôi bất chợt cúi xuống. Bàn tay Mai Khôi ghì chặt tôi như muốn bẽ gãy từng đốt xương mảnh dẻ trên người, nhưng Mai Khôi lại chỉ muốn tặng tôi một chút môi hôn dịu nhẹ. Một nửa nụ hôn thì đúng hơn. Nửa còn lại Mai Khôi muốn để dành đến hôm nào tôi không biết (có thể vì một chân của Mai Khôi còn bị yếu chăng, hoặc Mai Khôi lãng mạn chút chút?)

Môi Mai Khôi cơ hồ chỉ lướt thướt trên làn môi tôi, nhưng là một xúc động đầy thảng thốt. Một xúc động đầu đời con gái.

Mai Khôi thì thào vào tai tôi như lời ru nhẹ của gió:

"Có phải cả ngày hôm nay em dầm mình trong gió biển không hở? Tóc em mằn mặn hương của biển biết không. Trời ơi, anh chỉ muốn cảm ơn em, cảm ơn cô nhỏ đáng yêu..."

Tôi cũng muốn cảm ơn Mai Khôi, cảm ơn sự sống hơn một lần người đã mang đến. Một đốm sáng cuối cùng lóe lên từ những ngày tăm tối, không một bóng dáng hạnh phúc. Vậy là tôi biết mình sẽ được chết khi vừa tìm thấy đúng nghĩa sự sống.

Chỉ Mai Khôi là không hề hay biết rằng tôi sắp chết. Có điều chắc chắn tôi sẽ yên lòng nhắm mắt vì Mai Khôi đã trở lại. Tôi đã được Mai Khôi hôn và đã ngửi thấy trọn vẹn hơi thở của biển. Thứ mùi hương ngai ngái, nồng nồng, ngây ngây như mùi đàn ông toát ra từ Mai Khôi.

Tôi sẽ thèm khát mùi hương ấy biết bao, khi Mai Khôi nhất định tặng hết nửa môi hôn gấp gáp, ấm nóng còn lại...□

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

KIBBUTZ

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

(Tiếp theo)

7

"Tình trạng Vật Lý học nói chung, kể như ngày hôm qua, đại khái như thế này..." Ông giáo sư đỡ đầu bắt đầu cuộc hội kiến với Tân, rồi ông viết trên bảng hết phương trình này đến phương trình khác. Thot nghe tưởng ông phô trương, kênh kiệu, nhưng nhìn vẻ mặt bình thản và chân thành của ông, Tân quyết định ông chỉ muốn diễn tả một cái gì rất thực và hiển nhiên. Ông vừa đi dự hội nghị Vật Lý ở Tokyo về hôm trước. Tình trạng Vật Lý học nói riêng, của Tân, đại khái chàng sẽ rất sung sướng nếu hiểu hết được những gì từ năm ngoái, năm kia... Một sinh viên gõ cửa bước vào. Ông giới thiệu cho Tân Aaron, một sinh viên đang làm luận án tiến sĩ. Rồi ông tiếp tục giải thích một số vấn đề mà hai người có thể cộng tác khảo cứu trong năm tới. Trong suốt thời gian ở Israel, Tân và Aaron làm việc chung với nhau, như bóng với hình trong giờ làm việc. Ngoài giờ làm việc, hai người hay lê la ở mấy quán cà phê dưới hầm, dọc đường Dizengoff hay rải rác khắp Tel Aviv. Tha hồ tranh luận chính trị, những quán cà phê này là nơi tụ họp của đủ mọi mầu sắc chính trị, từ cực tả đến cực hữu, và tất cả các m ầu sắc khác giữa hai đầu. Ở Israel với một đám đông hai người, một thuộc đảng Cộng Sản, một thuộc đảng Bảo Thủ, ta sẽ không lấy làm lạ nếu có đảng thứ ba là đảng Cộng Sản Bảo Thủ.

Đại học Tel Aviv có một ban giảng dậy rất giỏi về nhiều ngành. Riêng về Toán và Vật Lý, Tân biết rõ hơn vì đó là địa hạt của chàng, ban giáo sư có nhiều người được biết tiếng trên thế giới. Thêm vào đó là những lớp thuyết trình đặc biệt phụ trách bởi các giáo sư của Viện Nghiên Cứu Khoa Học Weizmann gần đó. Đại học Tel Aviv và Viện Weizmann thu hút nhiều giáo sư Do Thái của các trường đại học Mỹ và nhiều nơi khác. Một trong những đặc điểm của một số người thật giỏi là tài giản dị hóa những vấn đề rất phức tạp, vì vậy nhiều vấn đề được giảng như cho "pedestrian". Tân học được rất nhiều bằng cách dự thính những lớp học căn bản này. Đối với ông thầy chính thì khó hơn. Một buổi trưa Tân và Aaron ngồi ăn trưa với hai vợ chồng một giáo sư từ Brookhaven Lab đến thăm, ông chồng hỏi hai người đang làm gì và với ai. Sau khi nghe chuyện ông nói: "Milk him!" Tân và Aaron nhìn nhau cười rồi cắt nghĩa là điều đó không cần thiết, cứ như hiện tại, "without milking him", hai người có đủ việc làm ứ đ ến tận tai.

Không khí khảo cứu ở đây cũng rất sôi nổi. Nhiều người qua lại vùng này thường xuyên nên thuyết trình hàng tuần thường được cho bởi những diễn giả có thẩm quyền trong địa hạt của mình. Chiều thứ ba là chiều thuyết trình. Đề tài hôm nay là một vấn đề về Vật Lý Thiên Văn. Đứng trên bục cao là diễn giả, giáo sư Edward Teller. Ông người tầm thước, khá to ngang, lông mày chổi xể, chân đi tập tễnh. Cử tọa yên lặng, diễn giả đưa mắt nhìn quanh giảng đường như để nhấn mạnh sự quan trọng điều mình muốn nói. Hai bàn tay vo tròn vào nhau, ông bắt đầu: "As I compress a star..." Ép nén một vì sao thuộc về Vật Lý Thiên Văn. Đó cũng là Vật Lý Hạt Nhân. Hay cho nổ một quả bom khinh khí. Đại khái đều cùng một hiện tượng. Chợt nhớ đây là Edward Teller, người phụ trách việc phát triển và chế tạo bom khinh khí, Tân cảm thấy rờn rợn và quên mất những điều ông nói tiếp. Một lần làm thuyết trình, cũng muốn bắt trước Teller, vò hai bàn tay vào nhau, Tân bắt đầu: "As I compress matter..." Chàng để ý quan sát , không có gì xẩy ra, không thấy ai rùng mình. Tân không có dịp thử lần thứ hai, để thay thế "matter" bằng "star".

Buổi chiều cuối tuần của tuần lễ đầu tiên ở đại học, sắp sửa hết giờ làm việc, một thiếu nữ y phục mầu vàng chanh, với chiếc mũ rộng vành cũng mầu vàng chanh, lộng lẫy bước vào

văn phòng hỏi Tân. Carmen. Mathilda, bà thư ký, nhơn nhác kiếm Tân. Không dằn lòng được, Mathilda hỏi dồn dập: "Tuần lễ đầu tiên ở đại học, anh có biết con bé có bao nhiêu đứa theo mà không ăn thua gì không? Làm sao hay vậy?" Tân cười: "Tôi có ít potion gia truyền bí mật, công hiệu lắm. Nếu bao giờ Mathilda cần, đừng quên hỏi, cho tôi biết trước một tuần." Kiếm được Carmen, Tân bước đi như một chú rể mới, "lòng lên phơi phới..." Một buổi chiều hạnh phúc hoàn toàn nếu chàng đừng định bước qua tường kính của building, suýt vỡ mắt kính.

8

Tân và Carmen im lặng bước đi trên bãi bể, những khi sóng đến nước ngập quá cổ chân. Cả hai cùng có một tâm sự. Đã khá muộn, trên bãi bể không còn mấy người. Sóng bể, đợt sau theo đợt trước, rửa sạch những dơ bẩn của bạn ngày. Carmen chú ý cố tránh không dẫm lên mấy con dã tràng đang ù té chạy sau mỗi đợt sóng. Ngoài tiếng gió thổi đều đều không thay đổi, thỉnh thoảng có tiếng kêu quang quác của mấy con hải âu tranh nhau ăn phá tan cái im lặng thanh bình. Đột nhiên Carmen đi chậm lại, rất kích động, hai tay nắm chặt cánh tay Tân, nói với giọng khẩn trương:

"Tân, nói cho em nghe, anh có thật yêu em không?"

Tân cũng đang theo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Hoang mang, chàng trả lời cho xong chuyện:

"Tất nhiên anh yêu em."

"Không, không phải như vậy." Carmen nói với giọng trách móc, "Tân, em không muốn nghe câu nói máy móc như vậy. Em tắt kinh gần hai tháng nay cho..."

Trong một khoảnh khắc rất nhỏ, qua cánh tay Tân, nàng cảm thấy bắp thịt của chàng phản ứng, hơi đanh lại. Nàng đang định nói tiếp nhưng ngừng lại. Tân ngập ngừng: "Carmen..." Rồi Tân im lặng. Một cái im lặng thai nghén, chàng đang nghĩ gì. Một thoáng nghi ngờ trong đầu, Carmen tự hỏi một cách chua sót hay là mình đã nhầm. Dù sao Tân cũng chỉ là một chàng lãng tử phiêu bạt, dừng chân nước này một hai năm, nhiều quá là ba năm. Điều nàng không muốn chấp nhận, một phần vì tự ái, là mối tình giữa nàng và Tân cũng chỉ là một mối tình phù du mặc dù đã xâu đậm hơn sáu tháng giời.

Không, nàng muốn tin Tân của nàng là con người lành mạnh, thành thực. Nàng không muốn trở lại quyết định đêm ở vườn táo khi nàng mới biết Tân có hơn hai tuần lễ. Tân ôm hôn nàng, đôi chút thô bạo. Khi Tân sắp sửa xâm chiếm thân thể nàng và cũng khi nàng định cưỡng lại thì đột nhiên chàng ngừng, như có một động lực vô hình nào ngăn cản. Nàng nhìn thấy khía cạnh dịu dàng của chàng. Những đam mê trong nàng đột nhiên thức dậy, trào lên dào dạt. Những bắp thịt trong nàng như quyết định nói với chàng những tiếng nói không lời cùng một lúc. Carmen kêu khe khẽ, nàng cảm thấy một sung sướng mênh mông, chan hòa, bất tuyệt. Cơ thể buông lơi, Carmen nhìn thấy những vì sao trên trời qua vòm lá. Rồi nàng ngửi thấy mùi ngai ngái, hăng hắc lên men của lá mục ở chung quanh. Rồi nàng cảm thấy cỏ thưa ở dưới lưng. Không phải là chỗ êm ái nhất trên đời để mà mất thanh tân, tuy vậy nàng không hối tiếc. Nàng chợt nghĩ mình đang ở trong vườn táo; không, Tân và Carmen không phải là Adam và Eve. Tội lỗi, nàng không cảm thấy tội lỗi. Nàng thấy tràn đầy hạnh phúc.

"Anh không biết em hãy còn thanh tân," tiếng Tân xa xăm vọng lại, "anh xin lỗi..." Như tỉnh giấc, Carmen vội vàng đưa tay bịt miệng Tân, hấp tấp nói: "Đừng anh, nếu đó là điều phải xin lỗi thì anh thấy, xin lỗi không thể đủ..."

Carmen nhớ lại một lần nàng hỏi Tân làm tình với các cô gái đều dễ dãi như vậy cả hay sao. Chàng nói không, không biết Carmen có tin hay không, nàng là cô gái trinh nguyên thứ nhất. Về một vài phương diện, cách suy nghĩ của Tân cũ kỹ như trái đất. Không phải chàng không có cơ hội, nhưng bao giờ chàng cũng dừng lại khi cô gái, như một phản ứng tự nhiên, hơi bắt đầu chống lại. Trinh tiết của một cô gái có thể chẳng có gì quan trọng mà cũng có thể là thiên thu, Tân cắt nghĩa. Tân nghĩ đến cảnh cô Loan trong cuốn Đoạn Tuyệt nhìn một cách lợm giọng cậu công tử chú rể dải tấm khăn trắng lên giường trong đêm tân hôn. Chàng nghĩ cảnh đó tục tĩu, bẩn thỉu hơn bất cứ cái gì cô Loan có thể nghĩ hay làm nổi. Mặt khác, chàng tin mỗi hơi thở, mỗi cử động đều phải có đôi chút nghĩa lý, bởi lẽ nếu không đời sống sẽ có ít lý do để tồn tại. Carmen có vẻ tư lự, nàng không lấy làm lạ về mấy chuyện này. Phong tục của người Ả Rập mà nàng biết, nhiều khi nghiệt ngã hơn thế nhiều. Tân kể chuyện bạn Nhâm nói một cách sỗ

sàng: "Mày phải phiên phiến một chút, nếu trước khi ngủ với đứa nào mà cứ phải thắp hương khấn ông bà, ông vải thì nó ôm quần chạy mẹ nó mất!" Nhâm cũng nói thêm nếu cảm thấy ân hận thì đừng. Tân mất thêm mươi phút nữa cắt nghĩa cho Carmen hiểu thế nào là "thắp hương khấn ông bà, ông vải". Văn hóa!

"Còn cô gái thứ hai?" Carmen ranh mãnh hỏi. Ồ, cô gái thứ hai, nằm nói chuyện bâng quơ, Tân hỏi nàng làm tình lần đầu tiên trong trường hợp nào. Nàng thản nhiên trả lời trong một trại hè, nửa đêm "một người nào đó đè lên tôi" — someone on top of me. Tân hơi ân hận hỏi câu đó. Chàng không thực sự đợi câu trả lời, hay nếu có, ít ra câu trả lời cũng phải chứa đựng đôi chút tình sử. Đằng này nó nhạt nhẽo, ngẫu nhiên như tiêu hóa, bài tiết. Điểm tan vỡ xảy đến hôm chàng mua đĩa nhạc Scottish Fantasy của Bruch. Nàng đang có điều gì bực mình bèn la lớn làm ơn tắt đi, nghe buồn lắm. Không phải ai cũng hiểu những niềm vui hân hoan dân gian trong bản nhạc, nhưng đó chỉ là một chi tiết rất phụ, không quan trọng. Việc xảy ra là giọt nước cuối cùng để cho bình nước tràn đầy. Điều tượng trưng là niềm vui không chia sẻ.

Những kỷ niệm vui buồn lẫn lộn diễn lại trong đầu. Tân thường nói với nàng nhiều điều độ lượng và xúc tích, không có lẽ chỉ mới có một chút khó khăn, bất tiện như chuyện "tắt kinh" mà đã làm chàng lo ngại, thay đổi. Tân vẫn im lặng đi bên cạnh nàng, vẫn mù quáng trước những giao động trong thâm tâm nàng. Nàng bắt đầu cảm thấy bị phản bội, niềm giận dữ trào dâng trong lòng. Không muốn cắt nghĩa thêm, Carmen đang kiếm lời cho Tân hay chàng không cần phải bận tâm nhiều như vậy thì Tân lên tiếng: "Anh đã nghĩ kỹ. Có lẽ mình phải ra khỏi Israel trong vài tuần." Carmen ngơ ngác không hiểu, nhìn Tân dò hỏi. Tân cắt nghĩa: "Em đã biết, một cô gái Do Thái muốn lấy người ngoại đạo ở đây không giản dị."

"Ồ, cái đó..." Carmen nói. Gánh nặng được trút bỏ khỏi vai, nàng gục mặt vào vai người yêu, nước mắt chan hòa. Tân ngạc nhiên. Carmen là một cô gái rất kiêu hãnh. Nàng không phải là một cô gái mau nước mắt, nhất là vì vấn đề "tắt kinh" được giải quyết một cách rất cổ điển bằng hôn nhân. Để bớt ngượng cho cả hai, chàng khẽ vuốt tóc nàng và đọc câu trong bài hát Viens pleurer au creux de mon épaule mà nàng ưa thích. Carmen cũng khẽ nói: "Je t'en prie, chéri, pardonne-moi." Đó là câu trong cùng bài hát, Tân chưa kịp hiểu tại sao Carmen nói thế thì nàng đã lau khô mắt, trở lại giọng bình thường:

"Chuyên viên như anh, xây cầu cầu sụp."

"Chuyên viên" là câu chuyện cười riêng. Một lần Tân muốn đi theo nàng và Rivka. Khi Rivka đùa nói hai người phải đi mua mấy thứ lặt vặt và Carmen muốn mua porte-bagages thì Tân liến thoắng là chàng giỏi về nhiều thứ, nhất là về porte-bagages, chàng là chuyên viên. Hai người cười cho đi cùng. Hai cô đi mua son phấn và nịt vú. Lấy lại hoàn toàn tư thế của một cô gái tự tin, nàng tiếp: "Tân, anh nói có hai điều phi lý. Thứ nhất, ai là cô gái Do Thái muốn lấy người ngoại đạo và thứ hai, lý do gì khiến cô gái Do Thái phải đi đâu để lấy người ngoại đạo?" Carmen nói tiếp dấu sao thì nàng đã trở lại bình thường.

"Em phá thai?" Tân hốt hoảng hỏi.

"Em có nói phá thai bao giờ đâu." Carmen đáp.

Tân thở dài nhẹ nhõm. Chàng kiếm hòn đá sạch hai người ngồi xuống. Tân cắt nghĩa không thích việc phá thai không phải là vì nhà thờ. Chàng suy nghĩ và cảm thấy yên ổn với bản thân khi bàn chuyện hôn nhân với Carmen, tuy chàng không muốn bị bắt buộc làm như vậy. Còn Carmen, nàng cũng nghĩ tìm biện pháp nào ổn thỏa nhất thì bị xẩy ngày hôm trước, chuyện phá thai không đến trong đầu nàng. Cuối cùng thật sự không có việc gì cấp bách phải giải quyết. Tuy nhiên, với sự việc đã xảy ra, hai người đang đi theo một chiều hướng khác. Tân bỏ ý nghĩ đi Bắc Âu. Lúc đầu chàng còn phân vân không biết nên ở lại Tel Aviv hay đi trong năm tới.

"Carmen," Tân cầm tay nàng ôn tồn nói, "anh đang định nói chuyện với em là sáng nay đại học Tel Aviv báo sẽ tiếp tục trợ cấp cho anh trong năm tới. Đồng thời Canada cũng gửi thư nói anh có việc. Đi hay ở, lúc nãy anh định bàn chuyện đó với em. Bây giờ anh thấy không cần thiết nữa. Anh sẽ đi Canada sau niên học này. Anh muốn giữ chỗ đó ở đại học ở Canada. Anh muốn em hiểu xa em trong năm tới là một thử thách lớn. Tuy nhiên anh nghĩ điều đó không phải hoàn toàn xấu. Bao giờ em học xong?"

"Nếu lấy dư thêm một cours thì em sẽ xong trong năm tới."

"Mấy năm tới rất quan trọng cho anh. Em

muốn qua chơi Canada đầu hè năm tới không, sau khi em thi xong? Lúc đó cũng là dịp Expo 67 ở Montréal sắp bắt đầu."

Carmen gật đầu không nói. Nàng ngồi nhích xát vào người yêu cho thêm ấm. Nghĩ lại chuyện vừa qua, nàng nhớ Tân kể khi đang lớn chàng rất láu táu, hay bị mắng vì nói nhanh không kịp nghĩ, không kịp thở. Chàng mất nhiều công mới tập được thói quen cố nghĩ chín trước khi nói. Vừa rồi nàng đang kiếm một từ ngữ nặng để nói với Tân thì may chàng lên tiếng. Nàng biết Tân rất nhậy cảm. Một lần Tân cắt nghĩa câu thành ngữ Việt Nam "bát nước đầy", một khi đã đổ thì không còn cách gì làm đầy lại. Qua kinh nghiệm, từ việc nhỏ cho đến việc lớn, nàng biết những chuyện không hay thường không xảy ra một cách ồ ạt, dữ dằn mà hay đến từng tí một. Một chuyện hiểu nhầm, hai chuyện hiểu nhầm... Tuy còn lâu Tân mới đi, nàng vẫn cảm thấy bất trắc của đời sống. Hạnh phúc sao mà mong manh như cánh bướm.

"Anh có nhớ một lần mình đọc cuốn Lord Jim không?" Carmen nói to như tiếp tục ý nghĩ của mình, "Gì nhỉ? Đâu là danh giới phân chia hai thái cực? Trong cuốn Lord Jim, Conrad cho rằng sự cách biệt giữa anh hùng và hèn nhát chỉ mỏng như tờ giấy. Em nghĩ mình có thể suy rộng luận đề. Sự cách biệt giữa bất cứ hai điều đối lập nào chỉ mỏng như tờ giấy: anh hùng và hèn nhát, yêu và ghét, hạnh phúc và đau thương."

9

Carmen và Rivka biết nhau một cách tình cờ. Một mùa hè, hai nàng cùng trả lời một quảng cáo cho việc của một tiệm sách. Cả hai cùng được việc, cùng muốn tìm chỗ ở tại Tel Aviv, Carmen vì gia đình ở Jerusalem, Rivka vì mẹ ở kibbutz. Hai người rủ nhau đi thuê apartment, và ở chung với nhau đã được hơn hai năm.

Gia đình Rivka có cỗi rễ kỳ cựu ở Palestine. Bố mẹ nàng là thành phần căn bản xây dựng một kibbutz. Hai người hứa hôn với nhau khi còn trẻ. Tuy nhiên vì đại chiến thứ hai, rồi tổ chức giúp đỡ dân Do Thái di dân vào Israel, rồi tranh đấu xây dựng Israel hiện đại, hai người không bao giờ yên ổn thành lập gia đình. Khi đại chiến gần chấm dứt, ông bà đã bắt đầu có tuổi. Không muốn trì hoãn thêm, hai người về ở một kibbutz để xây dựng gia đình. Sau đó chỉ còn bố của Rivka là hoạt động cho lực lượng bán quân sự, tiền thân của hệ thống quốc phòng của Israel hiện tại. Rivka là con một, ra đời khi đại chiến thứ hai chấm dứt. Bố nàng là một trong những chỉ huy trưởng trong chiến tranh dành độc lập 1948. Ông chết trong chiến tranh Israel-Ai Cập năm 1956, trong sa mạc Sinai, gần kênh Suez, khi ấy Rivka mới có mười hai tuổi.

Tuy bố chết vì chiến tranh, Rivka lớn lên không cảm thấy đặc biệt hận thù gì dân Ả Rập. Là một sabra6, nàng nhận biết sứ mạng của thế hệ mình nhưng không quá khích. Nàng thấy lập trường toàn diện Palestine là đất kể trong kinh thánh, do đó thuộc về Israel, cũng không khác gì lập trường của một số dân Ả Rập phải tiêu diệt Israel, phải đẩy hết dân Do Thái xuống biển. Cả hai đều quá đáng. Về quan điểm chính trị, hai nàng giống nhau mặc dầu hoàn cảnh xuất xứ rất khác nhau.

Rivka hơn Carmen hai tuổi, còn vài tháng nữa nàng học xong y tá. Tân đã từng giới thiệu Aaron cho Rivka. Hai người đi chơi với nhau vài lần nhưng không hợp. Sau đó, nàng gặp lại David, một bạn cũ của gia đình. Cũng sabra như Rivka, coi bộ hai người có nhiều điểm giống nhau hơn.

Tân sống một cuộc đời bình thường những tháng còn lại ở Israel. Sau mấy tháng đầu ăn cơm tiệm, Tân điều đình với hai nàng cho góp gạo thổi chung.

"Tôi giả cả tiền chợ, cũng chỉ đắt bằng tôi ăn tiệm là cùng." Tân đề nghị.

"Không được," Rivka đáp, "như vậy không khác gì bọn tôi thổi cơm tháng cho Tân. Bọn tôi không thổi cơm tháng. Nếu Tân muốn ăn ở đây, Tân rửa bát, tiền chợ chia đều."

Và như vậy, công việc phân chia rõ ràng. Rivka là đầu bếp, Carmen phụ bếp, Tân rửa bát. Từ đấy, chiều chiều Tân về ăn tối với Carmen và Rivka. Cơm nước xong, Tân rửa bát rồi ngồi nói chuyện phiếm hay đọc sách, chừng 10 giờ thì về apartment của mình. David, phi công Mirage của không lực Israel, thỉnh thoảng mới về vì phi đoàn của chàng không ở gần Tel Aviv; mỗi khi về Tel Aviv chàng được coi như khách.

"Ménage à trois" trên thực tế. Đi chơi khắp Israel thường có cả ba người. Lúc đầu Rivka e ngại phiền hà hai người, nhưng Tân và Carmen nói thật không có gì bất tiện. Nói đùa tiếp, nếu có gì Rivka không vừa ý nàng chỉ việc nhắm mắt lại. Dần dà Rivka cũng quen và không cảm thấy thừa. Khi Tân sắp rời Israel,

Rivka rất tử tế, nói đi nghỉ hè mười ngày cho chàng và Carmen được tự do.

Rivka nấu nướng rất giỏi, đó là thú vui của nàng. Nấu ăn cho ba người dễ hơn, Rivka hay thử những món ăn mới. Còn Carmen, nàng có nhiều phẩm chất tốt, nấu ăn không là một trong những phẩm chất đó. Phụ cho Rivka, Carmen học làm bếp từ từ. Carmen có dịp trổ tài nấu món cá đặc biệt Do Thái, mà nàng mới học được, vào dịp tết Do Thái, Rosh Hashanah. Mấy người làm cơm mời bố mẹ Carmen. David cũng về chơi. Bố mẹ Carmen là người rất bặt thiệp, "văn hóa". Như Carmen nói, Tân thấy hai ông bà không phải là "Tây thực dân". Ông giống Claude, bạn chàng, một mẫu Claude già hơn; còn bà, tương tự mẹ room-mate cũ, khác ở chỗ là bà "có dư" một cô con gái.

Carmen nói chuyện về Tân với bố mẹ khá nhiều. Nàng kể, như bất cứ bà mẹ Do Thái nào, bà quan tâm đến những khó khăn về sắc tộc, tôn giáo... Tuy nói chuyện vui vẻ, bà kín đáo quan sát Tân cặn kẽ. Còn Tân và ông bố, hai người hợp chuyện nhau tức thì. Vừa bước vào trong nhà ông đã nói đùa biết rõ Carmen, hôm nay Carmen làm cơm, chắc phải ăn trứng luộc. Câu chuyện bắt đầu dễ dàng. Tuy đã biết về cách suy nghĩ của nhau đôi chút qua Carmen, Tân và ông nói chuyện chung chung, dễ đồng ý, như âm nhạc. Lúc đó nhạc sĩ vĩ cầm Nga David Oistrakh đang đi trình diễn ở Israel, thường thường ở Tel Aviv. Ông lái xe từ Jerusalem xuống Tel Aviv, xem không thiếu buổi nào.

"Anh còn nhớ mấy bài ngắn của Debussy mà Oistrakh chơi cho bis không?" ông suýt soa, "La fille aux cheveux de lin, Clair de lune! Mấy ngón tay to như những quả chuối nhỏ trên những nốt chi chít cao cung của vĩ cầm. Không một tiếng ho hay tiếng sào sạc khán giả cựa mình trên ghế, nốt nhạc mịn như nhung và nhẹ như tơ tràn ngập thính đường Mann. Tôi thấy những nốt nhạc cao thượng ấy, bù đi bù lại, xóa bỏ được phần nào những man rợ của nhân loại."

TRẦN ĐẠI LỘC

Ở RỪNG NHỚ PHỐ

Tặng chị Nga

Mưa mùa tháng Năm mưa hay vào chiều
Cánh rừng mới phá cây ngã xiêu xiêu
Phảng đã chồn tay ta ngồi yên đó
Nghe rụng trái bần tiếng rụng buồn hiu

Mưa dậy bùn lên đường rừng lá nát
Gió bãi thổi lùa lũ bồ mắt bay
Một con chim đen kêu chiều tao tác
Ta vẫn bàng hoàng thực hay ta say

Sao bỗng về đây cồn hoang bãi rậm
Để mỗi buổi chiều nhớ phố thị xưa
Đốt thuốc vàng tay tình chưa đủ ấm
Sài Gòn tháng Năm chiều cũng hay mưa

Sài Gòn sau mưa trời lại buồn thêm
Đường me lá trải điểm bước chân mềm
Ôi góc phố xưa còn thơm hương sứ
Em tan học về tóc xõa vai êm

Sài Gòn hướng nào cách xa bao sông?
Nơi đây mù mịt nước chảy nhiều dòng
Thương đám lục bình chơi vơi theo sóng
Bìm bịp giọng đều gọi con nước rong

Cắn trái bần chua nghe chừng xót dạ
Bụm nước mưa nguồn nếm giọt thương đau
Nhỏ giọt mồ hôi cho nhuần đất lạ
Một ngày nhọc nhằn rồi cũng qua mau

Gió xoáy thật nhiều muôn trùng lá đổ
Thăm thẳm chiều đầy mưa vẫn giăng giăng
Sao mãi còn đây ở rừng nhớ phố
Chầm chậm ta về cúi mặt băn khoăn

Cồn Cát, tháng Sáu 1976
Chú thích của Tòa soạn: Bài này tác giả làm khi ở trại cải tạo Cồn Cát, trong vùng châu thổ sông Cửu Long.

Cuối tháng 7 năm ấy, khi Tân sắp rời Israel đi Canada, chính ông giúp đỡ chàng dọn dẹp đồ đạc. Hôm chàng đi cả hai ông bà xuống đưa tiễn chàng ra máy bay.

10

Rời Israel, Tân ở Istanbul hai tuần lễ, dự một ít lớp thuyết trình về Vật Lý. Chàng đến Canada vào giữa tháng 9, sau hơn một tháng

lang thang ở Âu Châu. Cần hai tháng nữa tại Canada đời sống mới của chàng mới tạm ổn định. Trong khi đi du lịch hay những tháng đầu ồ ạt, bận rộn tại Canada chàng vẫn trao đổi postcards hay thư từ với Carmen đều đều nên không cảm thấy buồn. Khi cuộc sống ổn định, trở thành thói quen chàng bắt đầu cảm thấy đời trống rỗng. Đã đành ban ngày luôn luôn bận, nhưng đến chiều vẫn phải đi ăn cơm tiệm. Ngồi ăn một mình, vừa ăn vừa đọc báo hay ngắm mấy con cá vàng bơi lội trong giòng suối nhỏ nhân tạo, càng ngày Tân càng luyến tiếc tiểu gia đình của chàng với Carmen và Rivka.

Tuy liên hệ tình cảm của chàng với Carmen xâu đậm, khi rời Israel Tân không thật tin rằng liên hệ đó có thể vững bền được quá nửa năm. Xa mặt cách lòng. Vậy mà bây giờ đã quá nửa năm, sau vài mối tình hờ không tên, không bến chàng càng cảm thấy rất thiếu Carmen. Chàng thiếu tấm thân mềm mại, sống động cũng như tâm hồn sắc bén, đí dỏm của nàng. Qua thư từ chàng ngạc nhiên và mừng thầm thấy Carmen vẫn còn chia sẻ những tình cảm ấy.

Carmen đã lấy thêm một cours, và như vậy sẽ học xong cuối niên học này. Nàng thường viết thư kể đủ thứ chuyện linh tinh: kibbutz, đại học, bạn bè, Rivka, gợi lại những kỷ niệm xưa cũ. Tân cũng nhớ những kỷ niệm cũ đó, và cả những xích mích nhỏ luôn luôn có giữa bất cứ hai người nào. Tân muốn có Carmen, chàng nghĩ đến nhiều trở ngại. Những xích mích nhỏ không phải là trở ngại. Trở ngại là câu hỏi thầm hiểu nhưng không ai muốn đề cập tới một cách rõ ràng, thuần lý. Câu hỏi chàng có thể đọc được trên mặt mẹ Carmen khi bà gặp chàng lần đầu tiên: "Rồi sẽ đi đến đâu?" Nếu chỉ có hai người thôi thì vấn đề sẽ được giải quyết dễ dàng. Nhưng còn xã hội chung quanh?

Với gia đình Carmen, Do Thái là một truyền thống hơn là một tôn giáo, do đó tôn giáo không quan trọng cho lắm. Vấn đề chủng tộc, tập quán phiền toái hơn nhiều. Trong phạm vi gia đình Carmen, ai cũng nói tiếng Anh và tiếng Pháp, nhưng như khi ở kibbutz lúc mọi người ào ào nói chuyện bằng tiếng Do Thái, phần Tân có thể đóng góp được là câu "Shalom". Tân biết Carmen không phải là một cô gái an phận, ngồi vê tà áo trong môi trường của chàng, nhưng chàng cũng tưởng tượng được khi mọi người kể chuyện khôi hài bằng tiếng Việt, khó khăn của nàng không nhỏ.

Mặc dầu hãy còn phân vân như vậy, Tân vẫn viết thư cho Carmen hỏi nàng còn muốn xem Expo 67 ở Montréal như hai người đã bàn tính trước kia không. Chàng đọc lại thư Carmen.

Tel Aviv le 9 mars 1967

Anh yêu quý,

Nhân dịp Purim(7) bố mẹ và em đi thăm chú ở kibbutz. Bố mẹ đưa em về Tel Aviv rồi lái xe về Jerusalem chiều nay. Ông bà có gửi lời thăm anh. Cả chú em nữa. Chú tỏ vẻ ngạc nhiên thấy em vẫn liên lạc thường xuyên với anh.

Đi với bố mẹ, em ngồi một mình ở ghế sau. Tất nhiên dễ chịu hơn xe buýt. Tuy nhiên trên con đường quen thuộc này em thấy vắng anh. Em nhớ đến lần đầu tiên em đưa anh đi kibbutz, rồi Noel... Chuyện mới ở kibbutz. Mọi người quyết định nuôi gà vừa để có thịt ăn vừa để sản xuất trứng. Thử thôi, hiện tại chỉ sản xuất đủ cho kibbutz dùng; nếu thấy làm ăn được thì sẽ khuếch trương rộng lớn để bán.

Em rất mừng thấy anh nói đời sống đã phần nào ổn định, và anh đã bắt đầu làm việc lại đàng hoàng. Nghe anh tả cảnh ngồi ăn tiệm, ngắm cá vàng bơi em thấy tội nghiệp quá. Anh thiếu tiểu gia đình của anh ở đây? Từ ngày anh đi, cả em lẫn Rivka đều lười, cơm tối chỉ nấu một món. Ít khi Rivka chịu làm gourmet. Như vậy cũng có thể nói là mọi người ở đây thiếu anh! Coi bộ từ giờ đến cuối năm, nếu còn ở đây, em phải tìm người thuê chung apartement mới. Em có cảm tưởng Rivka và David một hai sẽ làm đám cưới. Em hỏi, Rivka cứ úp mở không chịu nói. Nó nói đùa là nếu có thì vẫn có thể ménage à trois như trước. Cô nàng cũng hỏi thăm anh luôn.

Bây giờ đến chuyện em. Một tuần lễ vẫn làm mươi giờ tại tiệm sách. Em học bù đầu, lấy thêm cours để cho xong năm nay. Em không than phiền, em có cái thú đọc sách từ khi còn nhỏ. Còn chuyện Expo 67? Anh muốn biết em có còn muốn đi xem Expo nữa không, em muốn lắm chứ. Em lấy thêm cours một phần cũng vì chuyện này, để khỏi phải học trong mùa hè. Còn chuyện anh sẵn sàng gửi cho cô hàng bán sách nghèo vé máy bay đến Montréal? Présomptueux! Anh quên cô hàng bán sách là nhà con một. Hơn nữa chỉ có vé máy bay cho đến Montréal thôi, ngộ bơ vơ ở Montréal thì sao? Nói đùa vậy thôi, cám ơn lòng tốt của anh. Về chuyện đi Montréal này

có lẽ em cũng làm được một ngạc nhiên. Em sẽ nói cho anh nghe trong một thư tới.

Bữa trước gặp Aaron. Aaron khoe là bài anh và Aaron viết chung đã được nhận đăng. Aaron nói là cũng sẽ xong tiến sĩ trong năm nay, và đang kiếm việc. Anh ta muốn qua Thụy Sĩ. À, em cũng gặp cả Mathilda, bà thư ký. Bà ta hỏi em có tin tức gì của anh không. Khi em đáp vẫn nhận được thư anh đều đều, bà toe toét cười nói potion gia truyền bí mật của anh thực là tốt. Anh có biết em trả lời bà ta thế nào không?

Em nói: "Bà muốn nói potion gia truyền bí mật của tôi thực là tốt!" Thôi em ngừng ở đây. Hôn anh nhiều.

Carmen

Và như vậy hai người tiếp tục trao đổi thư từ, cùng sửa soạn cho mùa hè tới đi chơi Expo, Terre des Hommes. Cho đến tháng 6, một hôm ở đại học về, ngoài thư đòi tiền điện và điện thoại hàng tháng, Tân nhận được thư của Rivka và Carmen. Thư Carmen đóng dấu bưu điện của kibbutz. Chàng hớn hở bóc thư Carmen.

11

Tel Aviv le 3 juin 1967

Anh yêu quý,

Em đếm từng ngày. Chỉ còn không đầy 3 tuần lễ nữa mình sẽ lại gặp nhau. Em biết trong quá khứ anh đã "chạy Tây" thoát, nhưng chuyến này chắc anh "chạy Đầm" không nổi, nhất là vì "Đầm Do Thái" dữ lắm. Ồ, có bao nhiêu điều em muốn kể đang nhẩy múa trong đầu em.

Trước hết em đã thi xong hết. Xong cử nhân năm 22 tuổi vài tháng; không thật là giỏi, nhưng chắc chắn là không dốt. Em còn làm được cái này hay hơn thế nữa: em xin được việc làm trong Pavillon Israel ở Expo 67. Hay không? Như vậy là em được xem Expo mà không phải tính toán gì về khoản xê dịch và ăn ở tại Montréal trong cả tháng. Em nghe nói nhà cửa, khách sạn ở Montréal đã bắt đầu rất đắt và khó kiếm.

Đó là chuyện xa. Chuyện gần hơn, em thấy mây thật đen u ám ở chân trời. Chắc anh đọc báo có thấy tình hình đang căng thẳng ở đây. Bọn em trong trừ bị cũng bị báo động luôn luôn. Quân đội các nước Á Rập tập trung tứ phía. Nasser đe dọa phong tỏa Eo Biển Tiran ở Vịnh Aqaba, và nếu điều đó xẩy ra em biết chắc chắn là sẽ đánh nhau. Điều đó anh cũng biết: Eo Biển Tiran là đường độc nhất của Israel thông ra Hồng Hải và Ấn Độ Dương.

Bữa trước em gặp Zvi, bạn anh. Zvi gửi lời thăm anh. Anh ta cũng vừa xong thuốc năm nay, đang trở về đơn vị. Em hỏi với tư cách y sĩ, anh đáp không, vẫn là tay súng của chiến xa 50 tấn. Em thấy tục tĩu, bàn tay thanh và mềm của Zvi không phải là bàn tay xạ thủ của chiến xa 50 tấn. Anh còn nhớ lần mình đi nghe récital của Zvi ở Jerusalem? Sinh viên trường thuốc kiêm nhạc sĩ violoncelle ngoại hạng, ngoại hạng đủ để khiến thính đường đầy nứt như quả trứng. Em còn nhớ khi Zvi ôm đàn bước ra sân khấu, trang trọng như bước vào một đền đài; khi ngón tay Zvi khẽ phẩy mấy hạt phấn nhựa tưởng tượng trên mặt đàn, như để bảo cho đèn tắt. Rồi khi Zvi cho thính đường tràn ngập bởi một nốt nhạc, một nốt nhạc rất lâu và chậm của Bach như với một cung kéo đàn kỳ diệu, dài vô tận...

Em run sợ. Đừng hiểu nhầm. Thanh niên nam nữ thế hệ em cáng đáng mọi việc ở nước này. Em sẽ làm hết bổn phận không khó khăn gì. Israel không có cái xa xỉ của nhiều nước khác, như Việt Nam, có dịp chữa lại lỗi lầm của mình. Em không có cái may mắn — hay cái không may mắn — của anh bạn Syria của anh: lòng căm hờn uất hận. Như em đã kể, gia đình em sống ở Algérie nhiều thế hệ, em không thành colon, làm sao qua đêm em có thể căm hờn dân Á Rập ở đây?

Anh còn nhớ một lần ngồi trên xe buýt, anh chỉ cho em một bà già có số của trại tập trung chàm trên cánh tay, nét mặt xa xăm buồn vô hạn, đôi mắt mờ mờ nhìn tận đâu đâu? Thế hệ em không có quyền để chuyện này xẩy ra lần nữa, đó cũng là chuyện sống còn của Israel và đồng thời tránh cho nhân loại một ô nhục mới.

Em — và em nghĩ đa số bạn học của em, có lẽ cả Zvi — đi đánh nhau, lòng không hận thù. Điều đó làm em run sợ. Trước hết nó làm những người như em đôi lúc cảm thấy giống bọn mercenaire ghê tởm. Thứ hai, như Don Camillo nói với Christ trong cuốn Thế Giới Bé Nhỏ của Don Camillo, lòng tin thuộc về tinh thần còn sợ hãi thuộc về thể xác. "Lạy Chúa, vì yêu Chúa con sẵn sàng chịu đựng ngàn điều run sợ như thế này. Nhưng con vẫn run sợ. Chúa khinh bỉ con?" Christ mỉm cười đáp không.

Anh thấy hay không, đứa con gái Do Thái trích dẫn tác giả Cơ Đốc và ông cố đạo, dẫu

ông cố đạo ngoại hạng. Em đã bảo anh văn hóa thật nguy hiểm. Nhưng không sao, em không quá khích như một thiểu số ở đây. Mình chẳng đồng ý với nhau rồi sao? Nếu có một đấng toàn năng thì đấng toàn năng đó, hãy tạm gọi là Thượng Đế, chỉ có một và chung cho tất cả. Vì vậy em thấy hoàn toàn yên ổn hình dung được ông cha Don Camillo và ông thị trưởng cộng sản Peppone, cả hai căn bản tốt và nồng nhiệt, chụm đầu tô tượng cho crèche Giáng Sinh, không một chút mâu thuẫn. Một hình ảnh em thấy đẹp và hài hước đến chẩy nước mắt. Còn tin Thượng Đế có hay không là chuyện khác, nó thuộc về phạm vi tôn giáo. Lý luận của em tiện ở chỗ không có một người hay một thực thể nào là đấng toàn năng và không có một chủ nghĩa nào là tôn giáo. Kể cả chủ nghĩa cộng sản, nếu muốn được tin như một tôn giáo, nó sẽ bị đổ vỡ từ đầu vì mâu thuẫn nội tại. Anh yên trí chưa? Anh đã chịu sự nhất trí và chặt chẽ trong lập luận của cô cử m ới chưa?

Nhân nói chuyện cộng sản và tôn giáo, gần đây em kiếm được mấy cuốn lịch sử Việt Nam, cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh. Em đọc kỹ lắm. Em thấy chiến tranh hiện tại man rợ. Tất cả những cuộc chiến tranh từ bao nhiêu thế kỷ nay, mà một bên bắt Thượng Đế đầu quân cho mình, đều man rợ. Thượng Đế thực không thể chấp nhận những mạo danh đó. Chiến tranh hiện tại ở Việt Nam còn tệ hơn thế. Em không biết thiện ý của người Mỹ lúc đầu như thế nào, nhưng em thấy những phương tiện họ dùng so với mục tiêu định đạt đã đi quá xa, rất quá xa, đến độ vô luân. Đọc kỹ lịch sử Việt Nam, em thấy nếu mình có một "time machine" làm lùi lại hai ba trăm năm, em tin chắc chiến tranh hiện tại ở Việt Nam vẫn xẩy ra. Có điều chiến tranh đó không có cái phiền phức phải dính dáng đến cộng sản, tư bản lôi thôi. Chắc chắn là nó không đẫm máu như hiện nay.

Còn gì nữa, Israel hay Việt Nam, bao nhiêu người tài hoa của cả hai bên đã chết. Thật phí phạm! Rồi sẽ thêm bao nhiêu người nữa, như Zvi? Sáng mai em phải đi kibbutz sớm. Đã quá nửa đêm. Rivka đang than phiền là em để nhạc to quá nó không ngủ được. Bài gì anh biết không? Bài Pièce en forme de habanera và bài Tzigane của Ravel. Tiếng vĩ cầm của Ginette Neveu nồng nàn và bỏng lửa như ngưng đọng trong phòng, vượt hẳn lên trên mấy tiếng lạch cạch của đĩa cũ. Ồ, Ginette Neveu, trông tay cầm cung kéo đàn của cô sao mà thanh lịch. Một người tài ba như cô sao phải chết ở tuổi ba mươi?

Anh yêu quý, tại sao em viết cho anh lôi thôi, u tối như thế này? Có lẽ tại em thấy đời sống mênh mông và đêm dài cô độc. Hay tại tiếng vĩ cầm của Ginette Neveu. Đêm nay em thật thiếu anh. Đêm nay em chỉ muốn anh ôm em thật chặt, em chỉ muốn sống với anh một cuộc đời thật bình dị, cơ bản, không chia sẻ, không lý tưởng, không không gì hết... cho đến quá tuổi ba mươi. Còn thêm ra được bao nhiêu là ngoại bổng.

Em sốt ruột trông ngóng từng ngày. Mặc dầu tình hình đen tối trong ít ngày tới, em hy vọng chương trình của em không có gì thay đổi. Em sẽ đến Montréal vào ngày 22 tháng 6. Em sẽ đánh giây thép cho anh trước khi đi. Je t'embrasse avec effusion.

Carmen

12

Tân đọc đi đọc lại thư Carmen. Nàng không bao giờ thay đổi. Nhậy cảm, đôi chút vô trật tự, yêu đương nồng nàn và lý luận sắc bén lẫn lộn. Càng biết Carmen, Tân càng thấy trí tuệ nàng hấp dẫn ít nhất cũng bằng nhan sắc nàng. Trước khi rời Israel, hai người có bàn chuyện về những khó khăn trong tương lai, không ai hứa hẹn ai điều gì. Thư từ đều đều, giọng thư lúc con gái, lúc bà già; luôn luôn ấm áp, che trở. Mấy tháng đầu tiên ở Canada, đôi khi Tân cũng đi chơi với vài cô gặp ở đại học. Thường thường nhạt nhẽo, không bao giờ xâu đậm, hoặc vì không ai phiêu lưu như Carmen, hoặc vì Tân lười hay ân hận. Cuối cùng tối tối, nếu không xem hockey thì Tân ra trường làm việc, đọc sách.

Bây giờ Tân cũng đếm từng ngày đợi Carmen. Chỉ còn mấy ngày nữa. Chiến tranh giữa Israel và các nước láng giềng tuy có xẩy ra, nhưng chỉ lâu có vài ngày. Chắc không có gì thay đổi. Chàng xắp xếp chương trình cho vụ hè. Chàng biết trong tháng tới, gặp lại Carmen lần này, hai người sẽ phải rứt khoát. Sau Expo 67 nếu Carmen trở về Tel Aviv, liên hệ giữa hai người sẽ kể như là hết. Đến tháng 7 này hai người biết nhau đã hai năm. Tân tin chắc Carmen có thể đem lại sự ổn định, thăng bằng mà chàng cần có. Tuy hơi bồn chồn, lần này hoàn toàn tự do, không áp lực nào khác, chàng quyết định không để Carmen trở về Tel Aviv một mình nữa. Tân chợt nhớ tới thư của

Rivka. Thỉnh thoảng Rivka vẫn gửi cho chàng một tấm thiếp, nhưng thư? Một linh cảm kinh hoàng, Tân bóc vội thư của Rivka:

Tel Aviv le 8 juin 1967

Tân thân mến,

Tôi không biết bắt đầu như thế nào cho phải cho Tân hay tin đau đớn này: bạn của tôi, bạn của Tân, Carmen, đã từ trần hôm qua tại Tel Aviv. Nàng bị thương nặng ở kibbutz trong một cuộc tấn công bằng hỏa tiễn. Mang về Tel Aviv bằng trực thăng, các bác sĩ cố cứu nhưng không nổi. Tôi được tin, vào nhà thương với nàng trưa hôm qua, nàng mệt lắm nhưng hoàn toàn tỉnh táo.

Thật đau đớn khi người gần chết phải an ủi, vỗ về người sống. Nắm chặt tay tôi, Carmen nói về gia đình, về tôi, về Tân; nàng khuyên mọi người hãy can đảm. Nàng nói nàng cần tất cả can đảm để chết ở tuổi hăm hai, nhưng mình còn cần can đảm hơn nhiều để mà sống. Carmen đã mệt lắm. "Dis-lui que je l'aime". Đó là lời cuối cùng của Carmen tôi cố gắng nghe và cảm thấy có bổn phận phải chuyển lại cho Tân một cách trung thực. Rồi nàng thiếp đi, nét mặt thiên thần và bình an.

Carmen không tỉnh dậy nữa. Đến 7 giờ tối bác sĩ nói nàng mất. Tôi ngồi với nàng, ôn lại trong đầu những ngày chung sống, những thay đổi trong nàng từ hai năm qua. Lòng tôi tê dại, và đọc đến đây, tôi biết lòng Tân cũng tê dại. Tôi coi Carmen như em tôi. Tôi rất buồn hai người không gặp lại nhau, nếu tôi đoán không nhầm thì gặp nhau lần này hai người sẽ không xa nhau nữa. Tân, hãy nghĩ đến hạnh phúc hai năm vừa qua, khi hai người còn có nhau.

Những ngày gần đây, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn bà nào sung sướng như Carmen. Bao nhiêu là chương trình, dự định. Lúc này lòng tôi rối bời, cố đợi thêm ít ngày tâm hồn tôi ổn định, tôi sẽ viết thư dài cho Tân.

Rivka

Tân ngồi im lặng, bất lực, đau đớn nhìn giòng chữ run rẩy, nhòe nước mắt của Rivka. Tại sao đoạn cuối của một câu chuyện, dẫu buồn, không thể ít quyết liệt, tàn tệ hơn là một sự chết chóc? "Thật phí phạm!" Carmen viết. Tai ương chỉ xẩy đến với người khác, tai ương lần này đuổi kịp chàng. Chiến tranh ở Việt Nam đã hơn 20 năm, gia đình nào cũng có người chết, bên này, bên kia, cả hai bên. Gia đình chàng không là ngoại lệ, nhưng chưa bao giờ chàng cảm thấy bị ảnh hưởng trực tiếp của chết chóc. Đi nửa vòng trái đất, bây giờ chàng ngồi đây, muôn ngàn thương sót, mắt mờ khóc cạn cô gái thân yêu, tuổi mới hăm hai, chết vì chiến tranh ở vùng Galilee, vùng đất thánh. Tân thấy mình già đi, lòng trống rỗng, đang là một ông hoàng sang trọng, giầu có, trong khoảnh khắc trở thành một kẻ bần hàn, quẫn bách.

Một ngọn thủy triều như từ từ dâng trong lòng, chiếc cốc nước ngọt đã uống cạn hãy còn trong tay, Tân ném mạnh vào góc tường. Cốc vỡ, tiếng thủy tinh rơi trên sàn gỗ kêu loảng xoảng. Nhìn trước mặt, Tân mường tượng thấy hai người đang dự đám cưới người bạn tại Jerusalem, mấy ngày trước khi chàng rời khỏi Israel. Trên bục gỗ cao ở đầu buồng cô dâu, chú rể đang trao đổi nhẫn cưới. Theo tục lệ Do Thái người ta ném cốc xuống bục gỗ, tiếng thủy tinh rơi vỡ kêu loảng xoảng. Vẫn lộng lẫy, vẫn huy hoàng trong bộ y phục mầu vàng chanh với mũ rộng vành mầu vàng chanh, mắt mờ vì xúc động, Carmen nép xát mình vào Tân, tay nàng xiết chặt tay chàng. Tân nghĩ lại câu hát trong bài Lữ Hành của Phạm Duy. Vâng, "thiên thu trong lòng này", nhưng còn nửa kia "tương lai trong bàn tay"?

Aylmer 19-08-1997

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

1.- Với Sputnik kêu "bíp bíp" ở trên trời, những thập niên 60, 70... là thời đại "hoàng kim" của khoa học. Các giáo sư, nhất là những giáo sư có tiếng, có nhiều grants từ những cơ quan như AEC, NASA, NSF, NATO, v.v.

2.- Tân là một gã, như tiếng Anh nói, khá "level-headed", với hắn hình như không có gì quan trọng, hắn có thể đùa trong nhiều hoàn cảnh. Đây hắn chơi chữ với tiếng "physique".

3.- Gần đây người viết có đọc cuốn Guerre secrète en Indochine xuất bản năm 1979, do ông Henri Jacquin viết. Tướng Jacquin làm việc 15 năm ở Viễn Đông, từ năm 1941, và từ năm 1951 ông là Chánh Phòng Nhì. Theo ông Jacquin — hay đúng hơn, ông nói theo lời những người tị nạn ở Pháp hiện nay — thời gian gần một thế kỷ Pháp ở Đông Dương là thời đại hoàng kim. Đa số dân gian — những người nhà quê — không bị đau khổ, "sauf dans son amour-propre."

4.- La chair est triste, hélas! et j'ai lu tous les livres.
Brise Marine - Stéphane Mallarmé.

5.- Trên nguyên tắc, ai cũng có thể cải đạo để trở thành Do Thái, tuy nhiên con đẻ ra muốn là Do Thái thì mẹ phải là Do Thái.

6.- Sabra: Dân Do Thái sinh đẻ ở Israel.

7.- Purim: Lễ Do Thái tương tự như lễ Vu Lan.

PHÙNG CUNG

NGUYỄN CHÍ THIỆN

(Tiếp theo)

Cụ Vũ Thế Hùng, một trí thức đã du học ở Pháp, một nhà thơ, một giáo dân có uy tín, một quan huyện thời trước 1945, trỏ trỏ ngón tay vào mặt tôi vừa cười vừa nói:

"Phải gọi mày là thằng quái ác, chứ không gọi là Chí Thiện được!"

Cụ Hùng, cũng như cụ Nguyễn Văn Tiến, cựu đảng viên đảng Cộng sản Pháp, đều rất thích thơ Phùng Cung. Khi nghe Cung đọc thơ, cụ Tiến thường gật gù:

"Merveilleux! Merveilleux!" (Kỳ diệu! Kỳ diệu!).

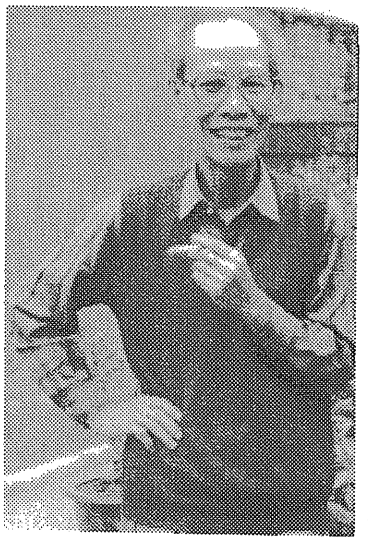

Phùng Cung

Nhờ thơ, nhờ bạn bè, đời tù của chúng tôi bớt phần nặng nề, u uất.

Phùng Cung sống rất sơ sài, không bao giờ để ý tới chuyện ăn, chuyện mặc. Ước vọng của anh đối với dân tộc cũng không cao xa. Anh chỉ dám mơ cho người dân được sống xum hòa, đầy đủ rau gạo, thế thôi. Ước vọng đơn sơ này được anh thể hiện bằng những vần thơ tươi mát, nhiều mầu sắc, nhiều hình ảnh đẹp:

Cây đại xuân ngạt ngào hương vạn thọ
Muôn chim hỡi, hãy về đây xây tổ ấm
Để chào đón một bình minh rau gạo xanh trắng toàn phần!

Nằm trong tù, anh mong cho thế giới an bình, lòng người dịu lắng, thôi chém giết. Tư tưởng nhân ái này, anh diễn tả bằng những vần thơ êm ả, tuyệt mỹ:

Vùng châu thổ lưỡng Hà gà vang tiếng gáy
Lớp lớp thương vong lòng bằng an ngồi dạy
Dưới ánh sao mai ưu ái trong lành...

Sao mai là biểu tượng của Đức Mẹ, của lòng lành, của sự quan phòng ưu ái!

Phùng Cung không phải là người Công Giáo, anh xưa tin theo đảng, tin vào chủ nghĩa cộng sản. Nhưng anh thấy bất cứ nước nào đem ứng dụng chủ nghĩa vô thần này đều gây ra những thảm họa gớm ghiếc. Anh hướng về Chúa, cầu mong sao có ngày:

Khắp nẻo xanh Nam Bắc bán cầu
Chim hót thánh thi!

Tuy nhiên, ý thức rõ một rằng ngày nào còn Đảng, ngày đó dân tộc còn chìm đắm, quằn quại trong vực thẳm, Anh khao khát được xuống đường xung trận, chém sả vào đầu con Rắn Đỏ để được đón Rồng Thiêng về lại xứ sở. Xong việc, anh sẽ quỳ xuống để Thượng Đế phát xét hành vi xung sát của anh. Hãy nghe những vần thơ mà âm điệu thực kỳ diệu, mới lạ:

Còn ta
Lưng đeo roi
Ta quỳ dưới chân Thượng Đế nhân từ
Để Người tiện xét hành vi ta xung sát
Ôi, bóng xế ngả dài
Dài như sầu muộn
Nẻo hoàng hôn chưa gột rửa
Vương máu xa xăm...
Dấu xưa ơi, ta dừng cương
Chùm chuông nhỏ trên tháp thiêng làng cũ
Mảng nghe tiếng chiều, sầu đổ
Dư âm siêu hóa
Cõi bụi hồn ta vươn cánh xanh, lâng lâng...

Một buổi sáng, cán bộ giáo dục Cửu đưa anh Cung lên gặp Ban giám thị. Hơn một tiếng sau, anh trở về, mặt rầu rầu:

"Vừa gặp hai nhà văn làm việc cho Công An, Nguyễn Công Hoan và Đồ Phồn. Họ nói ở đây cảnh trí đẹp, thoáng đãng, đúng với cái tên Phong Quang! Rồi an ủi mình 'cứ an tâm nghỉ

ngơi,' Bộ sẽ cứu xét. Mấy anh tù giỏi về nấu nướng đương thịt một con dê để ban giám thị 'mời cơm thân mật' họ. Hai ông có vẻ thoải mái lắm. Họ khoe chiều họ đi săn bắn. Họ bảo mình ở đây trong cái rủi cũng có cái may. Ở ngoài đương đánh Mỹ ác liệt. Tất cả đồn cho chiến trường miền Nam. Riêng tỉnh Thanh Hóa đã động viên tới 45 vạn bộ đội. Nhiều xã không còn thanh niên nữa. Đồng chí Lê Duẩn nói nhân dân ta dù có phải mặc quần xà lỏn, đốt đuốc, cũng đánh Mỹ tới cùng. Bác trước khi mất cũng nhắc lại với họ là dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải chiến đấu. Nhân dân ta không sợ hy sinh. Nhất định thắng! Nguyễn Công Hoan còn đọc cho mình nghe một bài thơ y làm để ca ngợi công lao 'Trị bệnh cứu người' của cán bộ trại. Thơ lục bát, mình chỉ nhớ có hai câu đầu

Ra đi cứ tưởng rừng hoang
Tới nơi mới biết Phong Quang đẹp giầu!

Trung úy Cửu dẫn mình về trại nói là hắn còn phải chuẩn bị trà ngon, nấm hương, mật ong, rượu tắc kè, thịt nai sấy để tiễn các ông ấy. Tiếng nói của các ông ấy có trọng lượng lắm!

Mấy hôm sau ngồi chẻ nan cót cạnh tôi, anh Cung thở dài.

"Tất cả cuộc chiến tranh tai hại này đều do ý thức hệ Mác Lê đẻ ra cả. Mọi tổn thất nhân dân hứng hết. Anh nghe thử ý mấy câu này xem có được không:

Trong vạc nước sôi đang luộc một lá cờ
Quằn quại, nổi chìm
Chợt phai, chợt thắm

Bây giờ gia đình nào cũng chia ly tan tác, nên tôi phác thảo mấy câu rồi hoàn chỉnh sau:

Một bước ra đi
Một bước sinh ly
Phố vắng ngả bóng chiều rầu rĩ
Ngậm ngùi tìm dấu cố nhân...

Có tiếng cười nói tục tĩu, nhốn nháo. Trên đường sát ngay chỗ chúng tôi ngồi làm, mấy chục thiếu phạm tuổi từ tám, chín, tới 14, 15 vác xẻng, cuốc, quang gánh đi qua. Thường gần trại giam nào cũng có một trại dành cho thiếu phạm mang cái tên khó hiểu là "Trường Phổ thông công nông nghiệp 2." Các thầy, các cô đều là công an trại giam cử sang. Các em trai đều gầy nhom. Mấy em gái thời đấy đà khỏe mạnh do được các thầy quan tâm giáo dục, bồi dưỡng. Tôi cười, nói với anh Cung và mấy ông bạn già ngồi cạnh.

"Các bác nhìn xem, mấy con bé kia, tuổi đời mới độ 13, 14. Nhưng tuổi bộ ngực thời phải 17, 18. Phát triển lạ như thế là do các thầy đấy."

Trước đây có vài em 9, 10 tuổi, vì phạm nội quy nặng, bị đưa sang trại tù sống với chúng tôi. Các em nói chuyện như người lớn. Cuộc sống của các em đã dạy cho các em hiểu về chế độ xã hội chủ nghĩa hơn cả mấy ông đại trí thức. Tôi hết sức kinh ngạc. Có lẽ đầu óc trong trắng của các em chưa kịp ngộ độc bởi tuyên truyền thì tai họa đã giáng xuống các em rồi. Mắt các em nhìn thực tế thế nào thì hiểu như thế, không bị các kiểu lý thuyết hão huyền làm mụ mẫm.

"Nhiều cục trưởng, vụ trưởng mà ngu, gửi các con vào chỗ chúng cháu, mong Đảng giáo dục thành cháu ngoan bác Hồ. Các thầy, các cô toàn ăn chận của các cháu. Các cháu đói lắm lại phải lao động. Ở với các chú còn sướng hơn! Trên đời này phải cướp phá, chém giết để mà sống. Nhân đạo là tự sát!"

Chắc chắn đó là những lời các em học được ở các đàn anh lưu manh lớn tuổi hơn. Những người có tiếp tế thường cho các em quà. Tôi cũng quý các em, thường ôm các em vào lòng, khuyên bảo các em được chút nào hay chút ấy. Tôi làm được hai bài thơ nói về các em trong dịp nầy.

Một tối, tôi đọc hai bài thơ về Mao cho anh Cung nghe. Mấy bạn tù ngồi nghe còn cười thích thú. Anh Cung nghiêm nghị:

"Phải thận trọng. Tránh bôi nhọ bừa bãi. Cần phải xác thực. Sao anh biết Mao dâm đãng mà dám nói: 'Nó là Đổng Trác, nhưng dâm hơn nhiều'?"

Tôi bực mình, hơi gắt:

"Chẳng lẽ tôi là người vu vạ? Được, tôi sẽ cho anh rõ."

Đến chủ nhật, tôi đưa anh Cung và anh Vương Diệu Dếnh tới bệnh xá nói chuyện với hai người tù Trung Quốc vừa chuyển tới vài tuần. Một người nguyên là Thiếu Tướng. Một người từng là Tổng Công trình sư xây dựng thủy điện Thác Bà. Tôi kiếm bao thuốc Tam Đảo, một ấm trà búp mời họ. Chúng tôi ngồi nói chuyện. Anh Dếnh là phiên dịch. Anh Dếnh là người Trung Quốc ở Lào, vượt biên giới năm 1958, sang thăm một người bạn ở Thanh Hóa. Anh bị bắt, bị nghi là gián điệp, và bị giam hơn 20 năm cho tới chết. Hai người cộng sản Trung Quốc kể lại nạn đói kinh hoàng vào những năm 59, 60, 61 do phong trào Đại Nhẩy Vọt và toàn dân luyện thép gây ra

làm chết hàng chục triệu người. Theo họ nói, có những phụ nữ đói đến nỗi tất cả kinh. Dân chết như vậy, Mao vì sĩ diện, vẫn dùng nhiều triệu tấn lương thực trả nợ cho Liên Xô! Chuyện ăn thịt người xảy ra ở nhiều nơi. Rồi tới Đại cách mạng văn hóa, tàn sát không biết cơ man là người. Họ chạy sang Việt Nam cũng là để trốn sự truy lùng của Hồng Vệ binh. Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Sang tới biên giới Việt Nam, họ vào tù ngay. Ông thiếu tướng có dịp được gần Mao, kể lại Mao thường hay lang chạ với các cô văn công quân đội, các gái quê khấu khỉnh. Các đồng chí bảo vệ Mao, kiêm luôn cả chức ma cô đưa dắt gái phục vụ cho người cầm lái vĩ đại.

Anh Cung nghe mà sững sờ. Tôi nói với hai người Trung Quốc là các Hoàng Đế xưa còn có nhiều cung nữ hơn Mao. Điều đáng trách là Mao lại lên mặt "Đạo đức cách mạng," "Lương tâm cộng sản" mà xử tù người khác về tội hủ hóa. Đôi khi còn xử tử nếu dám liều mạng chơi trèo đè lên các nữ đồng chí có chồng là cán bộ cao cấp công tác xa.

Hai người cộng sản Trung Quốc độ một năm sau bỏ xác tại trại tù Phong Quang.

Phải nói hiếm có nhà thơ nào mê thơ như anh Cung. Có lần chúng tôi mải tranh luận về một chữ. Anh em đang chia cơm. Họ gắt ầm lên, gọi chúng tôi ra đặt bát để lấy cơm. Chúng tôi hấp tấp chạy ra! Anh Cung ngã xuống giao thông hào (đào để tránh máy bay Mỹ oanh tạc và cũng để vùi xác chúng tôi, nếu máy bay Mỹ tới cứu Ban giám thị nói thẳng với tù như vậy). Anh ngã, văng cả thìa, cả bát.

Vài anh em thỉnh thoảng lại thì thầm với tôi:

"Anh Thiện này, ông Cung hình như bị bệnh thần kinh ấy."

Tôi cười: "Ông ấy tỉnh như sáo, kinh kệ gì!"

"Không, đúng thật mà, tôi thấy ông ấy hay ngồi bên giao thông hào, miệng lẩm bẩm, bấm bấm ngón tay như bấm độn!"

Tôi hiểu ra. Đó là anh đang làm thơ, lẩm bẩm khi đọc đi đọc lại để sửa chữa. Bấm ngón tay là đếm chữ.

Các bạn tù kể lại trước khi tôi tới trại Phong Quang, có lần anh Cung ho ra máu nhiều, tưởng chết, đã nhờ bạn bè, nếu anh chết, hãy nhắn cho vợ anh, chị Thoa, là có thể đi lấy chồng. Nhưng rồi các bạn cố xoay sở kiếm cho anh thuốc chữa, anh qua khỏi.

Khi hiệp định Paris sắp sữa ký, Anh, cụ Vũ Thế Hùng, cụ Nguyễn Văn Tiến được thả. Mừng cho các người được về, nhưng lòng tôi buồn rượi. Những cuộc vĩnh biệt, ly biệt, hội ngộ, tái ngộ ở trong tù bao giờ cũng xúc động hơn ở ngoài xã hội. Có lẽ vì nó xảy ra bất ngờ, cũng có lẽ vì người tù, do bị cách biệt với cuộc sống nên tình bạn thường rất gắn bó, sâu nặng.

Đến năm 1977, tôi và đa số bạn tù của tôi được thả. Các anh Trần Nhu, Nguyễn Ký, Lương biệt kích, Sơn biệt kích, Vũ Thư Hiên Kiều Duy Vĩnh, Lê quang Dũng v.v... lần lượt ra về, số tù còn lại không nhiều. Nhưng đã có những tù mới tới bổ sung! Khi thả tôi cùng độ hai chục người nữa, chánh giám thị trại Trịnh Văn Thích nói:

"Tha các anh là tha những cái xác vật vờ. Đảng còn phải cho cái bọn miền Nam nó hiểu thế nào là chuyên chính vô sản!"

Quả thực từ 1975, quản giáo phải chuyển vào miền Nam rất nhiều. Tù từ Nam chuyển ra Bắc cũng không ít. Guồng máy chuyên chính hoạt động rầm rộ trên địa bàn cả nước, nên tạm thời thiếu cai ngục.

TRẦN THIỆN HIỆP

TRẦM TÍCH

1.
em từ thiên cổ bước về
rót ta hạt rượu tỉnh mê hồng trần
2.
em từ vạn dặm bước gần
ngâm câu thơ gọi căn phần trăm năm
3.
em từ xuân hạ về thăm
mây trời trên áo đêm rằm trăng treo
4.
em về thơ cổ mang theo
đồng hoa liễu cỏ gió reo bên ngàn
5.
em về khơi lửa bếp tàn
thức ta đang giữa bàng hoàng cõi thơ

Về tới Hải Phòng, tôi sống với bà chị là Nguyễn Thị Hoàn và gia đình con bà. Căn nhà 136 phố ga có tới 10 hộ chen chúc. Toàn là các gia đình cán bộ đảng viên, tổ trưởng khu phố và một gia đình của chính công an phường tên là Thanh. Công an Phường, công an Quận, công an Sở thường xuyên tới "hỏi thăm sức khỏe." Sống trong tình thế như vậy, tôi không dám ngồi trong cái buồng con 8m2 của tôi để viết lách. Tôi thường đạp chiếc xe đạp con gấu, loại xe kẻ cắp không thèm lấy, đi ra ngoại thành mua dăm lít rượu về bán cho các hàng thịt chó. Khi lò nấu rượu bị lộ vỡ, tôi lên Hà Nội nhờ anh Vũ Thư Hiên giao bột nở, nhờ anh Trình, Trung úy quân đội Pháp, giao cho mấy bó nan hoa xe đạp mang về Hải Phòng bán, sống qua ngày. Cuộc sống của Phùng Cung cũng khổ sở chẳng khác gì tôi. Bạn bè đều phải lo kiếm sống, họa hoằn lắm mới gặp nhau.

Ngày 16-7-1979, tôi vào Tòa Đại Sứ Anh giao tập thơ gồm 400 bài cho họ, rồi trở ra và được chở thẳng vào xà lim I Hỏa Lò. Lại bắt đầu cuộc đời tù tội, cung kẹo, cùm kẹp, đói rét trong suốt hơn 12 năm. Tôi và anh Cung, dù ở trong lao ngục hay ở ngoài, vẫn làm thơ, mỗi người một kiểu thơ khác nhau, dù thơ văn chỉ mang lại toàn tai họa cho chúng tôi. Đúng là cái nghiệp!

Ngày 28-10-1991, tôi được thả về, ở 65 Nguyễn Công Trứ với bà chị thứ hai là Nguyễn Thị Hảo và gia đình con bà. Lúc này tôi rất yếu, nặng có 42 cân, lại đau đầu, trĩ nội, trĩ ngoại. Sau 12 năm xa cách, ra ngoài bạn bè người thì chết đói, chết bệnh tự tử, vượt biển mất xác, tâm thần, người thì vào tù nữa, người thì may mắn trốn thoát ra nước ngoài. Những bạn còn lại trong nước lần lượt mời tôi tới nhà tổ chức ăn mừng liền mấy tuần. Trong những tiệc vui đó, tôi phải kê gối nằm nghiêng vì trĩ quá nặng không ngồi lâu được. Tình cảm bạn tù của chúng tôi thật quý báu. Bất chấp sự răn đe, sự theo dõi, chụp ảnh trộm của công an, chúng tôi vẫn giao tiếp với nhau công khai. Liên Xô đổ đã làm Đảng choáng váng, chùn tay lại. Căn nhà của các anh Phùng Cung, Phùng Quán, Trung uý Phan Hữu Văn, đại uý Kiều Duy Vĩnh được bộ công an theo dõi chặt chẽ, vì chúng tôi thường gặp gỡ nhau ở những nơi đó. Hàng tháng, vào những ngày Chủ Nhật, tôi đi xích lô tới nhà anh Cung, ở chơi với anh cả ngày. Lại hút thuốc lào, uống trà, chuyện văn thơ, ngồi ngay trên nền nhà. Nhìn chị Thoa vợ anh Cung xới cơm, múc canh, tôi nhớ hai câu thơ anh viết về những người vợ, người chị Việt Nam dịu hiền, chịu thương, chịu khó, nhường nhịn:

Từng đọi cháo, lưng rau, chia sẻ bàn tay thanh thảo
Hiu hắt lề quê hai bữa cơm đèn...

Anh Cung vẫn say thơ, còn tôi thì đã ngừng từ năm 1988 vì suy nhược thần kinh, hay bị đau đầu mỗi khi phải suy nghĩ lâu. Bác Nguyễn Hữu Đang, anh Phùng Quán, anh Lê Quang Dũng cũng thường có mặt.

Anh Cung thấy tội nghiệp cho Tố Hữu. Nhân dân chẳng còn ai nhắc tới thơ hắn nữa. Gần 40 năm trời, cả một bộ máy tuyên truyền khổng lồ nâng đỡ, hà hơi tiếp sức mà vẫn chết. Thực hoài công!

Tội nghiệp nhà thơ
Hợm mình
Lầm lạc
Bởi không biết sống
Nên không biết chết
Nửa thế kỷ bị lưu đầy
Trong cõi tung hô!

Tuy anh Cung khinh Tố Hữu, nhưng cũng như chúng tôi, anh không liệt hắn vào loại bồi bút. Chúng tôi nghĩ Tố Hữu làm thơ ca ngợi Hồ Chí Minh, Lê Nin, Stalin, Mao Trạch Đông, ca ngợi Liên Xô, Trung Quốc, phe xã hội chủ nghĩa, vì hắn thực sự là một người cộng sản. Hắn ca ngợi Đảng hắn, chế độ hắn, các lãnh tụ của hắn. Không cần làm thơ, hắn cũng quyền cao chức trọng, hưởng mọi ưu đãi. Cũng như đối với các văn nghệ sĩ trẻ, những người nào tin tưởng thực lòng là chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, Đảng Bác là vĩ đại, do bị tuyên truyền nhồi sọ từ khi còn là thiếu niên, là nhi đồng họ cũng không phải là bồi bút. Họ chỉ sai lầm. Đầu độc họ chính là những văn nghệ sĩ, những trí thức lớn tuổi, những người ít nhiều đã có danh từ trước 1945. Từ sau cải cách ruộng đất và vụ Nhân Văn, tiếp sau càng ngày càng phải sống dưới sự khống chế toàn diện và triệt để, bị trói chặt! Những vị này thừa hiểu rằng cuộc sống dưới thời Pháp thuộc tuy chẳng tốt đẹp gì, tuy chịu cái nhục mất nước, cũng còn dễ thở hơn nhiều dưới cái ách của Đảng. Họ rất rõ Đảng là một tổ chức siêu phát xít, cực kỳ hung hiểm, nên họ rất hoảng sợ. Họ tán tụng Đảng, cổ võ mọi chính sách của Đảng, giúp Đảng làm công việc đầu độc lớp trẻ là để được yên thân, để được ưu đãi về vật chất. Họ đi nước ngoài như đi chợ,

con cái cũng du học ngoại quốc. Họ mới thực xứng đáng với danh hiệu bồi bút, nghĩa là dùng ngòi bút làm tôi tớ để hưởng bổng lộc đãi ngộ, vất bỏ tất cả những gì gọi là lương tâm, liêm sĩ!

Từ ngày ra tù, suốt 20 năm, Phùng Cung luôn bị cái đói "bám thắt lưng mà đánh." Anh tôn kính hạt gạo lắm!

Tôi rạp đầu
Bạc tóc rạp đầu
Lạy hạt gạo thiêng!

Chị Thoa tần tảo hôm sớm nuôi chồng, nuôi con, thân gầy như thân ve, làm anh đau lòng. Anh làm bài thơ "Mồ hôi xương" tặng vợ:

Em vất vả
Tối ngày vất vả
Lưng áo em
Ngoang vôi trắng xóa
Cái trắng này vắt tận trong xương!
Vợ chồng anh sống trong cảnh
Trệu trạo trái sung
Ruột tím cơ hàn
Mà trong lòng vẫn nơm nớp tai họa
Mắt trước, mắt sau
Kinh hoàng di lụy
Quỳ gối, chống tay, vẫn còn sợ ngã!

Chính sách khủng bố của Đảng quả là ghê gớm. Chẳng trách bao năm đất nước hơn 70 triệu con người mà cứ bất động, cứ im lặng mênh mông!

Suốt mấy chục năm, công an thường tới nhà anh, gọi anh lên đồn, lên sở đe dọa, khủng bố tinh thần. Có lần, không biết ai tố giác, công an bắt anh và Phùng Quán phải nộp cho chúng tập thơ chép tay của anh độ 50 bài. Cả gia đình anh lo âu, hồi hộp. Cuối cùng đành nộp cho chúng. Cũng may, toàn là thơ tả cảnh cả, không đụng gì tới chế độ, nên chỉ bị tịch thu tập thơ và nghiêm khắc cảnh cáo! Anh mỉa mai ví thân phận anh như cánh bèo, tới cạn kiệt rồi mà vẫn không yên:

Lênh đênh muôn dặm nước non
Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh

Nhưng từ khi Đông Âu tan, rồi Liên Xô đổ, anh không còn "quỳ gối chống tay vẫn còn sợ ngã" nữa, mà ngang nhiên đương đầu với mọi hiểm họa. Năm 1992, Anh và Phùng Quán tổ chức mừng thọ bác Nguyễn Hữu Đang 80 tuổi (tuổi ta). Anh viết thư mời các văn nghệ sĩ, mời cả Đỗ Mười, Lê Đức Anh. Trang giấy mời anh đề là "Mừng sống dai." Điều này làm chính quyền tím ruột. Tuy trong buổi ăn uống họp mặt, không ai trực tiếp lên án đảng, nhưng sự việc hàng mấy trăm văn nghệ sĩ, trí thức tới dự mừng thọ một tên phản động bị bỏ tù 15 năm, quản thúc tại Thái Bình hơn chục năm, đã là một cái tát vào mặt Đảng! Đỗ Mười, Lê Đức Anh tất nhiên không tới. Nhưng công an thì tới đông, dù không ai mời. Họ ngang nhiên quay cả Video để làm tài liệu! Buổi "Mừng sống dai" đông vui này còn chứng tỏ một điều: Nỗi sợ đã giảm nhiều. Bạo lực đã ít hiệu quả.

Ngày anh Phùng Quán mất, Phùng Cung đứng ra tổ chức tang lễ. Đám tang Phùng Quán làm đảng lo ngại. Nó quá đông. Có nhiều vòng hoa đề những dòng chữ như "Những người cùng chung hoạn nạn" "Một kẻ sĩ bất khuất" v.v.. Nhiều bài thơ ca ngợi Phùng Quán, chửi bóng gió Đảng cũng xuất hiện. Hôm đó tôi đứng cạnh quan tài Phùng Quán cùng Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung. Tôi ghi vào sổ tang mấy chữ: "Anh Quán mất đi là một điều đau buồn chung. Nhưng cũng mừng là trước khi nhắm mắt vĩnh viễn, anh đã mở rộng mắt và nhìn rõ sự thật." Đám tang có nhiều công an chìm, công an nổi. Nhà nước sợ đám tang trở thành một cuộc biểu tình!

Nhiều người lần lượt tới thắp hương trước linh cữu anh và nói vài lời. Tất cả đều bầy tỏ lòng thương tiếc và kính phục tinh thần "Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét" của anh. Bài nói của nhà thơ, nhà giáo lão thành Vũ Đình Liên là cảm động nhất. Chỉ có một tiếng nói duy nhất lạc lõng là bài thơ Hoàng Cầm đọc. Đại ý nói Quán là một người một lòng dạ chung thủy với Đảng Bác. Đảng bác ra lệnh là Quán đi đầu làm theo. Bài thơ này sau đó được báo Văn Nghệ đăng lại. Chị Trâm, vợ anh Quán giận dữ nói với tôi:

"Anh Quán đã bỏ Đảng Bác từ lâu rồi. Anh Cầm đã sỉ nhục chồng tôi!"

Khi tôi mới tù về, Phùng Cung đã giơ cho tôi xem bài thơ ca ngợi Hồ nhân ngày sinh 100 năm của y, Hoàng Cầm làm, lấy tên là "Nhớ về làng Sen" đăng kín cả hai trang báo Văn Nghệ. Anh còn cho tôi xem tập thơ "Trường ca Bác" của Lê Đạt cũng làm vào dịp này. Tôi đọc lướt qua, và thấy tiếc cho các anh đó. Anh Cung nói với tôi là anh không bao giờ mời họ tới nhà anh cả. Tôi thấy anh đã nhiều tuổi rồi, lại ốm yếu, sức thơ của anh cũng đã xuống. Tôi khuyên anh nghỉ thơ, ngồi viết hồi ký về vụ Nhân Văn. Anh là người trong cuộc, lại là người chân thực, anh biết nhiều sự thật, kể cả

những sự thật buồn lòng. Tất cả phải viết ra để mọi người, nhất là lớp trẻ biết rõ.

Từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa lung lay rồi sập, nhà nước cộng sản đối phó với những người không phục tùng một cách khôn khéo hơn. Tình thế đã khác. Họ trở nên xảo quyệt, ma quái, tinh vi, không trắng trợn, thô bạo quá như lúc còn cường thịnh. Họ dùng chính sách "vừa dụ, vừa dọa." Trong một số trường hợp, họ đã thành công. Cụ Nguyễn Mạnh Tường viết quyển L'ex-Communié (Kẻ bị khai trừ) in ở Pháp, Nguyễn Khắc Viện phát biểu bất đồng chút ít. Công an đến đe dọa trước. Rồi nhân dịp tết Nguyên Đán, Đỗ Mười thân chinh tới nhà hai vị "Mừng tuổi" một số quà, một số tiền việc này được chiếu lên cả Ti Vi. Thế là hai cụ im hẳn. Chính quyền chỉ cần có thế!

Con trai anh Phùng Quán, cháu Quân, dây dưa vào việc đánh chết người, bị bắt vào Hỏa Lò. Nắm lấy cơ hội này, công an gọi anh lên sở, đề nghị anh "Có chung tiếng nói với Đảng," họ sẽ tha con anh ngay, coi như vô tội. Vợ chồng anh Quán hỏi ý kiến tôi và Phùng Cung. Chúng tôi hiểu lòng bố mẹ thương con, không thể không cứu. Cháu Quân lại đã định tự sát trong nhà giam. Tôi khuyên anh Quán là chỉ cần hứa với công an là anh im lặng cũng đủ rồi. Còn chuyện "có chung tiếng nói với Đảng" là không thể chấp nhận. Anh Quán thở dài sườn sượt. Anh hứa với công an như tôi khuyên. Lập tức cháu Quân được về gia đình. Ít lâu sau, Anh Quán qua đời.

Bác Nguyễn Văn Phổ, con học giả Nguyễn Văn Vĩnh, bạn tù của tôi từ năm 1962, hoạt động quân báo nội thành cho cộng sản hồi chống Pháp. Năm 1955, bác bị vu vạ là gián điệp, bị xử 15 năm tù, nhà cửa tài sản tịch thu hết. Bác được giảm năm năm, nhưng lại nằm tù 17 năm, một tháng, một ngày, mới được thả! Ra tù độ bẩy tám năm, Tòa bí mật xử lại vụ án, và xác định là tất cả vô tội. Bác được bạn bè rỉ tai cho biết việc xử lại nầy. Bác đến tòa xin được văn bản tòa minh oan cho bác. Bác đã ở vào tuổi bát tuần, bác chỉ yêu cầu chính quyền trả lại ngôi nhà bị tịch thu trị giá khoảng sáu trăm ngàn đô la Mỹ. Đơn từ gửi các nơi năm này qua năm khác, không ai buồn giải quyết. Chúng tôi khuyên bác đưa việc này ra công luận thế giới. Cuối cùng tận năm 1995, bác tới nhà tôi nói một thiếu tướng quân đội tới nhà bác, đưa cho bác 100 triệu (gần 10 ngàn đô la Mỹ). Bác đành bằng lòng cho qua hết: Ngôi nhà, đồ đạc, tiền bồi thường 17 năm tù oan. Mọi chuyện êm thấm!

Một số trí thức, văn nghệ sĩ, ít nhiều phản kháng khi Đảng cởi trói (thực ra là nới lỏng đôi chút) bị chính quyền dọa dẫm, mua chuộc, đã trở lại với nghề bồi bút cũ, như Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Diệp Minh Tuyền, Trần Quốc Vượng v.v... Một số co lại, im lặng.

Nhưng nhìn chung, đại đa số, kể cả các đảng viên, đều chán ghét đảng. Nhiều người đấu tranh ngấm ngầm chống lại. Cứ xem những bài văn, bài thơ được photocopy lưu truyền khắp nơi thì rõ.

Tôi thường nói với anh Cung và bạn bè là tôi có thể sẽ được ra nước ngoài. Nhìn vào tình hình trong nước, tình hình thế giới, tình hình người Việt hải ngoại mà tôi ít nhiều am hiểu qua một số bạn bè từ Mỹ, từ Canada, từ Pháp, từ Úc về, tôi tin chắc rằng sớm là khi Mỹ bình thường quan hệ ngoại giao với Hà Nội, muộn là khi Mỹ cho Việt Nam tối huệ quốc, tôi sẽ được hộ chiếu sang Hoa Kỳ. Anh Cung, cũng như các bạn tôi, đều là những kẻ sống quá lâu trong lòng cộng sản, nên hiểu rõ tẩy của chúng, đòn phép, ý đồ, đường đi, nước bước của chúng. Tất cả đều đồng ý với nhận định của tôi.

Quả nhiên, khi Mỹ sắp quan hệ ngoại giao với Việt Nam tôi được cấp hộ chiếu. Và ngày 1-11-95, tôi rời Việt Nam đi Hoa Kỳ.

Trước khi đi, các bạn tôi, toàn là bạn tù, tổ chức ăn uống chia tay, chúc mừng tôi. Anh Cung gặp riêng tôi, vẻ mặt ưu tư:

"Tôi hiểu Thiện không mang thơ tù của tôi đi được. Có vài người quen, Đảng viên lâu năm cả, sắp đi công tác ngoại quốc. Họ cũng chán đảng, chán chế độ lắm! Tôi định nhờ họ mang tập thơ đó đi, tôi viết nhỏ, gọn, dễ dấu. Hơn nữa, họ đã ra nước ngoài vài lần, không bị khám bao giờ cả."

Tôi giật mình nhìn anh:

"Không được, việc nguy hiểm như vậy, Đảng viên hay không, chán đảng hay không, đều không thể tin được. Nhỡ là tình báo của Bộ Nội Vụ thì sao? Anh cũng biết khi mở kho hồ sơ mật vụ Đông Đức ra, có những ông văn sĩ, trí thức chống đối, bao năm mọi người vẫn nể phục, lại tóe loe ra là cái ông ấy làm việc cho cơ quan An ninh. Đúng là bây giờ cán bộ, Đảng viên đa số đã chán ngấy đảng. Nhưng chắc chắn cũng có một số nhỏ làm việc cho công an. Việc gián điệp tối mật, chúng ta biết ai vào với ai! Anh cứ an tâm, chớ nóng vội. Sẽ có người tin cậy mang thơ của anh đi. Ngoài

những người thực hiểu rõ nhau, anh cũng chớ nói với ai là anh có tập thơ đó cả."

Anh nghe lời tôi, và không giao tập thơ tù của anh cho họ. Anh Nguyễn Hữu Hiệu về Việt Nam vài lần. Lần nào cũng tới thăm Phùng Cung, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang và tôi. Anh Hiệu đã mang lọt không những thơ tù, mà cả gần mười truyện ngắn của Phùng Cung sang Mỹ. Việc này nguy hiểm. Anh Cung đã nhờ mấy người Việt hải ngoại mang đi. Nhưng họ e ngại.

Thời gian trôi thật là nhanh. Tôi sang Hoa Kỳ đã được 19 tháng. Phải rời quê hương, rời những người thân, những bạn bè chí cốt đã bao năm chia sẻ ngọt bùi cay đắng, tôi nhớ lắm! Luống tuổi rồi, lại xa nước, tôi mới thấy câu tục ngữ La-Tinh: "Đâu sống tốt, đó là tổ quốc" là sai. Tôi nghĩ chúng ta vạn bất đắt dĩ mới phải rời bỏ đất nước. Quê cha đất tổ càng đau khổ, chúng ta càng xót thương. Tôi hằng mơ ước một ngày không xa, quê hương Việt Nam yêu dấu được tự do, tôi sẽ trở về tìm lại những thứ cuộc đời không thể quên, gắn bó với hồn tôi từ thuở tôi còn mặc quần thủng đít: Những bờ tre, góc phố, những hương cau, hương bưởi, những quán nghèo, những ngôi mộ, những con trâu, con chó đầy ân tình, những mùa trăng mênh mang, những con người đôn hậu, cần cù, thông minh, hóm hỉnh, cùng chung tiếng nói, điệu ru, câu hò, giọng hát, cùng chung một lịch sử vui buồn, một nền văn hiến ngàn năm, và nhất là cùng chung bao tan tác, nổi chìm, dập dùi, tai họa trong gần nửa thế kỷ. Vào những giờ phút hoàng hôn của tuổi sáu mươi, tôi luôn có cảm giác mình đang sống những ngày ủ rũ buổi tàn thu. Hình bóng những người mà tôi đã yêu, những thâm tình mà tôi đã mất thường chập chờn trong tâm tưởng... Khi ra đi, tôi có bùi ngùi nâng ly nói với các bạn:

"Cuộc đời chúng ta, tan hợp, hợp tan đã nhiều. Lần này tôi xa các bạn, lòng vẫn hy vọng có một ngày rất gần sẽ được trùng phùng, khi đất nước không còn bóng giặc. Cuộc trùng phùng này sẽ tưng bừng nhất, hào hùng nhất, vĩ đại nhất trong cuộc đời đầy bất hạnh của chúng ta. Vì đó cũng là cuộc trùng phùng, cuộc đại đoàn viên của cả dân tộc sau nửa thế kỷ chia ly, đầy đọa. Chúng ta căm giận mà không tàn ác vì chúng ta trân quý điều Thiện. Chúng ta nhân ái mà không khoan nhượng, hòa hợp với tội ác vì chúng ta phẫn nộ trước mọi cái ác. Chúng ta biết ngẩng đầu trước sức mạnh đen tối của bạo lực, nên chúng ta biết khoan dung cho những kẻ biết cúi đầu hối cải, ủng hộ, khuyến khích họ trở về với Lương tri, với Dân tộc!

Từ ngày sống ở Mỹ, tôi vẫn gọi điện về thăm hỏi gia đình, thăm hỏi các bạn. Cách đây bốn tuần, vào tối thứ bảy, các bạn tôi tập hợp nhau tại nhà Đại Uý Kiều Duy Vĩnh đợi nói chuyện với tôi. Vừa bắt đầu câu chuyện, nhà thơ Lê Quang Dũng báo tin cho tôi biết là Phùng Cung đã mất hôm thứ sáu tại nhà, sau hai tuần bạo bệnh. Các anh sắp đi đưa đám. Tôi bàng hoàng, lòng quặn đau. Thế là anh đã ra đi vĩnh viễn, tôi chẳng bao giờ còn được trông thấy anh, nhìn thấy nét mặt đầy ưu tư của anh, nâng cốc uống trà với anh, nghe anh đọc thơ nữa... Đành rằng cửa tử ai cũng phải qua, nhưng sao lòng lại đau, nước mắt lại ứa ra! Đêm đó, tôi nằm quay mặt vào tường, hồi tưởng lại những năm tháng gần anh, từ buổi đầu gặp gỡ trên trại Phong Quang, một chiều đông ảm đạm, anh đứng trước cây ớt chỉ thiên, ngẩng đầu nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt xám nhợt bất động, tới buổi từ biệt anh, vào Sài Gòn đi Hoa Kỳ, anh nắm tay tôi không muốn rời, nước mắt rơm rớm...

Mai này trở về Việt Nam, tôi chỉ còn biết cúi đầu đứng lặng trước chút thổ phần bò xéo cuối thôn, nơi thân xác anh an nghỉ...

Trời gần sáng, tôi nhắm mắt chợp đi, mơ thấy những vì sao, những cánh buồm xanh biếc, đương ngược dòng Ngân lộng gió, đưa linh hồn anh về với Thượng Đế chí nhân!

Virginia, June 10, 1997

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài Phùng Cung, Thế Kỷ 21 số 102 tháng Mười 1997, đã có những chỗ sai như sau:

- Trang 35, cột 2, dòng 8: *đoàn tầu* xin đọc là **đoàn tù.**
- Trang 35, cột 2, dòng 32: *mầu ngạnh* xin đọc là **mều ngạnh.**
- Trang 35, cột 2, dòng 13: *trợ giáo* xin đọc là **tự giác**
- Trang 37, cột 2, dòng 26: *các thói* xin đọc là **cái thói.**
- Trang 37 cột 2, dòng 30: *chìm lắng* xin đọc là **chìm lăn**
- Trang 40, cột 2, dòng 13: *học sẵn* xin đọc là **lọ sẵn**

TỪ CHI BÍCH

Nguyên tác: HUỲNH SONG DỊ THẢO
Tác giả: TRƯỜNG BẠCH HOẠT CA TỬ
Bản dịch: PHẠM XUÂN HY

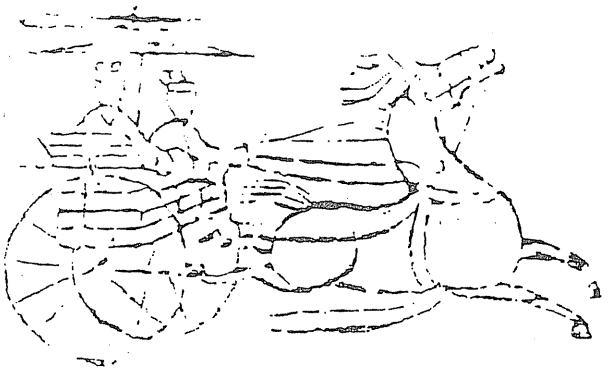

Dưới thời Minh Mạt, ở Phúc Kiến, có một nhà thương gia thuộc loại cự phú họ Từ tên Chi Bích, thường đem các loại thảo dược đến bán ở các vùng Hồ Nam, Hồ Bắc.

Năm Sùng Trinh thứ mười, Trương Hiến Trung nổi loạn cướp bóc. Từ có bao nhiêu của cải, tài vật bị giặc cướp hết. Chàng một thân một mình bơ vơ chạy trốn đến tây bộ Hồ Bắc. Nơi đây, núi cao sừng sững, vách đá chông chênh, cây leo chằng chịt, Từ phải bíu vào những dây leo mà đi. Chàng đi được một đỗi không biết bao xa, đến một khoảng đất đai bằng phẳng, thì người mệt lả, tay chân rã rời, bèn ngồi xuống nghỉ ngơi lấy sức. Nhưng khi nghĩ đến những tiền của, tài vật đã bị cướp sạch, khiến không còn cách trở về quê hương làng nước được nữa, Từ không dằn nỗi nổi đau đớn, mới ngửa mặt lên trời, cất tiếng thở than.

Chợt, chàng nghe có tiếng mõ gõ "cốc cốc" đều đều từ xa vọng lại, tựa hồ có một ngôi chùa đâu đó. Chính lúc ấy, Từ cũng đang bị cái đói cồn cào nó hành khổ sở bèn tính tìm đến ngôi chùa đó, xin cơm thừa ăn, hy vọng sẽ kéo dài thêm chút hơi tàn.

Chàng cố gắng đứng dậy, nhắm hướng có tiếng mõ đi tới.

Sau hơn nửa dặm, vòng vo khúc khuỷu, lộ chuyển phong hồi, Từ đến một nơi, cảnh trí trông rất đẹp mắt. Chàng đến lại gần xem cho kỹ, thấy đó là một căn nhà, mái lợp cỏ tranh, nhưng thanh tịnh, u nhã, cửa phên, nửa mở nửa khép. Té ra là nhà của cư dân, chứ không phải nhà chùa. Chàng lắng tai nghe ngóng. Tiếng mõ vẫn cứ cốc cốc đều đều, từ trong căn nhà đó vẳng ra. Từ bèn tiến đến lại gần, gõ cửa.

Một đứa tiểu đồng ở trong nhà đi ra mở cửa cho chàng.

"Ai đó! Có chuyện gì vậy?"

Từ đem cảnh ngộ gặp loạn, bị cướp thuật lại. Đứa tiểu đồng lập tức chạy vào trong nhà báo cho chủ nhân biết, rồi lại chạy ra ngay, đem theo một bầu rượu cùng cơm và thức ăn đưa cho Từ nói:

"Chủ nhân bảo chỗ này là nơi nguy hiểm, ông ăn xong rồi đi ngay, không được nấn ná lại đây nữa đâu."

Từ nghe đứa tiểu đồng nói như thế, lấy làm lạ, nhủ thầm trong bụng, đường đời khi khu ác hiểm, lòng người thật nan trắc khó dò, đâu ngờ kẻ tụng kinh gõ mõ mà lại có những lời lẽ hắt hủi xua đuổi kẻ lỡ bước sa cơ như thế này.

Chàng ăn cơm xong, trao bát đũa trả lại cho tiểu đồng rồi chắp tay vái tạ, tính theo đường cũ đi ra, nhưng lại suy nghĩ, dù có đi ra thì cũng chẳng có chỗ ngủ. Chàng lẩm bẩm nói một mình: "Đi ra thì làm mồi cho hổ báo, sài

lang, chi bằng cứ ở lại đây, có gặp ma gặp quỉ mà chết, thì cũng đỡ ân hận là một thằng ngu".

Bèn ngồi xuống một gốc cây đại thụ, không đi đâu nữa.

Lúc Từ nhìn đến đứa tiểu đồng thì nó đã vào trong nhà, đóng cửa.

Trời mỗi lúc một tối dần. Tiếng mõ mỗi lúc một cấp bách gấp gáp mau hơn. Từ chờ mãi cũng không thấy đứa tiểu đồng đi ra. Đêm tối mù. Gió lạnh lọt thấu xương cốt, cắt da cắt thịt. Từ không sao chịu nổi. Bất chợt, chàng thấy một đốm hỏa quang lập lòe, to bằng một cái đấu, vù tới. Khi bay đến trước cửa ngôi nhà tranh ấy, thì lập tức hóa ra một vật lạ, toàn thân lông đỏ chóe trông giống như một con lợn, gầm gừ xông vào trong cửa.

Từ sợ quá, run lập cập, tứ chi đánh bọ cạp, muốn đứng dậy, bỏ chạy, thì lại thấy một khối hắc khí, lớn bằng một cái giỏ, từ hướng bắc bay về hướng nam, vùn vụt như ngựa phi, khi đến trước cửa hóa thành một con quỉ dạ xoa hai mắt loang loáng hỏa quang, há cái miệng đỏ lòe như bát máu, làm nhàm xông vào nhà.

Từ thấy thế, lại càng sợ, nhưng lại nhủ thầm: "Mệnh số sắp tuyệt, cái chết gần kề, thì dù có sợ cũng chẳng ích gì."

Bèn im hơi lặng tiếng, nấp kín rình xem.

Lát sau, Từ lại thấy một đạo bạch quang cao vài chục trượng, sừng sững di động về phía cửa, rồi bỗng dưng co súc bé lại, biến thành một người đàn ông trẻ đẹp, mặc áo bạch bào, đội mũ thất tinh quan, khum người chui vào trong cửa.

Từ liên tiếp thấy sự lạ, nhất thời như người được coi trò ảo thuật, kể cũng là điều hiếm.

Sau đấy, chàng thấy tiếng mõ tự nhiên ngừng bặt. Bốn bề im lặng. Rồi có tiếng mở cửa. Tiếng người cười từ xa vọng lại. Rõ ràng là khách đào tơ má phấn, bụng thầm ngạc nhiên. Một lát sau, chàng thấy một lũ bốn năm đứa tiểu hoàn, tay cầm đèn lồng đi trước, dẫn đường cho một nữ lang đi ra ngoài cửa.

Nữ lang chừng mười tám mười chín, mặc áo màu đỏ vân hà, tóc cài đầy bảo ngọc, dáng như tiên nữ, đẹp trội hơn tất cả.

Khi họ ra đến bờ rào trúc, Từ nghe tiếng một con tiểu hoàn bảo với nữ lang:

"Đêm đẹp thế này, tiếc là không có trăng!"

Nữ lang tủm tỉm cười, rồi cầm chiếc đèn trong tay đứa tiểu hoàn, vén áo, ném lên không trung. Chớp mắt, bầu trời sáng rực như ban ngày.

Từ thấy vậy, chắc mẩm nữ lang là tiên nữ hạ phàm, ý muốn chạy đến cầu cứu với nàng. Nhưng chính lúc ấy, chàng bị một đứa tiểu hoàn phát giác. Nó vội vã bảo với nữ lang:

"Có khách tục ở đây, xin cô nương thâu hồi pháp thuật!"

Nữ lang tỏ vẻ ngạc nhiên, đáp:

"Quẻ bói của cha ta thật linh nghiệm! Bằng không, khi thấy sự xuất hiện của Tam Quái, ai mà chẳng sợ hãi, tan hồn lạc phách."

Rồi lập tức thâu hồi pháp thuật lại.

Khối tinh quang ở trên bầu trời biến trở lại chiếc đèn lồng như cũ, rơi vào tay đứa tiểu hoàn. Lát sau, Từ thấy cả bọn đã trở vào trong nhà, cảnh trí lại trở về im vắng tịch mịch.

Lòng Từ còn đang phiền não, buồn bực vì chẳng có duyên với nữ lang, thì đứa tiểu đồng đã cho chàng ăn lúc trước mở cửa đi ra, gọi chàng bảo:

"Sao ông vẫn còn ở đây, chưa đi à! Chủ nhân tôi đang chờ ông đấy, mời ông vào gặp ngay."

Từ mừng quá, vội vả sửa sang áo quần, mũ mão cho ngay ngắn chỉnh tề, rồi đi theo đứa tiểu đồng.

Thảo đình gồm có ba gian. Cỏ hoa tre trúc tươi tốt tú lệ. Từ thấy kinh quyển và chiếc mõ để cả trên án thư.

Một lát sau, chủ nhân từ hậu đường đi ra. Đó là một lão ông chừng khoảng thất tuần, lông mày dài, hai mắt sáng như sao, thần thái ung dung sáng sủa, tay chống chiếc gậy gỗ, khiêm tốn nói với Từ:

"Vừa rồi, lão phu thi hành đôi chút pháp thuật, lại e làm kinh động đến quý khách, nên đã sai tiểu nữ đi ra để từ tạ, chẳng ngờ quý khách đởm lượng hơn người, khiến cho lão phu thật vô cùng xấu hổ."

Từ phủ phục xuống đất vái chủ nhân, đáp:

"Kẻ đào nạn, còn chút sống thừa, không nơi tá túc, mong ơn lão trượng cho ăn, lòng vô cùng cảm kích. Chỉ vì trời tối không còn biết đi đâu, đành liều ngồi chờ chết nơi đây, chứ nào có dám phô trương gan dạ gì. Lão trượng thương mà quá khen, làm tiểu nhân càng thêm bối rối."

Chủ nhân cúi xuống đỡ Từ dậy, mời chàng vào ghế ngồi, hỏi han đàm đạo, rất là tương đắc vui vẻ.

Từ nhân hỏi đến tính danh của ông lão, thì ông ta đáp:

"Lão phu vào núi tu đạo từ thời viễn cổ, không ra khỏi nơi đây cũng đã hơn ba trăm

năm rồi. Thời gian lâu dần, nên quên mất cả họ lẫn tên. Nay tuổi tác mỗi ngày một cao, mắt mũi lờ mờ chậm chạp người đời gọi là "Mông Đổng Công." Lão thê cùng nhược nữ đều ở cùng với lão phu cả. Đã lâu, không còn nghĩ đến chuyện trần thế nữa. Sáng nay ngẫu nhiên lão bấm một quẻ thì quẻ cho biết là trong gia đình sẽ có việc hôn nhân vui vẻ. Ý lão không muốn cho con gái lấy chồng xa, nên mới thí lộng đôi chút pháp thuật mong hóa giả. Nào ngờ duyên trời đã định, con người không thể cải biến được, cho nên khiến cho quý khách lưu lại không chịu đi khỏi cửa nhà lão. Âu cũng là thiên định cả."

Từ nghe nói, trong bụng mừng thầm, nhưng lại cố gạn hỏi thêm cho rõ ngọn ngành.

Chủ nhân cười lớn đáp:

"Hiền lang chắc không đến nỗi là kẻ ngốc nghếch, lẽ nào còn phải hỏi lão phu. Chuyện hôn nhân này, chẳng nói thì hiền lang cũng đã hiểu rồi."

Từ sung sướng mỉm cười, đứng dậy tạ ơn.

Chủ nhân cho gọi vợ ra gặp Từ. Chàng thấy bà vợ chỉ khoảng bốn chục tuổi, dung mạo nhan sắc so với các nàng con gái thanh xuân thì còn trẻ và xinh đẹp hơn nhiều, nhưng bà ta tự kể chỉ kém chủ nhân chừng mười tuổi mà thôi, khiến Từ lại càng thêm phần ngạc nhiên bỡ ngỡ.

Sau đấy, chủ nhân cho mở yến tiệc để khoản đãi Từ. Các thức ăn trân kỳ có đến hàng chục món. Nhưng chủ nhân lại tỏ ra khiêm tốn bảo với chàng:

"Ở chốn sơn lâm hang hốc này, phẩm vị không được ngon, lão phu thật lấy làm thẹn!"

Sau mấy tuần rượu, người vợ chủ nhân vào trong nhà trang điểm son phấn cho cô con gái, chuẩn bị để làm lễ thành hôn với Từ. Lát sau, chàng nghe trong phòng có tiếng khóc thút thít khe khẽ vọng ra ngoài.

Chủ nhân thấy vậy, nghiêm sắc mặt nói một mình:

"Đi lấy chồng có làm mất ngôi vị địa tiên đâu, hà tất phải khóc lóc thê thảm như vậy!"

Rồi quay ra bảo với Từ:

"Bụng lão vốn có ý muốn lưu giữ hai vợ chồng con ở lại đây, nhưng đây không phải chốn phàm trần, không thể sửa soạn chỗ động phòng hoa chúc được, đành phải để nhược nữ về theo hiền lang vậy. Hai mẹ con bà ấy còn quyến luyến không nỡ xa nhau cho nên khóc đấy thôi."

Từ tưởng rằng sẽ được lưu giữ trú ngụ lại đây, nay nghe chủ nhân nói thế, không khỏi thất vọng, vội vã đứng dậy thưa:

"Tiểu tế là kẻ bốn bể không nhà, chỉ mong được ở lại đây để hầu hạ sớm chiều, chứ không muốn trở về nhà nữa."

Chủ nhân xua tay tỏ ý từ chối:

"Thôi cứ đi đi, tất sẽ gặp được may mắn."

Chẳng mấy chốc đã thấy người con gái chủ nhân trang điểm xong. Rồi mấy con tiểu hoàn dìu nàng ra gặp Từ. Té ra, chính là nữ lang mà Từ đã gặp lúc trước. Sau đó, cùng Từ làm lễ giao bái thành hôn.

Chủ nhân bèn lấy một cái chén rượu thật lớn, đặt ở giữa nhà, bảo với con gái:

"Cha dùng vật này để đưa tiễn vợ chồng con xuống núi. Việc gia đình con hãy tự lo liệu lấy, đừng trông nhờ gì ở cha nữa."

Người con gái lòng còn quyến luyến chưa

TRẦN HỒNG CHÂU

SÂN ĐÀO LÝ

Đuốc soi hồn trượt đường nhân thế
Trăng gầy bụi khóc dấu chân xưa
Vàng cúc rối, rũ tung kỷ niệm
Vọng âm đâu tiếng ngọc Sơn Tây?

Sợi chỉ đời ngập Hoàng Hà lũ
Lệ rung lá chẩy thu cúi đầu
Mây lồng man mác sân đào lý
Chân bâng khuâng ý lạc chu kỳ

Trận yêu dài lệch xô chăn gối
Miền Hỏa tinh đất đá ngổn ngang
Áo tím rưng rưng ngày hối tiếc
Người đi xa mãi lúm đồng tiền

Hoàng anh! hoàng anh! cành mận đỏ
Cho nghe đi mỏi tiếng gọi đò
Chén đắng âm dương ngàn kinh vĩ
Hai mặt cung đàn lục địa trôi

Ta nhớ bóng hình, bóng hình ai?
Ta quên chiều xưa, chiều xưa nào?

chịu rời đi. Nhưng cả hai vợ chồng chủ nhân đều thúc dục, nàng đành lau nước mắt nhảy vào ly rượu. Thoáng chốc biến mất, không còn thấy hình tích đâu nữa.

Từ sợ quá, nhưng cũng bị chủ nhân đẩy đi. Trong lúc hoảng hốt chàng cảm thấy như từ trên một vách núi lăn tọt xuống đất, bụng kinh hoảng định hô hoán kêu lên, chừng mở mắt nhìn, té ra đang đứng trên một con lộ lớn, giữa một vùng đất bằng phẳng.

Từ còn đang ngỡ ngàng thì nữ lang đã tiến đến bên chàng, bông lơn:

"Lái buôn keo kiệt như chàng, chẳng biết tu từ kiếp nào mà lấy được tiên. Nói thật để chàng biết cha mẹ thiếp người nào cũng đã cả ngàn tuổi, còn thiếp chỉ kém các cụ hai chục tuổi thôi. Nay vì túc duyên tiền kiếp mà phải lấy chàng thành thử không được theo song thân về cõi Bồng Lai cũng là vì thế."

Nói xong buông lời thở vắn than dài.

Từ hết sức cảm tạ. Lúc nhìn lại cảnh trí xung quanh, mới hay đó là vùng hai châu Dinh và châu Chương, cách quê Từ cũng không xa lắm.

Chàng tỏ ý muốn trở về quê, nhưng nữ lang cản lại nói:

"Lúc này chiến tranh binh lửa chưa tàn, ngay cả muốn cư trú ở đây cũng không yên đâu."

Sau đó cùng Từ đi về hướng đông, hơn vài chục dặm nữa đến một vùng núi non hoang vắng, tĩnh mịch, nàng ngắm nhìn thế đất một hồi lâu nói:

"Chỗ này có thể ở được!"

Rồi rút chiếc kim xoa cài tóc, chỉ đông vẽ tây, chớp mắt hiện ra một tòa trạch đệ thật lớn. Từ càng tin nàng không phải là người phàm bèn dắt tay nàng cùng vào trong nhà, thấy giường nệm, gối chăn đều có sẵn, tựa hồ như được chuẩn bị từ trước.

Mỗi lần Từ thấy nữ lang lên tiếng gọi, thì bọn nô bộc, a hoàn đều ứng thanh ríu rít chạy đến. Chàng không biết họ từ đâu ra, nhưng hết sức kính cẩn, tận tình phục dịch.

Một lát, tiệc rượu dọn xong, Từ và nữ lang cùng ngồi đối ẩm, chén mặn chén nồng. Bấy giờ chàng mới rõ nữ lang là họ Đào, tiểu tự là Thải Xuân. Đến đêm cùng nàng chung chăn gối hoan lạc, thấy không khác gì người thường. Duy uyển chuyển né tránh, có vẻ không kham nổi, hãy còn xử nữ chưa quen mùi bướm lả ong lơi.

Từ đấy, Từ không ra khỏi cửa, ngày ngày ngồi bên nữ lang, cùng nàng đàm đạo, bàn về thuật trường sinh bất lão của đạo gia. Chàng luyện tập ít lâu, dần dần cũng đạt được phép "thổ nạp," rồi tịch cốc không ăn.

Nhưng từ ngày đến cư trú tại đây, mọi sự trị loạn ở ngoài đời, Từ không hề hay biết. Binh lửa cũng chẳng ảnh hưởng gì đến chàng. Ngay cả quá khứ của chàng, cơ hồ cũng quên hết.

Hai người sống với nhau như vậy, ước chừng được hơn mười năm, một hôm nữ lang bảo với chàng:

"Trước đây thiên hạ đại loạn, chàng và thiếp may mắn tỵ nạn ở chốn thế ngoại đào nguyên này. Nay đã có thánh chúa ra đời, trăm họ sẽ được hưởng cuộc đời thái bình thịnh trị."

Từ không hiểu rõ ý nàng muốn nói gì, bèn theo nàng ra ngoài cửa. Đi chưa đầy chục bước, lúc ngoái lại nhìn, tất cả trạch đệ, phòng thất, thị tòng, bộc dịch đều đã biến mất. Từ kinh ngạc sợ hãi, hỏi nữ lang, nhưng nàng chỉ tủm tỉm cười, im lặng không đáp.

Chừng ra đến đại lộ, nàng mới từ giã chàng, nói:

"Từ khi cùng chàng kết tóc xe tơ, hầu hạ khăn áo, chưa được về thăm lại song thân. Nay thiếp phải hồi gia thăm lại một lần, năm năm nữa sẽ cùng chàng tái ngộ."

Bấy giờ Từ mới hiểu được cái đạo cả của kiếp người, vốn chỉ là mây nổi hư không, nên cũng không cố lưu giữ nữ lang làm gì, chỉ cùng nàng dặn dò mấy câu, rồi chia tay phân biệt.

Riêng chàng trở lại cố hương. Nhưng khi đến nơi, nhà cửa ruộng vườn đều đã hoang tàn đổ nát. Thân bằng quyến thuộc tứ tán, chẳng biết đi đâu.

Chàng hỏi thăm khách qua đường, mới hay đỉnh cách đổi thay, Minh triều đã bị diệt vong. Nhà Thanh lập quốc cũng năm năm rồi.

Chàng khẽ buông tiếng thở dài cảm thán, lòng không màng đến những việc nhân sinh trần thế nữa. Bèn kết tranh dựng một ngôi nhà cỏ bên núi Cửu Tiên Sơn, đóng cửa sống một mình ở trong, tịch cốc không ăn, cũng không ra đến ngoài.

Như thế được năm năm, một buổi tối hàng xóm lân cận bỗng nghe thấy trong nhà Từ phát ra từng hồi mõ "cốc, cốc." Sáng dậy lại coi, không thấy Từ đâu, cả cái ngôi nhà cỏ của chàng cũng biến mất.

Ai nấy đều tán thán, cho là Từ đã thành tiên. □

NHẬN CHIẾC ÁO TANG

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Mẹ dưới đất con ở trên đời
Đời đất xa nhau một lớp thôi
Tình thương chôn chặt trong lòng đất
Thương tiếc ngàn năm cũng thế thôi

Nghe tin má tôi qua đời, từ Tích Lan tức tốc tôi trở về Hòa Lan bay mất hết một đêm. Vợ tôi với Mỹ Hạnh — đứa em dâu — đã đứng chờ sẵn trước cửa phi trường Shiphol - Amsterdam. Thấy tôi bước ra Mỹ Hạnh nói liền:

"Vé máy bay và đồ đạc đã chuẩn bị sẵn sàng, anh ra xe tụi em chở qua Bỉ lấy hộ chiếu, rồi trở dìa đi cho kịp chuyến bay chiều nay."

"Bộ đi liền sao?"

" Đi như vậy còn chưa chắc kịp nữa."

Tôi nín lặng khi nhận ra mình hỏi một câu thiệt là ngớ ngẩn. Tội nghiệp Mỹ Hạnh. Tôi đi làm ăn xa, năm ba tháng mới về một lần. Vợ tôi mới qua còn chưn ướt chưn ráo chuyện gì cũng chưa thông, hễ gặp rắc rối phải nhờ đến thím nó mới xong...

*

Mấy ngày đi không ngừng nghỉ, cộng thêm nỗi đau lớn trong đời làm tôi không sao chợp mắt. Cũng vì vậy mà đầu óc tôi lùng bùng, không còn tâm trí đâu để ý tới thời gian của cuộc hành trình. Tới khi tiếng loa lưu ý hành khách cài dây an toàn, cùng lúc máy bay đảo nghiêng sắp sửa đáp, tôi ngó ra cửa kiếng. Trong cảnh nắng nhạt, dưới lớp mây trắng mỏng, thành phố Sài Gòn hiện rõ những nóc nhà có nhiền ngọn ang-ten nằm cạnh dòng sông uốn khúc, màu nước phù sa. Quê hương! Hai tiếng âm vang trong đầu, kéo tôi trở về thực tại.

Tôi mang theo chỉ một túi hành trang nhẹ và số tiền không đáng kể. Vậy mà nhân viên phi trường mần việc mất rất nhiều thời giờ. Khi thoát được ra ngoài, trời tối, phố xá cũng đã lên đèn. Xa đất nước đã lâu, sợ mấy cháu không biết mặt nên tôi dặn trong điện tín, viết tên tôi lên một tấm bảng, chờ đúng giờ hành khách của chuyến bay từ Hòa Lan ra, cầm bảng giơ cao, để tôi dễ thấy. Nhưng nhờ hình ảnh trước đây gởi về, mấy cháu nhận ra tôi một cách dễ dàng.

"Chú Tấn! Chú Tấn! Phải chú hông dậy?"

Tiếng kêu của đứa cháu gái, ngoài hàng rào sắt, giữa đám đông ồn ào làm tôi khựng bước. Tôi day lại gật đầu xác nhận, rồi bước nhanh ra ngoài. Vừa ra khỏi cửa, đứa cháu trai nhào tới, không khách sáo bắt tay chào hỏi, nó chỉ ra bãi dậu xe, nói như ra lịnh:

"Xe đậu chờ ngoài kia, chú ra mau đi."

Đoạn nó bước nhanh đi trước, hai cháu gái ùa lại, đứa xách túi đồ đứa câu tay kè đi, giống như kẻ gian bắt cóc người. Bác tài xế mở cửa xe sẵn. Chờ chú cháu tôi vô xe ngồi xong đâu đó, bác đóng cửa xe lại, đề máy, vừa de xe bác vừa nói:

"Hy vọng mình lọt qua bắc Cần Thơ trước mười hai giờ."

Chú cháu tôi nóng ruột đã đành, nhưng thấy bác tài xế dọt xe coi bộ còn nóng lòng hơn nữa. Đường ổ gà dẫn lên nhún xuống ê ẩm cả mông, vậy mà bác chạy gần cả trăm cây số giờ.

Nhờ ngang bắc Mỹ Thuận bác tài lo lót tiền cà phê cho anh sắp bến, nên xe qua trót lọt. Khi tới bắc Cần Thơ vừa đúng chuyến cuối cùng. Qua bắc. Chúng tôi đi thẳng một lèo tới bến đò Cà Mau thì đã hơn ba giờ sáng. Đoạn nầy chú cháu tôi phải sang đường sông. Sau khi trả tiền cho bác tài xế, mấy cháu tôi xuống bến bao đò, nhưng không cho tôi theo, vì sợ thấy Việt kiều mấy anh lái đò chặt giá trên trời dưới biển. Tạm thời lánh mặt, tôi đi tà tà dọc theo con lộ. Đường sá vắng vẻ, cả khu phố còn chìm trong giấc ngủ. Chỉ có dãy quán còn đèn. Đi ngang qua một quán cơm, cô chủ quán ngồi cạnh bếp lửa than còn cháy đỏ, thấy khách cô cười chào. Phải chi có nhiều thời

gian , tôi sẽ ngồi lại ăn một dĩa sườn nướng uống vài cốc rượu để tẩy trần. Tôi cười với cô hàng một cái rồi đi trở xuống bến đò.

Mấy cháu đã bao được đò, thấy tôi tới chúng đưa tay ngoắc ra dấu biểu tôi đi lẹ lẹ. Tôi vội bước nhanh xuống. Lúc yên ổn chỗ ngồi, chợt nghe cái anh ngồi cuối đò kế bên chưởi rủa ỏm tỏi. Còn anh đứng đằng trước đò bên nầy cuối xuống giựt phăng sợi giây mũi, anh tài công vội vàng đề máy, quay nhanh cần lái cho đò de ra. Người nào cũng phải lật đật như chạy giặc, mặc kệ cho cái anh chủ đò kế bên lải nhải chưởi bậy.

Tôi thắc mắc hỏi:

"Ai chọc ghẹo gì anh kia cho ảnh chửi om xòm trời đất dậy?"

Đứa cháu gái nói:

"Tại mình hổng chịu đi đò chả, nên chả chưởi, chớ có ai chọc ghẹo gì chả đâu."

Tôi chợt nghĩ đến cái thời người lái đò phúc hậu, đưa khách sang ngang bằng cả tấm lòng, không màng danh lợi, vui thú cùng bến sông và dòng nước. Bến vắng khách. Buồn. Ông ngâm nga ca vọng cổ "... Còn trời còn nước còn non, còn cây đa cũ, còn ông đưa đò." Có đâu như anh lái đò nầy, bắt khách hổng được bèn nổi máu du côn, dùng lời lẽ độc địa chưởi dai như đỉa đói. Đến khi đò ra giữa dòng anh tru tréo lớn tiếng hơn, và trù đò chúng tôi chìm dọc đường chết không còn một mạng.

Mấy bữa rày, hết ngồi máy bay lại ngồi xe tù túng, mệt mỏi. Bây giờ chỉ có bốn chú cháu ngồi trên chiếc đò rộng mênh mông. Tôi thấy thoải mái hít thở không khí trong lành trên dòng sông quen thuộc. Đò lướt ngang qua những cánh đồng thoang thoảng mùi gốc rạ khô, vị ngọt của quê hương là vậy. Trên ngã ba Tắc Thủ, những chiếc xuồng chèo, xuồng máy đuôi tôm ngược xuôi trong cảnh lờ mờ sáng. Anh lái đò cao hứng hát vang: "Bình minh nắng sớm, anh Sáu về thăm ghé miền quê em..." Bài hát thường ngày nghe vui, nhưng trong lúc này nghe sao buồn não nuột.

Đò ra tới đầu thị trấn Sông Đốc. Mặt trời đã lên khỏi đọt cây, nước dưới dòng sông lấp lửng trở rồng và ngọn gió chướng phất phơ mát rượi. Mười mấy năm trước tôi ra đi trên chiếc vỏ lải, gắn máy đuôi tôm cũng tại bến sông nầy. Lần đó cứ ngỡ ra đi sẽ không bao giờ trở lại, nên khi ra khỏi đầu vàm, tôi nhìn lại xóm lưới rồi khóc oà như một trẻ thơ. Bây giờ tôi trở về trên chiếc vỏ lải cải tiến, gắn đuôi tôm bằng máy xe hơi, chạy xé nước trên dòng sông ngày cũ. Đầu tôi đã bạc lai rai, thân thể xạm chai vì nắng gió, còn tâm hồn đã già dặn bởi những cay đắng cuộc đời. Cũng nhờ vậy mà tôi dễ dàng chấp nhận mọi đớn đau, nhưng trước sự mất mát lớn lao thì làm sao ngăn được hai dòng nước mắt. Đò vừa cặp bến, tôi liền thót lên cầu. Một người bà con nhận ra tôi, a tầm phù chạy xuống, miệng réo:

"Chú Bảy ơi! Chú Bảy ơi! Chú Tám dìa rồi!"

Tùng... tùng... tùng... Tôi thấy anh sáu Cà cầm dùi đánh trống, nhưng không biết vì mừng tôi về trước giờ hạ huyệt má tôi hay là thông lệ của đám ma. Một người đàn bà xồn xồn, ngồi trên bộ ván cất tiếng như rên rỉ: "Ôi con về đây mẹ đâu còn nữa." Tuy tôi đủ sức bình tĩnh đối đầu sự thật, nhưng cũng nổi da gà khi nghe câu ai oán của bà ta.

Hồi má tôi còn sống, ao ước anh chị em tôi tụ về đầy đủ cho bà thấy mặt một lần rồi có nhắm mắt bà cũng vui lòng. Mấy năm trước đây, người chị và đứa em ở bên Úc dẫn cháu về thăm. Đứa em ở Hòa Lan cũng đưa vợ về cách đây mấy tháng. Hôm nay tin má hấp hối, một lần nữa anh chị em vội vã trở về. Riêng tôi, trước kia vì một quan điểm chính trị nào đó nên chưa chịu hồi hương. Để đến hôm hay tin bà mất, tôi tức tốc đi không ngừng nghỉ, nhưng đường xá xa xui, mà thời gian thì không đứng đợi, tôi về tới nơi chỉ kịp thấy cỗ quan tài nằm giữa nhà trong làn khói hương lan tỏa.

Đứng ra chôn cất có người anh Hai, anh bạn dì, và chú ba Hấu, người em kết nghĩa của ba tôi. Anh Hai thợ mộc, chú Ba thợ vẽ mà cũng là điêu khắc gia tài tử trong thị trấn. Bàn tay khéo léo của hai người làm cho cỗ quan tài của má tôi được trang trí rồng phượng, hoa lá cành lộng lẫy.

Chú ba Hấu cầm áo và khăn tang đưa cho tôi nói:

"Tấn, con bận đồ vô rồi ra trước đầu hòm, đốt ba cây nhang lạy má con ba lạy."

Đợi tôi làm lễ cúng má tôi xong, chú Ba bưng thau nước và đưa cho tôi chiếc khăn lông:

"Con lấy chiếc khăn nầy nhúng lau cỗ quan tài, coi như trả hiếu bằng cách tắm rửa cho má con vậy."

Những ngày xa quê hương tôi hay ngâm nga "Ly khách ly khách con đường nhỏ... mẹ già coi như chiếc lá bay." Tôi đắc ý với bài thơ và coi đó như tâm trạng của mình. Bây giờ đụng phải những câu nói mộc mạc, những công việc

coi đơn sơ vậy mà xóa tan hết những cái mới hôm qua hôm kia tôi cho là lý tưởng.

Theo lời ông thầy địa lý, đúng hai giờ trưa là giờ tốt để hạ huyệt, vì vậy một giờ phải làm lễ động quan. Trước đây ba má tôi thường lui tới cúng kiến thất Cao Đài, chùa Phật, theo ông bà, đạo nào cũng là đạo. Cho nên trước giờ động quan, đồng nhi của đạo Cao Đài vô hát trước bài "Biển trần khổ vơi vơi trời nước..." sau đó tới phiên những bà vãi bên đạo Phật tụng kinh cầu siêu.

Đạo tì đã đội ngũ xếp hàng hai trước sân. Nhóm đạo tì gồm có mười lăm người, một hóa trang mặt khỉ làm Tề Thiên, một vẽ mặt xanh, nanh trắng làm Quỷ, một vẽ mặt như tướng cướp trong các tuồng cải lương làm đầu đảng được gọi là "người đánh phá hoàn," ông bận áo thun trắng, ngắn tay, quần đen mỗi bên ống có viền sọc trắng, đầu bịt khăn đỏ, thắt lưng cũng đỏ; mười hai người còn lại bận đồng phục, áo xanh màu đọt chuối, đầu đội kết trắng, quần và đai lưng giống như ông đầu đảng. Họ dàng dá xong đâu đó, chờ mấy bà vãi tụng dứt bài kinh, tức thì đầu đảng cầm hai cây đuốc dài cả thước, châm lửa, chia ra mỗi tay mỗi cây, ông quát một tiếng, nhảy vô giữa sân, múa đuốc vù vù, đi sàng qua sàng lại như hát bội. Vô vừa tới cửa nhà, tức thì quỷ từ trong buồng nhào ra cười sằng sặc chận đầu đảng lại. Lúc đó Tề Thiên từ phía vách bên nầy cầm thiết bảng, hú một tiếng nhào ra, thế trận bắt đầu... Đấu nhau vài hiệp, Tề Thiên đập Quỷ một thiết bảng, Quỷ thét một tiếng kinh hồn, hộc ra một bụm máu rồi bỏ chạy, Tề Thiên rượt theo, rồi cả hai biến tuốt vô buồng.

Quỷ và Tề Thiên biến mất, nhường chỗ trống cho đầu đảng. Ông nhúng đuốc, thêm dầu, múa vù vù bước chữ chi đi thẳng vô đầu hòm, chấp chéo ngọn đuốc, cúi mình xá ba xá. Đoạn ông rà ngọn đuốc dưới dạ hòm, đồng thời áp tai vô quan tài như lắng nghe gì ở bên trong, sau đó đi vòng ra đằng sau rồi bọc trở lên phía trước. Những người hàng xóm bu quanh sân im thin thít theo dõi. Đầu đảng đứng thẳng, hai tay chéo hai cây đuốc đưa ra kéo vô điều khiển nhóm đạo tì. Theo ngọn đuốc điều khiển, hai hàng đạo tì đi chéo nhau thẳng xuống quan tài, bọc trở lên đứng lại bên hông chiếc hòm, như vậy tả hữu vẫn đứng y vị trí như lúc đứng ngoài sân. Đầu đảng múa một điệu múa, chấp chéo ngọn đuốc, xá thêm ba xá trước đầu hòm. Đoạn day ra nhóm đạo tì dõng dạc hô:

"Không có chi là lạ, nào ngờ đâu linh cữu tại gia, hỡi tiếng kêu tất cả đạo ta!"

Đạo tì dạ rân một loạt, ông đầu đảng hô tiếp:

"Hồn linh cữu khiêng ra khỏi cửa."

"Dạ... a a a..."

Cùng lúc đầu đảng hạ thấp đuốc xuống rồi chầm chậm nâng đuốc lên. Mười hai anh đạo tì theo ngọn đuốc điều khiển, chầm chậm nhấc chiếc hòm lên, từ từ, khiêng ra khỏi cửa.

Cỗ quan tài được đặt trên chiếc kiệu trước sân. Tức thì trống nhạc đám ma trổi lên ầm ỹ. Tôi thấy khó chịu, thâm tâm thầm phản đối. Cái "băng" nhạc đám ma gì mà hòa tấu chiêng, trống, phèng la thêm cây đờn ghi ta gắn loa nặng oát. Khi trổi lên giống y như đám hát Sơn Đông bán thuốc dạo! Cái điệu này người nằm trong hòm nghe cũng giựt mình mà bịt lỗ tai lại nữa hổng chừng.

Má tôi được chôn bên gò đất phía sau nhà, từ nhà ra gò cách một cái mương, nước lớn lấp

---

LÊ NGUYỄN

NIỀM RIÊNG

Tàu xuôi về nẻo sương chiều
Dõi trông chiếc bóng
tiêu điều lối xưa
Nhớ ai — ngày tháng đong đưa
Con sông đời
cũng nắng mưa
lụy phiền
Người đi vỗ giấc cô miên
Người về đối mặt niềm riêng một đời!

THUYỀN NHÂN

Sông xưa núi cũ xa mờ
Thuyền nương sóng dữ
tấp bờ Tự do
Nhìn lên không thấy ngọn cờ
Tự do — hay cũng bến bờ lưu vong?
Lặng sóng biển — dậy sóng lòng
Vẫy tay chờ phút tương phùng — quê ơi!

lửng, nước ròng lòi bùn non. Vì vậy bà con phải cột hai chiếc tam bản kè nhau, để kiệu lên rồi xúm nhau đẩy qua gò. Những người theo đưa đám phải vo quần lên tới háng mới lội qua được.

Qua tới gò, chiếc kiệu được để cạnh bên miệng huyệt. Ông đánh phá hoàn nhúng đuốc thêm dầu múa vùn vụt, đạo nhanh miệng huyệt, rà đuốc xuống đáy kim tỉnh. Mặt giữ nghiêm, mắt nhướng lên nhướng xuống. Xong, ông lần ra phía trước chéo đuốc lại, giơ cao khỏi đầu hô lớn:

"Hỡi tiếng kêu tất cả đạo hò!"

Đạo tì đạ rân một loạt, ông tiếp:

"Hồn linh cữu táng an phần mộ."

"Dạ ... a a a..."

Theo ngọn đuốc điều khiển của đầu đảng, đạo tì hè nhau khiêng cỗ áo quan để lên hai sợi dây luộc vắt ngang miệng kim tỉnh, họ chia nhau nắm bốn đầu dây từ từ tụt xuống, rất nhẹ, rất thăng bằng. Sau khi chiếc quan tài nằm ngay ngắn dưới đáy huyệt, anh chị em tôi hốt mỗi người một nắm cát bỏ xuống. Sau đó bà con lấp cát chôn. Hai chị lớn tôi đã khóc ngất lên ngất xuống. Tuy nhiên đám anh em trai không khóc, mặt mỗi đứa đanh lại như để ngậm nhấm nỗi buồn. Riêng tôi còn đủ bình tĩnh, để nghe mấy người tu hành đọc kinh Bát Nhã tiếng được tiếng mất. Cũng tại cái băng nhạc đánh trống, phèng la rùm beng bên kia. Mấy cha hòa tấu bài "Mùa thu rồi ngày hăm ba, ta ra đi theo tiếng kêu sơn hà..." tiếp theo bài: "Lá còn xanh như anh đang còn trẻ..." Cuối cùng là bài Tiến Quân. Đứa em út quỳ cạnh không biết thấy tôi ra sao mà nó hỏi:

"Làm gì mà anh cười vậy?"

Thay cho câu trả lời, tôi hỏi nó:

"Chú mầy có nghe tụi ban nhạc mần gì hôn?"

"Cái tụi mất dạy! Nó tưởng má mình là tử sĩ chắc. Hồi nãy em còn nghe nó đờn bài 'kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát' nữa."

Vì buồn bã sanh ra bực bội mà em tôi nặng lời. Phần tôi, nỗi buồn mất mẹ còn tràn ngập, giờ chứng kiến thêm sự thay đổi lố lăng của con người làm lòng tôi tê cứng. Tôi đứng nhìn cảnh vật chung quanh như khách phương xa đến thăm một xứ lạ!

*

Hồi trưa còn có người vô người ra và chiếc hòm còn nằm giữa gian nhà, tuy buồn bã nhưng có phần ấm cúng. Giờ đây trống trơn, thiếu vắng. Nhìn bàn thờ khói hương nghi ngút, tấm màn tang phủ còn trắng tinh, nỗi buồn như tràn ngập cả gian nhà. Chị Sáu tôi ngồi đếm tiền trả cho ban nhạc, nghe họ kể công và kèo nài thêm tiền cà phê cà pháo. Khi các người đi rồi, tôi mới nói với chị:

"Ma chay cho má, nhờ những người tu hành tụng kinh cầu siêu, và đạo tì đưa đám được rồi, chị mần chi đình đám thấy mà phát kinh!"

Chị tôi buồn rầu nói:

"Em ơi, mình là Việt kiều mà hổng mần như vậy bà con chòm xóm nói chết." □

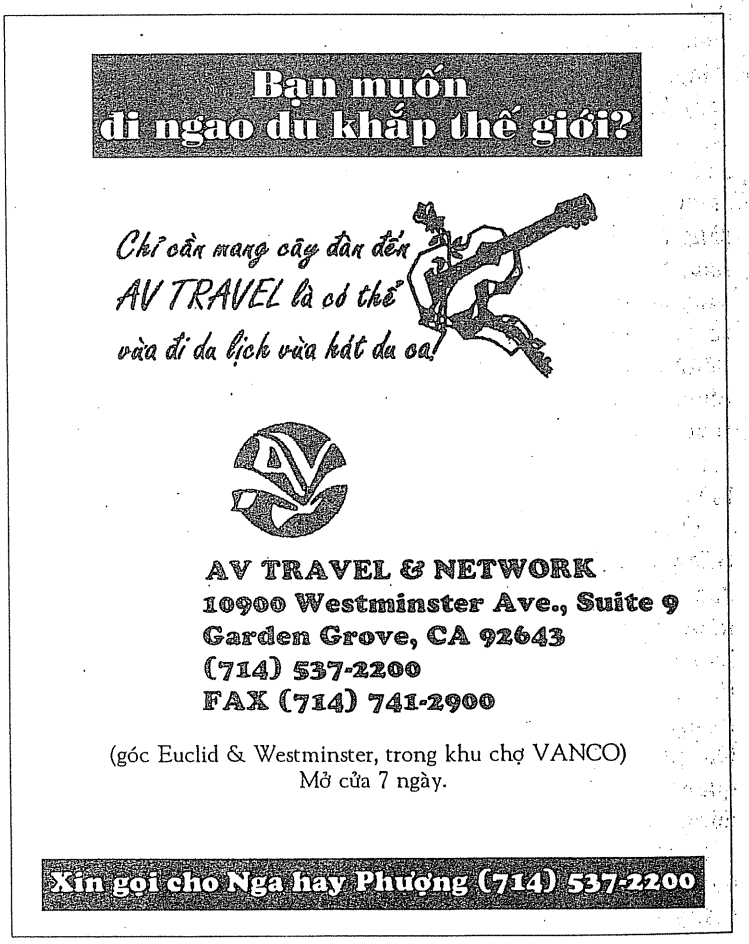

CHUYỆN SỐNG CHẾT

CHÂN HUYỀN

Khi anh Trần Đại Lộc lìa đời vào đêm 30/9/97, do sự may mắn tình cờ hay do sự sắp đặt siêu nhiên nào đó, hai đại đức Thích Pháp Ấn và Pháp Ứng thuộc phái đoàn tăng ni Làng Mai đã tới được ngay bên tử sàng để cầu nguyện cho anh theo nghi thức Phật giáo với những bài kinh mà anh Lộc thường đọc tụng, đúng như ý nguyện của gia đình anh.

Khi hai đại đức vào tới nhà thương, anh Lộc đã ngừng thở hơn hai tiếng đồng hồ nhưng trán còn hơi ấm. Miệng anh há lớn, như mấy ngày chót anh vẫn phải há ra để thở. Chị ruột và anh rể của anh từ Pháp qua, khi từ phi trường về tới nhà thương mới hay anh đã mất, không thể kìm được tiếng la khóc. Bạn bè tới chật phòng, mặt ai cũng đanh lại trong niềm khổ đau mất mát lớn lao. Nhưng rồi mọi người ráng nén khóc để ngồi thiền dưới đất, quanh giường anh, với những lời hướng dẫn của thầy Pháp Ấn về Thân, Tâm, Sinh-Tử. Sau đó, chúng tôi được nghe giảng rồi tụng kinh, niệm chú trong hơn ba tiếng đồng hồ. Đại Đức Pháp Ấn nói về những nguyên nhân của khổ đau khi mất người thân và đưa ra những đề nghị để chúng tôi thực tập cho đỡ khổ. Thầy giảng giải:

- Khi có người chết trong gia đình, chúng ta tưởng rằng mình vĩnh viễn mất đi con người đó nên chúng ta đau buồn, khổ não. Nhưng nếu nhìn sự vật cho sâu sắc, theo tinh thần Bát Nhã, thì chúng ta thấy mình vẫn có thể tiếp xúc với người đó dưới những hình thái khác. Những tinh anh, những đức tính cao cả của người ấy không bao giờ biến mất nếu ta thật tình muốn lưu giữ chúng lại. Không phải chết là hết! Một phần của anh Lộc vẫn hiện diện, vẫn có mặt trong người thân của anh. Những tác phẩm nghệ thuật hay những sinh hoạt anh đã góp sức xây dựng sẽ còn lại, tuy chúng sẽ biến thiên liên tục với thời gian.

- Người thân chết đi khiến chúng ta thất vọng và khổ đau vì nghĩ mình không còn làm gì để giúp đỡ được họ nữa. Hoặc chúng ta ân hận trong quá khứ đã cư xử không hết lòng, đôi khi tệ bạc... Nhưng khi chúng ta thực tập chánh niệm để sống tươi mát trong hiện tại, là chúng ta có thể chuyển hóa được những gì đáng tiếc đã xảy ra. Khi sống tỉnh thức và biết cầu nguyện với tấm lòng thành, chúng ta có thể tự chuyển hóa và phụ giúp cho người thân của mình nhẹ bớt những lầm lỗi đã gây trong quá khứ, thêm phước duyên cho kiếp sau.

- Khi chúng ta đau khổ, ta sản xuất ra khá nhiều năng lượng. Nếu biết trở về với hơi thở, với thân tâm mình, ta sẽ có sáng suốt để dùng thứ năng lượng đó vào những việc có ích như chăm sóc nhà cửa, con cái, làm việc thiện, tiếp nối những ước nguyện đẹp đẽ của người chết... chứ không bị chìm đắm hoàn toàn vào nỗi thương tâm tiếc nuối.

- Khi có bà con bè bạn tới thăm viếng, nhiều khi gia đình người chết lại bị tâm thức cộng đồng lôi kéo trở lại vào vòng buồn khổ, mất chánh niệm. Chúng ta nên cổ động để những vị này tới dự các buổi ngồi thiền, tụng kinh thay vì chỉ tới thương khóc, để cho sự khổ đau biến thành năng lượng tích cực hơn. Người nào yếu nhất trong gia đình cần tránh không nghe điện thoại hay tiếp xúc nhiều với bè bạn trong một thời gian để có thể thực tập chánh niệm, giữ được tâm bình an.

Cuối buổi lễ, hai Đại Đức yêu cầu tất cả thân nhân đứng vòng quanh giường, giữ chánh niệm và chú tâm nhìn vào anh Lộc để đọc ba lần bài Trì Tụng sau đây:

Thân này không phải là tôi
Tôi không kẹt vào nơi thân ấy
Tôi là sự sống thênh thang
Tôi chưa bao giờ từng sinh mà cũng chưa bao giờ từng diệt

Này kia biển rộng trời cao
Muôn vàn tinh tú lao xao
Tất cả đều biểu hiện tôi từ nguồn linh tâm thức
Tự muôn đời tôi vẫn tự do
Tử sinh là cửa ngõ ra vào
Tử sinh là trò chơi cút bắt
Hãy cười cùng tôi
Hãy nắm tay tôi
Hãy vẫy tay chào để rồi tức thì gặp lại
Gặp lại hôm nay
Gặp lại ngày mai
Chúng ta đang gặp nhau nơi suối nguồn
Chúng ta sẽ gặp lại nhau từng phút giây trên muôn ngàn nẻo sống

Sau khi đọc tụng bài trì tụng này ba lần với tất cả sự chú tâm và thành khẩn, chúng tôi tụng bài Quay Về Nương Tựa và Hồi Hướng. Khi kết thúc, mọi người nhìn anh Lộc thì lạ thay: miệng anh đã tự khép lại, chỉ hơi hé mở, lộ hàng răng cửa như đang cười. Nét mặt anh buông thư thoải mái và tươi mát khiến cho bà chị anh thốt lên: "Em tôi đâu có chết, coi như cậu ta đang cười kìa." Chị vuốt mắt cho em, và anh Lộc nhắm lại, mặt tươi nhuận như đang ngủ với giấc mơ thật đẹp. Mọi người đều vui mừng nhận ra sự thay đổi kỳ diệu trên khuôn mặt anh, đang từ đau khổ trở nên bình an, thoải mái. Hai tăng sĩ và chúng tôi trao đổi với nhau những lời nói lạc quan, tích cực về cái chết, dù ai cũng ý thức rất rõ là anh Lộc đang nằm chết trên giường. Chúng tôi cảm thấy như thần thức của anh cũng đang hiện diện, vui vẻ tham dự câu chuyện cùng chúng tôi. Người Phật tử tin rằng chuyện Sống-Chết chỉ là sự chuyển hóa tất yếu của mỗi sinh mạng: có đủ Duyên thì hợp, hết Duyên thì tan. Anh Lộc vẫn đang sống ngay trong thân tâm vợ con, anh chị em và bè bạn, trong dòng sinh mệnh bất tuyệt của tất cả chúng sinh.

Anh Đỗ Ngọc Yến từ ngoài phòng bước vô thấy mọi người cười nói, đã nhận xét :"Lạ quá, sao quý Thầy có thể chuyển đổi ngay được bầu không khí thê lương lúc nãy thành ra bầu không khí nhẹ nhàng thanh thản như vầy?..." Hai cô Tuyết Minh và Thiên Hương, những người em nuôi thân thương của anh Lộc vừa mới hát và ghi âm hai bản nhạc của ông anh buổi tối đó, liền đem băng ra phát thanh cho Lộc nghe. Chúng tôi đều nghĩ anh Lộc đang vui cười thưởng thức giọng ca của hai cô em quý ngay trong căn phòng, anh ta chỉ đang ở một bình diện khác mà chúng tôi không thể tiếp xúc trực tiếp được mà thôi.

Gần năm giờ sáng, khi mọi người chia tay ra về hết, chị Lộc và một người bạn thân đã nằm nghỉ ngay trên giường kế bên anh Lộc mà không sợ hãi hay phân biệt tử sinh. Sáu giờ sáng, nhà đòn mới tới mang xác anh về quàn. Lúc đó chúng tôi mới biết tại xứ Hoa Kỳ này, khi có lời yêu cầu của thân nhân thì bệnh viện hay Hospice Ward thường để người chết nằm yên trên giường trong thời gian cần thiết cho các lễ nghi tôn giáo. Để bao lâu tùy thân nhân người chết. Họ cũng cẩn thận đổi người bệnh cùng phòng qua nơi khác trước đó để thân nhân có thể tới cầu siêu ngay trong phòng. Bà y tá trực đêm đó tỏ ra rất dễ thương và nhẹ nhàng, tế nhị, thật đáng quý.

Theo cuốn Tử Thư Tây Tạng, tốt nhất là chúng ta không nên di chuyển thân thể người mới lâm chung trước khi làm xong lễ cầu nguyện và triệu thỉnh chư Phật cùng Bồ Tát tới độ cho họ. Và chúng ta nên tới bên cạnh người chết để làm lễ. Trường hợp không thể làm như vậy được (vì ở xa hay vì chết bất ngờ), thì chúng ta hãy tưởng tượng trong tâm ta hình ảnh và nơi chốn, ngày giờ người thân mới chết rồi tụng niệm cho họ. "Nếu bạn cầu nguyện cho họ với tình yêu và lòng chân thành, thì sự cầu nguyện sẽ có hiệu lực đặc biệt." Tùy theo tôn giáo, chúng ta có thể dùng những câu kinh hay thần chú khác nhau để cầu nguyện cho hương linh người chết. Tốt nhất là nên cầu nguyện bằng những bài kinh mà người chết đã quen nghe, quen tụng. Trong suốt 49 ngày, tâm thức người chết sẽ trải qua thời gian Trung Ấm - chờ tái sanh - nên rất cần sự trợ giúp tích cực của người thân. Cũng theo sách kể trên, "mỗi tuần một lần, tâm thức người chết sống trở lại cái kinh nghiệm chết vào đúng ngày hôm ấy" - tuy ta nên tụng niệm cho họ mỗi ngày trong suốt 49 ngày, nhưng đặc biệt phải nên làm vào đúng những ngày tuần. Do tin tưởng này, chúng ta có lễ Cúng Thất (tụng niệm mỗi tuần trong suốt bảy tuần). Vì lý do thân nhân bận học hành hay làm việc, các cơ sở tôn giáo chỉ cúng thất vào mỗi chủ nhật, nhưng gia đình người chết nên tụng niệm tại nhà vào đúng ngày tuần thì có hiệu lực hơn.

Cũng theo sách đã dẫn, khi chết, tâm thức con người rất nhạy cảm, bén nhạy gấp mấy lần khi còn sống, vì lúc đó thân tâm họ phải trải qua giai đoạn phân tán toàn thể các kết hợp của ngũ uẩn. Vì vậy khi hấp hối hay lúc mới

chết, theo Tử Thư Tây Tạng, "tiếng khóc than hay tâm thức đau khổ, níu kéo của thân nhân sẽ làm cho người chết đau đớn như bị mưa đá." Theo tập tục xưa, trong những gia đình theo đạo Phật, ông bà cha mẹ cũng thường ngăn cản con cháu, không cho ai ôm lấy người chết mà khóc hay rỏ nước mắt vào họ. Đối với người hiểu đạo Phật: Sống Chết, Sinh Tử chỉ là sự chuyển hóa. Điều quan trọng nhất là thân nhân biết giữ Chánh Niệm để tạo bầu không khí thanh tịnh, bình an, giúp cho thần thức của người chết dễ siêu thoát, không bị vướng vào những khổ lụy thường tình. Gia đình nào có sự tranh chấp về quyền lợi hay tiền bạc của cải, thì cả người sống lẫn người chết đều sẽ đau khổ nhiều vì tạo thêm nghiệp xấu vào thời điểm quan trọng ấy! Khi được hướng dẫn, thời gian ma chay 49 ngày chính là cơ hội cuối cùng để cho người chết chuyển được các nghiệp dĩ bất thiện, siêu sinh về tịnh độ. Đó cũng là cơ hội tốt cho gia đình người đó hiểu đạo và sống hướng thiện, hạnh phúc hơn.

THÁI THỤY VY

CHỚM THU

Dường như phố xá trở buồn
Trong không gian bỗng chớm luồng hơi thu
Chiều buông vạt mỏng sương mù
Ôm vai nghe ngọt lời ru âm hồn
Gió mơn man rót nụ hôn
Bàn tay che ngực em ôm u hoài
Cõi hồn nhạt nắng chiều phai
Mỗi lần thu đến gay gay tình buồn
Vào thu lá trở tơ buông
Nghe se da thịt một luồng tâm tư.

Buổi tối ngày 30/9 đó, khi anh Lộc ra đi, vợ con anh và đa số bạn thân, em nuôi của Lộc vắng mặt, trừ các chị Kim Dung, anh chị Lý Đại Nguyên/Mai Tuyết An và anh chị Vĩnh-Hà cùng một nhóm bạn Công giáo thuộc nhóm Thánh Linh. Khi thấy anh thở hắt ra, chị An vốn có kinh nghiệm cận tử nhiều lần, đã cùng chị Dung âm thầm tụng kinh cầu siêu cho anh trong khi các bạn theo đạo Thiên Chúa đang hát thánh ca cho anh nghe. Hình như anh Lộc đã chọn đúng lúc gia đình vắng mặt và có tiếng hát đó để ra đi cho đỡ vướng mắc, để cho vợ con đỡ khổ. Theo các bạn Thiên Chúa giáo, chỉ có những người có ơn phước lớn như các tu sĩ mới được nghe hát thánh ca lúc lâm chung, người thường ít khi có cái may mắn đặc biệt như anh Lộc. Đây là nhóm bạn đạo Chúa thứ hai tới thăm và tự ý làm lễ rửa tội, đặt tên thánh (thứ hai) cho anh Lộc, dù anh đã mê man từ mấy bữa rồi - Tuy biết gia đình và chính anh là Phật Tử và anh Lộc đang thực hành thiền tập rất chuyên cần, nhóm bạn kể trên cũng như nhóm trước đã vượt qua nghi thức, "chắc cũng chỉ vì lòng thương mến quá mức của họ đối với anh Lộc mà thôi." Chị Lộc ráng giải thích cho những Phật Tử khác để họ "hiểu và thương" được những hành động này. Chị quả xứng đáng là người nối tiếp tinh thần cởi mở và Vô chấp của chồng.

Trong suốt thời gian anh Lộc nằm nhà thương, chị Lộc cũng đã theo phương pháp Chuyển Di Tâm Thức "Phowa" của Phật Giáo Tây Tạng để triệu thỉnh năng lượng của Bồ Tát Quan Thế Âm tới hóa giải đi những đau đớn, phiền não trong chị và trong anh. Thay vì ngồi đó khóc lóc lo âu, chị chuyên cần thực tập theo lời giảng dạy của Đại Sư Sogyal Rinpoche trong cuốn Tạng Thư Sống Chết (trang 247 tới 251 - sách do cô Trí Hải dịch, nhà Thanh Văn xuất bản). Phương pháp này dạy chúng ta triệu thỉnh các biểu tượng của chân lý và từ bi (hình ảnh Phật) dưới dạng ánh sáng. Chúng ta chỉ cần làm tràn ngập tim mình với hiện diện của Phật và tin rằng Phật đang ở đấy. Sau đó chúng ta cầu nguyện để được tịnh hóa những ác nghiệp, phiền não và tâm thức được an bình để rồi chúng ta (hay người bệnh) cũng nhập được vào nguồn sáng ân sủng kể trên.

Khi anh đã ngủ sâu vì thuốc giảm đau, chị Lộc cũng vẫn tìm cách "nói chuyện" với anh để anh hiểu là chị có đủ khả năng đứng vững và lo cho các con, để anh yên tâm dưỡng bệnh. Chị luôn luôn quán tưởng hình ảnh đức Quan Âm như một vùng ánh sáng tỏa trên đầu anh, rải trên người anh để tịnh hóa thân thể cho anh. Rồi quán tưởng anh Lộc cũng tan ra thành một nguồn sáng hòa nhập vào vùng ánh sáng đó. Chị theo sách chỉ dẫn mà nguyện: "Tâm con và tâm Phật là một - Tâm Phật và

tâm anh Lộc là một." Lời khấn lễ theo truyền thống Việt Nam xa xưa cũng đã diễn giải điều tin tưởng này: "Năng lễ sở lễ tánh không tịch - Cảm ứng đạo giao nan tư nghì" - nghĩa là "Người được lễ (Phật) và người lễ (chúng sinh) có cùng một thể tánh giống nhau - Chuyện tương ứng không thể nghĩ bàn được."

Một ngày trước khi anh Lộc từ trần, sư cô Chân Không, cô Thắng Nghiêm và thầy Pháp Dụng, Pháp Ứng trong phái đoàn tăng ni Làng Mai, do những nhân duyên đặc biệt, đã tới bên giường anh cầu nguyện và cũng triệu thỉnh năng lượng đại từ đại bi của Đức Quan Âm về độ cho anh. Trong khi "nói chuyện " cùng anh Lộc, sư cô nhắc tới những thành quả tốt đẹp anh đã góp phần trong việc xây dựng nhiều lớp đàn em — góp sức vào các công tác cứu giúp nơi quê nghèo lũ lụt đói kém thời xa xưa. Cô cũng an ủi, khuyến khích anh làm hòa với những đớn đau trong cơ thể, hóa giải mọi khúc mắc của tâm thức để có thể nằm buông thư toàn thân, an nghỉ trong niềm an lạc tự tâm. Các vị tăng ni cũng thỉnh cầu tới sự hỗ trợ của năng lực Quan Âm ngay trong tâm thức của vợ con, bè bạn và trong chính tâm anh Lộc. Sau buổi cầu an này, anh Lộc đã ngủ êm cho tới khi nhắm mắt, không còn trăn trở vì đau đớn như những đêm trước. Gia đình anh cũng cảm thấy nhẹ nhàng và bình tâm hơn nhiều.

Trong ba ngày, tang lễ anh đã diễn ra trong bầu không khí thanh tịnh, trang nghiêm. Hàng trăm người bạn — nhiều người từ miền Bắc xa xôi bay về — tiễn đưa anh trong im lặng, với niềm thương cảm luyến tiếc sâu xa. Đó là những người mới quen hay đã từng sinh hoạt với anh mấy chục năm qua, những anh em chí thiết của anh trong Chương Trình Công Tác Hè 65, Phong Trào Học Đường Phục Vụ Xã Hội, Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Học Đường, các giáo sư Khải Đạo, ủy ban Xây Đời Mới, Thanh Ca Tác Động, Du Ca, Hội Ca Cầm..... Họ chỉ bật khóc nức nở khi cùng đứng quanh ngôi mộ anh để hát bài chia tay — như bao lần trước đây đã cùng anh hát, sau những kỳ trại công tác chung:

Rời tay phút chia ly
Bạn ơi vui ra đi
Bạn hỡi, vui đi
Gian khó ta không nề
Luôn nhớ nhau trong đời
Từ nay, cách xa...

Tìm đọc
CÔNG LÝ ĐỜI HỎI
NGUYỄN MINH CẦN
Hồi ức và nhận định chính trị của một tác giả
* là cựu đảng viên đảng Cộng Sản Đông Dương
* đã thoát ly khỏi đảng CS và tị nạn chính trị tại Liên Xô từ 1964
* đã tham gia phong trào dân chủ lật đổ bạo quyền tại Nga
* tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam

Đặt mua tại
Báo Thế Kỷ 21, 11022 Acacia Parkway # A, Garden Grove, CA 92840, USA.
Tel: (714) 638-9510.
Fax: (714) 638-1944
Giá: 18 Mỹ Kim trong nước Mỹ, 20 MK ngoài nước Mỹ (kể cả cước phí)

PHẠM QUỲNH
HÀNH TRÌNH NHẬT KÝ
* 15 ngày ở Huế
* một tháng ở Nam Kỳ
* 30 ngày ở Pháp
Ý VIỆT (Pháp) xuất bản
VĂN NGHỆ phát hành

BÙI GIÁNG
*** Đi Vào Cõi Thơ.**
Cuốn 1
*** Thi Ca Tư Tưởng.**
Cuốn 2
An Tiêm (Pháp) xuất bản
Văn Nghệ phát hành

NIỀM HY VỌNG SAU CÙNG

LÊ MINH VĂN

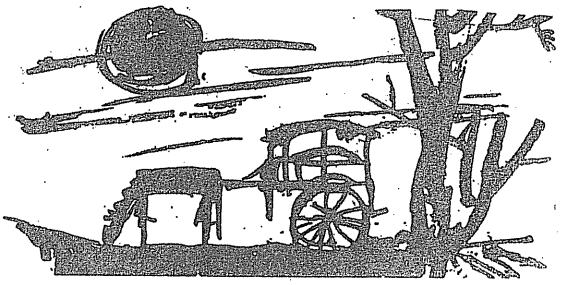

Gần đến quảng trường République, tôi chợt nhận ra sự tập hợp của những công nhân. Lại có một cuộc biểu tình nữa ngày hôm nay. Người lố nhố, quảng trường bị cô lập bởi những hàng rào cản. Xe cộ, cờ xí, biểu ngữ đang được chuẩn bị cho cuộc thịnh diễn lớn xế trưa nay. Đã từ nhiều ngày liên tiếp, đường phố Paris sôi sục với hàng trăm ngàn công chức, thuộc các công đoàn lớn của Pháp xuống đường biểu lộ cơn thịnh nộ đối với chính phủ của họ.

Người dân Paris dù phải co ro cuốc bộ trên các vỉa hè dưới làn mưa tuyết, hoặc phải chịu nghẽn xe hàng giờ trên các trục lộ đông nghịt vẫn biểu đồng tình với những đòi hỏi quyền lợi của giới công bộc. Ở những nước có truyền thống dân chủ lâu đời như Pháp, những yêu sách công đoàn thể hiện qua các cuộc đình công biểu tình là chuyện thường như cơm bữa. Quyền lợi của con người, hoặc cá nhân hoặc thuộc một sắc thái lao động, luôn được khai thác triệt để phục vụ lợi ích của những khuynh hướng chính trị. Dù mục tiêu tranh đấu của họ sai hay đúng, những thiệt hại công ích xã hội thường được tha thứ một cách rộng rãi bởi tinh thần đa nguyên mà hầu như mọi người Pháp đã hấp thụ từ nền dân chủ xã hội lâu đời.

Một bàn tay đặt lên vai anh từ phía sau. Thì ra Hóa:

"Bonjour! Giáo sư mà cũng cuốc bộ à..."

Hóa toét miệng cười:

"Giáo sư hay trưởng phòng hoặc viện trưởng thì cũng như nhau thôi. Thế anh không thấy cuốc bộ còn nhanh hơn đi xe bốn bánh?"

"Nhưng ít ra trên xe hơi anh còn thoải mái. Được ngồi, được sưởi ấm, có nhạc để nghe. Chứ đi bộ hàng giờ như thế này thật ngán ngẩm, đôi bàn chân hầu như tê dại."

"Nhưng tôi lại thích chọn sự thoải mái. Thà mỏi chân nhưng đầu óc anh khỏi mệt trong tình trạng thần kinh căng thẳng."

Hóa dừng lại, đề nghị tôi vào một quán cà phê nghỉ chân. Tôi bảo anh chờ vài phút để liên lạc vào sở. Denis trả lời tôi, nó cũng vừa đến không lâu. Tôi dặn người đồng sự cứ giải quyết những công việc thường lệ. Tôi còn ở ngoài đường sẽ vào sau. Chúng tôi tấp vào một tiệm brasserie trong lối đi nhỏ, khuất, yên tĩnh. Rất đông người ghé vào nghỉ chân, sưởi ấm, trao đổi tin tức ở quầy. Hai đứa tôi kiếm chiếc bàn nhỏ trong góc. Hóa gọi cho tôi một cái demi — bia bốc — và ricard cho anh. Bên ly rượu mùi Hóa linh động trở lại. Đôi mắt anh sáng ra nhưng cũng xa xăm hơn. Tôi nhìn quanh. Mọi người đều có dáng mệt mỏi vì họ

phải đi bộ đến sở với mọi giá trong thời buổi công việc làm khó khăn. Những tay ăn không ngồi rồi mượn quán cà phê tụ tập tán dóc vắng bóng. Hóa đang chìm trong suy nghĩ. Tôi đánh thức anh:

"Anh từ Champs vào Paris bằng phương tiện gì?"

"Không, tôi bỏ Champs dời về Porte de Pantin từ ít lâu nay."

Tôi thân mật:

"Các cháu lớn cả, ra riêng nên ông bà thiên cư về gần Paris hú hí chứ gì?"

Hóa nhìn thẳng mắt tôi, xa vắng:

"Không Phan à. Thế anh không biết tụi này đã xa nhau? Khoảng nửa năm nay tôi thuê căn phòng trọ ở Patin."

Tôi biết đã có một biến cố gia đình. Tốt hơn nên im lặng cho những nỗi niềm của Hóa có dịp giải tỏa.

Có những dòng sông ngỡ bình lặng nhưng phải trải lắm thác ghềnh. Cuộc đời Hóa cũng thế. Người sinh viên ấy đã bỏ đất nước đến Pháp du học từ những năm sáu mươi, đã nhập tịch, đã đỗ đạt, đã có một địa vị vững chắc. Anh đã lập gia đình với một người đàn bà Pháp, có hai đứa con gái cũng đã đỗ đạt hoặc sắp chấm dứt các chương trình đại học. Ở tuổi ngoài năm mươi người ta không còn nhiều cao vọng nữa khi mọi mơ ước bình thường của xã hội văn minh tiêu thụ hầu như đã có hết trong tay. Hóa đã sống những ngày Paris khá bình lặng với chiếc ghế giảng sư đại học, yên ấm với ngôi nhà khang trang yên tĩnh vùng ngoại ô đã trả hết những khoản tín dụng từ lâu. Christine luôn dịu dàng bên cạnh cuộc đời anh. Bạn học trong những năm đầu đời đến Paris, hai con người từ chân trời góc biển đã yêu nhau và quyết định lấy nhau. Tình yêu của họ đẹp kiểu Đông Phương, hệt như nàng quay tơ dệt mộng đỗ đạt cho chàng có ngày vinh qui. Christine đã bỏ học sớm tìm công việc làm cho chồng rảnh tay trong những năm cuối chương trình đại học, để rồi sau khi Hóa thành đạt, nàng lui về nội trợ, lo việc gia đình. Hóa rất bằng lòng với cuộc sống đó. Anh yêu cái xã hội đã dung nạp, dạy dỗ anh, đã cho anh cơ hội tiến thân, dành cho anh một chỗ đứng, mang lại cho gia đình anh hạnh phúc. Đặc biệt anh biết ơn Christine đã sinh cho anh hai đứa con gái thông minh và xinh đẹp. Chung quanh anh mọi sự diễn tiến tốt đẹp đến khó tin. Nhờ tình yêu, anh đã thực hiện được tất cả những mơ ước vinh hoa đời mình. Nó là chiếc đũa thần đã hóa thân anh, biến anh thành một người Pháp trí thức trung lưu. Trong công việc anh ít có dịp tiếp xúc với người đồng hương đã đành, nhưng cả lãnh vực giao tiếp thân hữu anh cũng dành hết cho những người thân yêu gần gũi với Christine. Chỉ có cái tên cúng cơm cha mẹ đặt cho là không thay đổi. Anh vẫn trân trọng nó như những tình cảm thâm sâu nhất trong đáy lòng dành cho một giòng họ nề nếp từ đó anh xuất thân. Từ lâu anh đã bị thực tế cuộc sống tách ra như một kẻ bàng quan với quê hương, vì những biến thiên lịch sử tác động khủng khiếp trên dân tộc ấy chẳng hề liên hệ, ảnh hưởng gì đến đời sống của anh cả. Trong giao thiệp hàng ngày Đỗ Văn Hóa cũng đã trở thành Monsieur Dovan vì dễ đọc hơn, lại có cái âm hưởng Tây phương. Christine cũng bớt khó chịu khi người đồng hương ngọng nghịu gọi nàng là Madame Đỗ Văn. Các con gái anh không quá thẹn thùng với bạn bè vì cái tên họ xa lạ. Alexandra Dovan hoặc Laétitia Dovan nghe êm ái hơn. Nói chung, Hóa đã cố gắng tất cả những gì anh có thể làm được để có một cuộc sống bình thường như mọi người, và đã chấp nhận mất mát đến một mức độ có thể chấp nhận được để khỏi phải hổ thẹn là một con người Việt Nam mất gốc, dù cố gắng đó chỉ còn mong manh nơi một cái tên đã biến dạng.

Cái êm xuôi của cuộc sống ru anh ngủ trong tháp ngà của mình. Anh mất hết ý niệm về tổ quốc mẹ, về quê hương sinh đẻ. Thỉnh thoảng những cơn mơ hiếm hoi của tiềm thức cũng đưa anh trở lại với những kỷ niệm ấu thời chỉ còn giữ lại rất mờ nhạt của thị trấn An Lộc, nơi giòng họ anh đã đến lập nghiệp trong những nhóm di dân đầu tiên, đã xây dựng được cơ ngơi và uy tín. Quê hương ấy đã bị xóa sạch bởi thảm kịch mùa hè 72. Ngôi nhà sinh đẻ đã đổ nát với số phận của thị trấn trong cuộc tổng công kích. Cha mẹ và đứa em gái của anh bị chôn vùi trong đó. Anh đã trở lại quê hương để thắp một nén nhang tưởng niệm trên mộ phần những người thân yêu. Sự tan vỡ của cõi lòng anh lớn hơn nhiều những tình cảm mà anh còn giữ được. Ở tuổi hai mươi bảy anh trở thành một kẻ côi cút, bị quê hương ruồng bỏ. Anh để lại cho cô dượng một món tiền kha khá nhờ chăm sóc mộ phần gia đình, tế tự rồi bỏ đi ngay sau đó với ý nghĩ sẽ chẳng bao giờ còn trở lại nữa. Anh quyết định gây dựng một giòng họ Đỗ khác trên đất nước Pháp hòa bình. Hai đứa con gái mang lại cho

anh một tình thương lớn có khả năng khỏa lấp cái khoảng trống ghê gớm đó trong lòng, và một ý nghĩa khác về cuộc sống. Anh bù đầu vào công việc, vì tiền bạc vẫn được xem là cội nguồn của mọi điều hạnh phúc ở xã hội tiêu thụ. Tốt hơn nên sống cho những gì đang có, anh nghĩ, Hóa tìm cách lảng tránh những kỷ niệm về quê hương chỉ gợi lại những đau đớn vô ích.

Nhưng thật sự cố gắng ấy chỉ gạt gẫm anh. Cuộc gặp gỡ một người đồng hương rất tình cờ vào dịp hè trên bờ biển Côte d'Azur đã làm thay đổi hẳn đời anh. Một người đàn ông khoảng bốn mươi dáng tầm thước, chừng mực, chững chạc ngồi trầm mặc bên ly bia trong góc quán bỗng gợi nơi anh một chút tò mò. Lần đầu tiên anh có ý nghĩ làm quen với một người Á Châu. Đó là một người Việt Nam tị nạn, đến Pháp không lâu; nhưng thiện chí và lòng can đảm đã giúp ông ta học hỏi, thành đạt, từng bước tiến thân. Những cảm tình về dóc dáng, cung cách của người đối thoại đã khơi một nguồn cảm hứng mới và rất bất chợt về việc tìm hiểu quê hương. Câu chuyện trở nên thú vị, sinh động hơn vì người trung niên ấy đã đem lại cho anh những hiểu biết rất mới về thực tế mở cửa của Việt Nam qua đổi mới. Anh đã có dịp để nói lại tiếng mẹ đẻ. Anh chợt khám phá ở đó một âm hưởng ấm áp, thân thuộc. Anh thích thú nghe kể về Sài Gòn và tâm thức con người Việt Nam bây giờ với những phân tích sâu sắc, xác thực vì người kể chuyện mới thực hiện một chuyến về thăm quê hương nhân một hợp đồng thương mại của hãng ở đó. Những tình cảm của anh đã sống lại trên những kỷ niệm còn tươi mát về mái trường Petrus Ký, và năm dự bị dở dang ở trường Đại học Khoa học trước khi rời đất nước qua Pháp du học. Hàng cây xanh lá của đại lộ Cộng Hòa đã là ước vọng của một Đỗ Văn Hóa niên thiếu; và bây giờ khi muốn tìm về, nó đã trở thành điểm chuẩn cho những kỷ niệm đã có ở quê nhà.

Tối hôm đó anh đã thao thức, đã nói chuyện với Christine về quê hương. Nàng thông cảm và đồng ý với anh một chuyến về thăm Việt Nam. Hai vợ chồng ước định vào dịp hè sau khi Laétitia đã lấy xong mảnh bằng DESS (văn bằng cao học chuyên ngành). Nhưng chẳng may Laétitia thiếu điểm một môn học phải thi lại sau hè. Thấy con gái buồn, Christine đổi ý ở lại để Hóa đi một mình. Những ngày ở Việt Nam đã thay đổi hẳn con người anh. Hóa đã tìm lại được quê hương và tình cảm gia đình nơi mái nhà ấm cúng của cô dượng.

Những đứa em họ cũng mang những suy nghĩ như người trung niên đã gặp ở Côte d'-Azur, giúp anh khám phá bao nhiêu điều chưa hề biết về đất nước, về dân tộc, về con người Việt Nam và những khát vọng thầm kín của nó. Lần trở lại quê hương này cũng xui anh gặp gỡ một người đàn bà trẻ có học tên Phương, vợ góa một sĩ quan cũ đã trải qua nhiều năm cải tạo và đã kết thúc cuộc đời gian truân của mình trong lòng biển trên đường tìm tự do. Người đàn bà ấy đã làm thức dậy trong anh những hình ảnh vô cùng dịu dàng của người mẹ. Gợi lại cho anh một quê hương ngỡ đã cháy tàn trong khói lửa, những cánh rừng xanh ám khói, những dòng sông mờ hơi sương, đẫm nước mắt. Tất cả thể hiện hết trên khuôn mặt buồn lặng lẽ, u uất của Phương đã làm anh thương cảm, rung động.

Anh mang tâm trạng đó trở lại Paris. Anh thất thần hệt như một kẻ tình si bỏ lại linh hồn mình ở đâu đó. Tệ hơn nữa anh chợt thấy Christine xa lạ. Những tận tụy, chăm sóc của nàng càng làm anh khốn khổ hơn trong trạng thái phân thân. Lần đầu tiên sau hơn hai mươi lăm năm chung sống, một khoảng cách đã xuất hiện. Anh cảm nhận một điều không mong đợi có thể đến. Hóa cứ chới với giữa thực và mộng, giữa những khoảng trống không lấp được, giữa những tương quan tình cảm chòng chéo. Christine cảm nhận được hạnh phúc của nàng đang bị đe dọa, nhưng không biết làm sao để cứu vãn. Nàng chẳng hiểu gì hết về những gì đã xảy ra cho chồng nơi quê hương xa lạ đó. Nàng cũng chẳng hiểu gì hết về tâm tư của người bạn đời chưa bao giờ lại phức tạp như thế. Nỗi khổ tâm của nàng trở thành sâu sắc hơn. Yêu và quyết định lấy Hóa, nàng đã phải chịu nhiều mất mát riêng tư trong tình cảm gia đình mình. Miệt Var quê hương nàng vốn là vùng đất mang nhiều sắc thái đặc thù Pháp vẫn có một phong thái khép kín bảo thủ trong cái nhìn về bên ngoài, với những người ngoại quốc. Hóa đã được tiếp nhận vào cái gia đình trung lưu trưởng giả ấy không mấy vồn vã. Christine bất chấp điều đó. Nàng chỉ cần sống cho tình yêu của mình, với tổ ấm mà mình đã xây dựng được. Khoảng cách vẫn hiện diện đó bỗng dưng lại bị khoét rộng ra thêm từ phía khác. Hóa đổi thay cũng có nghĩa là sức chống đỡ của cặp vợ chồng dị chủng với

những khó khăn về khác biệt văn hóa đã yếu đi.

Nàng đã ban cho kẻ mất quê hương một nơi trú ẩn an toàn, một tổ quốc khác thay thế cho tổ quốc đã chết đi trong lòng Hóa. Anh trở thành người Pháp không phải chỉ bởi giấy tờ nhập tịch, tấm thẻ căn cước, mà trước hết, ở sự chấp nhận của Christine. Nàng đã làm cho anh cảm thấy nước Pháp dịu dàng, nhân ái, nước Pháp thân quen thể hiện trên khuôn mặt của Christine cận kề trong giấc ngủ, trong những lúc âu yếm, trong tiềm thức, trong những ước vọng chung nhằm chia xẻ cuộc sống. Nhưng cũng một con người ấy mà Hóa bỗng thấy ra khác trong những liên hệ bị xáo trộn bởi một khuôn mặt lạ đã gặp nơi quê hương. Có lúc anh đã tra vấn lương tri mình về tình nghĩa sâu đậm của Christine. Anh không hiểu mình nữa, thấy con người mình đã trở thành phức tạp. Monsieur Dovan chững chạc phong độ trên bục giảng, chừng mực và vững chắc trong cuộc sống bỗng trở thành phân vân nghi ngờ về chính mình, không biết mình muốn gì. Từ một cuộc hành hương về quá khứ ông ta bỗng thấy mình yếu mềm trước những rung động thầm kín của một con tim thức dậy từ những mạch nguồn vẫn luân lưu trong dòng máu. Hình ảnh của Phương cứ đến với anh trong giấc ngủ trăn trở bên cạnh người vợ hiền dịu tóc vàng sợi nhỏ. Christine biết rõ một người đàn bà xa lạ đã chen vào giữa cuộc sống lứa đôi của nàng. Để trắc nghiệm nỗi ngờ vực đau khổ đó, Christine đề nghị Hóa trở về quê hương thêm một chuyến nhằm dứt khoát lòng mình.

CAO TIÊU

THU CẢM

Diệp lạc cảm tri thu
Nhật tà sương lãnh thu
Tàn liên bi cửu hạ
Vãn cúc thán trường thu
Ly quốc thiêm sầu tửu
Tha hương thường tưởng thu
Thiên nhai thôi bạch phát
Viên tịnh nguyệt sơ thu.

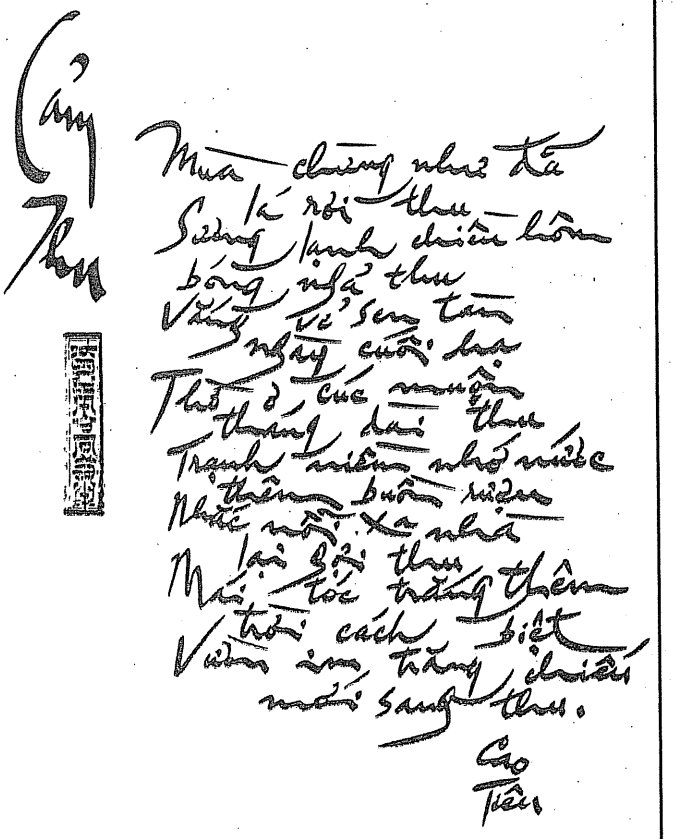

Dịp đó đến với một phái đoàn trao đổi văn hóa Việt Nam. Hóa nằn nì Christine đi cùng vì anh không tin tưởng lắm về nghị lực của chính mình, nhưng nàng dứt khoát từ chối với lý do giản dị không thấy thích thú gì nữa trong việc khám phá một đất nước liên hệ với nàng qua một sợi dây vô hình đã trở thành mong manh. Anh gặp lại Phương, và lần này liên hệ của họ củng cố thêm một địa hạt khác quan trọng hơn là vấn đề văn hóa. Trong cuộc hành trình tìm hiểu về phong tục tập quán và con người Việt Nam từ Nam ra Bắc, Phương đã giúp anh khám phá những nét đặc trưng mới kết hợp

thêm trên con người Việt Nam truyền thống. Phương xác định với anh rằng một sự chuyển tiếp đột ngột từ một nền văn hóa Trung Hoa - Khổng Tử du nhập chưa định hình bỗng bị tràn ngập và áp chế bằng bạo lực của tư tưởng Mác Lênin đã bóc rã con người Việt Nam đang phân vân trên những lối đi. Sự du nhập đó mang tính hủy thể khủng khiếp bởi chính bản chất phi văn hóa của nó. Hóa đã hiểu ra một tương quan khép kín đầy nghi kị giữa người và người, những biểu hiện xa lạ và rất khó hiểu dù họ là người Việt Nam đồng hương với anh. Anh bắt đầu suy nghĩ. Càng suy nghĩ quê hương ấy lại thắt chặt lấy lòng anh. Một nỗi đam mê xuất hiện trong giấc mơ cùng với Phương đi tìm một tâm thức mới, những suy nghĩ xác đáng về một lối ra cho những bế tắc hiện tại, một tương lai cho quê hương... Bất chấp những ngăn cản của Christine anh về Việt Nam thêm một lần thứ ba, ở lại dài ngày hơn để có thì giờ thu thập những dữ kiện, tài liệu cho một tiểu luận về những truyền thống văn hóa trong tương quan chính trị xã hội mà anh rất quan tâm.

Sự đổ vỡ hầu như không tránh được nữa khi Christine trong một cơn nóng giận đã chất vấn anh về những liên hệ Việt Nam và công việc anh đang theo đuổi. Anh không dấu những giao dịch giữa anh và Phương trong tìm kiếm một cách suy tư mới cho Việt Nam. Christine cay đắng:

"Thế toa không nghĩ rằng những kiến thức có được nhờ đất nước này cũng thừa đủ để khai hóa dân tộc ấy?"

Hóa cảm nhận một lưỡi dao nhọn đã đâm suốt con tim tự hào của mình:

"Không Christine ạ. Sẽ không bao giờ đủ cho một dân tộc đã từng có một nền văn hóa xưa cựu hơn người Gaulois; và qua lịch sử tồn tại của nó những giá trị đặc thù đã được khẳng định. Công việc của chúng tôi là đào bới lại những sắc thái bị lu mờ vì thân phận nhược tiểu, đem hội nhập nó vào những giá trị đã chọn lọc của phương Tây nhằm thăng hoa một hướng trưởng thành vững chãi hơn."

"Toa nghĩ mình đủ khả năng khai sinh một truyền thống văn hóa tổng hợp mới?"

"Không Christine. Cái tâm thức chật hẹp đầy thương tích của thế hệ tôi không cho phép một cá nhân nào một mình có thể dựng được cao trào. Nhưng nếu xem như một công cuộc sinh tử chung thì nhiều người có thể làm được. Nhưng phải hiểu là chúng tôi chỉ làm công việc khai phá, khơi nguồn, tạo cảm hứng về những niềm hy vọng mới. Những thế hệ thứ hai, thứ ba của những người Việt xa xứ có thể kết hợp không mấy khó khăn với những thế hệ lãnh đạo mới ở trong nước phát động và hoàn thành công cuộc đó. Tâm thức mới sẽ phát khởi một nền văn hóa chính trị mới có khả năng giải quyết mọi vấn đề phát triển hoàn thiện hơn con đường những con Rồng Đông Á đã đi qua."

Christine không tin. Nàng cười khẩy:

"Ái chà. Một monsieur nhỏ bé lại ôm ấp một tham vọng lớn... Còn người bạn đồng hành của toa? Cô nàng *indigène* (1) ấy sẽ giúp gì được toa khi suốt cuộc đời mình chưa hề thấy thế giới văn minh?"

Hóa cố kềm hãm cơn nóng giận:

"Christine, tôi cấm toa phê phán một cách nông nổi như vậy. Một thế giới phát triển luôn tồn tại những vấn đề văn minh, văn hóa phải đặt ra; thì ngược lại trong một môi trường chậm tiến cũng tồn tại những con người cao quí."

"À, thì ra toa kết luận như vậy đó. Hãy trở về với thực tại đi Hóa. Christine này chính thức là Madame Dovan. Người đàn bà kia chỉ đến với đời toa trong cơn giao động của tình cảm. Toa đã bỏ những tiện nghi và hạnh phúc thực tại để chìm đắm trong một giấc mơ phiêu lưu điên rồ. Nhưng đó là quyền của toa. Một người đàn ông 52 tuổi đầu với một cơ sở giáo dục vững chắc phải có đủ lý lẽ thuyết phục ở mỗi quyết định. Toa có quyền tự do ra đi... Nhưng cũng phải bàn luận một lần cho trót về sự khác biệt giữa những nền văn hóa. Khi toa gạn lọc lại những cái tốt, cái xấu của toàn bộ hệ thống giá trị xã hội, tách rời chúng ra và chắp nối một cách nhem nhuốc cho một nền văn hóa hoàn toàn khác biệt là toa đã chọn một phủ định. Tôi đã lầm to khi nghĩ rằng toa trốn chạy một đất nước bất hạnh đến đây là toa đã chấp nhận vĩnh viễn tổ quốc của vợ làm tổ quốc sau cùng của mình. Điều nông nổi tôi vấp phải là đã không nghĩ đến một luận đề khác. Tổ quốc ngoài lãnh thổ thực địa, lịch sử, văn hóa còn chuyên chở những giá trị có tính bản năng tiềm ẩn không bộc phát. Do đó mà khi toa tìm thấy lại những bản thể riêng luân lưu từ giòng máu, toa đã chối bỏ tổ quốc đã dung nạp mình... Toa cứ đi còn đường đã chọn... Adieu monsieur Đỗ Văn... Cuộc hôn nhân dị chủng đã chấm dứt. Hãy tìm lại cái gốc gác nguyên thủy của mình..."

Đúng vào lúc gay cấn đó thì Alexandra xuất hiện:

"Maman nói thế không được. Còn con và em Laétitia? Cội nguồn chúng con ở đâu?"

"Alexandre, Maman xin lỗi con vì đã góp phần lầm lỡ tạo nên một giống lai. Chúng con đã lớn để tự mình tìm lấy một chọn lựa thích đáng."

"Maman đã lấy một quyết định hơi vội, trong một cơn nóng giận. Thế Maman không nhớ đã hơn một nghìn lần nhìn ngắm say đắm khuôn mặt con và mỉm cười tự hào về tác phẩm của mình? Có phải là mái tóc con đen huyền óng ả hơn những con đầm tóc vàng? Đôi mắt con sắc sảo hơn vì hơi xếch ở đuôi? Làn da con nhiệt tình hơn nét trắng bệch vô duyên? Và nét đẹp con đậm hơn nét đẹp của người Pháp thuần chủng?"

Christine bối rối nhìn con gái:

"Ừa, Maman quả có nhìn như thế thật. Nhưng đó là nỗi cao hứng của một cơn đam mê tình ái.... Còn bây giờ, một bóng ma đã sống dậy trong lòng cha con làm ông ta thẩn thờ mất hết cả nhiệt tình. Lòng maman cũng đã nguội lạnh. Cái đẹp tổng hợp không tồn tại nữa khi những sợi dây liên kết đã đứt."

"Nhưng không Maman... Một công trình tổng hợp bao giờ cũng là kết quả của cố gắng và thiện chí. Vì vậy có giá trị hơn cái đơn phương, đơn điệu thường nhuốm màu sắc chủ quan. Sự kết hợp ngẫu nhiên ở con người ngoài sự pha trộn của hai giòng máu còn mang ý nghĩa một tổng hợp của hồn và xác. Maman, con đã lựa chọn. Papa có lý khi đi tìm một suy nghĩ tổng hợp cho dân tộc ông. Papa không chối bỏ nền văn minh của tổ quốc Maman. Ông chỉ muốn phân biệt cái đúng và cái thích hợp cho một nền văn minh khác để những tổng hợp đều có thể nẩy nở..."

Hóa ngưng lại kêu thêm một ricard nữa và cho tôi một cái demi thứ hai. Trong con mắt ngưng đọng của anh đã thấy có chất lửa:

"Phan ạ, đó là niềm hy vọng sau cùng của tôi. Tôi đã không cô độc trong hy sinh tìm kiếm của mình. Vì chỉ có những con người như Alexandra, con gái tôi và thế hệ của nó không hề bị ám ảnh những bóng ma quá khứ và những suy nghĩ đơn điệu, óc cục bộ và những kiêu hãnh mù lòa mới có khả năng thiên phú làm được những tổng hợp đề, hoàn tất được những công trình suy tư chính đáng...

"Từ khi tôi xa Christine, Laétitia oán hận tôi và theo hẳn mẹ nó. Còn Alexandra thường sắp xếp công việc đến giúp tôi dọn dẹp nhà cửa vào dịp week-end. Nó cũng đã ghi tên theo khóa học Việt ngữ của trường sinh ngữ Đông phương ở Đại học Dauphine vào buổi chiều sau giờ tan sở. Cháu nó cũng chịu khó tìm tòi về Việt Nam, tìm đọc những báo song ngữ để trau dồi thêm tiếng Việt. Nhờ thông minh và nguồn tiếng mẹ vẫn ẩn tàng trong giòng máu, Alenxandra bắt đầu đối thoại được với tôi về những vấn đề khá phức tạp..."

Tôi vồn vã bắt tay anh, giữ nó lại hơi lâu:

"Chúc mừng Hóa. Đó là niềm hạnh phúc lớn. Alexandra cũng là một tâm hồn không nhỏ, đầy sức thuyết phục..." Tôi nhìn thẳng vào mắt anh nói tiếp... "Anh có nghĩ là một ngày không xa, chính Christine sẽ phải thừa nhận hợp đề của đứa con gái thông minh của mình?"

Hóa mừng rỡ, mơ mộng:

"Thì mình cũng chỉ mong được thế. Tình yêu, sự nghiệp, gia đình và lý tưởng khó tổng hợp được với nhau. Nhưng những điều kiện hiếm hoi như Alexandra với đầy đủ sự thanh sạch của lương tri và thiện chí có thể làm hợp nhất... À, mình quên cho Phan biết một tin vui là Alexandra vừa được hội đồng tổng quản trị đề cử chức giám đốc tài chánh của chi nhánh hãng đang làm ăn với Việt Nam. Cháu hy vọng sẽ có dịp nghiên cứu tại chỗ những vấn đề bế tắc để sẽ giúp xây dựng lại hệ thống tài chánh ngân hàng ở đó... Đến lúc công trình hai cha con viên mãn... mình sẽ xin Christine hồi tịch... Pháp... khi tổ quốc của trái tim mình đã có chỗ đứng xứng đáng..."

"Còn Phương?"

"Vẫn là người bạn đồng hành muôn thuở của tôi và cháu Alexandra."

Môi Hóa điểm một nụ cười thật tươi. Giữa một ngày mùa đông còn u ám. Anh bắt tay từ giã tôi bước ra đi lẫn vào dòng người tất bật. Tôi ngồi lại với ly bia còn lặng lẽ sủi bọt, trầm ngâm ngắm nhìn cuộc sống vẫn sôi sục chung quanh. Câu nói của Hóa... hay của Alexandra vẫn văng vẳng:

"Nền dân chủ ở xứ này đã mong manh đến độ bất lực. Nhưng cũng bởi thói quen văn minh người ta vẫn chưa dám nói và thừa nhận sự thật... Những con người phải được làm mới lại bằng một suy nghĩ tổng hợp trong đó có sự dự phần của những sắc thái văn hóa còn xa lạ..."

Paris Đầu xuân 97

(1) Bản xứ

VỀ BÀI HÁT 'CHI CHI CHÀNH CHÀNH'

NGUYỄN DOÃN VƯỢNG

Kính gửi quý ông Nguyễn Xuân Quang và Nguyễn Xuân Thuyên

(Góp ý về bài "'Cổ sử' hay 'Cận sử'" trên Thế Kỷ 21 số 102, tháng Mười 1997)

Bài hát "Chi chi chành chành" có được đề cập đến trong phần mở đầu của cuốn "Kinh Thi," ấn hành năm 1940 tại Hà Nội, do nhà phê bình nổi tiếng thời tiền chiến là Trương Tửu viết.

Cuốn sách này hiện nay có bán tại các nhà sách địa phương. Một ấn bản điện tử cũng được phân phát miễn phí trên hệ Internet qua địa chỉ:

ftp://haydn.stanford.edu/pub/Sachviet/kinthi0.zip

Bài viết của ông Nguyễn Xuân Quang rất lý thú. Tuy nhiên về quan điểm "... Những bài viết phỏng theo ca dao, phong dao thường chỉ mang tính chất nhất thời, cục bộ, địa phương ít khi vượt được không gian và thời gian để trở thành phổ quát, bất tử trong dân gian lưu truyền từ đời này sang đời khác..." riêng tôi xin được phép không đồng ý với ông Quang, mà nghiêng về quan điểm của ông Trương Tửu trình bày trong cuốn Kinh Thi, vì theo tôi quan điểm này thuyết phục hơn.

Tôi hy vọng tài liệu này có thể đóng góp ít nhiều cho hai ông trong vấn đề nghiên cứu "Cổ Sử hay Cận Sử."

Kính thư,

Nguyễn Doãn Vượng

Trích từ cuốn "Kinh Thi" của Trương Tửu, 1940:

Trước Khi Vào Đề

Cách đây đã lâu, chừng mười hai mười ba năm, trong lúc dạo chơi hóng gió bên hồ Gươm, tôi đã được hân hạnh gặp một ông già thuộc về cái lớp người ra đời vào khoảng vua Tự Đức băng hà. Tóc bạc phơ, râu bạc phơ, móng tay dài, quần áo lụa nội hóa, giầy Gia Định, kính trắng ... ông có phong thái một nhà nho ngàn xưa còn sót lại, đang bực dọc vì phải chứng kiến những cảnh tượng giao thời của xã hội nước nhà.

Sự tình cờ đặt tôi ngồi bên ông, trên tấm ghế gỗ mầu lá cây, dưới chân tượng Paul Bert. Phe phẩy chiếc quạt lông hình trái đài, ông đăm đăm nhìn về phía hồ, vẻ mặt ra chiều tư lự và nhớ tiếc. Tôi kính trọng thái độ hoài niệm của con người lạc lõng ấy nên cũng yên lặng ngồi nhìn khách thừa lương qua lại.

Bỗng có tiếng trẻ con từ nhà bát giác vẳng lại

Chi chi tràng tràng
Cái đanh thổi lửa
Con ngựa chết trương
Ba vương lập đế
Ú tế đi tìm
Hú tim bắt ập.

Rồi tiếp đến chúng cười đùa đuổi nhau theo cái thông lệ của trò chơi mô-tê ấy. Ông già và tôi đều quay lại ngó lũ trẻ nô rỡn đằng xa. Tôi nhận thấy nét mặt ông hơi cau cau như tức mình một điều gì trái ý. Đột nhiên, ông hỏi tôi: "Thầy có nghe trẻ con chúng vừa hát chi đó không?" Tôi ngạc nhiên và lễ phép đáp: "Thưa cụ có. Sao ạ?" Ông già lắc đầu mấy cái rồi nói luôn:

"Chúng hát sai cả. Người ta dạy chúng sai cả ...".

Chưa để tôi kịp ngạc nhiên thêm nữa, ông đã tiếp lời:

"Câu hát ấy không phải thế. Nguyên nó là một câu sấm của cổ nhân truyền lại mãi đến gần đây mới thấy nghiệm. Câu ấy là: CHU TRI RÀNH RÀNH, nghĩa rằng bá cáo cho mọi người đều biết. Câu thứ hai là: CÁI ĐANH NỔ LỬA, nói về quân đội Pháp bắn súng vào cửa Đà Nẵng. Câu thứ ba là: CON NGỰA ĐỨT CƯƠNG, chỉ vào sự băng hà của vua Tự Đức và sự rối loạn của triều đình lúc bấy giờ. Hồi đó bọn Tường Thuyết chuyên

quyền giết hại nhiều người trung thực. Chúng dám làm trái cả lời di chúc của tiên vương, bỏ Dục Đức vào ngục tối, lập Hiệp Hòa làm vua. Sau chúng lại giết Hiệp Hòa đem Kiến Phúc thay vào. Rồi chúng lại giết Kiến Phúc tôn Hàm Nghi lên ngôi báu. Ba ông vua kế tiếp nhau liền liền như thế nên mới có câu: BA VƯƠNG TẬP ĐẾ. Đến triều vua Hàm Nghi thì Thuyết nổi lên bài Pháp bị thất bại phải đem vua đi trốn. Một mặt quân đội Pháp lo dẹp loạn, một mặt tìm kế bắt Hàm Nghi cho yên lòng dân. Vì thế mà có câu: CẤP KẾ ĐI TÌM. Sau rốt vì có tên Ngọc phản bội mà vua bị bắt ở rừng Tuyên Hóa lúc ngài đang ngủ. Đó là nghĩa của câu: "HÚ TIM ÒA ... ẬP!" ... Đấy, thầy xem một câu sấm hay là thế mà rồi truyền khẩu đi sai be bét cả có đáng tiếc không. Còn nhiều câu nữa cũng truyền sai đi như thế. Đại khái..."

Ông già vừa nói đến đây thì ở phía nhà bát giác nổi lên điệu kèn của toán nhạc binh có phận sự làm vui thành phố những chiều chủ nhật. Ông vội vã sửa áo đứng dậy bảo tôi:

"Thôi để dịp khác ... Tôi không thể chịu được cái thứ âm nhạc của họ."

Rồi ông chào tôi ra về. Tôi đứng lên nghiêng mình đáp lễ. Nhìn theo hút tà áo lụa của cái người đi trốn một thứ nghệ thuật trái ngược với tâm hồn mình, tôi có cảm tưởng mơ hồ rằng hai nền văn hóa đông, tây khó bề mà dung hòa với nhau được. Nhưng cảm tưởng ấy chỉ thoáng hiện trong óc tôi đã nhòa đi ngay, để nhường chỗ cho sự ngẫm nghĩ về câu hát "chu tri rành rành" mà tôi được biết là một sấm ký chính trị của người xưa truyền lại. Tôi vụt nhớ đến những bài hát khác như Nu na nu nống, Rung giăng rung giẻ, Thả đỉa ba ba, v.v.... và tự hỏi không biết đó có phải toàn là ý nghĩa sấm ký như bài hát kia chăng?

Ông già vô danh nọ đã gợi cho tôi một lối nghiên cứu thi ca bình dân chú trọng về giá trị sử ký. Nhưng tôi nghĩ khác hẳn ông già ấy. Tôi không tin rằng bài hát "Chu Tri" là một câu sấm của người ẩn sĩ nào để lại. Theo ý kiến riêng, nó chỉ là một cách chép sử của dân gian. Nó không đáng coi như một tài liệu lịch sử chân xác. Giá trị đặc biệt của nó là một giá trị về tâm lý xã hội. Bằng cách ghi chép sự việc xảy ra ở chung quanh, dân gian đã diễn đạt trung thành thái độ mình đối với đương thời.

Một nhà phê bình văn chương Pháp, P. Lafargue, đã viết rất đúng:

"Một bài ca bình dân thường là do người vô danh nào đó khẩu chiếm ra, rồi lần lần qua miệng các người vô danh khác sửa chữa đi một cách rất ngẫu nhiên; không riêng một ai in bản sắc của mình vào đó mà tất cả mọi người đều có dự phần vào. Tác giả đích thực của bài ca chính là dân gian. Dân gian hát nó lên, truyền cho nhau, cứ thay đổi dần dần mãi đến bao giờ bài ca phản chiếu đúng hẳn tâm lý của họ thì mới được nhận hoàn toàn."

Theo lẽ đó, ở những thi ca bình dân, ta chỉ nên tìn đến tâm lý các người tác thành ra chúng. Nguyên tắc này phải là định lệ căn bản cho sự nghiên cứu ca dao bất kỳ ở xứ nào hay ở thời nào.

Dưới ánh sáng của nguyên tắc ấy, bài "Chu tri rành rành" lộ ra tất cả tâm lý của dân gian Việt Nam vào quãng giữa thế kỷ mười chín. Quả vậy, ta hẳn khoan nhắc đến những việc lịch sử ứng nghiệm với câu hát trẻ con đó, như ông già nọ đã chú thích mà chỉ hẳn nghiên cứu cái ý nghĩa tâm lý của nó. Đọc hết câu "Chu tri rành rành," cảm tưởng đầu tiên của ta là đang chứng kiến một cái gì bị thua, một cái gì bị giam hãm, một cái gì vừa bị mất đi. Đứng xem lũ trẻ thực hiện trò chơi ấy, cảm tưởng kia mới càng rõ rệt. Cái bị thua là đứa bé chậm hơn các bạn không rút ngón tay ra kịp. Cái bị giam hãm là ngón tay chỏ của đứa bé ấy (nghĩa bóng là quyền sai khiến: ngón tay chỏ là biểu hiệu của quyền sai khiến); cái bị mất đi là cái tự do của đứa trẻ chập chạp kia (nó phải đuổi bắt các đứa khác để đòi lại cái tự do bị đoạt mất). Câu hát và trò chơi đều biểu thị một cuộc tranh hơn thua, trong đó kẻ nào chậm chạp sẽ bị thất bại, bị mất chủ quyền cho đến bao giờ nhanh nhẹn được bằng các bạn mới lấy được về (có nhanh bằng thì mới đuổi bắt được). Cái tâm lý đẻ ra câu hát kia là tâm lý của dân gian chán nản cái chủ quyền đại diện họ đã vì yếu, vì chậm mà bị thua bị mất. Cho nên, câu hát đã tận cùng bằng sự tận cùng (òa ... ập!) Cái tâm lý đẻ ra trò chơi MÔ TÊ - mà câu Chu tri là một đoạn nhập cục - là tâm lý của dân gian tin tưởng ở cuộc khôi phục tương lai của cái tự do mất đi bằng sự tiến hóa của chính mình. Tôi nói: của chính mình, nghĩa là dân gian không còn tin ở cái chủ quyền đại diện của họ nữa. Trong trò chơi, lúc ngón tay đứa bé bị giam hãm thì chính đứa bé ấy phải giải phóng nó, chứ tự nó, có giải phóng được nó đâu.

Tóm lại, bằng cách dùng câu hát ấy vào một trò chơi ý nghĩa, dân gian đã tỏ rõ tâm lý

mình, nó chỉ là một ý muốn tồn tại mãnh liệt. Tìm được cái tâm lý xã hội ấy rồi ta có thể quay lại xét câu giải thích của ông già vô danh nọ. Và ta có thể tin rằng những việc lịch sử kia ứng nghiệm với câu "chu tri rành rành" như ông đã giảng. Những việc ấy đúng là cái khung xã hội của cái tâm lý dân gian đã phổ trong câu hát. Trong lịch sử Việt Nam cận đại, còn lúc nào biểu thị sự tận cùng của một cái gì bằng lúc vua Hàm Nghi bị bắt? Mà cũng còn lúc nào dân chúng để lộ ra cái ý muốn tồn tại của mình bồng bột bằng lúc ấy?

Chúng ta đã thấy nghiên cứu của thơ ca bình dân theo nguyên tắc nói trên đem lại những kết quả quý báu biết là chừng nào. Giá trị của thơ ca sẽ là một giá trị tâm lý xã hội phong phú vô cùng. Ta sẽ có đủ may mắn tìm gặp được trong đó tất cả những tính tình, xu hướng của dân gian qua các thế kỷ.

Hơn nữa, thơ ca kia sẽ còn là một tài liệu xã hội học rất quý. Hoặc nó kể lại một phong tục, hoặc nó đánh dấu một tình trạng kinh tế, hoặc nó lưu truyền một lễ nghi tôn giáo, nó đều giúp ta hiểu được cuộc sinh hoạt của xã hội ở các thời kỳ đã qua rồi — như thi ca tôn giáp chép trong kinh Veda cho ta thấy rõ cuộc sống của giống người Arian trước khi đến chiếm xứ Ấn Độ. Phong dao chép trong kinh Thi giúp ta nhìn rõ chế độ xã hội Trung Quốc đời nhà Chu vậy.

Chúng ta cũng có thể căn cứ vào thơ ca bình dân của nước nhà, để đi tìm những tâm lý chung đã mai một trong quá khứ, hoặc những trạng thái sinh hoạt không bao giờ còn trở lại nữa. Phong dao Việt Nam rất có thể là linh hồn của Việt Nam xưa, xã hội Việt Nam xưa, nếu ta biết nghiên cứu nó một cách hợp lý và thông minh. Nếu quả dân Việt Nam có một đặc tính cách biệt hẳn với những dân khác — nhất là với dân Trung Hoa — thì đặc tính ấy, theo ý tôi, ta có thể tìm thấy được bằng cách nghiên cứu những câu ca dao: cái tiếng nói trung thành nhất của dân gian. Đọc hết những câu ca dao truyền tụng lại, ta sẽ thấy nổi bật lên cái tinh thần độc lập của dân ta và cái nỗ lực liên tiếp của tổ tiên ta đã thực hành trong bao nhiêu thế kỷ để tránh nạn Trung Quốc hóa. Nhờ sự nỗ lực phi thường này mà hiện giờ chúng ta có thể tự hào rằng chúng ta vẫn giữ được trong cõi ý thức một tinh túy Việt Nam, cái tinh túy mà văn hóa Trung Quốc đã chỉ kết tinh lại chứ không thể thôn tính được. Sở dĩ ta bắt chước các chế độ chính trị và học thuật vì những cái đó rất thích dụng cho một xã hội nông nghiệp và quân chủ (tức là xã hội Việt Nam hồi xưa). Nhưng chế độ chính trị và học thuật nhập cảng ấy đã phải biến cải đi rất nhiều, cho thích hợp với tâm hồn dân chúng Việt Nam. Bởi vì chúng ta không giống người Trung Quốc, chúng ta là một khối tinh thần thành lập từ trước thời Bắc thuộc. Khối tinh thần ấy, gặp sự xâm lấn của văn hóa Trung Quốc, đã chồm dậy phản kháng mãnh liệt, làm cho các vua quan, tuy biết là văn hóa Trung Quốc củng cố được địa vị của mình mà phải châm chước cho nó hợp với bổn chất riêng của dân Việt Nam. Khối tinh thần dân tộc đó đã may mắn được nhiều điều kiện kinh tế, lịch sử và địa dư của xứ Việt Nam ủng hộ cho thắng đoạt nổi được cái tai nạn của Trung Quốc hóa.

Tất cả những điều kiện thuận lợi ấy, tất cả khối tinh thần dân tộc ấy đã được phô diễn rất đẹp trong những câu ca dao của nước nhà.

Nền ca dao Việt Nam đã kết tinh được cái tinh thần chống nho giáo rất mạnh của dân chúng Việt Nam và đã vẽ lại rõ ràng các điều kiện kinh tế giúp cho tinh thần ấy phát triển và chiến thắng. Cho nên, đọc ca dao Việt Nam tức là chúng ta tìm đến cội rễ tinh thần của dân chúng Việt Nam.

Đọc ca dao chúng ta còn thấy lịch sử, có thể dựng lại được trong tưởng tượng cuộc sinh hoạt kinh tế và xã hội của cha ông chúng ta tự ngàn xưa đến cận đại. Ca dao thật là một tài liệu tâm lý công cộng và một tài liệu xã hội học rất rồi rào vậy.

Ngoài hai giá trị ấy, ca dao còn có một giá trị nghệ thuật chẳng kém giá trị nghệ thuật của bất kỳ nền thơ bình dân ở một dân tộc nào trên thế giới. Tất cả chúng ta trong thời kỳ thơ ấu, ai đã chẳng say sưa với một vài cuộc hát của đồng nội. Ai đã chẳng được nghe bà mẹ hiền từ với cái giọng ru con, ca hát bằng tiếng nói của đất nước truyền khẩu lại? Riêng người viết những dòng này, ngay hồi nhỏ đã hấp thụ được cả một giáo dục tình cảm chỉ nhờ có những thơ phong dao véo von bên lũy tre xanh hay trên thảm lúa vàng. Mỗi khi nghe cô gái quê cất tiếng: "Ai ơi đợi mấy tôi cùng" hoặc "Con cò lặn lội bờ sông ..." là mỗi lần tâm hồn tôi lại hồ như đón nhận được một rung động ảo huyền. Những vần thơ mộc mạc ấy, với cái nhạc điệu Việt Nam ấy, quả đã xúc tích được một mối cảm mênh mang, đủ hiệu lực gọi thức dậy tất cả những thớ tim của con người Việt nam chúng ta, trong mấy nghìn

năm vẫn là một linh hồn giầu và mạnh. Linh hồn ấy đã nối liền vào nhau, trên cái xứ sở này, hơn 20 triệu người biết sống, biết chiến đấu hằng 40 thế kỷ. Linh hồn ấy, sức chiến đấu ấy còn để dấu vết lại trong các ca dao Việt Nam đầy âm thanh, đầy hơi nóng.

Từ lâu rồi, tôi không thể hiểu được tại sao có thể có những con người Việt Nam từ đầu móng chân đến cuối sợi tóc mà lại chỉ đi tìm thú văn chương, thú tinh thần ở những thơ Quan Thư, Cát Đàm, Thảo Trùng, Hàng Lộ của Kinh Thi, là một tác phẩm thuần chất Trung Hoa. Những người vong bản ấy quên rằng chúng ta cũng có một nền thơ đẹp đẽ không kém gì nền thơ chép trong Kinh Thi; đó là những câu phong dao của dân chúng Việt Nam đã làm ra và truyền lại cho nhau, đời này qua đời khác.

Theo ý tôi, chính những câu phong dao ấy mới là Kinh Thi của người Việt Nam. Phàm là dân Việt Nam thì có bổn phận phải biết, phải ngâm, phải nghiên cứu. Khổng Tử có câu: "Bất học Thi vô dĩ ngôn." Câu đó đúng là đúng với những người đồng bang của Khổng Tử, chứ đúng đâu với chúng ta? Từ xưa đến nay, hàng mấy chục triệu người Việt Nam không hề biết đến Kinh Thi của Khổng Tử thì họ đã lây gì mà nói? Họ đã nói bằng phong dao tục ngữ. Trong bao nhiêu thế kỷ nay, phong dao tục ngữ vẫn là cái nền giáo dục văn chương, tình cảm và luân lý của người Việt Nam vậy.

Tóm lại, chúng ta cũng có một Kinh Thi quý giá không kép gì Kinh Thi của người Tàu. Bổn phận chúng ta ngày nay là phải ghi chép nó, san định nó, chú thích nó, như Chu Công đã ghi chép, Khổng Tử đã san định, Chu Hy đã chú thích Kinh Thi của Trung Hoa.

Công việc này ta có thể làm ngay từ bây giờ. Chúng ta đã có đủ vôi gạch ngói, chỉ còn thiếu một hình thức kiến trúc là dựng được một lâu đài riêng của chúng ta. Từ năm 1928, Nguyễn Văn Ngọc tiên sinh, giám đốc Việt Văn thư xã, đã sưu tập và cho in sáu nghìn rưỡi câu tục ngữ phương ngôn và hơn tám trăm rưỡi bài phong dao. Thật là một công trình đáng tôn kính; ngoài tiên sinh ra, khó lòng đã có một ai làm nổi. Tiên sinh là một người nhiệt tâm tồn cổ, bao lâu nay, vẫn cùng với bạn đồng chí cần cù góp nhặt những tinh hoa dĩ vãng của người Việt Nam — hơn nữa, của dĩ vãng Á Đông — để lại làm tài liệu cho những người đến sau tiện đường khảo cứu.

Hai tập tục ngữ phong dao của Nguyễn Văn Ngọc tiên sinh chính là đống vôi cát gạch ngói tàm tạm đủ cho ta dựng một Kinh Thi Việt Nam sáng sủa. Trước đây hai nhà học giả Phạm Quỳnh và Phan Khôi cũng đã có ý xây dựng ấy. Một ông viết cuốn "Người nhà quê Bắc Kỳ, xét qua những ca dao bình dân," một ông soạn tập nghiên cứu "Sự hoạt động của phụ nữ Việt nam hồi xưa," căn cứ theo phong dao tục ngữ. Cả hai ông đều đã chứng thực rằng với những câu thơ vụn vặt kia ta có thể khôi phục lại được một quan niệm hay một cuộc sống không còn nữa.

Nhưng công việc của mỗi ông chỉ là công việc riêng của mỗi người thợ làm lấy khéo ở một địa hạt nho nhỏ. Thiếu hẳn một bản đồ kiến trúc duy nhất để làm đích cho từng người thợ giỏi, nên sự nỗ lực đã có, sự khéo léo cũng đã có, mà căn nhà vẫn chưa thành.

Viết quyển nghiên cứu này, tôi không dám có chủ ý gì khác hơn là thừa hưởng những công phu sáng kiến của các bậc đàn anh, thử trình bày một cách thức hiệu nghiệm để dựng lại một cái nhà cổ truyền đã tan rã kia. Tôi thử vẽ một bản đồ của cổ nhân mà tai đã vô ý để thất lạc đi.

Đây không phải là một kiến thiết mới, đây chỉ là một công trình khôi phục.

Hoặc nói một cách văn chương hơn, tôi thử cùng bạn đọc tìm đến những cỗi rễ tâm lý và xã hội của nền thơ bình dân Việt Nam. Căn cứ vào đó, chúng ta sẽ san định và chú thích quyển Kinh Thi Việt Nam — kinh của chúng ta, mạch đất chung của tinh thần dân tộc trong dĩ vãng.

Trước khi nghiên cứu Kinh Thi Việt Nam, không gì tốt hơn bằng hẫn nghiên cứu Kinh Thi Trung Hoa. Ta sẽ thấy rõ các ông Chu Công, Khổng Tử biên chép và san định đều theo một bản đồ kiến trúc rất tương đương với tình trạng kinh tế và xã hội Trung Quốc nhà Chu. Quả đúng như câu nói của một nhà triết học Tây phương: "Không phải ý thức con người quyết định thực trạng của xã hội mà xã hội quyết định ý thức con người." Những phong dao Việt Nam — Kinh Thi của chúng ta, dân Việt Nam cũng đã cấu tạo nên theo nguyên tắc ấy. Nghiên cứu Kinh Thi Trung Hoa tức là gây cái lập trường cho việc nghiên cứu phong dao Việt nam vậy.

Trương Tửu (1940)

(Trên đây là phần mở đầu của cuốn "Kinh Thi")

ĐÊM NGHE TIẾNG THỞ DÀI

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Ở cửa sổ, có một vầng trăng. Trăng đêm tròn và sáng. Chợt thức giấc, khuya khoắt, Hạnh ngó thấy vầng trăng đó. Thức nửa khuya, giấc ngủ khó trở lại với nàng. Nằm nghe đêm yên tĩnh, Hạnh bỗng thấy lòng buồn buồn. Cái buồn chẳng có một lý do nào cả. Cái buồn tự nhiên khi nghe trong phòng lặng tờ, vô tình tai đếm theo tiếng nhịp đập của cái đồng hồ quả lắc, theo tiếng nước rỉ vòi tóc tóc rơi mỗi giọt đều và gọn nơi bồn tắm nhà cầu.

Có tiếng thở dài giường bên của người chị. Tiếng thở dài làm Hạnh ngạc nhiên nhưng vẫn nằm yên không lên tiếng hỏi Miện. Lúc lâu, chừng cái thắc mắc chẳng thể để yên trong óc não, Hạnh mới khẽ khàng lên tiếng:

"Chị Miện, chị còn thức hả."

Không có tiếng trả lời sau câu Hạnh hỏi. Chừng một lúc, giường bên có tiếng cựa mình, Miện đáp:

"Hạnh hỏi chị đấy sao. À, chị vẫn thức. Từ tối tới giờ, nằm miết, mắt nhắm mà ngủ thì không ngủ được. Quái lạ. Mình muốn quên thì cái quên đó lại chẳng thể quên được. Kỳ thật."

"Chị nói thế thì đố Hạnh mà biết được điều gì chị muốn quên. Lại chuyện đời sống nhà cửa, chuyện tiền bạc chi tiêu chứ gì. Cái đất Mỹ này, đủ thứ làm người ta điên đầu mà phát khùng. Nhưng chị ạ, hơi đâu chị lo mấy cái vụ đó cho mau già chóng chết. Cứ thả nổi, buông suôi rồi việc gì nó cũng qua đi tuốt luốt. Cuối cùng, những cái mình tưởng là quan trọng và ghê gớm chẳng thể giải quyết tháo gỡ được, thì nó vẫn chỉ là những chuyện chẳng lớn lao to tát gì. Mọi cái đều đâu lại vào đấy. Chị cứ nghĩ như em nói là xong tuốt luốt thôi. Bận tâm với bận trí rồi thì khùng điên đấy".

"Phải," Miên buông nhẹ một tiếng hờ hững trả lời em. Sau một lúc im lặng, nàng mới nói tiếp. "Thực ra, chị đâu có nghĩ ngợi về ba cái chuyện đời sống vật chất như em nói ra đâu. Cũng bởi chị chưa đem chuyện gia đình để tâm sự với em nên em chưa hiểu nỗi khổ tâm của chị. Dấu em là vì chẳng muốn em phải bận tâm suy nghĩ cái mà em không liên can tới chuyện riêng tư của chị"

"Ủa." Hạnh phật ý cắt ngang lời Miện. "Sao chị lại nói như thế. Em là em ruột của chị. Chị buồn hay vui, chị em đều nên tâm sự để chia sẻ lúc này khi nọ. Chị nói như thế thì dứt khoát em không đồng ý rồi. Hay là bây giờ chị lấy chồng, dưới mắt chị, chị coi em như con nít nên không thèm bàn, thèm hỏi để góp ý với chị. Nếu chị nghĩ như thế, em xin làm kẻ xa lạ vậy."

Miện thấy em giận lẫy hờn mát thì vội lựa lời chống chế:

"Lại nóng rồi. Đừng Hạnh. Chị không bao giờ có tư tưởng như thế đâu. Với em, chị vẫn coi em như một người gần gũi nhất. Gần gũi hơn cả mẹ. Bởi mẹ thì có nhiều cái nói ra được, có nhiều cái không thể nói ra được. Còn em, chị có điều gì cần tâm sự, dù thế này thế nọ, nhỏ to lớn bé, chuyện nói ra giữa chị chị em em nó vẫn dễ dàng gọn miệng hơn. Thế thì làm sao chị dám coi khinh coi thường cô em gái chị được."

Hạnh nghe lời Miện nói thì tự ái lắng xuống. Lát sau, nàng hỏi:

"Lúc em thức giấc, em nghe tiếng chị thở dài. Thở dài có nghĩa là trong lòng người ta chứa chất nỗi buồn u uất nơi tâm can. Nỗi buồn không có ai để giải bày thổ lộ nên cứ nén mãi trong đầu óc như một cái nồi nước đóng nắp. Nước sôi réo vòi đâu có khác gì tiếng thở dài ở người mang nỗi sầu muộn. Sao vậy chị."

Hạnh hỏi. Giường bên, Miện vẫn nằm yên. Chừng lâu sau, tiếng Miện nói khẽ. Giọng của Miện nghe hơi lạ:

"Phải. Hơn một tháng nay, chuyện trong gia đình chị không được bình thường. Đúng ra, chị muốn dấu em vì chị cần để óc em thanh thản. Nhưng, em đã hỏi thì chị không thể bưng bít mà không nói ra cho em được. Việc này thì hôm sang đây, đã có lần buổi tối sau bữa cơm, chị đã kể hết mọi chuyện cho mẹ rõ. Kể rồi thì chị đâm ra hối hận vì thấy mẹ buồn lòng. Chị không muốn cho cha cũng như em biết. Cái nỗi khổ của chị, chị đủ sức để chịu đựng và không muốn đem cái khổ của mình làm khổ lây sang người khác. Nhưng sau đó, mẹ đã nói

lại với cha. Chị đoán thế vì mấy ngày sau đó, cha ít nói ít cười. Buổi chiều, cha thường ra mé hiên sau nhà, ngồi lặng lẽ, mắt nhìn đâu đó, vẻ mặt suy tư. Tội cho cha khi cha biết rõ câu chuyện chị đã kể ra cho mẹ. Em trách chị sao không nói ra cho em biết thì điều đó cũng đúng thôi. Nhưng biết rồi, em cũng chẳng thể giải quyết được gì mà chỉ làm em bận tâm buồn bã. Đấy, chính vì thế mà chị đã dấu không nói. Giờ thì em gặng hỏi chị, chị phải trả lời theo ý em thôi. Nó là như thế này ..."

Bỗng dưng, Hạnh không nghe thấy chị Miện nói tiếp. Nàng hơi ngạc nhiên nhưng nằm đợi mà không hỏi. Mãi lúc sau, Miện mới lại lên tiếng. Và lần này, giọng nàng chùng xuống như âm thanh mắc vướng ở cuống họng:

"Chị và anh Phan đã quyết định đi đến việc ly dị. Điều đó tất nhiên chị không phải là kẻ chủ xướng đề nghị để gieo tai ương bất hạnh trong gia đình. Ở Phan, anh ấy đã đặt vấn đề đó ra trước và buộc chị không còn con đường nào khác là dứt khoát chia tay. Xảy ra cái bất hạnh tai ương này, cái chính không phải vì hạnh phúc gia đình có chuyện lục đục, cũng không phải vì tiền của vật chất mà ra, nhưng đầu mối tan vỡ là bởi Phan đã thay lòng đổi dạ. Với những lá thư chị vô tình đọc được, với những lần điện thoại tình cờ chị nghe thấy, Phan đã đặt lại tình yêu với người mà Phan quen biết ở Việt Nam trước đây. Chuyến về nước lần này, Phan sẽ tiến tới chuyện hôn nhân với Điệp và rồi sau đó, anh ta sẽ lo thủ tục để bảo lãnh. Giấy ly dị thì chị và Phan đã hoàn tất và đệ nạp Tòa. Tòa gọi rồi chấp án là xong. Đấy," Miện xuống thấp giọng trước khi kết thúc, "tất cả mọi chuyện, cuối cùng đã kết thúc là vậy".

"Thật tệ hại. "Hạnh nói như một lời nguyền rủa." Theo em, chị xử sự như vậy là quá đúng. Cần gì phải van xin tình yêu với một kẻ bạc tình bạc nghĩa như thế. Nếu là em, em sẽ quyết định bỏ Phan trước khi anh ta đưa ra vấn đề ly dị. Em chỉ ân hận một điều là, hồi đó, chị đã hi sinh quá nhiều để xả thân lo cho anh ấy lúc Phan còn ở tù. Nghe chị kể lại những lần đi "thăm nuôi" ở tận miền Trung, tầu bè vất vả, đường xá gian truân, khổ cực nguy khốn trăm đường, thế mà nay sống phây phây sung sướng, anh ấy lại quên ngay những điều như thế mà vợ đã lo cho mình. Thôi," Hạnh nói ra như để an ủi chị và trút nỗi bực dọc trong lòng, "người mà như thế, em nghĩ họ đúng là kẻ cạn tàu ráo máng cũng chẳng cần nhắc đến làm chi".

Nằm im nghe em nói, Miện thấy cũng nguôi ngoai. Ít ra, có một người để thổ lộ tâm sự, đầu óc nàng cũng bớt căng thẳng với nỗi đau đớn buồn bực chồng chất bấy lâu nay. Dù tình yêu bị tổn thương, danh dự tự ái bị xúc phạm, tình nghĩa vợ chồng ở Miện vẫn không thể dễ gì mà quên đi một cách dễ dàng nhanh chóng được. Nếu như Phan chết, cái mất mát đó dù sao vẫn còn đầy đủ và nguyên vẹn với vết thương thời gian còn hàn gắn nỗi đau được. Ở đây thì khác. Lấy vợ, gia đình tan vỡ, cái mất mát này dù với lý trí mạnh mẽ để quên đi, với bản tính con người Miện, nàng tự biết đó là điều quá khó để nàng xóa nhòa bôi bẩn kẻ đã từng là chồng mình. Đấy chính là nỗi đau đớn và khổ tâm mà nàng biết chắc nàng không đủ sức để vượt qua cái tình cảm yếu đuối ở một người đàn bà. Bởi thế, dù thù ghét nguyền rủa Phan, dù căm hận người chồng bạc tình bạc nghĩa, Miện vẫn không đủ can đảm để quên đi con người đã từng ôm ấp mặn nồng. Và, những lần nghĩ đến Phan, trong cái giận dữ và yêu thương lẫn lộn, cuối cùng bao giờ Miện cũng để nước mắt trào ra.

Nếu không có lời nói của Hạnh cắt ngang ý nghĩ, đầu óc Miện còn buông thả tư tưởng đi xa hơn nữa. Hạnh chợt bảo:

"Chị khỏi lo. Chừng nào ly dị xong, chị lại về đây sống với cha mẹ và em. Để rồi xem, với người vợ mới, liệu rồi anh ta có tìm được hạnh phúc không. Cái tính vô ơn bạc nghĩa như con người ấy, sớm muộn gì anh ta cũng lãnh cái họa mà thôi. Chị Miện, gần sáng rồi, chị cần phải ngủ để giữ sức khỏe. Chuyện gì đến nó sẽ đến. Thây kệ nó chị ạ."

"Ờ." Miện đáp. "Thế ra chị em mình thức gần suốt đêm rồi đấy. Bây giờ, để chị ngủ lại. Mà, không hiểu chị có ngủ được không".

"Chị đừng nghĩ ngợi gì cả. Để tâm tĩnh, giấc ngủ sẽ đến chóng vánh với chị thôi."

Một lát sau tiếng "ừ" buông thả của chị, Hạnh đã nghe tiếng Miện thở đều. Còn Hạnh, nằm ngó lên khung cửa sổ gắn kính, Hạnh không thấy vầng trăng. Trăng đã lặn. Bóng tối của đêm đã nhạt nhòa và loãng.

Bao giờ cũng vào thời khắc đó, chỗ bụi một cây uất kim hương, có một con chim lạ bay đến hụ lên mấy tiếng. Dưới một bầu trời sũng sịt nước, chợt đổ xuống phố xá một cơn mưa phùn.

July.97

ĐÊM HỌP MẶT THẾ KỶ 21

HÀ TƯỜNG CÁT

Đêm Họp Mặt kỷ niệm chín năm tạp chí Thế Kỷ 21 được tổ chức tại Paracel Seafood Restaurant, thành phố Westminster, California, bắt đầu vào lúc bảy giờ tối ngày Chủ Nhật 12 tháng Mười 1997. Năm trăm khách của Thế Kỷ 21 đã tề tựu trong khung cảnh thanh lịch và rộng rãi thoải mái của nhà hàng, tọa lạc ngay tại trung tâm của Little Saigon.

Trong chiều hướng làm một cuộc gặp gỡ giữa bạn đọc, văn hữu và thân hữu gần xa từ khắp nơi trên thế giới cũng như các giới quen biết trong mọi sinh hoạt tại cộng đồng người Việt ở vùng Little Saigon và phụ cận, Ban Tổ Chức đã sắp xếp cho chương trình dài ba tiếng đồng hồ được diễn tiến nhẹ nhàng giản dị, không khuôn sáo hay nặng phần nghi thức.

Đêm Họp Mặt là cao điểm của một tuần lễ sinh hoạt nhân dịp kỷ niệm tạp chí Thế Kỷ 21 qua năm thứ chín, bao gồm các buổi mạn đàm văn học, triển lãm hội họa, nói chuyện trên truyền thanh truyền hình. Đặc biệt trong buổi sáng Chủ Nhật 12/10, lần đầu tiên trong cộng đồng người Việt hải ngoại, một cuộc hội luận truyền hình trên mạng lưới điện toán [video conference] đã được thực hiện. Tham dự vào cuộc hội luận là những văn hữu và thân hữu của tạp chí Thế Kỷ 21, ngồi trước những màn hình máy điện toán ở Toronto (Canada), Moscow (Nga), đài phát thanh VNCR, công ty kỹ thuật điện tử Kicon, tạp chí Thế Kỷ 21, nhật báo Người Việt (Little Saigon),...đã cùng trao đổi ý kiến nhận định quanh đề tài "Truyền thông và Dân chủ." Mặc dầu hãy còn một số những trục trặc không thể tránh do khả năng kỹ thuật hay do chưa có kinh nghiệm lúc ban đầu, cuộc hội luận đã đạt kết quả với nội dung phong phú của những ý kiến trao đổi và tạo triển vọng tương lai cho những sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật cũng như chính trị trong thời đại kỹ thuật thông tin.

Chương trình Đêm Họp Mặt tương đối gọn gàng, với một số phát biểu của các vị khách mời từ phương xa tới. Vì thời gian tương đối không dài và số khách hiện diện quá đông, Ban Tổ chức đã rất tiếc không làm được một việc lẽ ra phải làm, là giới thiệu từng vị khách để mọi người cùng biết nhau. Trên trang báo này chúng tôi sẽ cố gắng, nhưng chắc không

Từ trái: Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Thiện Cơ, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Đức Quang với những ca khúc Du Ca sôi nổi của một thời tuổi trẻ

Các ông Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Hữu Chung đang phát biểu

tránh được thiếu sót, ghi nhận một số các thân hữu xa gần đã đến với Đêm Họp Mặt.

Một trong những văn hữu đầu tiên từ nơi xa đã đến quận Cam trong dịp kỷ niệm này là nhà văn Trần Quán Niệm ở Philadelphia. Ngược lại nữ nghệ sĩ Bích Ty từ Oklahoma chỉ mới có mặt tại Little Saigon vài giờ trước khi khai mạc dạ tiệc. Ông bà Bác sĩ Trương Ngọc Tích từ Dallas, Texas, một độc giả lâu năm của báo Thế Kỷ 21, là một trong những người đầu tiên ghi tên tham dự Đêm Họp Mặt qua điện thoại. Ông Tạ Chí Đại Trường, nhà nghiên cứu lịch sử, đến từ miền trung Hoa Kỳ. Bà Trần Bích Nga và cô Đinh Xuân Anh Tú từ Paris, ca sĩ Cao Thái ở Pháp, trong số những vị từ nơi xa nhất. Ông Phan Thanh Tâm, cựu ký giả Việt Nam Thông Tấn Xã trước 1975, ở tiểu bang Minnesota; ông Đinh Quang Anh Thái, ở đài phát thanh Free Asia, Washington D.C.; giáo sư Dương Đức Như từ Houston, Texas. Ông bà Phan Lạc Tiếp, nhà văn và ông bà giáo sư Lê Phục Thủy, ông bà Nguyễn Thanh Trang cùng các văn hữu ở San Diego chỉ cần mấy giờ đồng hồ lái xe là đã có thể đến chung vui cùng bằng hữu. Ông Bùi Duy Thuyết mới từ San Jose bay về Quận Cam vào buổi sáng để kịp tham gia Video Conference, với đồ nghề chụp hình lỉnh kỉnh trên vai, đã... quên cả ăn tối để tình nguyện ghi lại đầy đủ các hình ảnh của mọi người trong Đêm Họp Mặt...

Về phía khách địa phương, tập thể đông đảo nhất chắc chắn phải là ca đoàn Ngàn Khơi với ca trưởng Trần Chúc, đã đóng góp vào chương trình văn nghệ bằng một số bài ca, cùng với nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang. Ủy ban Tổ chức Bầu cử Cộng đồng Việt Nam nam California chiếm nguyên một bàn 10 người, với các ông Đoàn Triệu Hưng, Trần Sơn Hà, Cao Hữu Vinh, Trần Cầu... Phía truyền thông báo chí hiện diện đông đảo với các ông Du Miên, Chủ tịch Hiệp hội Ký giả Việt Nam hải ngoại, Minh Ngôn - báo Khỏe và Đẹp, Trần Đông Phương - báo Vận Hội Mới, Tô Kiều Phương - Đông Phương Thời Báo, Vũ Ánh - Viễn Đông Kinh tế Thời Báo, Ngọc Hoài Phương - báo Hồn Việt, Phạm Minh, Lý kiến Trúc - báo Văn Hóa... Và các đài phát thanh: Văn Nghệ Truyền thanh - Lê Phú Bổn, Quỳnh Lưu; Saigon Radio Hải Ngoại - Lê Thanh Tùng; Little Saigon Radio - Vũ Quang Ninh Hoàng Mai Đạt; Tình Thương - Minh Ngữ; VNCR... Ngoài đại diện của những hiệp hội, đoàn thể khác không thể ghi nhận hết danh tánh, người ta còn thấy nhiều nhân sĩ, giới trí thức, văn nghệ sĩ và thân hữu thuộc mọi

Hàng đứng, từ trái qua: Bà và Ông Nguyễn Thanh Trang (San Diego), Ông Nguyễn Minh Cần (Nga), Ông Trần Quán Niệm (Philadelphia), Ông Lê Đình Điểu. Hàng ngồi, từ trái: Bà và Bác sĩ Trương Ngọc Tích (Texas), Ông Trần Văn Phú.

ngành nghề hoạt động như Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, Giáo sư Phạm Cao Dương, nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến, bác sĩ Nguyễn Mạnh, các nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, ông bà bác sĩ Nguyễn Xuân Quang, ông bà họa sĩ Hồ Thành Đức-Bé Ký, ông bà họa sĩ Cao Bá Minh, ông Lê Khắc Lý, ông bà Trần Huỳnh Châu, ông bà Nguyễn Xuân Nghĩa-Quỳnh Giao, nhà thơ Minh Đức Hoài Trinh, luật sư Charlie Mạnh, ông bà Lê Dũng Dân, ông bà Trần Văn Tiền, ông Cao Sơn, các cựu quân nhân Đoàn Trọng Cảo - Liên Hội Cựu Chiến Sĩ, Phạm Đình Khuông, hội Không quân, một bàn của thân hữu Hải Quân... Đặc biệt người ta còn thấy một "con dâu của Việt Nam" - bà thẩm phán Nancy Pollard và phu quân Phạm Mẫn, cô Vũ Xuân đại diện của nữ Dân biểu Loretta Sanchez. Dĩ nhiên còn rất rất nhiều vị khác mà người viết xin chân thành tạ lỗi vì đã không thể ghi nhận hết.

Các "nội tướng" của nhóm Thế Kỷ 21, và một vàithân hữu, những bàn tay đóng góp không nhỏ vào sự thành công của Đêm Họp Mặt.

Ông Phạm Phú Minh, đương kim Chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21, trước khi bắt đầu bài diễn văn của mình nói về quá trình thành hình của tờ báo cũng như ước mơ của những người chủ trương, đã yêu cầu mọi người dành một phút mặc niệm cho anh Trần Đại Lộc, một thành viên của Ban Quản Trị mới qua đời gần hai tuần lễ trước. Ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ tịch Hội đồng Quản Trị, lược qua những khó khăn nhất định về điều hành và tài chánh, nhưng tỏ ra tin tưởng tờ tạp chí "đã sống và sẽ có thể sống lâu."

Bốn người khách được mời lên phát biểu, tất cả đều đến từ phương xa. Ông Nguyễn Minh Cần, cựu đảng viên Cộng Sản đang sống tị nạn tại Moscow, Nga, đã quen biết với độc giả qua nhiều bài viết trên Thế Kỷ 21. Ông ca ngợi sự phát triển và thành công của người Việt tị nạn ở Little Saigon. Món quà kỷ niệm ông trao tặng Thế Kỷ 21 trong dịp này, con búp bê Nga Macroska bằng gỗ chứa 10 con khác bên trong, mỗi lần mở ra lại thấy thêm một con khác nhỏ hơn, nói lên một ý nghĩa đặc biệt về tinh thần dung hóa.

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện mà mọi người đều biết danh, trong một phát biểu ý kiến ngắn gọn, kêu gọi ý chí kiên quyết đấu tranh với Cộng Sản. Quan điểm thẳng thắng bộc trực của ông về 'vấn đề đối thoại' có thể đã chạm vào sự nhạy cảm của một số người, nhưng cũng chính lời lẽ hùng hồn của ông đã gây được sự hào hứng tin vào tương lai đất nước của đông đảo cử tọa.

Bà Trần Thị Thức, vợ giáo sư Đoàn viết Hoạt, một "người tù lương tâm" còn đang bị Cộng Sản Việt Nam giam giữ, kể lại kỷ niệm về một lần ông Hoạt tình cờ được đọc một trang Thế Kỷ 21 lọt vào Việt Nam. Bà Thức, hiện nay đang làm việc ở Virginia, nói rằng tờ tạp chí này đối với bà vừa là một người bạn vừa là một người thầy.

Cựu Dân Biểu VNCH Nguyễn Hữu Chung từ Montreal, Canada đến, ngoài những ý kiến cảm tưởng về tờ Thế kỷ 21, đã bầy tỏ hy vọng Việt Nam sẽ sớm có được tự do dân chủ. Ông mong mỏi mọi người không quên những khát vọng và niềm tin về tương lai.

Các phát biểu ngắn, gọn, chân tình và đầy bản sắc riêng biệt đã khiến không khí buổi họp mặt linh hoạt hẳn và được mọi người chú ý lắng nghe. Không ai phàn nàn vì bị 'tra tấn' bởi phải nghe quá nhiều, quá dài. Phần cắt bánh sinh nhật, rồi văn nghệ tiếp theo đó càng làm bữa tiệc tươi vui hơn. Sân khấu của nhà

hàng quá nhỏ cho một 'đại ban' như Ngàn Khơi, một ban hợp xướng 60 người, thế nhưng các ca viên đã 'khéo ăn thì no khéo co thì ấm' đứng sát cánh nhau để trình diễn "Việt Nam! Việt Nam!" và "Ra Khơi" của Phạm Duy, tiếng hát hợp xướng điêu luyện rất hợp với tinh thần trang nhã của đêm họp mặt. Nguyễn Đức Quang và nhóm Du Ca của anh thì lại mang một dáng vẻ khác: các thao thức của lớp trẻ được hát lên trong những ca khúc từ hai mươi, ba mươi năm trước dường như cũng cùng một nhịp đập với những trái tim ưu tư về đất nước của ngày hôm nay. Đêm Họp Mặt kỷ niệm chín năm của tạp chí Thế Kỷ 21 kết thúc với bầu không khí thân mật và trong luyến tiếc của khách tham dự vì thời gian rõ ràng chưa đủ để cùng nhau chia xẻ tất cả những nỗi niềm mà ít khi mọi người đã có cơ hội để cùng gặp gỡ trao đổi. Nhiều người tiếc là chương trình quá ngắn, nhất là phần phát biểu ít, chưa đủ thể hiện tính đa dạng của người Việt hải ngoại. Nhưng đây chỉ là một buổi họp mặt thân hữu, không nhằm mục tiêu đề ra một quan điểm hay phương hướng nào. Sự chân tình và lòng cảm mến của văn hữu, thân hữu, độc giả đã đến được hay không đến được trong đêm nay thật sự đã mang lại một sức sống tinh thần mạnh mẽ cho tờ Thế Kỷ 21, tờ báo luôn luôn mong muốn đóng vai một diễn đàn độc lập vô tư chào đón tất cả các tiếng nói của thiện ý, nhằm xây dựng một tương lai tươi sáng cho dân tộc và đất nước Việt Nam. □

ĐỖ QUYÊN

LÒNG HẢI LÝ

(Trích)

"Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
muôn hải lý,
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải-cảng-mưa-buồn!"

(Trần Dần)

Một

Hôm nay
dương lịch
Mồng Năm tháng Năm
Mắt xem qua ba bông hồng sẽ không bao giờ nở được
Tôi
ngồi lập danh sách các bạn văn có thể vay tiền
Lúc này
em đừng về
Loại hồng thắm đấy
nhưng sẽ không nở bao giờ!
Tháng Sáu này
lại đi...

Em điện thoại về
Mặt trời bầm vết
Mây kéo chân bàn
Gió òa kẽ mắt
Và nắng giao tình với lũ bọ ngoài kia

Một tiếng kêu trẻ nhỏ
Gieo xuống
có thể làm mỏ neo
Chiếc hôn làm khô bốn bể
đâu rồi những con tàu?
Một luồng gió nóng không nguồn cơn lật
chân tay
sắp xếp đời ta lại
Các bức thư nhà liên mối
có khi là tiếng sét
giữa dòng sâu
Sao ta không uống hết đi niềm đau
trên đất bằng
tuổi thơ ấu nọ?
Xưa đã không trầm ướp mình
giữa những hoan lạc muối
Để giờ mãi lênh đênh...

Mẹ là gió
Tình chúng mình làm sóng
Chân trời trước mặt -

Đảo Vancouver, tháng Năm 1997

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Công Lý Đòi Hỏi

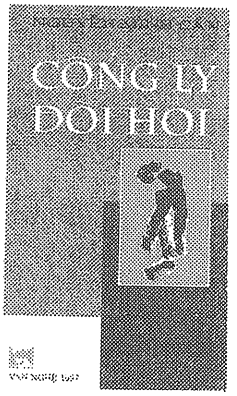

tiểu luận chính trị của **Nguyễn Minh Cần**, Văn Nghệ xuất bản 1977, 394 trang, giá US$18.00, ngoài Hoa Kỳ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Tác giả, ông Nguyễn Minh Cần, là cựu đảng viên đảng Cộng sản Đông Dương, cựu Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội từ sau năm 1954. Năm 1962 ông được cử đi học trường Đảng cao cấp thuộc Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô tại Mạc Tư Khoa. Do bất đồng về đường lối lãnh đạo của đảng CSVN, bị đảng truy bức, từ năm 1964 ông đã thoát ly khỏi đảng và xin cư trú chính trị tại Liên Xô và sống tại đó cho đến nay. Khi Liên Xô bắt đầu thời kỳ perestroika, ông đã tích cực tham gia phong trào dân chủ ở Nga và nhiệt thành ủng hộ cuộc đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam.

Những bài tập họp trong cuốn sách này được tác giả viết trong khoảng từ ba bốn năm nay, đăng rải rác trên các báo Việt ngữ ở hải ngoại, nói về những tội ác mà Cộng sản đã âm thầm thực hiện hàng chục năm qua. Đó là những hành động rợn người của Lê Nin trong việc tiêu diệt tôn giáo ở Nga sau khi chiếm quyền năm 1917, là cú đánh có tính cách nghiền nát những người đòi hỏi tự do văn nghệ trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, là sự tự tung tự tác đầy hống hách và ác độc của Lê Đức Thọ và Lê Duẩn trong "vụ án" *xét lại chống đảng*... Người đọc sẽ không tìm thấy ở đây những lời lẽ hào nhoáng và hùng biện lên án cộng sản, nhưng sẽ được đọc những tài liệu cụ thể trình bày tội ác của chế độ Cộng sản rút ra từ vốn sống và từ sự khảo cứu công phu tài liệu lưu trữ của đảng Cộng sản Nga, và sẽ bắt gặp một tấm lòng rất từ mẫn đối với những số phận bị hủy diệt trong guồng máy vô nhân của một chủ nghĩa vô nhân.

Trình bày những sầu thảm của một bộ phận nhân loại nạn nhân chủ nghĩa cộng sản, tác giả đòi hỏi Công Lý: **Công Lý đòi hỏi** *những con người trung thực lên tiếng chống lại tội ác, chống lại những vụ đàn áp đang diễn ra dưới chế độ cực quyền.* **Công Lý đòi hỏi** *lương tâm con người trỗi dậy thúc giục những người cầm quyền phải xét lại những vụ án oan khuất của người dân, minh oan và hồi phục danh dự cho những người vô tội.* **Công Lý đòi hỏi** *mọi người nhớ đến những oan hồn trong những vụ án phi pháp, bất công, cũng như hương hồn những ai đã lấy thân mình lót đường cho nền tự do dân chủ tiến tới...*

Những Câu Chuyện Việt Sử

biên khảo của **Trần Gia Phụng**, tác giả xuất bản, 338 trang, giá $15.00. Liên lạc: Trần Gia Phụng, 69 Mc Farland Ave. Toronto, ONT. M6H 3M9 Canada.

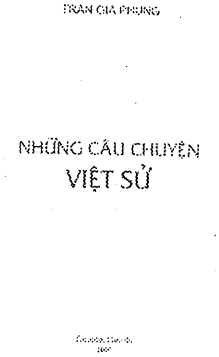

Về Sử học, Trần Gia Phụng là một cây bút có khả năng và cẩn trọng. Tích lũy tài liệu và kiến thức từ hơn ba mươi năm kể từ ngày tốt nghiệp Đại học Sư Phạm môn Sử và Cử nhân Giáo khoa Sử học tại Đại học Văn Khoa Huế, tác giả bắt đầu viết lại nhiều đề tài về sử Việt Nam cận đại từ khi định cư tại Canada cách đây hơn ba năm. Năm ngoái ông đã xuất bản cuốn *Trung Kỳ Dân Biến*, và nay chưa đầy một năm đã ra cuốn thứ nhì, cho thấy sức làm việc còn rất dồi dào nơi ông.

Những câu chuyện Việt Sử gồm những bài viết về những nhân vật như Hoàng Diệu, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng..., với mỗi người một vấn đề riêng, những sự kiện như việc phế lập ở triều đình Huế sau khi vua Tự Đức mất, chuyện các bà hoàng cuối cùng, việc thi cử tại Huế v.v... Đặc biệt *Huỳnh Thúc Kháng và nỗi đau ngậm cuối đời* đã cho thấy tâm sự đau khổ cho đến chết của nhân vật này sau khi cộng tác với chính phủ Hồ Chí Minh, một đề tài cho đến nay ít ai đề cập tới. Tác giả cũng làm một việc có ích là "giải ảo" cho dân chúng của một số nơi hay có

thói quen cứ cho địa phương mình là "địa linh nhân kiệt," một lối tự hào dễ dãi có khi đến sự thái quá, ví dụ qua bài *Ngũ Phụng bay về đâu*, người đọc có thể thấy cái sự kiện gọi là 'Ngũ Phụng Tề Phi' thực ra chẳng phải là một cái gì quá khác thường cho đất Quảng Nam như lâu nay người dân ở đó vẫn tự huyễn hoặc.

Tôn trọng sự thật, quan điểm trong sáng, việc làm cẩn thận, Trần Gia Phụng với các biên khảo của mình đang đóng góp tích cực cho các nghiên cứu chân chính của ngành sử Việt Nam.

Căn Phòng Thao Thức

tập truyện của **Trần Doãn Nho**, Thanh Văn xuất bản, 179 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ kiên lạc.

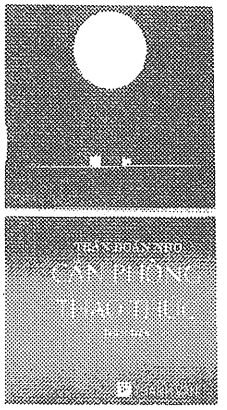

Mười hai truyện, một tùy bút, Trần Doãn Nho cho người đọc những giờ phút vô cùng thú vị. Những truyện có ghi ngày tháng sáng tác cho thấy tác giả mới viết trong khoảng hai năm trở lại đây. Cây bút ngày càng tươi trẻ một cách già dặn, suy nghĩ sâu sắc về đề tài trước khi thể hiện, và khi một truyện viết xong thì giống như một mũi tên bay cắm ngập một cách ngay ngay ngắn giữa hồng tâm. Không nghiêng ngả xô lệch.

Tác giả sau khi tù cải tạo về đã có một thời gian khá dài, đủ để quan sát xã hội Việt Nam thập niên 80. Quan sát với bản lĩnh văn nghệ già dặn và một cái tâm quân tử, nhờ thế truyện của ông bình tĩnh, trung thực, nghệ thuật cao. Ông đã diễn tả được tâm trạng trống trải của một nữ cán bộ cộng sản đã được phong anh hùng trong thời chiến tranh, gần như bị xã hội bỏ rơi, sống cô đơn trong hồi kết cuộc của một thứ vinh quang ảo, khi thời điểm chiến thắng ngày càng lùi xa vào quá khứ. Ông cũng đặt vấn đề đạo lý cho những người ở phía thua trận: lương tâm cắn rứt của một kẻ làm ăn-ten trong trại cải tạo, hoặc một người đàn ông kịp ngừng lại khi sắp chiếm đoạt được một người đàn bà đẹp, khi nhớ ra người chồng cô ta cũng là đồng đội với mình, hiện vẫn còn trong vòng lao lý. Những truyện ông viết với bối cảnh Việt Nam đáng chú ý vì đề cập đến những tình huống, nhân vật, cảnh sống đặc biệt: một Tuệ Sĩ thời còn thích ngồi quán cà phê ở đại học Huế, một Phùng Quán uống rượu và đọc thơ suốt đêm bên bờ sông Hương, các hoạt cảnh vô cùng linh động của đội quân buôn lậu với cán bộ thuế công thương nghiệp, thế giới những kẻ vô gia cư dưới gầm cầu...

Tác giả có tài thâu tóm rất nhanh tính chất những điều cần miêu tả. Ví dụ, xã hội Việt Nam sau 1975: *Thời buổi này, khó mà tin ai được, dù đó là người thân, bạn bè. Những trò lừa gạt xảy ra như cơm bữa, nên khó mà làm một người chân chính đúng nghĩa.*

Thành phố Huế trong mắt người mới về từ trại cải tạo: *Mọi nơi đều thân quen, tuyệt không có gì khác lạ, nhưng trông chỗ nào cũng vô hồn một cách đặc biệt.*

Thâu tóm cảnh "cả nước đi buôn" trong một câu: *Mua hàng, bán hàng, chuyển hàng, giựt hàng, giấu hàng...*

Thảo nào Nguyễn Xuân Hoàng đã viết như sau về cuốn sách này: *Và mặc dù cái nền trong hầu hết những truyện của anh là quá khứ, và mỗi nhân vật của anh đều nằm trong những hoàn cảnh thúc bách về chiều sâu tâm lý nhưng rõ ràng là cường độ "hiện thực" trong các sáng tác của anh đã lấn át tính "lãng mạn" một bậc...*

Nho Học Giản Dị

biên khảo của **Nhuệ Hồng**, Trung tâm Nguyễn Trường Tộ, Định Hướng Tùng Thư xuất bản, 81 trang, giá US$6.00. Liên lạc với nhà xuất bản: 13G rue de l'Ill, 67116 Reichstett, France. Tel: 0033 3 88205822.

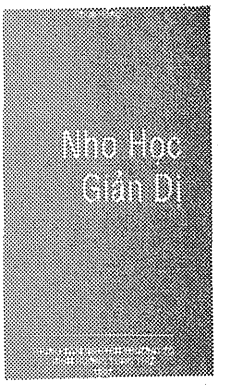

Số trang khiêm tốn đã nói lên sự giản dị của cuốn sách. Nho học, một nền triết học xưa của Trung Quốc, đã từng được trình bày trong hàng ngàn trang sách, nay tinh giản trong chưa tới một trăm trang. Tác giả trích câu Kinh Dịch: *Giản dị là cái lý của trời đất*, và cho rằng "đạo Nho đi từ giản dị đến phức tạp, từ số một đến số nhiều," để từ đó khởi giảng một cách ngắn gọn những khái niệm căn bản nhất, như Thái cực, Âm, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành. Sau đó là những đoạn văn rất ngắn nói về các sách Đại học, Luận ngữ, Trung dung, kể một số câu chuyện để minh chứng một số quan niệm về chính trị xã hội của Nho giáo v.v... cho người đọc thấy rằng tinh thần Nho giáo không khác xa lắm với tinh thần dân chủ của Tây phương trong thời đại

ngày nay.

Có lẽ giản dị là phương pháp tốt nhất để đưa các khái niệm trừu tượng đến với người đọc, vốn phần đông bây giờ không có nhiều thì giờ để nghiền ngẫm những bộ sách dày hàng ngàn trang. Giản dị mà vẫn trình bày được điều tinh túy, đấy là cái khó. Bạn đọc muốn tìm hiểu Nho giáo thì có thể bắt đầu bằng Nho Học Giản Dị, đó sẽ là một bước mở đầu nhiều tin cậy.

Thực Phẩm Rau Đậu Qua Lăng Kính Khoa Học

biên khảo của Tâm Diệu, Văn Nghệ xuất bản, 237 trang, giá US$12.00, ngoài nước Mỹ $14.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Việc ăn chay, hoặc ăn 'thực phẩm rau đậu' là một việc rất xưa, nhưng sự tiến triển của khoa học thì luôn luôn mới lạ với các khám phá không ngừng của nó. Tác giả Tâm Diệu đã chứng minh, với chứng cứ những nghiên cứu khoa học, rằng ăn chay hoàn toàn đầy đủ chất bổ dưỡng và tạo nên được sức mạnh thể chất. Bác sĩ Trần Tiến Huyến đã giới thiệu công trình của tác giả Tâm Diệu như sau:

Soạn giả Tâm Diệu đã ra công nghiên cứu, thực nghiệm và biên soạn công phu tập sách "Thực Phẩm Rau Đậu Qua Lăng Kính Khoa Học" để cống hiến độc giả Việt Nam một tài liệu ngắn gọn và đầy đủ các thông tin hiện đại mới nhất về vấn đề này. Quyển sách đề cập đến ăn thực phẩm rau đậu như là một lối sống bảo vệ thân tâm, gìn giữ môi sinh và hòa bình thế giới. Soạn giả đã phân tích một cách khoa học, có luận cứ rõ rệt, và chỉ rõ ăn thực phẩm rau đậu không những đầy đủ chất bổ dưỡng, mà còn phù hợp với thiên nhiên và cấu trúc cơ thể con người.

Tác giả cho rằng ăn thực phẩm rau đậu không chỉ nhằm mục đích có sức khỏe tốt và sống lâu, mà còn vì đó là biểu tượng cho nền văn minh cao của nhân loại, trong đó không có sự tước đoạt sự sống của các giống vật khác, và sống hài hòa với thiên nhiên. Một cuốn sách nên đọc để học một phương pháp ăn uống lành mạnh, có khả năng đem lại sự lành mạnh cho cả tinh thần và thể xác chúng ta.

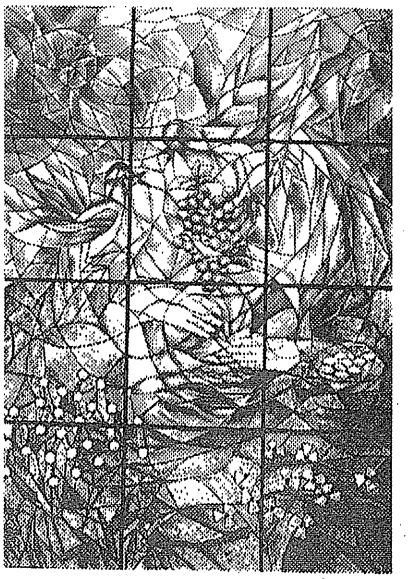

SUZIE VUONG

Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: (714) 558-8218
Pager: (714) 967-7571
Fax: (714) 444-1082
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ

SUZIE VUONG

Thu Vàng

Tối Thứ Bảy 6 tháng 12, 1997

Tiếp tân từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến 10 tháng 01, 1998

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

BÁN TRANH ORIGINALS &
LIMITED EDITIONS

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

Bp: (714) 218-6262

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*	* *Lột da mặt*	* *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da*	* *Xâm Thẩm Mỹ*	* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*		

* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ

ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

- *Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.*
- *Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.*
- *Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.*

Người xưa nói: "Sống cái nhà, già cái mồ," phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu tầm long", sao cho "mồ" nhằm huyệt kết để con cháu phát đạt, phú quí. Huyệt kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều từng long hổ mới thành đại huyệt quí. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hủ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

"Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý Thái Tổ mới dời đô ra Thăng Long. Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm mới chỉ cho Nguyễn Hoàng: "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân."

Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mãi và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù dồi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp THIÊN CƠ trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, ... từ **$100** đến **$200**
* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp
* Cố vấn địa lý ở xa bằng máy Fax **$30**
* Tại Việt Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây mả cho hợp với thế đất **$430**

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. So tuổi vợ chồng tốt xấu. Cẩm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yểu và năm lâm chung (nếu muốn)

1.- Đã đoán trước cho Chuẩn tướng **LƯU KIM CƯƠNG** (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có

"Tướng quân ngộ Triệt trước miền
Ra đi gặp giặc mình liền tan thây!"

Sau Chuẩn Tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân Sơn Nhất, trong biến cố Tết Mậu Thân.

2.- Đã đoán cho ông **NGUYỄN VĂN BÔNG** (Viện trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan Thanh Giản Sàigòn.

3.- Đã lưu ý **Đại tá BẦU** về chức vụ phụ tá quốc phòng của Trung Tướng Trần Văn Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đắc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4.- Đã tiên đoán cho **Đại Tướng DƯƠNG VĂN MINH** với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5.- Đã được ông **Tổng Giám Đốc Ngân Hàng VNCT** khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây phương.

6.- Đã được **Đạo trưởng Cao Đài ĐỖ VẠN LÝ** khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng" (qua Tử vi của Giáo sư Lê Như Lễ, đại học UCLA).

7.- Tại Sàigòn năm 1982, **Luật sư NGUYỄN HỮU DOÃN** nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm!" Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm! Thế rồi họ xuống Cà Mau. Cô bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT: (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dũng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN THỊ CÁT TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại học Y khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8.- Năm 1986, **Thiếu tá QUÁCH NGỌC LÂM** (Thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không? Tôi cam kết: "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công!" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT: (714) 897-8223.

9.- Vừa đầy tháng Phương Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán: "Tuổi Đinh Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt

8742 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-3429
Fax: (714) 891-4584

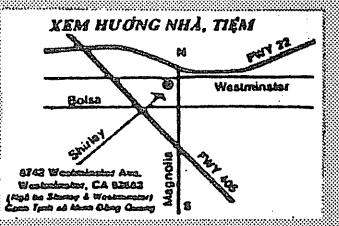

sinh chào ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt." Gia đình Phương Uyên vượt biên năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHẢI HUỲNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất Oakland, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10.- Ở Việt Nam tôi đã cam kết với **QUỲNH DAO** 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Đao cười: "Chồng ở mô mà sắn rứa?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trênể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gởi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 588-9401.

11.- **ĐH KHANH** và **ĐT KHOA** được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sàigòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù rày..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chỉ số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Thời đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã Lai năm 1978. Hay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại đại học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng đại học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12.- Năm 1977, đoán cho **ĐỖ T.H. THANH** "Số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở đại học Cal State Fullerton đúng với "*năng khiếu*" tôi đã đoán 14 năm trước.

" Và hằng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIỂU

- Chấm giảng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn) **$30**
(Kèm tờ số Tử Vi chấm bằng computer và một cuốn băng cassette thu lời giải đoán trọn đời)
- Trọ lấm năm tháng sinh trai gái theo ý muốn: **$5**
- Coi ngày cưới hỏi khai trương **$5**
- Giải Tử Vi gấp cho người ở xa **$42**

Thân chủ ở xa gởi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim đề tên Phạm Đình Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gởi đến tận nhà một lá số tử vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gởi 532 phải đăng kỳ vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Ba - Thứ Sáu: Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối
Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ: Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối.
(Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dắt theo trẻ em.)

ĐI LUẬN TẠI HOA KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp thụ nhanh chừng ấy và sự suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM ĐÌNH MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp đại học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng Nam. PĐM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng."

Ký giả TRẦN TỬ CƠ
Báo NÀNG CALI số 151
(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử vi đẩu số và thầy địa lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM ĐÌNH MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rủi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM ĐÌNH MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cớ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi đẩu số."

Ký giả NGUYÊN HÀ
Westminster, CA (714) 539-0319

"Ở Việt Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông."

Cụ LÊ THÚY, 83 tuổi
(Sinh năm Mậu Thân 1908)
11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

*** QUÀ:**

- Cưới **- Sinh Nhật**
- Thôi Nôi **- Đầy Tháng**

đem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM ĐÌNH MAI, được gởi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông Thiên Cơ PHẠM ĐÌNH MAI

mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- Cựu học sinh dệ nhất C, Phan Chu Trinh Đà Nẵng 1966.
- Cố vấn thương mại (bằng Tử Vi) cho thương gia Chợ Lớn từ 1968.
- Cử Nhân Luật Khoa Saigon 1970.
- Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- Tốt nghiệp Thủ khoa Trung Tâm Huấn Luyện Chuyên Môn Ngân Hàng SG, 1973.
- Học viên khóa Chuyên Viên Thị Trường Chứng Khoán Việt Nam 1974.
- Phó hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái Lan 1987.
- Assistant Teacher/International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quí vị đến gặp **Thiên Cơ** *để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.*

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

DALAT LANDSCAPING

Design & Maintenance
Lic. # 699783

P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115
Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ
CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS
ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chon
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

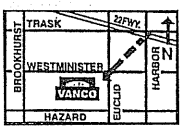

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Từ điển điện tử thế hệ thứ năm

EV-98

Anh-Việt, Việt-Anh, Anh-Anh

và 10 bộ chuyên ngành bách khoa

13 bộ từ điển trong một máy

MỚI NHẤT

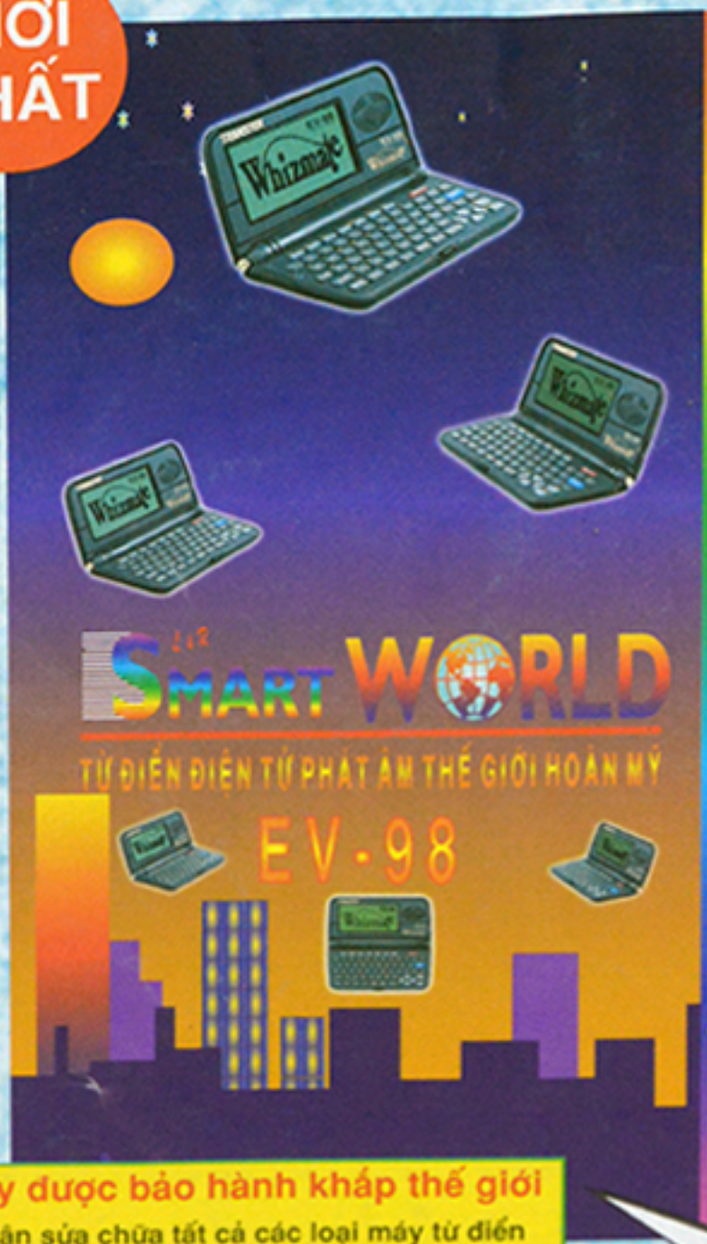

*** ƯU ĐIỂM ĐẶC BIỆT:**

- 1 đại từ điển phổ thông: tổng hợp căn bản cùng 10 cuốn bách khoa chuyên ngành, trên 600,000 từ
- 3 từ điển căn bản

Anh-Anh : tiêu chuẩn người Mỹ
Anh-Việt : trên 150,000 từ
Việt-Anh : tăng cường và hiệu chỉnh trên 100,000 từ

- 10 bộ chuyên ngành bách khoa

Mỗi bộ là cuốn từ điển hoàn chỉnh 20,000-80,000 từ.

Tóc
Móng Tay
Toán Học
Y Khoa
Tin Học
Kinh Tế Thương Mại
Du Lịch
Pháp Luật
Vật Lý
Kiến Trúc

- Luyện thi đặc biệt:

Tóc và Móng Tay: đủ cả hai phần
Nhập Tịch: có phần rút gọn cho tuổi già và diện đặc biệt

- Văn phòng & tư liệu:

Hiện lên màn ảnh đủ các danh mục điện thoại, số hẹn, ngày đáng nhớ

- Phát âm:

Trên toàn bộ từ và câu tiếng Anh
Phát âm giọng Mỹ tiêu chuẩn Đại Học Berkeley.

Máy được bảo hành khắp thế giới
Nhận sửa chữa tất cả các loại máy từ điển

$279.00 + tax
Giá chính thức
$349 + tax

Tổng Đại Lý:

SMART WORLD

8450 E. VALLEY BLVD. # 116,
ROSEMEAD, CA 91770
TEL: (626) 280-3313 FAX: (626) 280-3778
TOLL FREE: 1-888- 280-1289

Đã có bán khắp nơi